

PHƯƠNG TIỆN PHỤC VỤ ĐÀO TẠO

- Phiếu DT mẫu khổ A0 trắng nhựa;
- Mẫu “Sơ đồ ĐBĐT”, khổ A0 trắng nhựa;
- Mẫu “Bảng kê số nhà, số hộ, số người”, khổ A0 trắng nhựa;
- “Quy trình phỏng vấn xác định nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ”, khổ A0;
- “Bảng đối chiếu năm âm lịch và năm dương lịch”, khổ A0;
- “Bảng chuyển đổi trình độ văn hóa phổ thông”, khổ A0;
- Bài tập về xác định nhân khẩu thực tế thường trú;
- Bài kiểm tra cuối khóa;
- Bài giảng được chuẩn bị dạng PowerPoint dùng cho giảng viên cấp trung ương, cấp tỉnh, và cấp huyện (nếu có điều kiện);
- Đối với cấp huyện: *Bảng mã các huyện/quận thuộc tỉnh (phục vụ ghi mã di cư) và các xã/thị trấn/phường thuộc huyện/quận để cấp tới ĐTV.*

PHẦN I

PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY TÍCH CỰC

PHẦN I: PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY TÍCH CỰC

Công tác đào tạo đóng vai trò quan trọng đối với sự thành công của cuộc Tổng điều tra dân số (TĐTDS) và nhà ở 2009. Trong công tác đào tạo, thì giảng viên với phương pháp giảng dạy tốt có ý nghĩa quyết định đối với chất lượng các khóa đào tạo.

Giảng dạy cần một kỹ năng, để có những kỹ năng này, chúng tôi xin giới thiệu với các anh chị một số kinh nghiệm đã được đúc kết để giúp chúng ta nâng cao chất lượng các khóa đào tạo trong Tổng điều tra dân số và nhà ở 2009 (TĐT 2009).

1. SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY TÍCH CỰC

1. Sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực

HỎI: Các anh chị hãy cho biết phương pháp giảng dạy tích cực là gì? tại sao chúng ta phải sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực để đào tạo điều tra viên, mời anh/chị ...?

- Dành một khoảng thời gian thích hợp để học viên suy nghĩ
- Gọi 1 học viên trả lời và giảng viên ghi tóm tắt câu trả lời của học viên lên bảng
- Đề nghị (hoặc gọi) các học viên khác góp ý, bổ sung và giảng viên ghi tóm tắt những bổ sung đó lên bảng
- Giảng viên tóm tắt những ý kiến của học viên và trả lời theo đáp án

TRẢ LỜI: Phương pháp giảng dạy tích cực là giảng viên và học viên cùng tham gia xây dựng bài giảng.

Chúng ta phải sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực vì:

- Các lớp đào tạo thường là ngắn hạn nhưng lượng kiến thức lớn, đòi hỏi học viên phải nắm được ngay nội dung để ứng dụng trong thực tế công tác Tổng điều tra (TĐT).
- Học viên được tuyển chọn để đào tạo hầu hết là những người đã có tuổi, bận nhiều việc, nên có rất ít thời gian dành cho việc ôn lại bài trong thời gian dự tập huấn cũng như sau khi về nhà.
- Phương pháp giảng dạy tích cực giúp học viên động não, khuyến khích sự tham gia của họ với giảng viên. Chính vì vậy mà học viên có thể hiểu bài ngay trên lớp. Sau khóa đào tạo, học viên có thể ứng dụng ngay các kiến thức đã học trong khi thực thi nhiệm vụ của mình.

2. ĐẶC ĐIỂM CỦA CÁC PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY TÍCH CỰC

2. Đặc điểm của các phương pháp giảng dạy tích cực

Phương pháp giảng dạy tích cực có các đặc điểm sau:

- Thu hút học viên cùng tham gia vào quá trình giảng dạy;
- Tăng cường mối quan hệ tương tác giữa giảng viên với học viên, và giữa các học viên với nhau;
- Phương pháp giảng dạy tích cực đòi hỏi học viên phải chủ động nghiên cứu trước tài liệu, động não, chia sẻ kiến thức cũng như kinh nghiệm của mình;

- Tạo không khí vui vẻ, hứng thú, không nhàm chán trong quá trình học tập; và
- Sử dụng các thiết bị hỗ trợ và các bài tập thực hành.

3. Các phương pháp giảng dạy tích cực có thể sử dụng

3. CÁC PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY TÍCH CỰC CÓ THỂ SỬ DỤNG

HỎI: Các anh chị hãy cho biết, có những phương pháp giảng dạy tích cực nào chúng ta có thể sử dụng trong quá trình đào tạo điều tra viên, mời anh/chị ...?

- Dành một khoảng thời gian thích hợp để học viên suy nghĩ
- Gọi 1 học viên trả lời và giảng viên ghi tóm tắt câu trả lời của học viên lên bảng
- Đề nghị (hoặc gọi) các học viên khác góp ý, bổ sung và giảng viên ghi tóm tắt những bổ sung đó lên bảng
- Giảng viên tóm tắt những ý kiến của học viên và trả lời theo đáp án

TRẢ LỜI: Trong các lớp đào tạo điều tra viên, giảng viên có thể sử dụng kết hợp các phương pháp giảng dạy tích cực sau:

- *Nêu các tình huống để học viên suy nghĩ và đưa ra giải pháp xử lý. Khuyến khích học viên đưa ra các tình huống thường xảy ra ở địa phương mình mà học viên thường mắc lỗi trong khi thực thi nhiệm vụ;*
- *Thảo luận nhóm theo các chủ đề về nhân khẩu thực tế thường trú;*
- *Thực hành đóng kịch trên lớp theo các nhóm câu hỏi và toàn bộ phiếu điều tra;*
- *Thực hành phỏng vấn ghi phiếu tại địa bàn theo nhóm.*

4. Yêu cầu đối với giảng viên khi tiến hành khóa đào tạo điều tra viên

4. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GIẢNG VIÊN KHI TIẾN HÀNH KHÓA ĐÀO TẠO ĐIỀU TRA VIÊN

Yêu cầu thứ nhất: Chuẩn bị kỹ bài giảng.

Viết lên bảng: “Chuẩn bị kỹ bài giảng”

Chuẩn bị kỹ bài giảng là rất cần thiết để mỗi giảng viên tự tin trong truyền đạt nội dung bài giảng. Để chuẩn bị được một bài giảng tốt, các anh chị phải:

- Nắm vững nghiệp vụ điều tra ghi phiếu. Cụ thể là nắm vững nội dung cuốn tài liệu “Sổ tay điều tra viên địa bàn mẫu” dùng cho điều tra viên các địa bàn mẫu và “Sổ tay đào tạo điều tra viên địa bàn mẫu” dùng cho giảng viên điều tra mẫu các cấp
- Sử dụng thành thạo các phương tiện, tài liệu minh họa trong quá trình giảng dạy và trong thực hành
- Nắm vững các đặc điểm về phong tục, tập quán, ngôn ngữ của địa phương và trình độ của học viên để đưa ra các bài tập và hướng dẫn phù hợp

- Dự kiến trước những vướng mắc học viên thường gặp hoặc các câu hỏi mà học viên có thể đưa ra trong quá trình đào tạo để đưa ra những đáp án thống nhất. Trong một số trường hợp, nên bàn bạc với tổ giảng viên hoặc các giảng viên cấp cao hơn để có đáp án trước khi lên lớp
- Soạn lại bài giảng để nhập tâm, lấy thêm những ví dụ, bài tập phù hợp với tình hình của địa phương, thực hành đọc to hướng dẫn đào tạo. Các anh chị có thể thực hành trước gương cho đến khi trôi chảy.

Yêu cầu thứ hai: Chuẩn bị đầy đủ các phương tiện và tài liệu phục vụ bài giảng.

Viết lên bảng: “Chuẩn bị đầy đủ các phương tiện và tài liệu phục vụ bài giảng”

Trong khóa đào tạo, các anh chị thường phải sử dụng các phương tiện, tài liệu trợ giúp (được liệt kê ở trang vii của cuốn tài liệu này). Những phương tiện, tài liệu này cần được chuẩn bị đầy đủ trước cho mỗi ngày lên lớp.

- Giới thiệu các loại phương tiện, tài liệu phục vụ giảng dạy được in ở trang vii
- Giải thích rõ những gì được cấp, những gì tổ giảng viên phải chuẩn bị và chuẩn bị như thế nào

Yêu cầu thứ ba: Thực hiện nghiêm túc nội dung và chương trình đào tạo.

Viết lên bảng: “Thực hiện nghiêm túc nội dung và chương trình đào tạo”

Trên cơ sở thực tế của các lớp đào tạo điều tra viên ở các tỉnh điều tra tổng duyệt, Ban chỉ đạo (BCĐ) TĐTDS và nhà ở Trung ương đã xây dựng chương trình đào tạo chuẩn cho các khóa đào tạo của cấp tỉnh và cấp huyện và được in ở phần Phụ lục 1 của cuốn tài liệu “Sổ tay đào tạo điều tra viên địa bàn mẫu”.

Các anh chị phải thực hiện nghiêm túc nội dung và chương trình đào tạo đó, không được tùy tiện thay đổi.

Trong một số trường hợp cần thiết, giảng viên có thể điều chỉnh thời gian giữa các tiết học cho phù hợp với trình độ tiếp thu của học viên. Tuy nhiên, không nên thay đổi quá nhiều.

Trường hợp bị chày giáo án (không theo đúng tiến độ chương trình), các anh chị nên đề nghị học viên cho phép kéo dài thêm giờ vào cuối giờ buổi chiều, hoặc có thể rút ngắn thời gian nghỉ trưa.

Thực hiện đúng giờ lên lớp và thời gian nghỉ giữa giờ để bảo đảm các nội dung bài giảng được thực hiện đầy đủ.

Yêu cầu thứ tư: Bao quát lớp và trình bày rõ ràng, mạch lạc.

Viết lên bảng: “Bao quát lớp và trình bày rõ ràng, mạch lạc”

Giảng viên tránh chỉ nhìn vào tài liệu để đọc mà thiếu bao quát lớp học. Việc bao quát lớp học giúp giảng viên biết học viên có tập trung nghe giảng không? Có nói chuyện riêng và phân tán tư tưởng không? Để từ đó hướng họ tập trung vào bài giảng. Khi trình bày cần nói to, nói rõ ràng, mạch lạc, tránh nói quá nhanh hoặc quá nhỏ.

Giảng viên cần bám lớp, phát hiện những học viên tích cực để khuyến khích họ làm nhóm trưởng trong thảo luận nhóm hoặc đi thực hành ngoài thực địa. Đồng thời, nắm được số học viên học yếu, nhút nhát để giúp họ nâng cao nhận thức và mạnh dạn hơn bằng cách tăng cường hỏi bài, chỉ định đóng kịch và trả lời các câu hỏi trên lớp. Nhắc nhở các địa phương có những học viên yếu để tăng cường hỗ trợ, giúp đỡ trong khi họ thực thi công việc.

Yêu cầu thứ năm: Biết dừng cuộc thảo luận vào thời điểm thích hợp.

Viết lên bảng: “Biết dừng cuộc thảo luận vào thời điểm thích hợp”

Do hạn chế về mặt thời gian, các anh chị cần phải biết cách kết thúc các cuộc thảo luận vào thời điểm thích hợp.

Một trong những cách để giải quyết vấn đề này là, thông báo với họ thời gian của khóa đào tạo có hạn. Nói với họ rằng, nếu họ muốn tiếp tục thảo luận, các anh chị có thể đáp ứng yêu cầu của họ trong giờ nghỉ giải lao hoặc ngoài giờ lên lớp. Các anh chị cần sẵn sàng tiếp ho nếu họ thật sự quan tâm đến chủ đề mà họ muốn kéo dài cuộc thảo luận.

Tuy nhiên, cần phải bảo đảm rằng, tất cả mọi người đều hiểu những mục mà các anh chị đã trình bày trước khi chuyển sang chủ đề tiếp theo.

Yêu cầu thứ sáu: Khuyến khích sự tham gia của học viên.

Viết lên bảng: “Khuyến khích sự tham gia của học viên”

Sự tham gia của học viên là rất quan trọng, giúp cho học viên hiểu sâu hơn và nắm chắc hơn vấn đề; đồng thời làm cho lớp học sinh động, sôi nổi, tăng cường bầu không khí nhiệt tình học tập của học viên.

Để đạt được điều này, giảng viên cần đưa ra nhiều tình huống, bài tập để học viên thực hành, thay đổi hình thức tham gia của học viên. Phải thường xuyên hỏi học viên để kiểm tra xem họ có hiểu những gì mà giảng viên đã truyền đạt không. Khuyến khích học viên nêu các câu hỏi về bất kỳ điều gì mà họ không hiểu.

Yêu cầu thứ bảy: Khuyến khích sự quan tâm của học viên.

Viết lên bảng: “Khuyến khích sự quan tâm của học viên”

Đây là một phương pháp được sử dụng để tìm hiểu các học viên có hiểu bài giảng không, bằng cách cho phép họ tham gia vào quá trình đào tạo.

Cố gắng tạo một bầu không khí thân thiện, thoải mái trong lớp học. Các anh chị có thể đạt được điều này bằng cách vui vẻ, thân thiện và tỏ ra dễ tiếp cận với học viên. Tạo cảm giác thoải mái cho học viên vào mỗi một ngày lên lớp. Đừng quên mỉm cười. Tránh tỏ thái độ khó chịu hoặc dọa dẫm học viên, điều này sẽ gây khó khăn cho việc điều hành lớp và làm cho không khí lớp học trở lên căng thẳng, ảnh hưởng đến hiệu quả của khóa đào tạo.

Yêu cầu thứ tám: Sẵn sàng thừa nhận nếu không biết câu trả lời.

Viết lên bảng: “ Sẵn sàng thừa nhận nếu không biết câu trả lời”

Trong quá trình thảo luận hoặc trả lời các câu hỏi của học viên, nếu giảng viên không biết câu trả lời thì không nên cố tình né tránh học viên hay trả lời một cách vội vàng, thiếu cân nhắc. Hãy nói với học viên rằng các anh chị sẽ phải bàn bạc vấn đề này trong tổ giảng viên và sẽ trả lời sau.

Như vậy, đến đây chúng ta kết thúc phần trình bày về yêu cầu đối với giảng viên khi tiến hành khóa đào tạo điều tra viên địa bàn mẫu mà các anh chị phải nghiên cứu, xem xét khi tiến hành khóa đào tạo. Chúng tôi hy vọng rằng, chúng sẽ hữu ích khi các anh chị ứng dụng cho các khóa đào tạo trong cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở 2009.

Các anh chị không cần học thuộc lòng những hướng dẫn này, nhưng cần vận dụng thành thực trong thực tế khi tiến hành đào tạo, không chỉ cho cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở 2009, mà còn cho bất kỳ cuộc điều tra nào trong tương lai mà các anh chị được cử làm giảng viên.

Có ai còn hỏi gì không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Thành công của cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở 2009 sắp tới phụ thuộc rất nhiều vào hiệu quả của việc đào tạo điều tra viên của các anh chị.

Chúng tôi hy vọng rằng các anh chị sẽ tiến hành công việc của mình đạt hiệu quả cao nhất.

PHẦN II HƯỚNG DẪN ĐÀO TẠO

Giới thiệu

GIỚI THIỆU

1. Mở đầu

Chào các anh/chị. Hôm nay các anh chị có mặt ở đây là để tham dự khóa đào tạo 8 ngày để trở thành các điều tra viên và tổ trưởng điều tra các địa bàn điều tra mẫu, Tổng điều tra dân số và nhà ở, sẽ được tiến hành trong cả nước vào 0 giờ, ngày 1/4/2009. Cả nước có khoảng 43000 người được đào tạo để trở thành những điều tra viên và tổ trưởng điều tra cho gần 33000 địa bàn điều tra mẫu trong cả nước. Khóa đào tạo này sẽ tập trung giới thiệu với các anh chị về vai trò, nhiệm vụ của điều tra viên, phương pháp phỏng vấn và ghi phiếu điều tra mẫu.

Chúng ta sẽ làm việc với nhau trong 8 ngày, vì thế chúng ta nên biết về nhau.

- Tự giới thiệu bản thân và những người tham gia trong tổ giảng viên và ban tổ chức lớp học
- Chỉ định một người tự giới thiệu đầu tiên, sau đó lần lượt từng học viên tự giới thiệu về bản thân

Đối với các lớp đào tạo điều tra viên, hỏi để **nắm được**:

- Số người đã từng tham gia các cuộc điều tra dân số (tổng điều tra dân số, điều tra biến động dân số hàng năm);
- Số người đã từng tham gia các cuộc điều tra thống kê khác.

2. Các tài liệu cung cấp cho điều tra viên

Vì chúng ta cùng làm việc với nhau, hy vọng rằng trong quá trình làm việc, chúng ta sẽ quen thuộc nhau nhiều hơn.

Xin các anh chị kiểm tra trong cặp tài liệu nhận được từ ban tổ chức xem đã có đủ vở, *bút bi mực đen, băng xóa, phiếu điều tra mẫu, sổ tay điều tra viên địa bàn mẫu chưa?*

Chúng ta sẽ sử dụng cuốn “Sổ tay điều tra viên địa bàn mẫu” (từ nay gọi tắt là “Sổ tay điều tra viên”) trong suốt khóa đào tạo này. Cuốn “Sổ tay điều tra viên” đưa ra những khái niệm và các hướng dẫn để các anh chị có thể xác định được phải phỏng vấn ghi phiếu những ai trong phạm vi ranh giới địa bàn điều tra được phân công; phương pháp phỏng vấn và ghi phiếu từng câu hỏi trong phiếu điều tra. “Sổ tay điều tra viên” chính là người hướng dẫn các anh chị trong suốt thời gian tiến hành điều tra, ghi phiếu tại địa bàn. Hãy luôn mang nó theo trong suốt thời gian thực thi nhiệm vụ của mình.

Các anh chị đã có đủ những thứ mà tôi đã nêu ở trên chưa?

Giơ cao các thứ đã cung cấp cho học viên nhìn thấy, nếu cần thiết

3. Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo sẽ chỉ ra các chủ đề mà chúng ta sẽ trao đổi trong những ngày đào tạo tiếp theo.

Chương trình của khóa đào tạo như sau (Phụ lục 1 và 1a).

Giới thiệu nội dung chương trình khóa đào tạo

- Phụ lục 1: là chương trình dùng cho các lớp đào tạo giảng viên cấp tỉnh và cấp huyện
- Phụ lục 1a: là chương trình dùng cho các lớp đào tạo điều tra viên và tổ trưởng điều tra các địa bàn điều tra mẫu

Khi giới thiệu chương trình, tập trung giải thích cách tổ chức những phần thảo luận nhóm, thực hành trên lớp và ngoài thực địa

Sau mỗi phần, chúng ta sẽ dành thời gian để trao đổi, thảo luận và thực hành trên lớp. Việc này nhằm mục đích kiểm tra xem các anh chị đã nắm được những gì.

Chúng tôi mong rằng, các anh chị sẽ tích cực tham gia vào khóa đào tạo. Nếu các anh chị có bất kỳ một câu hỏi nào về các vấn đề đã được giảng dạy, xin đừng do dự, hãy mạnh dạn hỏi để được làm sáng tỏ và để được giải thích thêm. Trong suốt khóa đào tạo, chúng tôi sẽ liên tục đưa ra các câu hỏi, và một số anh chị sẽ được gọi lên để trả lời. Các anh chị cũng sẽ được yêu cầu đọc một vài đoạn trong cuốn “Sổ tay điều tra viên”. Hy vọng các anh chị sẽ cố gắng hết mình và ứng dụng được những kiến thức đã học trong khi thực thi nhiệm vụ của mình.

Để bảo đảm rằng, các anh chị đã hiểu điều gì mà chúng tôi đã trình bày, việc làm bài tập cuối khóa và thực hành phỏng vấn ghi phiếu ngoài thực địa sẽ được tiến hành vào những buổi cuối cùng của khóa đào tạo, để mỗi người có được những kinh nghiệm đầu tiên về các kỹ thuật phỏng vấn ghi phiếu.

4. Giới thiệu cuốn “Sổ tay điều tra viên địa bàn mẫu”

Một trong những tài liệu quan trọng mà các anh chị được cung cấp là cuốn “Sổ tay điều tra viên địa bàn mẫu”. Trong suốt thời gian thực thi nhiệm vụ, cuốn tài liệu này sẽ là cẩm nang của các anh chị.

Xin các anh chị mở phần “Mục lục” của cuốn tài liệu ra

Dành thời gian để học viên mở “Sổ tay điều tra viên, trang vii “Mục lục”.

Bây giờ tôi xin hỏi các anh chị một số vấn đề được nêu trong phần “Mục lục” của cuốn “Sổ tay điều tra viên”.

HỎI: Cuốn “Sổ tay điều tra viên địa bàn mẫu” có mấy chương, đó là những chương nào?

TRẢ LỜI: Có 4 chương và phần Phụ lục. Chương I: Mục đích, yêu cầu của cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở 2009, vai trò và nhiệm vụ của điều tra viên; Chương II: Những quy định về nghiệp vụ điều tra; Chương III: Một số quy định về phỏng vấn và hoàn thành phiếu điều tra; Chương IV: Hướng dẫn cách hỏi và ghi phiếu điều tra; và phần Phụ lục.

HỎI: Chương I nhằm giải quyết những vấn đề gì? Mời anh/chị...

TRẢ LỜI: Mục đích, yêu cầu của cuộc Tổng điều tra, vai trò và nhiệm vụ của điều tra viên.

HỎI: Ở trang nào anh/chị có thể tìm được “Đối tượng điều tra cụ thể thuộc phạm vi một địa bàn điều tra”, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: trang 12.

Những quy định sử dụng trong quá trình điều tra ghi phiếu được nói kỹ trong cuốn “Sổ tay điều tra viên”. Chúng ta sẽ tiếp tục đề cập đến trong khóa học. Để bảo đảm khóa học có hiệu quả, các anh chị cần nghiên cứu kỹ tài liệu trước khi lên lớp.

Viết lên bảng: “Nghiên cứu kỹ tài liệu trước khi lên lớp”

Các anh chị có câu hỏi nào không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Bây giờ, chúng ta sẽ cùng nhau nghiên cứu nội dung của cuốn “Sổ tay điều tra viên địa bàn mẫu”, bắt đầu từ Chương I

CHƯƠNG I MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA CUỘC TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở 2009, VAI TRÒ VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐIỀU TRA VIÊN

Trong đời sống hàng ngày, chúng ta muốn làm tốt bất cứ một công việc gì, đòi hỏi phải nắm vững 2 vấn đề: (1) Phải hiểu được: làm công việc đó nhằm mục đích gì; và (2) để đạt được mục đích đó, thì chúng ta phải làm gì và làm như thế nào. Nói một cách khác là phải nắm được nhiệm vụ của mình phải làm gì và phương pháp tiến hành để hoàn thành nhiệm vụ đó.

Các anh chị được Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở địa phương cử đến đây học tập để trở thành những điều tra viên (ĐTV) và tổ trưởng điều tra, phục vụ cho cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở 2009 (TĐT 2009). Để hoàn thành tốt nhiệm vụ mà địa phương đã giao cho, chắc các anh chị cũng muốn biết được mục đích của cuộc TĐT và nhiệm vụ của mình là phải làm gì, cũng như phải làm như thế nào để hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Lớp tập huấn này nhằm giúp các anh chị thực hiện tốt nhiệm vụ mà Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở địa phương giao cho là: tham dự khóa đào tạo để trở thành các ĐTV và tổ trưởng điều tra các địa bàn điều tra mẫu, tiến hành đếm đúng, đếm đủ số nhân khẩu thực tế thường trú tại địa bàn được phân công phụ trách, thu thập các thông tin đặc trưng cá nhân của họ, cũng như các điều kiện về nhà ở và một số phương tiện sinh hoạt của các hộ dân cư tính đến thời điểm 0 giờ ngày 1/4/2009. Như vậy, các anh chị giữ một vai trò hết sức quan trọng đối với thành công của cuộc TĐT.

Chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu mục đích, yêu cầu của cuộc TĐT và vai trò nhiệm vụ của các anh chị (các ĐTV), được nêu trong Chương I của cuốn “Sổ tay điều tra viên địa bàn mẫu”.

Viết lên bảng: “Chương I. Mục đích, yêu cầu của cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở 2009, vai trò và nhiệm vụ của ĐTV”

Trước hết, chúng ta hãy tìm hiểu việc tiến hành cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 nhằm mục đích gì?

Để làm rõ vấn đề này, mời anh/chị.... đọc mục I, trang 1.

- Viết lên bảng: “I. Mục đích, yêu cầu của cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở 2009”
- Theo dõi “Sổ tay điều tra viên”
- Giải thích

Như trên đã nói, là ĐTV, vai trò của các anh chị rất quan trọng đối với cuộc TĐT, các anh chị cần tận tâm với công việc, khéo léo khi tiếp cận với mọi người, phải biết cách thăm dò, kể cả những chi tiết nhỏ nhất và có trách nhiệm giữ kín những thông tin đã thu thập được.

Về điểm này, chúng ta sẽ nói về vai trò, nhiệm vụ của các anh chị trong cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở 2009.

Viết lên Bảng “II. Vai trò và nhiệm vụ của điều tra viên”

Cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở 2009 được tiến hành theo 3 giai đoạn: giai đoạn chuẩn bị, giai đoạn điều tra và giai đoạn kết thúc điều tra. Ở mỗi giai đoạn của cuộc TĐT, ĐTV có những vai trò và nhiệm vụ khác nhau. Chúng ta cần phải nghiên cứu để hiểu và nắm chắc những nhiệm vụ của mình ở từng giai đoạn của cuộc TĐT.

Trước hết, chúng ta nghiên cứu vai trò và nhiệm vụ của ĐTV trong giai đoạn chuẩn bị.

Mời anh/chị ... đọc mục A, trang 1 “Vai trò và nhiệm vụ của ĐTV trong giai đoạn chuẩn bị”.

- Viết lên Bảng “A. Trong giai đoạn chuẩn bị”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích từng nhiệm vụ

HỎI: Theo các anh chị, khi tham dự đào tạo nghiệp vụ điều tra, học viên phải làm gì, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Tham dự đầy đủ các buổi lên lớp cũng như thực tập tại địa bàn; chú ý nghe giảng, nghiên cứu kỹ tài liệu, liên hệ với tình hình thực tế tại địa phương, v.v...

HỎI: Để chuẩn bị ĐBĐT, ĐTV phải làm gì, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Trong thời gian 3 ngày trước thời điểm điều tra đi rà soát ĐBĐT, phải mang sơ đồ và bảng kê xuống thực địa để đối chiếu toàn bộ các ngôi nhà (có người ở và không có người ở) và những nơi không có nhà nhưng có người cư trú thường xuyên, sổ hộ có trong địa bàn, phát hiện những mâu thuẫn giữa sơ đồ, bảng kê và thực địa để điều chỉnh, bổ sung sơ đồ và bảng kê cho đúng với thực tế và theo đúng quy định.

Có ai còn hỏi gì không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Nếu không ai hỏi gì nữa, chúng ta tiếp tục chuyển sang nghiên cứu nhiệm vụ của ĐTV trong giai đoạn điều tra. Mời anh/chị ... đọc mục B, trang 2.

- Viết lên Bảng “B. Trong giai đoạn điều tra”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích từng nhiệm vụ

Có ai còn hỏi gì không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Nếu không có ai hỏi gì nữa, chúng ta sẽ chuyển sang nghiên cứu nhiệm vụ của ĐTV trong giai đoạn kết thúc điều tra.

Mời anh/chị ... đọc mục C, trang 3.

- Viết lên Bảng “C. Khi kết thúc điều tra”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích từng nhiệm vụ

HỎI: Sau khi kết thúc điều tra, phiếu sẽ được sắp xếp như thế nào trước khi bàn giao cho tổ trưởng điều tra, mời anh/chị ...?

TRẢ LỜI: Phiếu được sắp xếp theo số thứ tự hộ từ nhỏ đến lớn, góc vát (góc bị cắt) của các tập phiếu phải ở cùng một vị trí (phía trên bên phải). Đối với những hộ phải sử dụng từ 2 tập phiếu trở lên, thì để riêng từng tập theo thứ tự từ trên xuống dưới: tập thứ nhất, tập thứ hai, ... mà không được lồng các tập phiếu của cùng một hộ vào với nhau.

Nhiệm vụ của ĐTV trong giai đoạn này khá rõ ràng. Có anh chị nào còn hỏi gì nữa không?

Trả lời câu hỏi nếu có, sau đó giải thích thêm

Nếu không còn ai hỏi gì nữa, thì chúng ta chuyển sang nghiên cứu Chương II “Những quy định về nghiệp vụ điều tra”.

Viết lên bảng: “Chương II: những quy định về nghiệp vụ điều tra”

**VAI TRÒ
NHIỆM
VỤ CỦA
ĐIỀU TRA
VIÊN**

CHƯƠNG II NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ NGHIỆP VỤ ĐIỀU TRA

Để trở thành một ĐTV hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, các anh chị cần nắm chắc và tuân thủ nghiêm túc một số quy định về nghiệp vụ điều tra. Sau đây chúng ta sẽ lần lượt nghiên cứu những quy định này.

Trước hết chúng ta nghiên cứu về thời điểm điều tra.

Thời điểm
điều tra

Viết lên bảng: “I. Thời điểm điều tra”

Đề nghị các anh chị mở trang 5, sổ tay điều tra viên. Mời anh/chị... đọc phần I “Thời điểm điều tra”.

Dành thời gian để học viên đọc tài liệu

HỎI: Các anh chị hãy cho biết, cuộc TĐT sẽ được tiến hành vào thời điểm nào? điều đó có nghĩa là gì? Tại sao phải quy định thời điểm điều tra, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Cuộc Tổng điều tra sẽ được tiến hành vào lúc 0 giờ 00, ngày 1 tháng 4 năm 2009.

Điều đó có nghĩa là, trong thời gian đi điều tra, dù ĐTV đến hộ vào bất kỳ ngày, giờ nào thì cũng phải lấy mốc thời điểm 0 giờ ngày 1/4/2009 (hay 24 giờ ngày 31/3/2009) để xác định những ai là nhân khẩu thực tế thường trú của hộ để phỏng vấn ghi phiếu.

Phải quy định thời điểm điều tra vì: dân số luôn biến động (luôn luôn có người mới sinh ra, có người chết đi, có người đang di chuyển từ nơi này đến nơi khác, v.v...), nếu không quy định thời điểm điều tra sẽ dẫn đến điều tra trùng hay bỏ sót dân số.

HỎI: Hộ ông A, lâu nay vẫn có 4 người ăn ở thường xuyên. Ngày 1/4/2009 ông A cưới vợ cho con trai và cô con dâu về ở hẳn nhà ông A ngay từ hôm đó. Ngày 4/4/2009 ĐTV đến hộ ông A để phỏng vấn ghi phiếu. Vậy hộ ông A sẽ có mấy người được phỏng vấn ghi phiếu trong cuộc TĐT, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: 4 người. Chị con dâu không được phỏng vấn ghi phiếu ở hộ ông A mà phải được phỏng vấn ghi phiếu ở nơi thực tế thường trú cũ trước khi chuyển về nhà chồng (hộ ông A). Vì tại thời điểm điều tra (0 giờ ngày 1/4/2009), chị con dâu đó vẫn chưa chuyển đến ăn ở tại hộ ông A.

Có ai còn hỏi gì không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Nếu không có ai hỏi nữa thì chúng ta chuyển sang nghiên cứu quy định tiếp theo trong Tổng điều tra, đó là “Thời gian điều tra”.

Mời anh/chị... đọc mục II, trang 5 “Thời gian điều tra”.

- Viết lên bảng: “II. Thời gian điều tra”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên

HỎI: Thời gian điều tra được quy định trong khoảng thời gian nào, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Thời gian điều tra trong cả nước được quy định thống nhất từ 7 giờ sáng, ngày 1/4/2009 và kết thúc chậm nhất vào cuối ngày 20/4/2009.

Tùy theo số hộ của địa bàn điều tra và định mức điều tra cho từng khu vực mà thời gian điều tra của từng địa bàn có thể khác nhau.

HỎI: Anh chị cho biết vì sao phải quy định thời gian điều tra, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Vì chúng ta không thể tiến hành phỏng vấn tất cả mọi người dân của tất cả các địa bàn vào cùng 1 thời điểm 0 giờ ngày 1/4/2009, và cũng không thể gọi người dân dậy vào lúc nửa đêm để tiến hành phỏng vấn. Nhưng chúng ta cũng không thể kéo dài thời gian điều tra, vì như thế sẽ ảnh hưởng đến tiến độ của các công việc khác (nghiệm thu và bàn giao phiếu, ghi mã và nhập tin, v.v...).

Có ai còn hỏi gì không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Tiếp theo, chúng ta sẽ nghiên cứu quy định về phương pháp thu thập thông tin trong TĐT.

Mời anh/chị.... đọc mục III, trang 5 “Phương pháp thu thập thông tin”.

- Viết lên bảng: “III. Phương pháp thu thập thông tin”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên

HỎI: Phương pháp thu thập thông tin trong TĐT là “phỏng vấn trực tiếp”. Vậy, các anh chị hiểu thế nào là “phỏng vấn trực tiếp”, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Phỏng vấn trực tiếp có nghĩa là phải gặp trực tiếp người cung cấp thông tin (chủ hộ hoặc người đại diện của hộ) để hỏi và ghi các thông tin vào phiếu điều tra. Đối với những câu hỏi về lao động việc làm và lịch sử sinh đẻ của những phụ nữ từ 15 đến 49 tuổi, thì ĐTV cần gặp trực tiếp ĐTĐT để phỏng vấn và ghi phiếu.

HỎI: Đối với những hộ chỉ có các cháu nhỏ, không có khả năng cung cấp thông tin và những hộ đi vắng cả hộ trong suốt thời gian điều tra, thì làm sao có thể phỏng vấn trực tiếp, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Đối với những trường hợp đặc biệt này, chúng ta được phép phỏng vấn gián tiếp qua người thân của họ, những người có trách nhiệm ở địa phương, hoặc tham khảo các loại giấy tờ để ghi phiếu.

Có ai hỏi gì đối với phần này không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Chúng ta tiếp tục nghiên cứu một quy định tiếp theo, đó là đối tượng điều tra.

Mời anh/chị..... đọc mục IV, trang 6 “Đối tượng điều tra”.

Đối tượng
điều tra

- Viết lên bảng: “IV. Đối tượng điều tra”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích

Có ai còn chưa rõ đối tượng điều tra không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Bây giờ, chúng ta chuyển sang nghiên cứu quy định tiếp theo trong TĐT, đó là đơn vị điều tra.

Mời anh/chị.... đọc mục V, trang 6 “Đơn vị điều tra”.

Đơn vị
điều tra

- Viết lên bảng: “V. Đơn vị điều tra”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên

HỎI: Anh/chị hãy giải thích thế nào là hộ, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Hộ là 1 người ở riêng hay một nhóm người ở chung và ăn chung. Đối với những hộ có từ 2 người trở lên, thì giữa họ có thể có hoặc không có quỹ thu, chi chung; có thể có hoặc không có mối quan hệ hôn nhân, ruột thịt hoặc nuôi dưỡng.

HỎI: Như vậy, theo anh chị, để xếp những người vào cùng 1 hộ thì cần phải có những điều kiện gì, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Giữa họ phải có đủ 2 điều kiện là ăn chung và ở chung.

- Viết lên bảng: “Hai điều kiện để xếp những người vào 1 hộ:
- Ăn chung
 - Ở chung

HỎI: Ngoài hai điều kiện nêu trên, có cần phải có điều kiện gì nữa không, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Không.

Như vậy, trong một ngôi nhà, căn hộ có thể có một hoặc trên một hộ cùng cư trú.

CÂU HỎI: Anh chị có coi 1 người sống một mình là một hộ không, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Có, người đó sẽ là thành viên duy nhất của hộ (hộ độc thân).

HỎI: Một hộ có nhất thiết phải gồm những người có quan hệ ruột thịt hoặc họ hàng với nhau không, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Không cần thiết.

HỎI: Giả sử có 2 anh em ruột cùng sống chung trong 1 ngôi nhà nhưng ăn riêng, vậy họ là mấy hộ, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: 2 hộ, nhưng nếu họ ăn chung thì sẽ được tính là 1 hộ.

HỎI: Giả sử một sinh viên sống trong cùng một ngôi nhà với những người có họ hàng nhưng không ăn chung. Theo các anh chị thì trong ngôi nhà đó có mấy hộ cư trú, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Có 2 hộ, vì không đủ 2 điều kiện là ăn chung và ở chung.

HỎI: Có 2 nhóm người ăn chung nhưng ngủ riêng ở hai ngôi nhà khác nhau thì được xếp vào mấy hộ, mời anh/chị ...?

TRẢ LỜI: 2 hộ.

Chú ý: Đối với những trẻ em còn phụ thuộc kinh tế vào bố mẹ nhưng lại ngủ ở ngôi nhà hoặc căn hộ gần đó cho tiện, thì quy ước tính số trẻ em này là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ bố mẹ chúng.

Có anh chị nào còn hỏi gì không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Chúng ta tiếp tục nghiên cứu một khái niệm tiếp theo được sử dụng trong cuộc TĐT, đó là “Đơn vị nhà ở, nơi ở”

Mời anh/chị..... đọc mục VI, trang 7.

Đơn vị nhà ở, nơi ở

- Viết lên bảng: “VI. Đơn vị nhà ở, nơi ở”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích cách xác định đơn vị nhà ở

HỎI: Nếu một người phải đi qua khu sinh hoạt của một gia đình để vào phòng mình thì phòng của anh ta có được coi là một đơn vị nhà ở hay không, tại sao, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Không, vì không có lối đi trực tiếp dẫn vào phòng.

HỎI: Nếu người đó sử dụng lối đi riêng để vào phòng thì căn phòng đó có được tính là một đơn vị nhà ở không, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Có.

Có anh chị nào còn có ý kiến gì về khái niệm và cách xác định đơn vị nhà ở, nơi ở không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

**Nhân khẩu
thực tế
thường trú
tại hộ**

Nếu không ai hỏi gì nữa thì chúng ta chuyển sang nghiên cứu một khái niệm tiếp theo. Đó là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ.

Viết lên bảng: “VII. Nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ”.

Trước hết, chúng ta cần tìm hiểu về khái niệm nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ.

Mời anh/chị.... đọc điểm 1, mục VII, trang 8.

Viết lên bảng: “1. Nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ”
Theo dõi Sổ tay điều tra viên

Theo khái niệm trên, nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ bao gồm:

- Những người thực tế vẫn thường xuyên ăn ở tại hộ tính đến thời điểm TĐT đã được 6 tháng trở lên;
- Những người mới chuyển đến ở ổn định tại hộ kể cả trẻ em mới sinh trước thời điểm điều tra.

Những người được tính ở trên không phân biệt họ đã hay chưa được đăng ký hộ khẩu thường trú.

Được tính là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ còn có những người “tạm vắng”, nhưng không bao gồm những người “tạm trú”.

Chúng ta sẽ lần lượt nghiên cứu từng nội dung trên.

Đầu tiên, chúng ta tìm hiểu những ai được tính là vẫn thường xuyên ăn ở tại hộ tính đến thời điểm TĐT đã được 6 tháng trở lên.

Mời anh/chị.... đọc điểm a, trang 8.

- Viết lên bảng: “a. Những người vẫn thường xuyên ăn ở tại hộ tính đến thời điểm điều tra đã được 6 tháng trở lên”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích từng nội dung

Tiếp theo, chúng ta xét xem những ai được tính là những người mới chuyển đến ở ổn định tại hộ tính đến thời điểm TĐT.

Mời anh/chị.... đọc điểm b, trang 8.

- Viết lên bảng: “b. Những người mới chuyển đến ở ổn định tại hộ tính đến thời điểm điều tra, kể cả trẻ em mới sinh trước ngày 1/4/2009”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích từng nội dung

Tiếp theo, chúng ta xét xem những người rời hộ đi làm ăn ở nơi khác thì họ được điều tra ghi phiếu ở đâu.

Mời anh/chị.... đọc điểm c, trang 8.

- Viết lên bảng: “c. Đối với những người rời hộ đi làm ăn ở nơi khác”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích từng nội dung

Tiếp theo, chúng ta xét xem những ai trong số những người đi vắng được tính là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ.

Mời anh/chị.... đọc điểm d, trang 9.

- Viết lên bảng: “d. Những người tạm vắng”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích từng nội dung

Chúng ta có một số tình huống. Hãy cho biết những người sau đây được tính hay không được tính là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ.

HỎI: Sau khi cưới, chị Hồng chuyển về ở hẳn nhà chồng (chủ hộ là ông Hòa) từ ngày 25/3/2009 nhưng hộ khẩu vẫn để ở nhà mẹ đẻ. Vậy chị Hồng có được tính là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ ông Hòa không, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Có, vì ở đây chúng ta chỉ tính những người thực tế thường trú tại hộ mà không quan tâm đến việc người đó đã được đăng ký hộ khẩu thường trú ở hộ đó hay không.

HỎI: Anh Chiến chồng chị Lan là sĩ quan quân đội nhân dân làm ở huyện đội. Hàng ngày, anh Chiến vẫn về ăn ngủ cùng với vợ con. Vậy anh Chiến có được tính là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ chị Lan không, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Không, vì anh Chiến thuộc Bộ Quốc phòng quản lý, nên sẽ được Bộ Quốc phòng điều tra theo kế hoạch riêng.

HỎI: Một người là xã/phường đội trưởng có được tính là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ không, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Có, vì xã/phường đội trưởng là người do chủ tịch ủy ban nhân dân xã/phường đề cử và đề nghị huyện đội ra quyết định công nhận, và có thể thay đổi qua thời gian, họ không có quân hàm, quân hiệu. Bản thân họ không thuộc ngành quân đội quản lý và trả lương, nên không thuộc đối tượng do ngành quân đội điều tra theo kế hoạch riêng.

HỎI: Một người là trưởng công an xã/phường có được tính là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ không, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Nếu là trưởng công an phường (ở khu vực thành thị) thì không điều tra, vì ở nước ta, tất cả công an phường đều do ngành công an quản lý (có cấp hàm, cấp hiệu) và họ sẽ được ngành công an điều tra theo kế hoạch riêng. Nếu là trưởng công an xã (khu vực nông thôn) thì được tính là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ. Vì trưởng công an xã là người do chủ tịch ủy ban nhân dân xã đề cử và đề nghị công an huyện ra quyết định công nhận (nhưng không có cấp hàm, cấp hiệu) và có thể thay đổi qua thời gian. Tuy nhiên, nếu trưởng công an xã do công an huyện cử người của mình (những sỹ quan, chiến sỹ công an có cấp hàm, cấp hiệu) xuống tăng cường cho xã thì không tính là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ mà do ngành công an điều tra theo kế hoạch riêng.

HỎI: Anh Hùng là con đẻ ông Chí và ăn ở chung với hộ ông Chí, anh Hùng đã nhận được giấy báo trúng tuyển nghĩa vụ quân sự và sẽ nhập ngũ vào ngày 5/4/2009. Ngày 3/4, ĐTV đến hộ ông Chí để phỏng vấn ghi phiếu. Vậy anh Hùng có được tính là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ ông Chí không, mời anh/chị ... cho ý kiến?

TRẢ LỜI: Anh Hùng được tính là nhân khẩu TTTT tại hộ ông Chí và được điều tra tại hộ ông Chí. Vì tại thời điểm điều tra, anh Hùng vẫn chưa rời hộ để nhập ngũ.

HỎI: Hộ ông Hòa có một người ký hợp đồng đi lao động ở nước ngoài trong 3 năm. Tính đến ngày 1/4/2009 đã đi được 2 năm rưỡi, mời anh/chị ... cho ý kiến?

TRẢ LỜI: Người đó được tính là nhân khẩu TTTT tại hộ ông Hòa, vì người đó vẫn đang ở nước ngoài trong thời hạn quy định (còn nửa năm nữa mới hết hạn).

HỎI: Bà Hạnh ở quê ra Hà Nội thăm con là anh Huy tính đến thời điểm điều tra đã được 4 tháng. Ngày 3/4/2009 ĐTV đến hộ anh Huy phỏng vấn ghi phiếu, bà Hạnh nói bà sẽ trở về trong 1 tuần nữa, mời anh/chị.... cho ý kiến?

TRẢ LỜI: Bà Hạnh không được tính là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ anh Huy, vì bà chỉ đi thăm con, chứ không chuyển đến ở hẳn tại hộ anh Huy.

HỎI: Có một sinh viên thuê nhà ở chung với hộ anh Toàn nhưng ăn riêng, mời anh/chị... cho ý kiến?

TRẢ LỜI: Không được tính là nhân khẩu TTTT tại hộ anh Toàn, vì theo quy định, chỉ tính những người ăn chung ở chung vào cùng 1 hộ. Trường hợp nêu trên, người sinh viên đó chỉ ở chung với hộ anh Toàn mà không ăn chung nên phải tính là một hộ riêng.

HỎI: Một người ký hợp đồng dài hạn với một xí nghiệp do Bộ Quốc phòng quản lý, hàng ngày vẫn về ăn ở với gia đình. Vậy người đó sẽ được điều tra ở đâu, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Người đó sẽ được điều tra tại hộ của họ. Vì Bộ Quốc phòng chỉ điều tra những người ký hợp đồng ngắn và dài hạn với các cơ sở do quân đội quản lý và ăn ở trong khu vực do quân đội quản lý.

Có ai còn câu hỏi nào nữa không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Trên đây, chúng ta đã nghiên cứu những ai được tính là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ. Bây giờ chúng ta tiếp tục nghiên cứu những ai không được tính là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ.

Mời anh/chị.... đọc mục 2, trang 10, 11.

- Viết lên bảng: “2. Những người không được tính là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích từng nội dung

HỎI: Một người chết vào ngày 5/4/2009, người đó có được tính là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ không, mời anh/chị... ?

TRẢ LỜI: Được tính là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ, vì tại thời điểm điều tra (0 giờ ngày 1/4/2009), người đó vẫn còn sống.

HỎI: Một đứa trẻ ra đời vào lúc 5 giờ sáng ngày 1/4/2009 có được tính là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ không, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Không được tính là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ, vì tại thời điểm điều tra (0 giờ ngày 1/4/2009), đứa trẻ đó vẫn chưa sinh.

HỎI: Một Việt kiều Mỹ về thăm gia đình ở Việt Nam, mời anh/chị... cho ý kiến?

TRẢ LỜI: Không được tính là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ, vì theo quy định, chúng ta không điều tra những người Việt Nam đã định cư ở nước ngoài về thăm gia đình.

HỎI: Một doanh nhân Hàn quốc cưới một phụ nữ Việt Nam và đã cư trú ở Việt Nam được 3 năm nhưng chưa nhập quốc tịch Việt Nam, mời anh/chị... cho ý kiến?

TRẢ LỜI: Không được tính là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ, vì trong Tổng điều tra dân số và nhà ở 2009, chúng ta không điều tra người nước ngoài.

HỎI: Một phụ nữ có chồng được cử ra nước ngoài làm đại sứ và đã sang đó sinh sống với chồng, mời anh/chị... cho ý kiến?

TRẢ LỜI: Không được tính là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ, vì theo quy định, chị ta sẽ được Bộ Ngoại giao điều tra theo kế hoạch riêng.

HỎI: Một sinh viên ra nước ngoài học tập, sau đó không về nước mà ở lại làm trong một cơ quan của nước đó, mời anh/chị... cho ý kiến?

TRẢ LỜI: Không được tính là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ, vì họ đã ở lại nước ngoài quá thời hạn cho phép (thời hạn đi học).

Có ai còn muốn hỏi thêm gì liên quan đến những người không được tính là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Đến đây, chúng ta đã kết thúc phần thảo luận về các khái niệm mà các các anh chị cần phải biết khi tiến hành điều tra ghi phiếu tại địa bàn.

Trong khi xác định nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ, có những trường hợp chúng ta phải quy ước để tất cả mọi ĐTV đều giải quyết thống nhất như nhau.

Mời anh/chị.... đọc mục 3, trang 11.

Viết lên bảng: “3. Một số điểm cần chú ý khi xác định nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ”

Có ai còn hỏi gì không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Sau đây, chúng ta sẽ thảo luận tổ về xác định nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ

- Phát cho mỗi học viên một tờ nội dung thảo luận (Phụ lục 3)
- Thảo luận theo tổ đã phân từ buổi học đầu tiên (khoảng 1 giờ)
- Một tổ trình bày kết quả thảo luận và nêu các trường hợp còn vướng mắc, các tổ khác góp ý kiến và bổ xung
- Giảng viên tổng kết chung cuộc thảo luận và giải đáp thắc mắc

Trên đây, chúng ta đã nghiên cứu khái niệm thế nào là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ; những ai được tính và không được tính là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ. Tuy nhiên, đối tượng điều tra thuộc phạm vi một xã/phường không chỉ bao gồm các nhân khẩu TTTT tại các hộ thuộc phạm vi ranh giới của xã/phường, mà còn phải điều tra ghi phiếu cả những người không thuộc các hộ nói trên, đó là các “nhân khẩu đặc thù”.

Vậy, ĐTV sẽ phải điều tra những ai trên phạm vi ranh giới ĐBĐT mà họ phụ trách. Sau đây, chúng ta sẽ nghiên cứu những ĐTĐT cụ thể thuộc phạm vi một ĐBĐT.

Mời anh/chị.... đọc mục VIII, trang 12, 13.

- Viết lên bảng: “VIII. ĐTĐT cụ thể thuộc phạm vi một ĐBĐT”.
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên;
- Giải thích từng nội dung. Chú ý giải thích sự khác nhau giữa nhóm nhân khẩu đặc thù và công nhân viên chức độc thân cư trú trong các khu nhà tập thể, lán, trại của cơ quan, công trường, hầm mỏ, v.v..

Có ai hỏi gì về những ĐTĐT cụ thể thuộc phạm vi 1 ĐBĐT không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Một trong những đối tượng điều tra trong cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở 2009 là: những người đã từng là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ, nhưng đã chết trong khoảng thời gian từ ngày 1 Tết Mậu Tý (vào ngày 7/2/2008 dương lịch) đến 0 giờ ngày 1/4/2009.

Chúng ta sẽ xác định những ai đã chết được điều tra trong cuộc TĐT lần này.

Viết lên bảng: “IX. Những nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ đã chết trong khoảng thời gian từ ngày 1 Tết Mậu Tý (vào ngày 7/2/2008 theo dương lịch) đến 0 giờ ngày 1/4/2009 ”

Mời anh/chị.... đọc mục IX, trang 13.

- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích từng trường hợp cụ thể

HỎI: Một đứa trẻ sinh vào ngày 20/3/2009 nhưng đã chết vào ngày 22/3/2009. Đứa trẻ đó có được điều tra về số người chết của hộ không, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Được điều tra, vì đứa trẻ đó đã từng là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ và đã chết trong khoảng thời gian thu thập thông tin về người chết thuộc ĐBĐT.

HỎI: Một người lâu nay vẫn cư trú tại hộ nhưng đã chết vào ngày 7/4/2009 thì có được điều tra ở phần người chết không, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Người đó không được điều tra ở phần người chết của hộ, mà phải điều tra ở Phần I: Thông tin về dân số. Vì tại thời điểm điều tra, người đó vẫn còn sống.

HỎI: Chị Liên lấy chồng ở một tỉnh khác. Khi sinh con, chị mang con về nhà mẹ đẻ để được mẹ chăm sóc trong 1 thời gian. Nhưng không may con của chị bị chết ở nhà mẹ đẻ vào ngày 12/12/2008. Đứa con bị chết đó có được điều tra ở phần thông tin về người chết tại hộ của mẹ chị Liên không, mời anh/chị... cho ý kiến?

TRẢ LỜI: Không được điều tra ở hộ của người mẹ, mà phải được điều tra tại hộ của chị Liên. Vì mẹ con chị Liên chỉ về nhà mẹ đẻ để được mẹ chăm sóc khi mới sinh con.

Những nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ đã chết trong khoảng thời gian từ ngày 1 Tết Mậu Tý (vào ngày 7/2/2008 theo dương lịch) đến 0 giờ ngày 1/4/2009

HỎI: Một người ở Vĩnh Long đi thăm con ở Bà Rịa-Vũng Tàu nhưng bị cảm chết ở nhà con vào ngày 19/9/2008. Người này có được điều tra ở phần người chết của hộ người con ở Bà Rịa-Vũng Tàu không, mời anh/chi... cho ý kiến?

TRẢ LỜI: Không được điều tra ở hộ người con ở Bà Rịa-Vũng Tàu, vì người đó không được xác định là nhân khẩu TTTT ở nhà người con, mà phải được điều tra ở hộ của người đó ở Vĩnh Long, là nơi người đó thực tế thường trú.

Có ai hỏi gì nữa không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Sơ đồ địa bàn điều tra; bảng kê số nhà, số hộ, số người”

Trong thời gian đi điều tra ghi phiếu tại địa bàn, một trong những công cụ hữu ích giúp các anh chị tránh được điều tra trùng hay bỏ sót dân số, góp phần đẩy nhanh tiến độ điều tra, đó là “Sơ đồ địa bàn điều tra” và “Bảng kê số nhà, số hộ, số người của địa bàn điều tra” (gọi tắt là sơ đồ và bảng kê). Chúng ta sẽ lần lượt nghiên cứu khái niệm, nội dung và cách sử dụng sơ đồ và bảng kê trong quá trình đi điều tra ghi phiếu như thế nào.

Viết lên bảng: “X. Sơ đồ địa bàn điều tra; bảng kê số nhà, số hộ, số người”

Trước hết, chúng ta tìm hiểu về sơ đồ địa bàn điều tra.

Viết lên bảng: “1. Địa bàn điều tra và sơ đồ ĐBĐT ”

- Mời 1 học viên đọc khái niệm “Địa bàn điều tra”, trang 13, sau đó giải thích
- Mời 1 học viên đọc khái niệm “Sơ đồ địa bàn điều tra”, trang 13, sau đó giải thích
- Treo sơ đồ ĐBĐT mẫu (khổ A0) lên bảng
- Giới thiệu nội dung chủ yếu của sơ đồ
 - + Phần định danh
 - + Phần nội dung của sơ đồ
 - + Phần giải thích các ký hiệu và ngày vẽ, người vẽ

Yêu cầu học viên mở Phụ lục 3, Sổ tay ĐTV và giải thích các ký hiệu sử dụng trên sơ đồ ĐBĐT.

Tiếp theo, chúng ta tìm hiểu về “Bảng kê số nhà, số hộ, số người của địa bàn điều tra”.

Viết lên bảng: “2. Bảng kê số nhà, số hộ, số người ”

- Treo mẫu bảng kê (khổ A0) lên bảng
- Mời 1 học viên đọc khái niệm “Bảng kê số nhà, số hộ, số người”, trang 14
- Giải thích nội dung của bảng kê (các cột và cách ghi)

Sau khi nghiên cứu, chúng ta đã nắm được nội dung của sơ đồ ĐBĐT và nội dung của bảng kê số nhà, số hộ, số người. Bây giờ, chúng ta sẽ tiếp tục tìm hiểu việc sử dụng sơ đồ và bảng kê như thế nào trong quá trình đi điều tra ghi phiếu tại địa bàn.

Viết lên bảng: “3. Sử dụng sơ đồ và bảng kê ”

Thời gian các anh chị thực thi nhiệm vụ điều tra ghi phiếu tại địa bàn được chia ra 3 giai đoạn: (1) Giai đoạn chuẩn bị địa bàn (chuẩn bị điều tra); (2) giai đoạn điều tra; và (3) Giai đoạn kết thúc điều tra. Trong mỗi giai đoạn khác nhau, việc sử dụng sơ đồ và bảng kê cũng khác nhau.

Trước tiên, chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu cách sử dụng sơ đồ và bảng kê trong giai đoạn chuẩn bị điều tra.

Mời anh/chị... đọc điểm a: “Trong thời gian rà soát sơ đồ và bảng kê trước thời điểm điều tra”, trang 14.

- Viết lên bảng: “a. Trong thời gian rà soát sơ đồ và bảng kê trước thời điểm điều tra ”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích

HỎI: Khi đi rà soát địa bàn, nếu phát hiện có một ngôi nhà trước đây không có người ở, nay đã có hộ chuyển đến ở thì xử lý như thế nào, mời anh/chị... cho ý kiến?

- Gọi một học viên lên sửa trên sơ đồ và bảng kê
- Các học viên còn lại góp ý
- Tổng kết chung và trả lời theo đáp án

TRẢ LỜI: Trên sơ đồ, xóa chữ “K” bên trong ô ký hiệu nhà tương ứng với ngôi nhà đã có hộ chuyển đến cư trú (bằng 2 nét gạch song song). Ghi số thứ tự nhà có người ở cho ngôi nhà đó là số tự nhiên tiếp theo số thứ tự nhà cuối cùng có trên sơ đồ, ghi số tầng nhà của ngôi nhà đó (nếu ngôi nhà đó có từ 2 tầng trở lên). Trên bảng kê, Cột 1 ghi số thứ tự nhà của ngôi nhà đó vào dòng tiếp theo dòng số thứ tự nhà cuối cùng của bảng kê (chính là số thứ tự nhà vừa mới ghi trên sơ đồ), Cột 2, 3, 4 ghi như hướng dẫn Cột 5, 6 bỏ trống, Cột 7, 8 ghi tổng số nhân khẩu thực tế thường trú và số nữ của hộ mới chuyển đến.

HỎI: Anh/chị sẽ giải quyết như thế nào nếu phát hiện trong địa bàn có một ngôi nhà có người ở mà không được thể hiện trên sơ đồ và bảng kê (nhà mới xây có người đến ăn ở thường xuyên, hoặc bị bỏ sót trong thời gian vẽ sơ đồ và lập bảng kê và trong thời gian hiệu chỉnh), mời anh/chị...?

- Gọi một học viên lên sửa trên sơ đồ và bảng kê
- Các học viên còn lại góp ý
- Tổng kết chung và trả lời theo đáp án

TRẢ LỜI: Trên sơ đồ, tại vị trí tương ứng với ngôi nhà đó, vẽ một ký hiệu nhà và đánh số thứ tự nhà cho ngôi nhà đó (cách đánh số thứ tự nhà giống với trường hợp nhà trước đây không có người ở, nay đã có hộ mới chuyển đến cư trú). Trường hợp ngôi nhà bị bỏ sót nằm ở giữa 2 ngôi nhà đã vẽ quá gần nhau thì có thể vẽ phía sau 2 ngôi nhà đó, sau đó vẽ mũi tên chỉ hướng vào ngôi nhà bị bỏ sót vừa được vẽ. Trên bảng kê, ghi giống với trường hợp có hộ mới chuyển đến cư trú trong ngôi nhà trước đây không có người ở.

HỎI: Trên sơ đồ và bảng kê trước đây có một ngôi nhà có người ở, nhưng nay hộ đã chuyển đi nơi khác, ngôi nhà bỏ trống (hoặc bị phá hủy). Mời anh/chị... cho ý kiến?

- Gọi một học viên lên sửa trên sơ đồ và bảng kê
- Các học viên còn lại góp ý
- Tổng kết chung và trả lời theo đáp án

TRẢ LỜI: Trên sơ đồ, gạch 2 nét song song vào số thứ tự nhà của ngôi nhà đó, sau đó ghi chữ “K” vào vị trí thích hợp bên trong ký hiệu nhà hoặc ghi “BPH” (trong trường hợp ngôi nhà bị phá hủy). Trên bảng kê, gạch 1 đường dề lên các dòng từ Cột 1 đến Cột 8 và ghi câu “Hộ đã chuyển đi nơi khác” hoặc câu “Nhà bị phá hủy” vào Cột 11 “Ghi chú”.

Có ai hỏi gì nữa không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Nếu không còn ai hỏi gì nữa thì chúng ta chuyển qua tìm hiểu cách sử dụng sơ đồ và bảng kê trong thời gian điều tra.

Mời anh/chị.... đọc điểm b: “Trong thời gian điều tra”, trang 15, 16.

- Viết lên bảng: “b. Trong thời gian điều tra ”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích cách xử lý nếu chủ hộ trong bảng kê khác với thực tế

HỎI: Trường hợp hộ cũ đã bán nhà và một hộ mới đến ở thì các anh chị hiệu chỉnh trên sơ đồ và bảng kê như thế nào, mời anh/chị...?

- Gọi một học viên lên sửa trên sơ đồ và bảng kê
- Các học viên còn lại góp ý
- Tổng kết chung và trả lời theo đáp án

TRẢ LỜI: Trên bảng kê, gạch 1 dòng kẻ ngang các cột 3, 5, 6, 7, 8. Sau đó ghi lên trên dòng “Họ và tên chủ hộ” cũ hộ và tên của chủ hộ mới chuyển đến ở Cột 3. Ghi tổng số người và số nữ của hộ mới chuyển đến điều tra được vào các cột 9 và 10. Viết câu “Thay hộ mới” vào Cột 11 (Ghi chú). Các cột còn lại giữ nguyên. Không sửa gì trên sơ đồ.

HỎI: Trường hợp có một hộ mới chuyển đến ở chung nhà với một hộ đã ở đó từ trước. Mời anh/chị... cho ý kiến?

- Gọi một học viên lên sửa trên sơ đồ và bảng kê
- Các học viên còn lại góp ý
- Tổng kết chung và trả lời theo đáp án

TRẢ LỜI: Trong trường hợp này, không sửa gì trên sơ đồ. Trên bảng kê, Cột 1 (số thứ tự nhà) ghi số thứ tự nhà của ngôi nhà mà hộ mới đến ở chung vào dòng tiếp theo dòng cuối cùng của bảng kê (như vậy, Cột 1 sẽ có 2 số thứ tự nhà giống nhau). Cột 2 ghi số thứ tự hộ là số thứ tự tiếp theo số thứ tự hộ cuối cùng có trong bảng kê. Cột 3 ghi họ và tên chủ hộ của hộ mới chuyển đến. Cột 4 ghi địa chỉ của hộ. Cột 5, 6, 7, 8 bỏ trống, Cột 9, 10 ghi tổng số nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ và số nữ của hộ mới chuyển đến đã điều tra được. Cột 11 ghi câu “Hộ mới chuyển đến ở chung nhà”.

HỎI: Sau khi kết thúc điều tra, nếu phát hiện số nhân khẩu thực tế thường trú (trong đó số nữ) của hộ đã điều tra được khác với số nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ (trong đó số nữ) của hộ khi hiệu chỉnh sơ đồ và bảng kê, thì các anh chị giải quyết như thế nào, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Trong trường hợp đó, phải hỏi lại người cung cấp thông tin (chủ hộ hoặc người đại diện của hộ) lý do của sự khác nhau đó. Nếu thông tin đã ghi ở các cột 7, 8 là đúng, thì phải hỏi lại và sửa phiếu điều tra. Nếu thông tin trên phiếu điều tra đúng, thì phải ghi rõ lý do của sự khác nhau giữa số liệu khi hiệu chỉnh (các cột 7 và 8) và khi điều tra vào Cột 11 “Ghi chú”.

Bây giờ chúng ta nghiên cứu việc sử dụng sơ đồ và bảng kê sau khi kết thúc điều tra như thế nào

Mời anh/chị.... đọc điểm c: “Sau khi kết thúc điều tra”, trang 16.

- Viết lên bảng: “c. Sau khi kết thúc điều tra ”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích

Về vấn đề sơ đồ địa bàn điều tra và bảng kê số nhà, số hộ, có ai hỏi gì nữa không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Nếu không ai hỏi gì nữa, chúng ta sẽ chuyển qua nghiên cứu Chương 3: “Một số quy định về phỏng vấn và hoàn thành phiếu điều tra”

CHƯƠNG III MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ PHỎNG VẤN VÀ HOÀN THÀNH PHIẾU ĐIỀU TRA

Viết lên bảng: “Chương III. Một số quy định về phỏng vấn và hoàn thành phiếu điều tra ”

Bây giờ, chúng ta sẽ nghiên cứu phương pháp tiến hành một cuộc phỏng vấn. Việc tiến hành một cuộc phỏng vấn nhằm giải quyết những vấn đề sau: các anh chị sẽ phỏng vấn ai, quy trình phỏng vấn như thế nào, đặt câu hỏi ra sao, cách ghi câu trả lời và kiểm tra phiếu đã hoàn thành như thế nào.

Trước hết, chúng ta sẽ thảo luận về việc sẽ phỏng vấn ai. Mời anh/chị ... đọc đoạn 2 trang 17.

Theo dõi Sổ tay điều tra viên

HỎI: Mời anh chị nhắc lại, các anh chị sẽ gặp ai trong hộ để tiến hành phỏng vấn ghi phiếu, mời anh/chị... ?

TRẢ LỜI: Chủ hộ hoặc người đại diện của hộ (người nắm được các thông tin về từng nhân khẩu thực tế thường trú của hộ). Đối với những câu hỏi về lao động việc làm của những người từ 15 tuổi trở lên và những câu hỏi về lịch sử sinh đẻ của những phụ nữ từ 15 đến 49 tuổi, thì cần gặp trực tiếp DTĐT để phỏng vấn.

HỎI: Theo các anh chị, một phụ nữ mới về nhà chồng được nửa tháng có thể thay mặt chủ hộ trả lời phỏng vấn được không, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Không, vì chị ta mới về nên không thể nắm được các thông tin cá nhân của từng thành viên trong gia đình nhà chồng.

HỎI: Nếu trong quá trình phỏng vấn chủ hộ, có một thành viên lớn tuổi của hộ đi làm chưa về, chúng ta có nên hỏi thông qua chủ hộ về lao động việc làm của người đó không, mời anh/chị... ?

TRẢ LỜI : Không nên, vì rất nhiều người không nắm được việc làm và đặc biệt là không biết được tên cơ quan đơn vị cũng như nhiệm vụ/sản phẩm chính của nơi mà các nhân khẩu thực tế thường trú của hộ làm việc.

Bây giờ, chúng ta sẽ thảo luận tiếp về quy trình phỏng vấn ghi phiếu cho các nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ. Mời anh/chị ... đọc đoạn 3 trang 17.

Theo dõi Sổ tay điều tra viên

HỎI: Một ĐTV khi hỏi về những nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ, mỗi khi chủ hộ nói ra tên của một người nào đó là ghi ngay vào phiếu điều tra, như vậy là đúng hay sai, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Sai, vì chưa hẳn tất cả những người được chủ hộ kể ra đều là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ (có thể chủ hộ khai theo sổ hộ khẩu), cũng có thể chủ hộ còn bỏ

sót một số nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ (con dâu mới cưới chưa nhập hộ khẩu, người giúp việc/làm thuê cho gia đình và ăn ở cùng với gia đình từ lâu, v.v...)

HỎI: Khi hỏi các thông tin cá nhân của các nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ, chúng ta phải hỏi từng câu hỏi cho tất cả mọi người, xong câu hỏi này mới chuyển sang câu hỏi khác, hay chúng ta phải hỏi tất cả các câu hỏi cho từng người một, hết người này mới đến người khác. Mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Ba câu hỏi đầu tiên (họ và tên của các nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ ở Câu 1, giới tính ở Câu 2, và quan hệ với chủ hộ ở Câu 3), ĐTV phải hỏi và ghi đồng thời cho tất cả các nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ. Các câu hỏi còn lại phải hỏi và ghi thông tin cho từng người một, xong người này mới chuyển sang người khác. Bắt đầu từ chủ hộ, tiếp đến là vợ/chồng, con đẻ, cháu nội/ngoại, bố/mẹ của chủ hộ; cuối cùng là những người có quan hệ khác.

Giải thích lý do tại sao phải phỏng vấn từng người một : để không hỏi thừa hoặc thiếu các câu hỏi. Chẳng hạn: Nếu hỏi từng câu hỏi cho tất cả mọi người, xong câu hỏi này mới chuyển sang câu hỏi khác thì ĐTV có thể hỏi các thông tin về lao động cho cả những người dưới 15 tuổi. Hoặc hỏi cả những người là nam giới và phụ nữ dưới 15 tuổi về lịch sử sinh đẻ.

Một trong những nguyên tắc khi tiến hành phỏng vấn là phải đặt câu hỏi như đã in trên phiếu và hỏi đúng theo quy trình phỏng vấn. Mời anh/chị ... đọc đoạn 4, trang 17.

- Viết lên bảng: “Đặt câu hỏi như đã in trên phiếu”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên

HỎI: Theo các anh chị, có phải trong mọi trường hợp, chúng ta đều phải đặt câu hỏi đúng như đã in trên phiếu không? Mời anh/chị....?

TRẢ LỜI: Không phải trong mọi trường hợp, mà tùy theo từng câu hỏi, ĐTV có thể thay từ ngữ cho phù hợp với ngôn ngữ của từng địa phương, nhưng không được làm thay đổi ý của câu hỏi gốc. Ngoài ra, nếu đã biết trước thông tin về một câu hỏi nào đó thì không phải hỏi câu hỏi đó nữa. Ví dụ: Khi chủ hộ đã khai “chị A là vợ tôi”, thì khi phỏng vấn đến chị A, ĐTV không phải hỏi quan hệ của chị A với chủ hộ nữa mà có thể tự gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “2” (vợ/chồng) cho Câu hỏi 2 trên phiếu.

Sự thành công của một cuộc phỏng vấn không chỉ đòi hỏi các anh chị phải tuân thủ nghiêm ngặt những quy định về phỏng vấn và ghi phiếu đã nêu ở trên, mà còn phụ thuộc rất nhiều vào sự hưởng ứng của người trả lời trong suốt thời gian diễn ra cuộc phỏng vấn. Để có được sự hưởng ứng ấy, các anh chị cần xây dựng cho được mối quan hệ tốt với người trả lời.

Ở đây, chúng ta sẽ cùng thảo luận để làm sao gây được sự thiện cảm của người trả lời đối với các anh chị, để từ đó họ nhiệt tình hưởng ứng cuộc điều tra bằng cách cung cấp cho các anh chị những thông tin chính xác, đúng theo yêu cầu. Mời anh/chị ... đọc mục I, trang 17.

**Xây dựng
mối quan
hệ tốt với
người trả
lời**

- Viết lên bảng: “I. Xây dựng mối quan hệ tốt với người trả lời”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích

HỎI: Tại sao khi phỏng vấn cá nhân, chúng ta không nên để người thứ ba có mặt ở đó, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Vì khi đó, chúng ta có thể không nhận được câu trả lời chân thật của ĐTĐT, nhất là những thông tin mà ĐTĐT không muốn cho người khác biết.

Có ai hỏi gì nữa không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

**Yêu cầu
đối với điều
tra viên khi
tiến hành
phỏng vấn**

Trong quá trình phỏng vấn và ghi phiếu, ngoài việc các anh chị phải tuân thủ nghiêm ngặt những quy định đã nêu ở trên. Để bảo đảm cho sự thành công của một cuộc phỏng vấn, các anh chị còn phải thực hiện đúng các yêu cầu sau. Mời anh/chị... đọc mục II, trang 18.

- Viết lên bảng: “II. Yêu cầu đối với điều tra viên khi tiến hành phỏng vấn”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích

Có ai hỏi gì không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

**Quy định
về nêu câu
hỏi và ghi
phiếu điều
tra**

Nếu không còn ai hỏi gì nữa thì chúng ta chuyển sang nghiên cứu các quy định chung để hoàn thành phiếu điều tra.

Viết lên bảng: “III. Quy định về nêu câu hỏi và ghi phiếu điều tra”.

Để hoàn thành một phiếu điều tra, các anh chị cần tuân thủ một số quy định về cách nêu câu hỏi, cách ghi thông tin thu được vào phiếu điều tra. Trước hết, chúng ta sẽ nghiên cứu xem cách đưa ra câu hỏi như thế nào là tốt nhất. Mời anh/chị.... đọc điểm 1, trang 19 “Nêu các câu hỏi”.

- Viết lên bảng: “1. Nêu các câu hỏi”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên

Như đã nghiên cứu ở những phần trước, trong khi tiến hành phỏng vấn ghi phiếu, điều quan trọng là phải đặt câu hỏi đúng như đã in trên phiếu. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là chúng được thực hiện một cách máy móc, mà tùy theo từng trường hợp cụ thể, có thể có những vận dụng cho phù hợp. Chẳng hạn, khi xác định các nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ, chủ hộ đã giới thiệu bà H là vợ của mình thì khi phỏng vấn đến bà H, các anh chị không cần phải hỏi giới tính cũng như quan hệ của bà H với chủ hộ nữa, mà có thể tự ghi thông tin vào phiếu.

Trường hợp người trả lời không rõ nội dung câu hỏi, thì có thể đặt thêm câu hỏi phụ, nhưng không được làm thay đổi ý của câu hỏi gốc, không đưa ra các câu nói mang tính chất gợi ý, như: “Chị là dân tộc Kinh phải không?”; “Chị chưa bao giờ sinh con phải không?” v.v....

Một điểm nữa cần lưu ý là, không ngắt lời khi ĐTĐT đang trả lời hoặc giải thích câu trả lời, trừ trường hợp cần thiết.

Có anh/chị.... nào còn hỏi gì nữa không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Khi đã có được thông tin đúng do người trả lời cung cấp, thì việc ghi thông tin đó vào phiếu điều tra như thế nào cho đúng quy định cũng rất quan trọng. Vì, có thông tin đúng nhưng ghi vào phiếu không đúng, thì khi nhập tin cũng sẽ sai, đặc biệt trong cuộc Tổng điều tra lần này, chúng ta sử dụng công nghệ quét (Scanning) để nhập tin. Mời anh/chị... đọc điểm 2 (a, b, c, d), trang 19, 20.

- Viết lên bảng: “2. Ghi câu trả lời”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên

Theo quy định, ĐTV sử dụng bút bi mực đen để ghi thông tin vào phiếu điều tra, và dùng băng xóa để sửa lỗi. Các chữ viết và chữ số được ghi vào phiếu phải được ghi rõ ràng, sạch sẽ, dễ đọc và mọi người đều đọc giống nhau. Ghi chữ số vào các ô vuông to theo mẫu chữ số được in trên trang bìa của tập phiếu.

Trên phiếu có thiết kế những ô vuông nhỏ và ô vuông to, các anh chị chỉ được gạch chéo vào các ô vuông nhỏ, và phải ghi (các) chữ số vào các ô vuông to, mỗi ô vuông to phải ghi và chỉ được ghi một chữ số (xem ví dụ trang 21). Cần chú ý khi ghi thông tin vào các ô vuông là không được đánh dấu chéo hoặc ghi chữ số tràn ra ngoài đường viền của (các) ô vuông.

Trên phiếu cũng thiết kế những dòng kẻ liền và những dòng kẻ ngắt quãng (...). Ở các câu hỏi mà phần trả lời có dòng kẻ liền thì các anh chị phải ghi thông tin bằng chữ lên đó (xem ví dụ trang 20), nhưng không được viết gì lên những dòng kẻ ngắt quãng.

Ngoài ra, bên cạnh một số ô vuông nhỏ, ô vuông to và câu kiểm tra, còn có mũi tên. Các mũi tên này được thiết kế để hướng dẫn các anh chị sau khi ghi thông tin trả lời cho câu hỏi hiện tại, thì chuyển đến câu hỏi nào để hỏi tiếp.

Quy định về cách ghi phiếu điều tra đối với từng loại như chúng ta vừa mới nghe anh/chị đọc.

Các câu hỏi được thiết kế trên phiếu điều tra gồm có 4 loại: a) câu hỏi với câu trả lời đã được mã hóa trước (câu hỏi đóng); b) câu hỏi với câu trả lời không được mã hóa trước (câu hỏi mở); c) câu hỏi vừa đóng vừa mở; và d) hướng dẫn chuyển.

Chúng ta sẽ nghiên cứu cụ thể cách ghi phiếu cho từng loại câu hỏi.

Đầu tiên, chúng ta nghiên cứu cách ghi phiếu cho các câu hỏi đóng. Mời anh/chị.... đọc điểm 1), trang 20, 21.

- Viết lên bảng: “1) Câu hỏi với câu trả lời đã mã hóa trước (câu hỏi đóng)”
- Chỉ cho học viên thấy 3 loại câu hỏi đóng được thiết kế trên phiếu điều tra (phiếu khổ A0)
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích

HỎI: Các anh chị hãy cho biết thế nào là câu hỏi đóng? có mấy loại câu hỏi đóng, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Câu hỏi đóng là câu hỏi có thể biết trước có bao nhiêu khả năng trả lời và người ta liệt kê tất cả các khả năng trả lời đó lên phiếu điều tra.

Có 3 loại câu hỏi đóng: a) câu hỏi đóng chỉ có các chữ số và các ô vuông nhỏ bên cạnh; b) câu hỏi đóng có các chữ số và các ô vuông nhỏ bên cạnh và đường kẻ liền dành để ghi cho các trường hợp không được liệt kê ở trên; và c) câu hỏi đóng có các chữ số và các ô vuông nhỏ bên cạnh và mũi tên hướng dẫn chuyển.

HỎI: Hãy cho biết cách ghi thông tin đối với câu hỏi đóng, mời anh/chị.....?

TRẢ LỜI: Đối với mỗi câu hỏi đóng, thì phải gạch chéo và chỉ được gạch chéo vào 1 ô vuông nhỏ tương ứng với câu trả lời của ĐTĐT. Trường hợp câu trả lời không thuộc 1 trong số câu trả lời đã được liệt kê, thì gạch chéo vào ô vuông nhỏ mà bên trái ô vuông có dòng kẻ liền cùng dòng với chữ “KHÁC”, đồng thời ghi câu trả lời bằng chữ vào đường kẻ liền. Nếu bên cạnh ô vuông nhỏ có mũi tên chỉ đến câu hỏi nào, thì sau khi gạch chéo vào ô vuông nhỏ, sẽ chuyển đến hỏi câu mà mũi tên chỉ đến.

Trong thực tế, có những câu hỏi chúng ta có thể biết trước có bao nhiêu khả năng trả lời, nhưng chúng ta không thể liệt kê trên phiếu điều tra, vì sẽ rất dài và tốn giấy (như các câu hỏi về dân tộc, tôn giáo, ...). Hơn nữa, có một số câu hỏi chúng ta không thể biết trước các khả năng trả lời (như câu hỏi về việc làm trong 7 ngày qua vào ngày 1/4/2004 thực tế, thường trú ở đâu, ...). Trong những trường hợp như vậy, người ta thiết kế câu hỏi dưới dạng câu hỏi không liệt kê trước các khả năng trả lời (câu hỏi mở). Nghĩa là, các anh chị phải ghi câu trả lời của ĐTĐT bằng số vào các ô vuông to hoặc bằng chữ vào dòng kẻ liền dành sẵn bên cạnh (các) ô vuông to. Sau đó, tùy theo từng câu hỏi, có thể các anh chị phải dùng bảng danh mục để xác định mã số của câu trả lời đó để ghi vào (các) ô vuông to, cũng có thể các anh chị bỏ trống (các) ô vuông to đó (sẽ do mã số viên của tỉnh ghi sau).

Mời anh/chị.... đọc điểm 2), trang 21, 22.

- Viết lên bảng: “2) Câu hỏi với câu trả lời không mã hóa trước (câu hỏi mở)”
- Chỉ cho học viên thấy 3 loại câu hỏi mở được thiết kế trên phiếu điều tra (phiếu khổ A0)
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên

HỎI: Đối với các câu trả lời là những chữ số, nếu số chữ số của câu trả lời ít hơn số ô vuông to đã in trên phiếu thì ghi thông tin trả lời vào các ô vuông to như thế nào, mời anh/chị.....?

TRẢ LỜI: Trong trường hợp đó, (các) ô vuông to thừa bên trái sẽ ghi (các) chữ số “0”.

Trong một số trường hợp, câu hỏi được thiết kế dưới dạng vừa đóng vừa mở. Thực chất của những câu hỏi này chính là câu hỏi đóng, nhưng có điểm khác với câu hỏi đóng là, ở một số câu trả lời đã được liệt kê, chúng ta muốn nắm chi tiết hơn. Nếu câu trả lời của ĐTĐT phù hợp với câu trả lời đã được liệt kê đó, thì sau khi các anh chị gạch chéo vào ô vuông nhỏ, sẽ phải ghi cụ thể câu trả lời bằng chữ vào dòng kẻ liền dành sẵn, (các) ô vuông to dành để ghi mã số cho câu trả lời đó. Những câu hỏi được thiết kế như vậy, người ta gọi là loại câu hỏi vừa đóng, vừa mở.

Mời anh/chị.... đọc điểm 3), trang 22.

- Viết lên bảng: “3) Câu hỏi vừa đóng vừa mở”
- Chỉ cho học viên thấy các câu hỏi loại vừa đóng vừa mở trên phiếu (khổ A0)
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích

Chúng ta đều biết, phiếu được thiết kế để hỏi cho tất cả mọi nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ, không phân biệt giới tính, tuổi tác thế nào, tình trạng hôn nhân hiện tại của họ ra sao, v.v... Tuy nhiên, có một số câu hỏi không phù hợp với một số người nên phải loại ra không hỏi. Ví dụ: chúng ta không thể hỏi các cháu 2 hay 3 tuổi về tình hình đi học ở Câu 12; hay không thể hỏi các cháu gái 7, 8 tuổi, hoặc nam giới về tình hình sinh đẻ của bản thân họ, v.v.... Chính vì vậy, đối với những câu hỏi không thích hợp với ĐTĐT, người ta thiết kế (các) bước chuyển để bỏ qua không hỏi những câu hỏi không thích hợp đó.

Mời anh/chị.... đọc điểm 4), trang 22, 23.

- Viết lên bảng: “4) Hướng dẫn chuyển”
- Chỉ cho học viên thấy một số câu hỏi có bước chuyển được thiết kế trên phiếu điều tra (khổ A0). Giới thiệu 2 loại hướng dẫn chuyển (mũi tên bên cạnh các ô vuông và các câu kiểm tra được in bằng chữ in hoa trên nền sẫm chạy suốt trang giấy)
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên

HỎI: Có mấy loại hướng dẫn chuyển, mời anh/chị....?

TRẢ LỜI: Có 2 loại hướng dẫn chuyển. Dùng mũi tên và dùng câu kiểm tra để hướng dẫn chuyển.

HỎI: Hãy cho biết dấu hiệu của hướng dẫn chuyển là gì? Gặp dấu hiệu hướng dẫn chuyển thì các anh chị giải quyết như thế nào, mời anh/chị....?

TRẢ LỜI: Có 2 dấu hiệu cho biết có hướng dẫn chuyển. Một là: đối với các câu hỏi đóng hoặc vừa đóng vừa mở, bên cạnh ô vuông nhỏ hoặc to, có mũi tên chỉ đến 1 câu hỏi nào đó. Khi gặp hướng dẫn chuyển này, sau khi gạch chéo vào ô vuông nhỏ hoặc ghi chữ số vào ô vuông to, nếu có mũi tên bên cạnh chỉ đến câu hỏi nào thì sẽ chuyển đến hỏi câu hỏi được ghi bên cạnh mũi tên đó mà không hỏi (các) câu hỏi tiếp theo câu hỏi đó. Hai là: Đối với các câu được đóng khung, in bằng chữ in hoa trên nền sẫm chạy suốt trang giấy. Đây chính là câu kiểm tra. Khi gặp câu kiểm tra này, chúng ta phải tự kiểm tra theo hướng dẫn của câu kiểm tra đó để chuyển đến hỏi tiếp câu hỏi thích hợp.

Có ai hỏi gì không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Trong quá trình phỏng vấn ghi phiếu, mặc dù chúng ta không mong muốn, nhưng vì nhiều lý do, các sai sót vẫn cứ xảy ra. Những sai sót này cần được sửa chữa qua nhiều khâu và ở nhiều cấp. Việc sửa chữa các sai sót không thể tùy tiện mà phải tuyệt đối tuân thủ theo quy định về sửa lỗi.

Mời anh/chị..... đọc mục IV, trang 23, 24.

Sửa lỗi

- Viết lên bảng: “IV. Sửa lỗi”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên

HỎI: Hãy trình bày cách sửa lỗi khi ghi thông tin lên phiếu bị sai, mời anh/chị....?

TRẢ LỜI: Theo quy định, ĐTV sử dụng bút bi mực đen để ghi thông tin vào phiếu điều tra, và dùng băng xóa để sửa lỗi. Cách sửa lỗi như sau:

- Đối với câu hỏi đóng: Nếu ô vuông nhỏ đã gạch chéo không đúng (ghi sai câu trả lời), thì dùng băng xóa, xóa sạch dấu gạch chéo đã gạch sai, sau đó gạch chéo vào ô vuông nhỏ tương ứng với câu trả lời đúng;
- Đối với câu hỏi mở: Nếu đã ghi (các) chữ số vào (các) ô vuông to nhưng bị sai, thì dùng băng xóa, xóa sạch (các) số đã ghi sai, sau đó dùng bút bi mực đen viết lại thông tin đúng lên trên băng xóa đó.

Khi dùng băng xóa để xóa bỏ thông tin sai ở (các) ô vuông to, không được xóa các đường viền bao quanh các ô vuông to đó.

Sau khi kết thúc phỏng vấn, trước khi rời hộ để đến một hộ khác, các anh chị phải kiểm tra lại các phiếu đã hoàn thành để tránh những sai sót còn tồn tại trên phiếu.

- Gọi 1 học viên lên bảng dùng băng xóa để sửa lại giới tính ở Câu 3 và năm sinh ở Câu 4 trên phiếu A0
- Các học viên còn lại góp ý về cách sửa lỗi của học viên được mời lên bảng
- Giảng viên hướng dẫn cách sửa lỗi và sửa mẫu trên phiếu A0

Nếu các anh chị không thể kiểm tra phiếu điều tra ngay sau khi phỏng vấn, thì chỉ cần xem lướt lại phiếu trước khi rời hộ để bảo đảm là không có câu hỏi nào bị bỏ qua. Việc kiểm tra chi tiết có thể thực hiện sau. Trong trường hợp phát hiện sai sót khi kiểm tra phiếu, phải quay lại hộ xác minh càng sớm càng tốt để sửa lỗi.

Mời anh/chị..... đọc mục V, trang 24.

Kiểm tra các phiếu điều tra đã hoàn thành

- Viết lên bảng: “V. Kiểm tra các phiếu điều tra đã hoàn thành”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích

HỎI: Tại sao phải kiểm tra các phiếu điều tra đã hoàn thành trước khi rời hộ để đến một hộ khác, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Để tránh quay lại hộ nhiều lần.

HỎI: Để kiểm tra các phiếu đã hoàn thành, chúng ta phải kiểm tra những gì, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Phải kiểm tra:

- *Tính đầy đủ của thông tin: Kiểm tra thông tin của từng người một xem có thừa hay thiếu thông tin nào không, các thông tin đã ghi có bảo đảm chính xác chưa;*
- *Tính logic của thông tin: Về độ tuổi giữa mẹ và con đẻ; giữa các anh chị em cùng mẹ; giữa tuổi với trình độ học vấn, v.v...*

Có anh chị nào còn hỏi gì không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Một điểm nữa các anh chị cần phải thực hiện trong quá trình đi phỏng vấn ghi phiếu tại địa bàn là, sau mỗi ngày đi điều tra, phải kiểm tra lại các phiếu đã hoàn thành trong ngày.

Mời anh/chị..... đọc mục VI, trang 25.

- Viết lên bảng: “VI. Kiểm tra kết quả điều tra trong ngày”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên

HỎI: Tại sao phải tiến hành kiểm tra các phiếu đã hoàn thành trong ngày, mời anh/chị....?

TRẢ LỜI: Để kịp thời phát hiện những sai sót để sửa chữa hoặc có kế hoạch trở lại hộ để phỏng vấn bổ sung.

Có ai còn hỏi gì về nội dung của chương III không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Nếu không còn ai hỏi gì nữa thì chúng ta chuyển sang nghiên cứu phần nội dung quan trọng nhất của khóa đào tạo này, đó là nghiên cứu về phương pháp phỏng vấn và ghi phiếu điều tra.

CHƯƠNG IV HƯỚNG DẪN CÁCH HỎI VÀ GHI PHIẾU ĐIỀU TRA

Viết lên bảng: “Chương IV. Hướng dẫn cách hỏi và ghi phiếu điều tra”

Trước khi đi vào tìm hiểu cách nêu các câu hỏi như thế nào để có thể thu được những thông tin chính xác cần thu thập và ghi phiếu đúng theo quy định, chúng ta cần tìm hiểu nội dung của phiếu được thiết kế như thế nào.

Giới thiệu phiếu điều tra

- Viết lên bảng: “I. Giới thiệu phiếu điều tra”
- Giải thích tóm tắt hai loại phiếu: toàn bộ và mẫu
- Treo các trang của phiếu điều tra mẫu khổ A0

Mời các anh chị nhìn lên các trang của phiếu điều tra mẫu treo ở trên này. Như các anh chị thấy, phiếu điều tra mẫu gồm 12 trang được chia làm 4 phần:

- Trang bìa: gồm các phần: thông tin định danh, kết quả điều tra và ký xác nhận;
- Phần 1: thông tin về dân số, gồm có 4 nhóm câu hỏi:
 - + Các câu hỏi từ 1 đến 7: hỏi và ghi cho tất cả các nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ;
 - + Các câu hỏi từ 8 đến 16: hỏi và ghi cho những người từ 5 tuổi trở lên;
 - + Các câu từ 17 đến 30: hỏi và ghi cho những người từ 15 tuổi trở lên;
 - + Các câu hỏi từ 31 đến 34b: chỉ hỏi những phụ nữ từ 15 đến 49 tuổi;
- Phần 2: Thông tin về người chết, gồm các câu hỏi từ 35 đến 42;
- Phần 3: Thông tin về nhà ở, gồm các câu hỏi từ 43 đến 57.

Các câu hỏi và câu kiểm tra được đánh số liên tục từ số 1 đến số cuối cùng là số 57. Có một số câu hỏi được đánh thêm số phụ, như Câu 33, 34.

Phiếu được thiết kế để ghi cho những hộ có tối đa 6 nhân khẩu thực tế thường trú, được in sẵn số thứ tự từ 1 đến 6; và 3 người chết được đánh số thứ tự từ 1 đến 3. *Những số thứ tự này là cố định và không được thay đổi.* Những hộ có trên 6 nhân khẩu thực tế thường trú, và/hoặc có trên 3 người chết thì phải dùng thêm tập phiếu thứ 2, 3, v.v..., nhưng các số thứ tự của các tập phiếu thứ 2, 3, v.v... vẫn phải giữ nguyên. Phần thông tin về người chết và nhà ở được dùng để ghi chung cho cả hộ. Đối với những hộ phải sử dụng từ 2 tập phiếu trở lên, thì phần thu thập thông tin về người chết và phần điều tra nhà ở của hộ sẽ được ghi vào tập phiếu cuối cùng.

Có một điểm cần lưu ý là, trên mỗi trang lẻ của tập phiếu đều có in một số thông tin để ĐTV ghi lặp lại về “**hộ số**” và “**tập phiếu số**”. Mục đích của việc ghi lại này nhằm tránh bị thất lạc các tờ phiếu của hộ, khi phiếu được cất rìu từng tờ để phục vụ cho công tác nhập tin bằng công nghệ quét.

Có ai hỏi gì về nội dung của phiếu không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Cách ghi
trang bìa

Nếu các anh chị không hỏi gì thêm thì chúng ta chuyển sang nghiên cứu cụ thể từng phần của phiếu điều tra. Trước hết, chúng ta nghiên cứu cách ghi các thông tin trên trang bìa của phiếu.

Viết lên bảng: “II. Cách ghi các thông tin trên trang bìa của phiếu”

Mời các anh chị nhìn lên trang bìa của phiếu điều tra được treo ở trên này. Như các anh chị thấy, trang bìa được chia ra 3 phần: Phần thông tin định danh, phần kết quả, và phần ký xác nhận.

Bây giờ tôi mời anh/chị... đọc mục 1, cách ghi phần thông tin định danh, trang 28, 29.

- Viết lên bảng: “1. Cách ghi các thông tin ở phần định danh”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên

HỎI: Tại sao chúng ta nên ghi và được phép ghi trước các mục từ “TỈNH/THÀNH PHỐ” đến mục “THÀNH THỊ/NÔNG THÔN” ở nhà, trước khi đến hộ, mời anh/chị.....?

TRẢ LỜI: Đó là vì để tiết kiệm thời gian lưu tại hộ. Do mỗi ĐTV phụ trách 1 ĐBĐT và các mục trên ở 1 ĐBĐT sẽ được ghi giống nhau cho tất cả các hộ có trong địa bàn.

HỎI: Tại sao các mục từ “HỘ SỐ” đến mục “ĐỊA CHỈ CỦA HỘ” lại phải ghi sau khi tiếp xúc với hộ và trước khi tiến hành phỏng vấn xác định số nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ, mời anh/chị... ?

TRẢ LỜI: Đó là vì, chỉ sau khi tiếp xúc với hộ, chúng ta mới khẳng định được đó có phải là hộ chúng ta muốn đến để phỏng vấn không? có gì sai sót trong quá trình lập bảng kê hoặc có sự thay đổi nào về hộ cũng như về nhân khẩu không? Chỉ khi nào họ và tên chủ hộ cũng như số thứ tự hộ trùng với bảng kê thì chúng ta mới ghi. Trường hợp có sự khác nhau giữa bảng kê và thực tế, thì chúng ta phải hiệu chỉnh sơ đồ và bảng kê theo đúng quy định.

HỎI: Trường hợp họ và tên chủ hộ ghi trên bảng kê khác với lời khai của người trả lời thì giải quyết như thế nào, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Trong trường hợp đó, sẽ giải quyết như sau:

- Nếu do lời khai của người trả lời khác so với khi lập bảng kê, và chủ hộ được ghi trong bảng kê được xác định là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ, thì giữ nguyên chủ hộ như đã ghi khi lập bảng kê;
- Nếu chủ hộ khi lập bảng kê đã bị chết, thì thay chủ hộ mới là người mà ĐTĐT đã khai và phải sửa họ tên của chủ hộ ở bảng kê theo quy định; đồng thời phải ghi vào Cột II “ghi chú” của bảng kê câu: “Chủ hộ cũ bị chết”;

- Nếu chủ hộ ghi trong bảng kê không phải nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ (đã chuyển hẳn đi nơi khác), thì ghi tên chủ hộ như DTĐT đã khai và phải sửa tên của chủ hộ ở bảng kê theo như quy định; đồng thời phải ghi vào Cột 11 “ghi chú” của bảng kê câu: “Chủ hộ cũ không thuộc DTĐT”;
- Nếu hộ cũ đã chuyển đi và một hộ mới chuyển đến ở thì sửa chữa bảng kê theo quy định;
- Nếu phát hiện hộ bị bỏ sót thì bổ sung trên sơ đồ và bảng kê theo đúng quy định.

Có ai chưa rõ và hỏi gì đối với cách ghi các thông tin ở phần định danh không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Nếu không còn ai hỏi gì thì chúng ta nghiên cứu tiếp cách ghi các thông tin cho phần kết quả điều tra

Mời anh/chị... đọc mục 2 (cách ghi các thông tin ở phần kết quả điều tra), trang 29, 30.

- Viết lên bảng: “2. Cách ghi các thông tin ở phần kết quả điều tra”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên

HỎI: Tại sao các mục từ “SỐ NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TRONG TẬP PHIẾU NÀY” đến “ĐÂY LÀ TẬP PHIẾU SỐ...TRONG... TẬP PHIẾU CỦA HỘ” lại phải ghi sau khi kết thúc phỏng vấn, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Đó là vì, nếu chúng ta ghi trước sẽ rất có thể trong quá trình phỏng vấn ghi phiếu, ĐTV phát hiện ra người trả lời đã khai thừa hoặc thiếu nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ, nên các mục đó có thể phải sửa lại, gây mất thời gian và làm cho phiếu không sạch.

HỎI: Trường hợp hộ phải dùng từ 2 tập phiếu trở lên thì ghi số nhân khẩu thực tế thường trú, số nam và số nữ của hộ trên trang bìa như thế nào, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Nếu hộ phải dùng từ 2 tập phiếu trở lên thì ghi số nhân khẩu thực tế thường trú, số nam và số nữ của từng tập phiếu mà không ghi toàn bộ số nhân khẩu thực tế thường trú, số nam và số nữ của cả hộ.

HỎI: Trường hợp hộ phải dùng từ 2 tập phiếu trở lên thì trang bìa của (các) tập phiếu, từ tập phiếu thứ hai trở đi, có phải ghi giống như ở tập phiếu thứ nhất không, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Trong trường hợp đó, các mục từ “TỈNH/THÀNH PHỐ” đến mục “ĐỊA CHỈ CỦA HỘ” ghi như tập phiếu thứ nhất; các mục từ “SỐ NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TRONG TẬP PHIẾU NÀY” đến mục “SỐ NỮ” ghi theo tổng số nhân khẩu thực tế thường trú, số nam và số nữ của chính tập phiếu đó. Dòng “ĐÂY LÀ TẬP PHIẾU SỐ” ghi theo quy định. Phần “KÝ XÁC NHẬN” từ tập phiếu thứ hai trở đi bỏ trống.

HỎI: Một hộ có 8 người được ghi ở 2 tập phiếu. Tập phiếu thứ nhất ghi 6 người, trong đó có 4 nam và 2 nữ. Tập thứ hai ghi 2 người, trong đó có 1 nam và 1 nữ. Các anh chị sẽ ghi các mục “SỐ NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TRONG TẬP PHIẾU NÀY”, “SỐ

NAM”, và “SỐ NỮ” ở trang bìa cho từng tập phiếu như thế nào, mời anh/chị...?

- Mời một học viên lên bảng ghi thông tin vào trang bìa phiếu khổ A0 treo trên bảng
- Các học viên còn lại theo dõi cách ghi của học viên được mời lên bảng
- Các học viên góp ý về cách ghi vào phiếu của học viên được mời lên bảng
- Giảng viên nhận xét chung

TRẢ LỜI: Đối với những hộ phải dùng từ hai tập phiếu trở lên thì các mục “SỐ NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TRONG TẬP PHIẾU NÀY”, “SỐ NAM”, và “SỐ NỮ” sẽ ghi theo từng tập phiếu mà không ghi cho cả hộ. Trong trường hợp trên sẽ ghi như sau:

Tập thứ nhất ghi:

SỐ NHÂN KHẨU TTTT TRONG TẬP PHIẾU NÀY:.....

0	6
---	---

SỐ NAM:.....

0	4
---	---

SỐ NỮ:

0	2
---	---

ĐÂY LÀ TẬP PHIẾU SỐ TRONG TẬP PHIẾU CỦA HỘ

Tập thứ hai ghi:

SỐ NHÂN KHẨU TTTT TRONG TẬP PHIẾU NÀY:.....

0	2
---	---

SỐ NAM:.....

0	1
---	---

SỐ NỮ:

0	1
---	---

ĐÂY LÀ TẬP PHIẾU SỐ TRONG TẬP PHIẾU CỦA HỘ

HỎI: Trường hợp hộ phải dùng từ 2 tập phiếu trở lên thì từ tập phiếu thứ hai trở đi, có phải sửa lại số thứ tự các nhân khẩu để bảo đảm không có 2 người trở lên có cùng một số thứ tự không, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Không phải sửa. Việc kết nối các nhân khẩu của 1 hộ sẽ được máy tính căn cứ vào phần định danh trên trang bìa.

Có ai chưa rõ và hỏi gì đối với cách ghi phân kết quả điều tra không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Nếu không ai có câu hỏi nào nữa thì chúng ta chuyển qua “Phần ký xác nhận”. Mời anh/chị.... đọc “Phần ký xác nhận”, trang 30.

- Viết lên bảng: “3. Phần ký xác nhận”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên

HỎI: Các anh chị hãy cho biết, phần ký xác nhận sẽ được thực hiện vào khi nào, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Sau khi kết thúc phỏng vấn ghi phiếu và kiểm tra phiếu, ĐTV cần đọc lại thông tin của 5 câu hỏi đầu đã ghi trên phiếu cho người cung cấp thông tin nghe, sau đó yêu cầu người cung cấp thông tin (chủ hộ hoặc người đại diện của hộ) ghi rõ họ tên và ký vào phần dành cho họ, cuối cùng ĐTV ghi họ tên và ký tên mình vào phần dành cho ĐTV. Bỏ trống phần dành cho tổ trưởng điều tra (tổ trưởng sẽ ghi họ tên và ký sau khi đã kiểm tra phiếu).

Đến đây, chúng ta đã kết thúc phần nghiên cứu cách ghi trang bìa của phiếu điều tra. Có ai cần hỏi gì đối với phần này không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Cách hỏi
và ghi
phiếu điều
tra

Bây giờ chúng ta sẽ đi vào nghiên cứu phần quan trọng nhất của khóa đào tạo này, đó là: nghiên cứu phương pháp phỏng vấn và ghi các thông tin thu được vào phiếu điều tra.

Viết lên bảng: “III. Cách hỏi và ghi thông tin trả lời vào phiếu điều tra”

Như ở phần giới thiệu về phiếu điều tra, chúng ta đã biết nội dung của phiếu điều tra gồm có 3 phần, là: Thông tin về dân số; Thông tin về người chết và Thông tin về nhà ở.

Cách hỏi
và ghi
phiếu phần
thông tin
về dân số

Trước hết, chúng ta sẽ cùng nhau nghiên cứu phương pháp phỏng vấn và ghi phiếu cho Phần 1 “Thông tin về dân số”

Viết lên bảng: “Phần 1: THÔNG TIN VỀ DÂN SỐ”

Ở phần này, chúng ta sẽ thu thập các thông tin về số lượng các nhân khẩu thực tế thường trú của từng hộ thuộc từng ĐBĐT và các đặc trưng cơ bản của họ. Phần này gồm 34 câu hỏi và câu kiểm tra được đánh số liên tục từ 1 đến 34b (trong đó có một số câu được đánh số phụ, ví dụ: Câu 33a, 33b, 33c, 34a, 34b, và một số câu kiểm tra: Câu 8, 15, 17 và 31).

Có một điểm mà các anh chị cần luôn luôn lưu ý, đó là, không phải bất cứ ai được xác định là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ cũng phải hỏi toàn bộ các câu hỏi của phần này. Số lượng các câu hỏi được hỏi cho từng người phụ thuộc vào độ tuổi, giới tính, tình hình đi học và tình trạng làm việc của họ. Cụ thể như sau:

- Các câu từ 1 đến 7: hỏi tất cả các nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ;
- Các câu từ 8 đến 16: chỉ hỏi những người từ 5 tuổi trở lên (sinh từ tháng 3/2004 trở về trước);
- Các câu từ 17 đến 30: chỉ hỏi những người từ 15 tuổi trở lên (sinh từ tháng 3/1994 trở về trước);
- Các câu từ 31 đến 34b: chỉ hỏi những phụ nữ từ 15 đến 49 tuổi (sinh từ tháng 4/1959 đến tháng 3/1994).

Tuy nhiên, không phải mọi người trong cùng một độ tuổi đều phải trả lời một số câu hỏi giống nhau, mà tùy theo điều kiện cụ thể của từng người, họ có thể được hỏi số câu hỏi khác nhau. **Ví dụ:** một người vào ngày 1/4/2004 sống ở nước ngoài thì sẽ không phải hỏi Câu 10 “Nơi thường trú cách đây 5 năm nói trên là phường, thị trấn hay xã?”; một người đã tốt nghiệp trung học cơ sở (lớp 9) thì không phải hỏi Câu 16 “Hiện nay, [TÊN] có biết đọc và biết viết không?”, v.v...

HỎI: Các anh chị có biết vì sao mà những người có cùng một độ tuổi lại có những câu hỏi được hỏi cho người này mà không hỏi cho người kia không mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Đó là vì, trong một số trường hợp, có một số câu hỏi không thích hợp với một nhóm người cụ thể nào đó. Ví dụ: một người trả lời là chưa bao giờ đi học ở Câu 12 thì không thể hỏi Câu 13 (Bậc học cao nhất mà họ đang hoặc đã học là gì); hoặc một người ở Câu 32 (tình hình sinh con) đã trả lời là “chưa bao giờ sinh con” thì không thể hỏi Câu 33a, 33b, 33c (số con sống trong cùng hộ, sống ở nơi khác và số con đã chết); v.v...

Trước khi nghiên cứu cách hỏi và ghi phiếu cho từng câu hỏi, chúng ta hãy tìm hiểu những quy định về trình tự hỏi và ghi phiếu. Mời anh/chị đọc phần trình tự hỏi và ghi ở trang 30, 31.

Theo dõi Sổ tay điều tra viên

Như vậy, theo quy định, chúng ta phải hỏi và ghi phiếu đồng thời 3 câu hỏi cho tất cả các nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ, đó là: họ và tên (Câu 1); quan hệ với chủ hộ (Câu 2) và giới tính (Câu 3). Những câu hỏi còn lại sẽ hỏi theo từng người, phỏng vấn và ghi phiếu xong cho người này mới chuyển sang hỏi và ghi phiếu cho người khác.

HỎI: Tại sao từ câu hỏi thứ 4 trở đi, chúng ta không được hỏi theo dòng (hỏi từng câu hỏi cho tất cả các nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ, hết câu hỏi này mới chuyển sang câu hỏi khác) mà phải hỏi theo cột (hỏi tất cả các câu hỏi cho từng người, xong người này mới chuyển sang người khác) cho nhanh, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Vì như ở trên đã đề cập, không phải tất cả mọi nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ đều phải hỏi số câu hỏi như nhau. Nếu hỏi theo dòng sẽ dễ dẫn đến tình trạng hỏi thừa hoặc thiếu (các) câu hỏi, chẳng hạn, có thể chúng ta sẽ hỏi bậc học cao nhất đã đạt được (Câu 13) cho cả những người dưới 5 tuổi và những người chưa bao giờ đi học, hoặc hỏi về tình trạng hôn nhân (Câu 18) cho cả những người dưới 15 tuổi, v.v.... Hỏi theo dòng còn dễ dẫn đến tình trạng ĐTV hỏi gộp, thậm chí gợi ý câu trả lời cho ĐTĐT. Ví dụ, khi hỏi các câu hỏi về di cư, ĐTV có thể hỏi “Tất cả mọi người trong hộ ta lâu nay vẫn ở đây phải không ạ?”, “Trong hộ ta không có ai theo tôn giáo nào phải không ạ?”, v.v....

HỎI: Trường hợp hộ phải dùng từ 2 tập phiếu trở lên, thì từ tập phiếu thứ hai trở đi, có phải sửa lại số thứ tự của các thành viên trong hộ không, nếu hộ có người chết thì ghi ở tập phiếu nào, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Không phải sửa lại số thứ tự. Trường hợp hộ có người chết thì thông tin về người chết sẽ được ghi ở tập phiếu cuối cùng.

HỎI: Các thông tin về “hộ số” và “tập phiếu số” ở trên đầu các trang lẻ và tên của những người TTTT tại hộ ở các trang sau sẽ được ghi vào khi nào, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Các thông tin về “hộ số” và “tập phiếu số” ở trên đầu các trang lẻ và tên của những người TTTT tại hộ ở các trang sau sẽ được ghi ngay sau khi đã xác định được số nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ và ghi thông tin của 3 câu hỏi đầu cho từng người vào trang 2, 3.

Có ai có câu hỏi gì về những quy định đối với trình tự hỏi và ghi phiếu không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Chúng ta đã nghiên cứu kỹ những quy định về trình tự phỏng vấn và ghi phiếu điều tra, bây giờ chúng ta sẽ đi vào nghiên cứu cụ thể cách phỏng vấn và ghi phiếu cho từng câu hỏi.

Cách hỏi
và ghi
phiếu câu 1

Trước hết, chúng ta sẽ nghiên cứu cách phỏng vấn và ghi phiếu các câu hỏi phải hỏi tất cả các nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ, đó là các câu từ 1 đến 7.

Chúng ta bắt đầu từ Câu 1. Yêu cầu của câu hỏi này là để xác định số nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ, họ là những ai, họ tên của từng người là gì?

Mời anh/chị.... đọc mục: “Câu 1”, trang 31, 32.

- Viết lên bảng: “câu 1: Họ và Tên của từng nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ, bắt đầu từ chủ hộ”
- Treo lên bảng Phụ lục 5: “Quy trình phỏng vấn xác định nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên

Chúng ta đều biết, vào bất cứ thời điểm nào, nếu ta vào bất cứ nhà nào để gặp bất cứ hộ nào, thì ở hộ đó cũng có thể có 2 nhóm người, đó là:

- + Những người có mặt ở nhà vào thời điểm chúng ta đến thăm. Trong đó có những người đã cư trú ở đó từ lâu và có những người mới chuyển đến cư trú;
- + Những người lâu nay vẫn thường xuyên cư trú tại hộ nhưng không có mặt ở nhà khi chúng ta đến thăm.

Những nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ nằm ở hai nhóm người trên. Bây giờ chúng ta sẽ chọn ra, trong số 2 nhóm người nói trên, thì những ai được tính là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ, và những ai không được tính là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ.

Để có thể xác định được một cách chính xác những ai được tính là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ, chúng ta phải ghi nhớ và vận dụng thật tốt “Quy trình phỏng vấn xác định nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ” ở Phụ lục 5 để hỏi.

Giới thiệu cách xác định nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ thông qua việc sử dụng “Quy trình phỏng vấn xác định nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ”

HỎI: Trong số những người có mặt ở nhà khi anh chị đến phỏng vấn, thì các anh chị nên gặp ai để hỏi về số nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ và các đặc trưng cá nhân của họ, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Phải gặp chủ hộ hoặc người đại diện của hộ (là người nắm được các thông tin cá nhân của từng nhân khẩu thực tế thường trú của hộ).

HỎI: Anh Tiến công tác và có nhà ở Hà Nội, nhưng anh lại có nhà ở quê và cuối mỗi tuần, anh vẫn về quê với vợ, con. Vậy có phải anh Tiến có 2 nơi thực tế thường trú không? và anh Tiến sẽ được điều tra đăng ký ở đâu, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Mỗi người chỉ có một nơi thực tế thường trú duy nhất, không thể có 2 nơi thực tế thường trú. Trường hợp của anh Tiến là có 2 nơi ở. Theo quy định, anh Tiến sẽ được xác định là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ, nơi mà anh ta ở nhiều nhất. Theo quy định đó, thì anh Tiến sẽ được xác định là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ ở Hà Nội, vì thế, anh Tiến sẽ được điều tra tại Hà Nội.

HỎI: Một người đến tạm trú tại hộ của ông Hải nhưng không có bất kỳ một nơi thường trú nào khác thì người ấy sẽ được điều tra ở đâu, mời anh/chị....?

TRẢ LỜI: Về nguyên tắc, ai thực tế thường trú ở đâu sẽ được điều tra ở đó. Do người này không có bất kỳ một nơi thực tế thường trú nào nên không có nơi nào điều tra. Chính vì thế, người ta phải quy định những người này sẽ được điều tra tại hộ, nơi mà người đó đang ở (trong trường hợp này là hộ của ông Hải).

HỎI: Chị Liên nhà ở Long An mới cưới chồng và về nhà chồng ở Tiền Giang từ ngày 3/4/2009, vậy chị Liên sẽ được điều tra ở đâu, mời anh/chị ...?

TRẢ LỜI: Chị Liên sẽ được điều tra ở Long An. Vì tại thời điểm điều tra, chị Liên vẫn cư trú tại gia đình ở Long An mà chưa về nhà chồng.

Những điểm cần chú ý:

- Phải ghi họ và tên (kể cả tên đệm) của từng nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ bằng chữ thường có dấu vào (các) dòng kẻ liền dành sẵn;
- Đối với trẻ em mới sinh chưa đặt tên thì ghi họ của bố (hoặc mẹ) của cháu bé đó kèm theo ba dấu chấm (...);
- Mỗi người ghi vào 1 cột theo đúng quy định, chủ hộ được ghi ở cột có số thứ tự “1”, tiếp đến là vợ/chồng của chủ hộ, rồi đến con đẻ, cháu nội/ngoại, bố/mẹ của chủ hộ. Cuối cùng là những người có quan hệ khác.

Đối với những hộ phải dùng từ 2 tập phiếu trở lên, chủ hộ được ghi ở cột có số thứ tự “1” ở tập phiếu thứ nhất. Cột có số thứ tự “1” ở các tập phiếu tiếp theo vẫn được sử dụng để ghi cho các nhân khẩu thực tế thường trú khác của hộ.

Về việc xác định nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ, có ai còn chỗ nào chưa rõ cần hỏi không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Nếu không ai còn hỏi gì nữa thì chúng ta chuyển sang nghiên cứu cách hỏi và ghi Câu 2 (quan hệ với chủ hộ). Mời anh/chị.... đọc mục: “Câu 2”, trang 32.

- Viết lên bảng: “Câu 2: [TÊN] có quan hệ thế nào với chủ hộ?”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên

Trong các quan hệ với chủ hộ (vợ/chồng, con đẻ, cháu nội/ngoại, bố/mẹ,...), chúng ta cần lưu ý đến mối quan hệ vợ/chồng với chủ hộ. Quan hệ vợ/chồng ở đây là quan hệ thực tế và tự nguyện. Chính vì vậy, quan hệ vợ/chồng ở đây là quan hệ giữa hai người khác giới và không chỉ giới hạn ở chỗ họ có đăng ký kết hôn hay không; có làm lễ cưới theo phong tục tập quán hay không, mà còn tính cả những người tuy không đăng ký kết hôn, không làm lễ cưới, nhưng họ chung sống với người khác giới như vợ chồng.

HỎI: Những người kết hôn cùng giới tính có được tính là vợ/chồng không, vì họ (có khi cả những người xung quanh) vẫn coi họ là vợ/chồng, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Không được tính là vợ chồng, vì đây là mối quan hệ bị pháp luật cấm.

HỎI: Cháu Hà là con của anh Vũ với người vợ trước, chị Dung là vợ sau của anh Vũ và cũng có một người con với người chồng trước tên là Hải Anh. Theo các anh chị, nếu anh Vũ là chủ hộ thì ghi quan hệ với chủ hộ (anh Vũ) cho các cháu Hà và Hải Anh như thế nào. Ngược lại, nếu chị Dung là chủ hộ thì ghi như thế nào, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Trường hợp anh Vũ là chủ hộ thì cháu Hà sẽ được tính là “con đẻ” và cháu Hải Anh được tính là con riêng của vợ, tức là “quan hệ khác” với anh Vũ. Nếu chị Dung là chủ hộ thì cháu Hải Anh được tính là “con đẻ” và cháu Vũ được tính là con riêng của chồng, tức là “quan hệ khác” với chị Dung.

Câu hỏi này là câu hỏi đóng. Vì vậy, mỗi người chỉ được và phải được gạch chéo vào một ô vuông nhỏ phù hợp với câu trả lời của ĐTĐT. Nếu gạch chéo vào 2 ô trở lên hay bỏ trống không gạch chéo vào ô nào đều sai.

Cách hỏi
và ghi
phiếu câu 3

Tiếp theo, chúng ta nghiên cứu cách hỏi và ghi phiếu cho Câu 3 (giới tính). Mời anh/chị..... đọc mục: “Câu 3”, trang 32.

- Viết lên bảng: “Câu 3: [TÊN] là nam hay nữ?”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích cách ghi phiếu

Đây là một câu hỏi khá đơn giản và dễ khai thác. Tuy nhiên, trong trường hợp hỏi gián tiếp qua chủ hộ, hoặc người đại diện của hộ, mà không có mặt ĐTĐT ở đó, thì chúng ta không được tùy tiện căn cứ vào tên hoặc tên đệm của ĐTĐT mà phỏng đoán giới tính cho ĐTĐT để ghi vào phiếu.

Sau khi đã xác định được những ai được tính là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ, quan hệ với chủ hộ và giới tính của họ, chúng ta mới ghi vào phiếu đồng thời các thông tin của từng người cho 3 câu hỏi: Họ và tên, quan hệ với chủ hộ và giới tính.

HỎI: Theo các anh chị thì có cần phải hỏi giới tính của người đang ngồi trước mặt mình không, mời anh/chị....?

TRẢ LỜI: Không cần, vì hầu như chúng ta đã biết chắc chắn giới tính của người ngồi trước mặt mình là nam hay nữ.

HỎI: Nếu ĐTĐT không có mặt và phải phỏng vấn gián tiếp qua chủ hộ thì các anh chị có thể căn cứ vào tên đệm của ĐTĐT để xác định giới tính cho họ không, mời anh/chị....?

TRẢ LỜI: Không, vì hiện nay, có rất nhiều người là nữ nhưng lại có tên đệm giống nam giới, và ngược lại, có người có tên đệm là “Thị” nhưng lại là nam giới.

Có ai còn hỏi gì đối với cách hỏi và ghi phiếu cho 3 câu hỏi 1, 2 và 3 không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Cách hỏi
và ghi
phiếu câu 4

Nếu không còn ai hỏi gì nữa thì chúng ta chuyển sang nghiên cứu cách hỏi và ghi phiếu câu 4 (Tháng năm sinh theo dương lịch của ĐTĐT). Mời anh/chị.... đọc mục: “Câu 4”, trang 33, 34.

- Viết lên bảng: “Câu 4: [TÊN] sinh vào tháng, năm dương lịch nào?”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích cách ghi phiếu

Theo quy định, phải ghi 2 chữ số của tháng sinh theo dương lịch và 4 chữ số của năm sinh theo dương lịch vào các ô vuông to tương ứng dành sẵn.

Ở nước ta hiện nay, người ta vẫn thường sử dụng 2 loại lịch song song là dương lịch và âm lịch (có nơi gọi dương lịch là “lịch tây” hoặc “lịch trên- lịch ở phần trên của lịch treo tường”; gọi âm lịch là “lịch ta” hoặc “lịch dưới- lịch ở phần dưới của lịch treo tường”). Tuy nhiên, việc sử dụng âm lịch để xem ngày dựng vợ, gả chồng cho con; xem ngày để làm nhà; xem bói, tử vi, v.v... vẫn còn khá phổ biến. Có rất nhiều người, thậm chí cả những người còn trẻ vẫn thường nhớ ngày, tháng, năm sinh của mình theo âm lịch hơn là nhớ theo dương lịch.

Chính vì vậy, khi hỏi về tháng, năm sinh của ĐTĐT, chúng ta phải hỏi rõ là tháng, năm sinh theo dương lịch. Trường hợp ĐTĐT chỉ nhớ tháng, năm sinh theo âm lịch hoặc nhớ mình tuổi con gì (tuổi theo 12 con giáp), thì phải đổi từ tháng, năm sinh theo âm lịch sang tháng, năm sinh theo dương lịch ở Phụ lục 7.

- Treo lên bảng Phụ lục 7 “Bảng đối chiếu năm âm lịch và dương lịch”
- Giải thích cách sử dụng “Bảng đối chiếu năm âm lịch và dương lịch” để chuyển năm sinh của ĐTĐT theo âm lịch sang năm sinh theo dương lịch

Thông thường, tháng dương lịch thường đến trước tháng âm lịch trên dưới 1 tháng. Để đơn giản cho việc tính toán, chúng ta quy ước tháng dương lịch đến trước tháng âm lịch 1 tháng. Vì vậy, nếu ĐTĐT khai tháng sinh theo âm lịch thì cộng thêm 1 để có tháng sinh theo dương lịch.

Do đó, nếu tháng sinh theo âm lịch là tháng giêng, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, và tháng một (tháng 11), thì khi chuyển sang tháng sinh theo dương lịch tương ứng sẽ là tháng 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12. Còn tháng sinh theo âm lịch là tháng chạp (tháng 12), thì khi chuyển sang tháng sinh theo dương lịch sẽ là tháng giêng của năm sau. Ví dụ: chị B trả lời là sinh vào tháng chạp năm 1952 âm lịch, thì tháng năm sinh của chị B khi chuyển sang dương lịch sẽ là tháng 1 năm 1953 ($12+1=13$, vì 1 năm có 12 tháng nên phải lấy $13-12=1$, tức tháng 1 năm sau).

Trường hợp ĐTĐT không nhớ tháng sinh theo dương lịch cũng như âm lịch, thì chúng ta phải sử dụng các câu hỏi thăm dò (thông qua các thời điểm dễ nhớ trong năm như: các ngày lễ Tết: Tết 5/5 âm lịch, rằm tháng tám (15/8 âm lịch), Tết âm lịch; các ngày mang dấu ấn lịch sử như: ngày Quốc khánh (ngày 2/9 dương lịch), giải phóng Điện Biên (ngày 7/5 dương lịch), giải phóng miền Nam (ngày 30/4 dương lịch), ngày sinh của Bác (ngày 19/5 dương lịch), v.v... để xác định tháng sinh theo dương lịch của ĐTĐT. Nếu sử dụng các câu hỏi thăm dò mà vẫn không xác định được chính xác tháng sinh theo dương lịch của ĐTĐT, thì có gắng hỏi xem ĐTĐT sinh vào 3 tháng đầu năm hay 9 tháng cuối năm theo dương lịch để ước lượng tháng sinh theo dương lịch cho ĐTĐT. Trường hợp sử dụng các câu hỏi thăm dò cũng không xác định được tháng sinh thì ghi mã '98' vào 2 ô vuông to tương ứng.

Trường hợp ĐTĐT không nhớ được năm sinh cũng như tuổi của mình, thì các anh chị phải hỏi thăm dò để xác định năm sinh của ĐTĐT. Nếu dùng mọi cách mà vẫn không thể xác định được năm sinh của ĐTĐT thì chúng ta gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "9999".

Nếu đã gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "9999", thì bỏ trống các ô vuông to để ghi tháng năm sinh theo dương lịch.

Độ tuổi của dân số là một trong những chỉ tiêu rất quan trọng trong dự báo dân số và tính tuổi thọ bình quân. Do đó, khi không xác định được năm sinh của ĐTĐT thì chúng ta phải hỏi và ghi cho được tuổi theo dương lịch của ĐTĐT vào Câu 5.

Mời anh/chị.... đọc mục: "Câu 5", trang 34.

Cách hỏi
và ghi
phiếu câu 5

- Viết lên bảng: "Câu 5: Hiện nay, [TÊN] bao nhiêu tuổi theo dương lịch?"
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích cách ghi phiếu

HỎI: Những người đã có thông tin về năm sinh theo dương lịch ở Câu 4 thì có phải hỏi Câu 5 không, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Không, vì đã có thông tin về năm sinh ở Câu 4 thì chúng ta cũng tính được tuổi cho ĐTĐT.

HỎI: Nếu một người không nhớ tháng sinh của mình thì các anh chị giải quyết như thế nào, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Trong trường hợp này, chúng ta phải gợi ý xem họ sinh vào khoảng thời gian nào, trước hay sau Tết âm lịch, Tết 5/5 âm lịch, rằm tháng tám (ngày 15/8 âm lịch), ngày giải phóng Điện Biên (ngày 7/5 dương lịch), ngày giải phóng miền Nam (ngày 30/4 dương lịch), ngày Quốc khánh (ngày 2/9 dương lịch), v.v... Từ đó xác định tháng sinh theo dương lịch cho ĐTĐT. Nếu đã gợi ý như trên mà ĐTĐT vẫn không nhớ thì hỏi để xác định ĐTĐT sinh vào khoảng 3 tháng đầu năm hay 9 tháng cuối năm để ước lượng tháng sinh cho ĐTĐT (vì cuộc Tổng điều tra được tiến hành vào ngày 1/4, nên những người sinh vào 3 tháng đầu năm trong cùng một năm sẽ có cùng một cách tính tuổi, những người sinh vào 9 tháng cuối năm trong cùng một năm sẽ có cùng một cách tính tuổi). Nếu dùng đủ mọi cách mà vẫn không xác định được tháng sinh cho ĐTĐT thì ghi số “98” vào 2 ô vuông to cùng dòng với chữ “THÁNG”.

HỎI: Một người không thể nhớ được năm sinh của mình nhưng lại nhớ được tuổi của mình là “con gì” hoặc số tuổi của mình là bao nhiêu tuổi, thì các anh chị ghi như thế nào, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Nếu ĐTĐT nhớ mình tuổi con gì thì chúng ta dùng “Bảng đối chiếu năm dương lịch và năm âm lịch” để chuyển từ tuổi con gì sang năm sinh theo dương lịch để ghi vào 4 ô vuông to cùng dòng với chữ “NĂM” ở Câu 4. Trường hợp ĐTĐT chỉ nhớ số tuổi của mình thì chúng ta gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “9999” ở Câu 4, sau đó hỏi thêm đó là tuổi âm lịch hay tuổi dương lịch. Nếu là tuổi theo âm lịch thì trước khi ghi vào 2 ô vuông to ở Câu 5, chúng ta phải lấy số tuổi mà ĐTĐT trả lời trừ đi 1.

HỎI: Khi ĐTĐT khai năm sinh của mình hoặc cho chúng ta xem năm sinh của họ được ghi trong các loại giấy tờ (chứng minh thư, sổ hộ khẩu, v.v...) thì chúng ta đã có thể dùng các thông tin đó để ghi vào 4 ô vuông to tương ứng chưa, mời anh/chị....?

TRẢ LỜI: Chúng ta chưa thể ghi ngay được, vì một số người năm sinh ghi trong các loại giấy tờ khác với năm sinh thật của họ, trong khi chúng ta muốn có thông tin về năm sinh thật. Vì thế, trước khi ghi năm sinh của họ vào các ô mã, phải xác minh xem đó có phải là năm sinh thật của họ hay không, bằng cách hỏi thêm “Đó có phải là năm sinh thật của ông/bà hay không?”, hoặc “Ông/bà tuổi con gì”? Từ đó có thể xác định chính xác năm sinh theo dương lịch của ĐTĐT.

Có một điều các anh chị cần chú ý khi hỏi về tháng năm sinh (hoặc tuổi) theo dương lịch của ĐTĐT là phát hiện các cụ thọ từ 100 tuổi trở lên, tức là những người sinh từ tháng 3/1909 trở về trước (ở Câu 4), hoặc khi hỏi Câu 5, ĐTĐT trả lời từ 100 tuổi trở lên. Nếu phát hiện có cụ thọ từ 100 tuổi trở lên thì phải ghi ngay vào Phụ lục 6 “Phiếu báo các cụ thọ từ 100 tuổi trở lên”.

Cách ghi phiếu báo như sau:

- | |
|--|
| <ul style="list-style-type: none">- Yêu cầu học viên mở trang 81, Phụ lục 6 “Phiếu báo các cụ thọ từ 100 tuổi trở lên”- Giải thích cách ghi Phiếu báo. Phần “Biên bản xác minh...” ĐTV không làm gì |
|--|

Sau khi điều tra xong toàn bộ các hộ thuộc địa bàn điều tra được phân công, các anh chị nộp “Phiếu báo các cụ thọ từ 100 tuổi trở lên” cho tổ trưởng, để tổ trưởng nộp cho BCĐ TĐTDS và nhà ở xã/phường, BCĐ TĐTDS và nhà ở xã/phường có trách nhiệm cử người (theo đúng thành phần đã ghi trong phần “Biên bản xác minh”) đi xác minh, sau đó nộp cho BCĐ TĐTDS và nhà ở huyện/quận.

Có ai còn hỏi gì đối với cách hỏi và ghi phiếu cho câu hỏi 5 không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Cách hỏi
và ghi
phiếu câu 6

Nếu không còn ai hỏi gì nữa thì chúng ta chuyển sang nghiên cứu cách hỏi và ghi phiếu câu 6 (ĐTĐT thuộc dân tộc nào). Mời anh/chị.... đọc mục: “Câu 6”, trang 34, 35.

- Viết lên bảng: “Câu 6: [TÊN] thuộc dân tộc nào?”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên

Nếu ĐTĐT là dân tộc Kinh thì ĐTV gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “1”.

Nếu ĐTĐT không phải dân tộc Kinh thì ĐTV gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “2”. Sau đó, căn cứ vào bảng “Danh mục các dân tộc Việt Nam” ở Phụ lục 10 để tra mã số tương ứng với dân tộc đó để ghi vào 2 ô vuông to bên cạnh. Ghi tên dân tộc của ĐTĐT vào dòng kẻ liền dành sẵn.

Đề nghị các anh chị mở trang 86, Phụ lục 10: “Danh mục các dân tộc Việt Nam”.

- Viết lên bảng: “Danh mục các dân tộc Việt Nam”
- Giải thích các cột của danh mục và cách tra mã số dân tộc

Đối với những người con đẻ hay con nuôi của hai vợ chồng không cùng dân tộc, thì dân tộc của người con đó được xác định theo thỏa thuận của bố mẹ. Trường hợp bố mẹ không thỏa thuận được thì lấy theo dân tộc của người cha (Luật Dân sự).

Đối với con ngoài giá thú, thì dân tộc của người con đó sẽ theo dân tộc của người mẹ. Trường hợp người cha ngoài giá thú ấy thừa nhận đứa trẻ đó là con của mình và đồng ý khai tên của mình vào giấy khai sinh của người con đó, đồng thời được người mẹ chấp nhận, thì ghi theo dân tộc của người cha.

Ở một số vùng vẫn còn theo chế độ mẫu hệ thì ghi tên dân tộc của người con theo dân tộc của người mẹ.

Đối với người nước ngoài đã nhập quốc tịch Việt Nam thì ghi tên dân tộc cho người đó theo quốc tịch gốc của họ.

HỎI: Một người khai dân tộc của họ là Ktul thì các anh chị ghi phiếu như thế nào, mời anh/chị...?

- Mời một học viên lên bảng ghi thông tin vào phiếu khổ A0 treo trên bảng
- Các học viên còn lại theo dõi cách ghi của học viên được mời lên bảng
- Các học viên góp ý về cách ghi
- Giảng viên nhận xét chung và trả lời theo đáp án

TRẢ LỜI: Trước hết, gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “2”. Sau đó tra bảng “**Danh mục các dân tộc Việt Nam**” thì thấy dân tộc “Ktul” là tên gọi khác của dân tộc “Ê Đê”, có mã số là “10”. Ghi số “10” vào 2 ô vuông to dành sẵn và ghi chữ “Ê ĐÊ” vào dòng kẻ liền dành sẵn.

Có ai hỏi gì đối với cách hỏi và ghi phiếu cho câu hỏi 6 không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Cách hỏi
và ghi
phiếu câu 7

Bây giờ chúng ta sẽ tiếp tục nghiên cứu cách hỏi và ghi phiếu Câu 7: ĐTĐT có theo đạo, tôn giáo nào không, và nếu có thì đó là đạo, tôn giáo gì?. Mời anh/chị.... đọc mục: “Câu 7”, trang 35, 36.

- Viết lên bảng: “Câu 7: [TÊN] có theo đạo, tôn giáo nào không?”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên

Nếu ĐTĐT có theo một đạo, tôn giáo nào đó, thì gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “1”. Sau đó, ghi tên đạo, tôn giáo mà ĐTĐT trả lời vào dòng kẻ liền dành sẵn, đồng thời căn cứ vào bảng “Danh mục tôn giáo Việt Nam” ở Phụ lục 11 để ghi mã của tôn giáo đó vào 2 ô vuông to tương ứng.

Đề nghị các anh chị mở trang 92, Phụ lục 11: “Danh mục tôn giáo Việt Nam”.

- Viết lên bảng: “Danh mục tôn giáo Việt Nam”
- Giải thích các cột của danh mục và cách tra mã số tôn giáo

Nếu ĐTĐT khai là họ không theo bất cứ một tôn giáo hay đạo nào, hoặc trả lời là theo tôn giáo “Luong”, thì gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “2”.

Việc xác định ĐTĐT có theo đạo, tôn giáo nào không, nếu có thì đó là đạo, tôn giáo nào, hoàn toàn căn cứ vào câu trả lời của ĐTĐT. Chúng ta không quan tâm đến ĐTĐT có phải là tín đồ của đạo, tôn giáo đó hay không.

HỎI: Nếu ĐTĐT khai là theo đạo Thiên chúa giáo thì anh chị ghi vào phiếu như thế nào, mời anh/chị....?

- Mời một học viên lên bảng ghi thông tin vào phiếu khổ A0 treo trên bảng
- Các học viên còn lại theo dõi cách ghi của học viên được mời lên bảng
- Các học viên góp ý về cách ghi, về cách viết các chữ số
- Giảng viên nhận xét chung và trả lời theo đáp án

TRẢ LỜI: Trước hết, gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “1”. Sau đó tra bảng “**Danh mục tôn giáo Việt Nam**” thì thấy đạo “Thiên chúa giáo” là tên gọi khác của đạo “Công giáo”, có mã số là “02”. Ghi số “02” vào 2 ô vuông to dành sẵn và ghi chữ “Công giáo” vào dòng kẻ liền dành sẵn.

Ai có ý kiến gì đối với cách hỏi và ghi phiếu cho câu hỏi 7 không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Thực hành
phỏng vấn
các câu từ
1 đến 7

Đến đây, chúng ta đã kết thúc việc nghiên cứu cách hỏi và ghi phiếu các câu hỏi đối với toàn bộ dân số. Bây giờ, chúng ta sẽ thực hành phỏng vấn các câu hỏi từ 1 đến 7. Trước hết, tôi sẽ đóng vai ĐTV và mời một người lên đóng vai chủ hộ.

- Mời một học viên lên bảng
- Giảng viên và học viên ngồi mỗi người 1 ghế, quay mặt xuống lớp học
- Giảng viên bắt đầu cuộc phỏng vấn: Thủ tục tiếp xúc với chủ hộ (chào, giới thiệu về bản thân và mục đích của cuộc thăm viếng); sau đó đi vào nội dung công việc:
 - + Xác định chủ hộ của hộ đang tiếp xúc có đúng là hộ mình định đến đã được ghi trong bảng kê không để xử lý theo quy định;
 - + Tiến hành phỏng vấn các câu từ 1 đến 7
 - + Sau mỗi câu trả lời của người đóng vai chủ hộ, giảng viên phân tích thông tin trả lời của ĐTV, và đưa ra cách xử lý thông tin để đi đến quyết định có cần phải hỏi thêm hay thông tin thu được đã chính xác để ghi vào phiếu điều tra (khổ A0) cho mọi học viên ở dưới cùng thấy.

Ai có ý kiến gì về cuộc phỏng vấn mà tôi vừa làm mẫu không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Nếu không có ai còn hỏi gì nữa thì chúng ta chuyển qua phần các anh chị sẽ lên thực hành phỏng vấn các câu hỏi từ 1 đến 7.

- Mời hai học viên lên bảng, chỉ định một người đóng vai ĐTV và một người đóng vai chủ hộ
- Để 2 người ngồi vào 2 ghế, đối diện nhau và hướng về phía các học viên ngồi ở dưới
- Học viên đóng vai ĐTV tiến hành phỏng vấn học viên đóng vai chủ hộ, nói rõ cách xử lý thông tin nhận được và cách ghi vào phiếu như thế nào (ghi câu trả lời trên phiếu khổ A0) cho mọi người ở dưới cùng nghe và nhìn thấy
- Các học viên ở dưới theo dõi và ghi những nhận xét đánh giá của mình để góp ý sau này
- Sau khi cuộc thực hành phỏng vấn kết thúc, giảng viên yêu cầu mọi người đánh giá những chỗ được và chưa được của cuộc phỏng vấn, những gì ĐTV xử lý chưa tốt và theo mình thì phải xử lý như thế nào
- Giảng viên nhận xét chung về cuộc phỏng vấn
- Tiếp tục một cuộc thực hành phỏng vấn thứ hai (cách làm như cuộc thực hành phỏng vấn thứ nhất)

Cách hỏi
và ghi
phiếu,
phần dành
cho những
người từ 5
tuổi trở lên

Có còn ai có ý kiến gì về phần các câu hỏi chung cho toàn bộ dân số nữa không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Nếu không còn ai hỏi gì thêm nữa thì chúng ta chuyển sang nghiên cứu cách hỏi và ghi phiếu phần các câu hỏi dành cho những người từ 5 tuổi trở lên (từ câu 8 đến câu 16).

Câu 8 là câu kiểm tra. Mời anh/chị.... đọc mục: “Câu 8”, trang 36.

Cách hỏi
và ghi
phiếu câu 8

- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích cách kiểm tra

Như vậy, những người dưới 5 tuổi (Câu 4 ghi từ tháng 4/2004 đến tháng 3/2009, hoặc Câu 5 ghi từ 00 đến 04) sẽ kết thúc phỏng vấn ở đây.

Những người từ 5 tuổi trở lên (sinh từ tháng 3/2004 trở về trước, hoặc Câu 5 đã ghi từ “05” đến “95” tuổi) sẽ hỏi tiếp câu 9.

Cách hỏi
và ghi
phiếu câu 9

Câu 9 hỏi về nơi thực tế thường trú của ĐTĐT cách thời điểm điều tra 5 năm (vào ngày 1/4/2004).

Mời anh/chị.... đọc mục: “Câu 9”, trang 36, 37, 38.

- Viết lên bảng: “Câu 9: Cách đây 5 năm (vào ngày 1/4/2004), [TÊN] thực tế thường trú ở đâu?”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích cách ghi phiếu

HỎI: Một người vào ngày 1/4/2004 thực tế thường trú ở xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, tháng 1/2007 chuyển đến cư trú tại xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đến tháng 6/2008 lại trở về sinh sống ở xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Theo các anh chị thì ghi Câu 9 cho người này như thế nào, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “1”. Vì vào ngày 1/4/2004 người này thực tế thường trú tại cùng xã với xã hiện đang cư trú.

HỎI: Trường hợp nơi ở cũ của ĐTĐT vào ngày 1/4/2004 so với hiện tại đã thay đổi tên gọi do sự thay đổi đơn vị hành chính (thành lập xã/phường, huyện/quận mới) thì theo anh chị, chúng ta sẽ ghi tên của nơi ở cũ như thế nào, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Trong trường hợp đó chúng ta phải ghi theo tên xã/phường hoặc huyện/quận hiện đang sử dụng mà không ghi theo tên gọi cũ. Vì nếu ghi theo tên gọi cũ, khi tổng hợp thông tin sẽ không có tên xã/phường hay huyện/quận đó. Trường hợp ĐTĐT không biết tên của nơi ở cũ hiện nay gọi là gì thì hỏi những người xung quanh để ghi. Nếu không ai biết thì ghi theo tên gọi cũ.

HỎI: Một người vào ngày 1/4/2004 thực tế thường trú ở Thôn 1 xã Quyết Thắng tháng 5/2005 lấy chồng về Thôn 2 cùng xã. Tháng 12/2006 thôn 2 được nhập vào xã Tân Tiến để thành lập thị trấn Hòa Bình. Các anh chị sẽ ghi như thế nào cho câu 9, mời anh/chị....?

- Mời một học viên lên bảng ghi thông tin vào phiếu khổ A0 treo trên bảng
- Các học viên còn lại theo dõi cách ghi của học viên được mời lên bảng
- Các học viên góp ý về cách ghi vào phiếu của học viên được mời lên bảng
- Giảng viên nhận xét chung và trả lời theo đáp án

TRẢ LỜI: Trường hợp này, chúng ta xác định người đó là di chuyển trong cùng xã (chỉ ở Thôn 1 sang Thôn 2); còn việc thôn đó được chuyển thành thị trấn sau đó chỉ là do sự thay đổi về đơn vị hành chính (từ nông thôn chuyển thành thành thị) mà không phải do người đó di chuyển từ xã/phường khác đến, nên không thể coi người đó là di chuyển khác xã được. Do đó, chúng ta sẽ đánh dấu chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "1", sau đó chuyển sang hỏi Câu 11 mà không hỏi Câu 10.

HỎI: Một người trả lời vào ngày 1/4/2004 thực tế thường trú ở xã A Lù, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Từ tháng 3/2006 đến nay, chuyển đến cư trú tại thị trấn Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Trường hợp này ghi vào phiếu như thế nào, mời anh/chị....?

- Mời một học viên lên bảng ghi thông tin vào phiếu khổ A0 treo trên bảng
- Các học viên còn lại theo dõi cách ghi của học viên được mời lên bảng
- Các học viên góp ý về cách ghi vào phiếu của học viên được mời lên bảng
- Giảng viên nhận xét chung và trả lời theo đáp án

TRẢ LỜI: Đây là trường hợp di chuyển giữa các xã/phường/thị trấn trong cùng một huyện. Theo quy định, chúng ta sẽ gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "2".

HỎI: Một người trả lời vào ngày 1/4/2004 thực tế thường trú ở phường Tân Dân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Từ tháng 4/2007 đến nay chuyển đến cư trú tại xã Đan Hà, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ. Trong trường hợp này ghi vào phiếu như thế nào, mời anh/chị....?

- Mời một học viên lên bảng ghi thông tin vào phiếu khổ A0 treo trên bảng
- Các học viên còn lại theo dõi cách ghi của học viên được mời lên bảng
- Các học viên góp ý về cách ghi vào phiếu của học viên được mời lên bảng
- Giảng viên nhận xét chung và trả lời theo đáp án

TRẢ LỜI: Đây là trường hợp di chuyển giữa các huyện trong cùng một tỉnh. Theo quy định, chúng ta sẽ gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "3". Sau đó, ghi cụm từ

“Thành phố Việt Trì” vào dòng kẻ liền dành sẵn, đồng thời, căn cứ vào bảng “Danh mục các huyện/quận/thị xã/thành phố trực thuộc tỉnh” do BCĐ TĐTDS và nhà ở tỉnh/thành phố biên soạn và cấp để tra mã cấp huyện của thành phố Việt Trì là “227”, rồi ghi vào 3 ô vuông to dành sẵn bên cạnh.

HỎI: Một người trả lời vào ngày 1/4/2004 thực tế thường trú ở xã Linh Thông, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên. Từ tháng 10/2007 đến nay chuyển đến cư trú tại xã Ka Đô, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng. Trong trường hợp này ghi vào phiếu như thế nào, mời anh/chị....?

- Mời một học viên lên bảng ghi thông tin vào phiếu khổ A0 treo trên bảng
- Các học viên còn lại theo dõi cách ghi của học viên được mời lên bảng
- Các học viên góp ý về cách ghi vào phiếu của học viên được mời lên bảng
- Giảng viên nhận xét chung và trả lời theo đáp án

TRẢ LỜI: Đây là trường hợp di chuyển giữa các tỉnh. Theo quy định, chúng ta sẽ gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “4”. Sau đó, ghi cụm từ “Tỉnh Thái Nguyên” vào dòng kẻ liền dành sẵn. Đồng thời, căn cứ vào Phụ lục 9 “Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam” để tra mã tỉnh của tỉnh Thái Nguyên là “19”, rồi ghi vào 2 ô vuông to dành sẵn bên cạnh.

HỎI: Một người trả lời vào ngày 1/4/2004 cư trú ở Cộng hòa Liên bang Đức. Từ tháng 9/2006 đến nay chuyển đến cư trú tại xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định. Trong trường hợp này ghi vào phiếu như thế nào, mời anh/chị....?

- Mời một học viên lên bảng ghi thông tin vào phiếu khổ A0 treo trên bảng
- Các học viên còn lại theo dõi cách ghi của học viên được mời lên bảng
- Các học viên góp ý về cách ghi vào phiếu của học viên được mời lên bảng
- Giảng viên nhận xét chung và trả lời theo đáp án

TRẢ LỜI: Đây là trường hợp di chuyển từ nước ngoài về nước. Theo quy định, chúng ta sẽ gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “5”. Sau đó bỏ qua không hỏi Câu 10 mà chuyển sang hỏi Câu 11.

HỎI: Một người mới chuyển đến cư trú ở xã A từ giữa tháng 3/2009, nhưng vào ngày 1/4/2004, người đó không có bất kỳ một nơi thường trú nào (sống lang thang), thì ghi nơi ở cũ cho họ như thế nào, mời anh/chị....?

TRẢ LỜI: Trong trường hợp đó sẽ ghi nơi ở cũ cho họ là địa chỉ, nơi mà người đó có mặt vào ngày 1/4/2004.

Có ai có ý kiến gì về cách hỏi và ghi phiếu cho Câu 9 không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Nếu không còn ai hỏi gì nữa thì chúng ta chuyển sang nghiên cứu cách hỏi và ghi Câu 10.
Mời anh/chị.... đọc mục: “Câu 10”, trang 38.

- Viết lên bảng: “Câu 10: Nơi thường trú cách đây 5 năm nói trên là phường, thị trấn hay xã?”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên

HỎI: Trường hợp nơi thực tế thường trú cũ của ĐTĐT vào ngày 1/4/2004 là xã nhưng đến ngày 1/1/2007 đã đổi thành phường thì theo các anh chị, chúng ta sẽ ghi vào phiếu như thế nào, mời anh/chị....?

TRẢ LỜI: Trong trường hợp đó chúng ta phải gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “2” (xã), là tên gọi của nơi thực tế thường trú cũ của ĐTĐT tại thời điểm cách thời điểm điều tra 5 năm.

HỎI: Tại sao chúng ta không gạch chéo vào ô vuông nhỏ cùng dòng với mã số “1” (là phường/thị trấn), vì nơi ở cũ của ĐTĐT hiện nay đã đổi thành phường, mà lại gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “2” (là xã), là tên gọi của nơi ở cũ của ĐTĐT vào ngày 1/4/2004, mời anh/chị....?

TRẢ LỜI: Vì tại thời điểm mà ĐTĐT chuyển đi, nơi cư trú của họ thuộc vùng nông thôn chứ không thuộc khu vực thành thị, nên ghi như vậy mới phản ánh đúng thực tế về luồng di cư nông thôn-thành thị của ĐTĐT.

Có ai có ý kiến gì về cách hỏi và ghi phiếu cho Câu 10 không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Bây giờ, chúng ta chuyển qua nghiên cứu cách hỏi và ghi phiếu cho Câu 11 (tình hình khuyết tật của ĐTĐT).

Mời anh/chị.... đọc mục: “Câu 11”, trang 38, 39.

- Viết lên bảng: “Câu 11: [TÊN] có khó khăn gì khi [...] không?”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên

Đây là câu hỏi nhạy cảm và vì thế, trước khi hỏi, các anh chị cần thông cảm với ĐTĐT để họ cung cấp thông tin một cách chính xác về tình hình khuyết tật của từng thành viên trong hộ (nếu có).

Thông tin về tình hình khuyết tật của ĐTĐT thu thập trong cuộc Tổng điều tra 2009 gồm có 4 loại và được thiết kế thành 4 câu hỏi nhỏ để xác định ĐTĐT có bị khuyết tật về khả năng nhìn, nghe, đi bộ và ghi nhớ không. Nếu có thì ở mức độ nào. Mức độ khuyết tật được chia thành 4 cấp độ: không khó khăn, khó khăn, rất khó khăn và không thể.

Khi tiến hành phỏng vấn, các anh chị cần đọc rõ câu hỏi được thiết kế trên phiếu. Khi đọc đến 3 dấu chấm trong dấu móc đơn ([...]), thì các anh chị sẽ thay thế bằng cách đọc lần lượt từng câu hỏi nhỏ (a, b, c và d);

Ví dụ: Khi hỏi Câu hỏi a, các anh chị sẽ đọc: “[TÊN] có khó khăn gì khi nhìn, kể cả khi đeo kính không?”

Nếu ĐTĐT trả lời “không khó khăn gì” hoặc trả lời vẫn nhìn (nghe, đi bộ, ghi nhớ) tốt/bình thường, thì gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “1”, sau đó hỏi tiếp đến khả năng thứ hai.

Nếu ĐTĐT trả lời “có khó khăn” thì hỏi tiếp về mức độ khó khăn (khó khăn, rất khó khăn hay không thể). Căn cứ vào câu trả lời của ĐTĐT để gạch chéo vào ô vuông nhỏ thích hợp.

Chú ý: Nói chung, chúng ta không áp đặt mức độ khó khăn cho ĐTĐT (ĐTV không tự quyết định), mà để ĐTĐT tự xác định mức độ khó khăn về khả năng nào đó thuộc 4 loại khuyết tật nói trên. Tuy nhiên, nếu một người bị cắt một chân thì không thể gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “1”, cho dù ĐTĐT có trả lời là “không có khó khăn gì”; tương tự, một người bị hỏng một mắt cũng không được gạch vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “1”, cho dù ĐTĐT có trả lời là “nhìn bình thường”.

Có ai hỏi gì về cách hỏi và ghi phiếu cho Câu 11 không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Nếu không ai hỏi gì thêm thì chúng ta sẽ chuyển sang nghiên cứu cách hỏi và ghi phiếu Câu 12 (tình hình đi học của ĐTĐT).

Mời anh/chị.... đọc mục: “Câu 12”, trang 39.

Cách hỏi
và ghi
phiếu câu
12

- Viết lên bảng: “Câu 12: Hiện nay [TÊN] đang đi học, đã thôi học hay chưa bao giờ đi học?”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích khái niệm về đi học và cách ghi phiếu

Có ai hỏi gì về cách hỏi và ghi phiếu cho Câu 12 không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Tiếp theo, chúng ta sẽ nghiên cứu cách hỏi và ghi phiếu cho Câu 13 (bậc học cao nhất đang/đã học của ĐTĐT).

Mời anh/chị.... đọc mục: “Câu 13”, trang 39, 40, 41, 42.

Cách hỏi
và ghi
phiếu câu
13

- Viết lên bảng: “Câu 13: Bậc học cao nhất hiện đang học hoặc đã học của [TÊN] là gì?”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích từng bậc học

HỎI: Một người đã tốt nghiệp trung học phổ thông, hiện đang đi học (học tập trung) lớp sơ cấp nghề ở một trung tâm dạy nghề của tỉnh thì ghi Câu 13 như thế nào, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Trong trường hợp đó sẽ gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “03” (Sơ cấp nghề), vì ở đây chúng ta thu thập thông tin về tình hình đi học hiện tại của ĐTĐT.

HỎI: Một người đã tốt nghiệp trung học phổ thông, sau đó học trung cấp nghề được 1 năm thì bỏ học, thì ghi Câu 13 như thế nào, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Trong trường hợp đó sẽ gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “05” (Trung cấp nghề).

HỎI: Một người hiện đang học năm thứ ba đại học thì ghi Câu 13 như thế nào, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Vì người này đang theo học đại học nên theo quy định, chúng ta sẽ gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “09” (Đại học).

Có ai hỏi gì về cách hỏi và ghi phiếu cho Câu 13 không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Nếu không có ai hỏi gì nữa thì chúng ta nghiên cứu tiếp cách hỏi và ghi phiếu Câu 14 (Lớp/năm học cao nhất đã đạt được của ĐTĐT).

Mời anh/chị.... đọc mục: “Câu 14”, trang 42, 43.

Cách hỏi
và ghi
phiếu câu
14

- Viết lên bảng “Câu 14: Lớp/năm học cao nhất mà [TÊN] hiện đang học hoặc đã học xong ở bậc học trên là gì?”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích và hướng dẫn cách ghi phiếu

HỎI: Một người đang học dở lớp 9 hệ 12 mà bỏ học thì ghi như thế nào, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Theo quy định thì đối với những người đã thôi học, chúng ta sẽ ghi lớp học cao nhất mà người đó đã học xong chương trình, đã được lên lớp hoặc đã tốt nghiệp. Vì thế, ta sẽ ghi lớp cao nhất đã học xong cho người này là lớp “08”.

HỎI: Một người đang học dở lớp 1 hệ 12 mà bỏ học thì ghi lớp học phổ thông cho người đó như thế nào, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Theo quy định thì đối với những người đã thôi học, chúng ta sẽ ghi lớp học cao nhất mà người đó đã học xong chương trình, đã được lên lớp hoặc đã tốt nghiệp. Vì người này chưa học xong chương trình của bất kỳ một lớp nào nên ta sẽ ghi lớp học cao nhất đã học xong cho người này là lớp “00”.

HỎI: Vào thời điểm điều tra, một cháu đang học lớp 12 thì ghi lớp học cho cháu đó như thế nào, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Theo quy định, đối với những người đang đi học, chúng ta sẽ ghi lớp mà người đó đang theo học. Vì thế, ta sẽ ghi lớp đang học cho cháu này là lớp 12.

HỎI: Đối với những người sinh từ năm 1974 trở về trước, đi học phổ thông hệ 10 năm ở miền Bắc, những người học từ thời Pháp thuộc, và những người học ở nước ngoài, thì ghi lớp học cao nhất đã đạt được cho họ như thế nào, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Trong trường hợp đó, chúng ta phải sử dụng Phụ lục 8 để chuyển đổi về lớp phổ thông hệ 12 năm để ghi vào hai ô vuông to bên cạnh.

HỎI: Một người khai là đang học dở lớp 7 hệ 10 năm mà bỏ học thì ghi các Câu 13 và 14 như thế nào, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Vì người này chưa học xong lớp 7 hệ 10 năm. Trước hết, chúng ta căn cứ vào Phụ lục 8 để chuyển đổi lớp 7 hệ 10 sang lớp 9 hệ 12. Từ kết quả chuyển đổi trên, chúng ta sẽ gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "02" (trung học cơ sở) ở Câu 13. Vì người này chưa học xong lớp 7 hệ 10 (tương đương với trình độ chưa học xong lớp 9 hệ 12), nên ta ghi lớp cao nhất mà người đó đã học xong và được lên lớp là lớp 8. Như vậy, ở Câu 14, chúng ta sẽ ghi ghi số "08" vào 2 ô vuông to dành sẵn.

- Mời một học viên lên bảng ghi thông tin vào phiếu khổ A0 treo trên bảng
- Các học viên còn lại theo dõi cách ghi của học viên được mời lên bảng
- Các học viên góp ý về cách ghi vào phiếu của học viên được mời lên bảng
- Giảng viên nhận xét chung

Có ai hỏi gì về cách hỏi và ghi phiếu cho Câu 14 không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Chúng ta đều biết, không phải tất những người đã từng đi học phổ thông đều có khả năng biết đọc, biết viết, đặc biệt đối với những người chưa học hết trình độ tiểu học. Có những người tuy trước đây đã từng đi học ở những trường, lớp thuộc bậc tiểu học, nhưng hiện tại lại không có khả năng đọc và viết, thậm chí chỉ là một câu đơn giản. Ngược lại, có những người tuy chưa bao giờ đi học, nhưng họ vẫn có khả năng đọc và viết (tự học, người nhà kèm cặp, hoặc đi học ở các lớp không chính quy, như: lớp học ban đêm, bổ túc, v.v...). Để có thể tính được tỷ lệ tái mù (đã từng đi học nhưng hiện tại lại không có khả năng đọc và viết một câu đơn giản) và tỷ lệ những người tuy chưa bao giờ đi học nhưng vẫn biết đọc và viết, chúng ta sẽ hỏi thêm những người đã từng đi học ở các lớp thuộc bậc tiểu học và những người chưa bao giờ đi học về khả năng đọc và viết của họ.

Do hầu hết những người tái mù đều có bậc học cao nhất là ở trình độ tiểu học, nên chúng ta chỉ hỏi những người mà bậc học cao nhất mà họ đã đạt được hoặc đang đi học ở bậc tiểu học.

Để hỏi câu này, trước hết chúng ta phải lọc ra trong số các nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ, những ai sẽ được hỏi về khả năng biết đọc biết viết. Để làm điều đó, trên phiếu thiết kế Câu 15.

Cách hỏi
và ghi
phiếu câu
15

Mời anh/chị.... đọc mục: “Câu 15”, trang 43.

- Viết lên bảng: “Câu 15: KIỂM TRA CÂU 13”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích cách kiểm tra

Như vậy, Câu 15 chỉ là câu kiểm tra. ĐTV không hỏi ĐTĐT mà tự kiểm tra theo hướng dẫn của Câu 15 để xác định sẽ hỏi tiếp ĐTĐT câu hỏi nào. Chỉ những người ở *Câu 13 đã gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “01” (Tiểu học) hoặc Câu 12 đã gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “3” (Chưa đi học) mới hỏi tiếp Câu 16.*

Bây giờ, chúng ta sẽ nghiên cứu cách hỏi và ghi phiếu cho Câu 16 (tình hình biết đọc biết viết của ĐTĐT). Mời anh/chị.... đọc mục: “Câu 16”, trang 43.

Cách hỏi
và ghi
phiếu câu
16

- Viết lên bảng: “Câu 16: Hiện nay, [TÊN] có biết đọc và biết viết không?”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích cách ghi phiếu

HỎI: Nếu một người chỉ biết đọc biết viết tiếng nước ngoài như: tiếng Trung Quốc, tiếng Nga ..., hoặc tiếng dân tộc như: tiếng Thái, tiếng H'Mông, ... thì có được tính là biết đọc biết viết không, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Được tính, vì ở đây chúng ta chỉ muốn biết ĐTĐT có biết đọc biết viết không, chứ không yêu cầu ĐTĐT phải biết đọc biết viết một ngôn ngữ cụ thể nào.

Đến đây, chúng ta đã kết thúc nghiên cứu cách hỏi và ghi phiếu các câu hỏi cho những người từ 5 tuổi trở lên về tình trạng di cư, tình hình khuyết tật và tình hình đi học của họ.

Chúng ta sẽ dành thời gian để tiến hành thực hành phỏng vấn cho các câu hỏi từ 8 đến 16.

Thực hành
phỏng vấn
các câu từ
8 đến 16

Tôi sẽ lại đóng vai ĐTV và mời một người lên đóng vai chủ hộ để phỏng vấn mẫu cho phần này.

- Mời một học viên lên bảng
- Giảng viên và học viên ngồi mỗi người 1 ghế, quay mặt xuống lớp học:
 - + Giảng viên bắt đầu cuộc phỏng vấn các câu từ 8 đến 16;
 - + Sau mỗi câu trả lời của người đóng vai chủ hộ, giảng viên phân tích thông tin trả lời của ĐTĐT và đưa ra cách xử lý thông tin để đi đến quyết định cần phải hỏi thêm hay thông tin thu được đã chính xác để ghi vào phiếu điều tra (phiếu khổ A0) cho mọi học viên ở dưới cùng thấy.

Ai có ý kiến gì về cuộc phỏng vấn mà tôi vừa làm mẫu không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Nếu không có ai còn hỏi gì nữa thì chúng ta chuyển qua phần các anh chị sẽ lên thực hành phỏng vấn các câu hỏi từ 8 đến 16.

Mời hai học viên lên bảng, chỉ định một người đóng vai ĐTV và một người đóng vai chủ hộ

- ĐỀ 2 người ngồi vào 2 ghế, hướng về phía các học viên ngồi ở dưới
- Học viên đóng vai ĐTV thực hành phỏng vấn và nói rõ cách xử lý thông tin nhận được và cách ghi vào phiếu (khổ A0) như thế nào cho mọi người ở dưới cùng thấy
- Các học viên ở dưới theo dõi và ghi những nhận xét đánh giá của mình để góp ý sau này
- Sau khi cuộc thực hành phỏng vấn kết thúc, giảng viên yêu cầu mọi người đánh giá những chỗ được và chưa được của cuộc phỏng vấn, những gì ĐTV xử lý chưa tốt hoặc ghi sai và theo mình thì phải xử lý và ghi như thế nào
- Giảng viên nhận xét chung về cuộc phỏng vấn
- Tiếp tục một cuộc thực hành phỏng vấn thứ hai (cách làm như cuộc thực hành phỏng vấn thứ nhất)

Có còn ai có ý kiến gì về các câu hỏi của phần này nữa không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Nếu không còn ai hỏi gì thêm nữa thì chúng ta chuyển sang nghiên cứu cách hỏi và ghi phiếu các câu hỏi từ 17 đến 30, là những câu chỉ hỏi những người từ 15 tuổi trở lên (sinh từ tháng 3/1994 trở về trước hoặc Câu 5 ghi từ 15 đến 95).

Để xác định những ai sẽ được phỏng vấn tiếp, phiếu thiết kế Câu 17.

Câu 17 là câu kiểm tra. Mời anh/chị.... đọc mục: “Câu 17”, trang 43.

- Viết lên bảng: “Câu 17: KIỂM TRA...”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích cách kiểm tra

Như vậy, những người dưới 15 tuổi (Câu 4 ghi từ tháng 4/1994 đến tháng 3/2009, hoặc Câu 5 ghi từ 00 đến 14) sẽ kết thúc phỏng vấn ở đây.

Những người từ 15 tuổi trở lên sẽ hỏi tiếp Câu 18.

Câu 18 yêu cầu chúng ta thu thập thông tin về tình trạng hôn nhân hiện tại (vào 0 giờ, ngày 1/4/2009) của ĐTĐT.

Cách hỏi
và ghi
phiếu phân
dành cho
những
người từ
15 tuổi trở
lên

Mời anh/chị.... đọc mục: “Câu 18”, trang 43, 44.

- Viết lên bảng: “Câu 18: Tình trạng hôn nhân hiện nay của [TÊN] là gì?”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích từng tình trạng hôn nhân và cách ghi vào phiếu

HỎI: Ngày 5/4/2009 anh Vĩnh cưới vợ. Ngày 7/4/2009 ĐTV đến hộ phỏng vấn ghi phiếu. Vậy ghi tình trạng hôn nhân hiện tại cho anh Vĩnh vào phiếu điều tra như thế nào, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Trên phiếu điều tra, gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “1” (CHƯA VỢ/CHỒNG). Vì tại thời điểm điều tra (0 giờ ngày 1/4/2009) anh Vĩnh vẫn chưa cưới vợ.

HỎI: Một người có vợ bị chết nhưng hiện đã cưới vợ mới thì các anh chị ghi tình trạng hôn nhân cho người đó như thế nào, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Chúng ta sẽ gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “2”, vì hiện tại người đó đang có vợ (vợ thứ hai).

HỎI: Hai vợ chồng ăn chung và ở chung trong cùng 1 ngôi nhà nhưng họ đã làm thủ tục ly hôn và đang đợi toà án xử cho phép ly hôn. Họ khai rằng tuy ăn chung, ở chung, nhưng họ không còn tình cảm gì với nhau nữa. Trong trường hợp này, anh chị ghi tình trạng hôn nhân hiện tại cho họ như thế nào, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Chúng ta sẽ gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “5”. Do họ chưa được toà án cho phép ly hôn nên chúng ta không thể tính họ là đã ly hôn, mặc dù họ đã làm đơn ra toà và đang đợi toà án xử cho phép họ ly hôn. Song chúng ta cũng không thể tính họ là có vợ/có chồng vì tuy họ ăn chung ở chung trong một ngôi nhà nhưng họ không sống với nhau như vợ chồng nữa.

HỎI: Có 2 người khác giới đi làm cho 1 doanh nghiệp, họ thuê nhà trọ và sống với nhau như vợ chồng (không đăng ký kết hôn, không tổ chức lễ cưới) thì chúng ta có tính họ là có vợ/có chồng không, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Trong trường hợp này chúng ta sẽ ghi theo lời khai của ĐTĐT (theo nguyên tắc tự nguyện). Nếu họ khai họ là vợ chồng của nhau thì chúng ta gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “2”. Nếu họ khai là họ chưa có vợ, có chồng và hiện họ chỉ sống thử với nhau thôi, nếu hợp nhau thì làm lễ cưới, nếu không hợp nhau thì chia tay, trong trường hợp đó, chúng ta sẽ gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “1”.

HỎI: Một người có vợ đi lao động xuất khẩu sang Đài Loan thì các anh chị ghi tình trạng hôn nhân cho người đó như thế nào, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Chúng ta sẽ gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “2”, vì họ chỉ sống xa nhau nhưng họ vẫn chờ đợi nhau và vẫn là vợ chồng của nhau.

Có ai hỏi gì về cách hỏi và ghi phiếu cho Câu 18 không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Nếu không có ai hỏi gì thì chúng ta nghiên cứu tiếp cách hỏi và ghi phiếu Câu 19 (trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất đã được đào tạo của ĐTĐT).

Mời anh/chị ... đọc mục: “Câu 19”, trang 44, 45.

Cách hỏi
và ghi
phiếu câu
19

- Viết lên bảng: “Câu 19: Trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất mà [TÊN] đã được đào tạo là gì?”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích từng trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất đã được đào tạo

Có một điều các anh chị phải đặc biệt lưu ý là:

Ở cả 2 câu hỏi 13 và 19 đều có các bậc trình độ chuyên môn kỹ thuật giống nhau là: sơ cấp nghề, trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng nghề, cao đẳng, đại học, thạc sỹ, và tiến sỹ. Song, giữa Câu 13 và Câu 19 có sự khác nhau về bản chất, đó là:

- Câu 13 chỉ tính những người đang học hoặc đã học ở các bậc trình độ trên ở các trường lớp chính quy;
- Câu 19 được tính cho tất cả những người đã tốt nghiệp các bậc trình độ trên ở tất cả các trường lớp chính quy và không chính quy (chuyên tu, tại chức, vừa học vừa làm, v.v...)

Có ai hỏi gì về cách hỏi và ghi phiếu cho Câu 19 không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Nếu không có ai hỏi gì nữa thì chúng ta chuyển sang nghiên cứu cách hỏi và ghi phiếu các câu hỏi về việc làm trong 7 ngày qua của những người từ 15 tuổi trở lên (các câu hỏi từ 20 đến 30).

Để thu được chính xác các thông tin về việc làm trong 7 ngày qua của ĐTĐT, các anh chị nên gặp trực tiếp ĐTĐT để phỏng vấn (trừ trường hợp không thể gặp được ĐTĐT).

Trước hết, chúng ta nghiên cứu cách hỏi và ghi phiếu cho Câu 20 (việc làm trong 7 ngày qua của ĐTĐT).

Mời anh/chị.... đọc mục: “Câu 20”, trang 45, 46.

Cách hỏi
và ghi
phiếu câu
20

- Viết lên bảng: “Câu 20: Bây giờ, tôi hỏi về việc làm trong 7 ngày qua: Trong 7 ngày qua, anh/chị có làm một công việc gì để tạo ra thu nhập không?”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích và hướng dẫn cách ghi vào phiếu

HỎI: Theo các anh chị, 7 ngày qua được tính như thế nào, mời anh/chị.....?

TRẢ LỜI: Bảy ngày qua là 7 ngày được tính kể từ ngày hôm trước ngày ĐTV đến hộ để phỏng vấn ĐTĐT trở về trước. Ví dụ: ĐTV đến hộ để phỏng vấn ĐTĐT vào ngày 3/4/2009

thì 7 ngày qua sẽ là các ngày 2/4, 1/4, 31/3, 30/3, 29/3, 28/3, và ngày 27/3. Nếu ĐTV đến hộ phỏng vấn ĐTĐT vào ngày 8/4/2009 thì 7 ngày qua sẽ là các ngày 7/4, 6/4, 5/4, 4/4, 3/4, 2/4, và ngày 1/4; v.v....

HỎI: Như vậy, thời điểm điều tra và việc làm trong 7 ngày qua khác nhau ở điểm nào, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Việc làm trong 7 ngày qua khác với thời điểm điều tra ở chỗ: việc làm trong 7 ngày được tính kể từ ngày hôm trước ngày ĐTV đến hộ để phỏng vấn ĐTĐT trở về trước; còn thời điểm điều tra (0 giờ ngày 1/4/2009) là thời điểm được lấy làm mốc thời gian để xác định số nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ và các đặc trưng cá nhân của họ. Điều đó có nghĩa là, ĐTV đến hộ vào bất kỳ ngày nào trong khoảng thời gian tiến hành điều tra, thì cũng phải lấy mốc thời điểm 0 giờ ngày 1/4/2009 để xác định số nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ và các đặc trưng cá nhân của họ.

HỎI: Theo các anh chị, như thế nào thì một người được xác định là làm việc trong 7 ngày qua, mời anh/chị.....?

TRẢ LỜI: Một người được xác định là làm việc trong 7 ngày qua, nếu trong 7 ngày qua, người đó có ít nhất là 1 giờ tham gia làm việc để tạo ra thu nhập (không bị pháp luật cấm), kể cả làm cho gia đình và làm cho người khác không hưởng tiền lương tiền công.

HỎI: Một em học sinh, ngoài việc đi học, trong 7 ngày qua em còn đi cắt cỏ chăn trâu vào các buổi chiều và các ngày nghỉ, theo các anh chị thì em đó có được tính là làm việc không, mời anh/chị.....?

TRẢ LỜI: Có, vì theo quy định, một người được tính là làm việc nếu trong 7 ngày qua, người đó có ít nhất 1 giờ tham gia làm việc để tạo ra thu nhập, kể cả làm cho gia đình và cho người khác không hưởng tiền lương, tiền công. Trong trường hợp này, em học sinh đó tuy đi học là chính, nhưng hàng ngày vẫn đi cắt cỏ, chăn trâu, là những công việc tạo ra thu nhập, và vì thế, được tính là làm việc.

HỎI: Chi Lan Anh là sinh viên trường đại học Kinh tế quốc dân. Trong 7 ngày qua, chị đi làm thanh niên tình nguyện để dạy học cho trẻ em các dân tộc ở tỉnh Cao Bằng. Theo các anh chị thì chị Lan Anh có được tính là làm việc trong 7 ngày qua không, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Không. Vì theo quy định, những người lao động tình nguyện, nhân đạo, làm từ thiện ... sẽ không được tính là làm việc.

HỎI: Nếu trong 7 ngày qua một người không làm bất cứ một công việc gì, mà chỉ làm một trong những công việc: Bí thư/phó bí thư chi bộ, phụ nữ thôn, công an viên, du kích, cộng tác viên dân số, v.v... của thôn/xóm/ấp/bản/tổ dân phố, thì người đó có được tính là làm việc không, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Có, nếu họ được hưởng phụ cấp. Theo quy định, chúng ta chỉ tính một người là làm việc, nếu trong 7 ngày qua, người đó có làm bất cứ một công việc gì không bị pháp luật cấm từ 1 giờ trở lên để tạo ra thu nhập (dưới hình thức tiền lương, tiền công hoặc bằng hiện vật).

HỎI: Một người được chủ tịch UBND xã ký quyết định làm văn thư lưu trữ cho ủy ban nhân dân xã (làm việc theo giờ hành chính) thì có được tính là làm việc không, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Được tính, vì họ làm việc cho uỷ ban nhân dân xã và được uỷ ban nhân dân xã trả công (họ chính là người làm hợp đồng cho UBND xã nhưng không ký hợp đồng mà do chủ tịch UBND xã ra quyết định).

Các anh chị cần hết sức lưu ý một điều là: ở một số địa phương, có nhiều người chỉ làm những công việc ở quanh nhà, và họ không coi làm những việc đó là làm việc như: làm vườn, nuôi lợn (heo), nuôi cá, bán hàng ở nhà (*quy mô nhỏ*), v.v.... Trường hợp này phải xác định là có làm việc.

Có ai có ý kiến gì về cách hỏi và ghi phiếu cho Câu 20 không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Nếu không có ai hỏi gì nữa thì chúng ta chuyển sang nghiên cứu cách hỏi và ghi phiếu cho Câu 21 (Trong 7 ngày qua tuy không làm việc nhưng có được trả lương, trả công không)

Mời anh/chị.... đọc mục: “Câu 21”, trang 46.

Cách hỏi và ghi phiếu câu 21

- Viết lên bảng: “Câu 21: Tuy không làm việc nhưng anh/chị có được trả lương/trả công không?”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích và hướng dẫn cách ghi vào phiếu

HỎI: Chị Hạnh là giáo viên dạy văn tại một trường trung học cơ sở. Trong thời gian 7 ngày qua, chị Hạnh nghỉ để ở nhà và không làm bất cứ một việc gì. Theo các anh chị, thì ghi Câu 21 cho chị Hạnh như thế nào, mời anh/chị.....?

TRẢ LỜI: Theo ví dụ trên, chị Hạnh là viên chức nhà nước và được hưởng tiền bảo hiểm xã hội trả thay lương trong thời gian nghỉ để. Vì vậy, chúng ta sẽ gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “1”.

Có ai có ý kiến gì về cách hỏi và ghi phiếu cho Câu 21 không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Nếu không có ai hỏi gì nữa thì chúng ta chuyển sang nghiên cứu cách hỏi và ghi phiếu cho Câu 22 (trong 7 ngày qua tuy không làm việc và không được hưởng tiền lương, tiền công, nhưng đã có sẵn một công việc và sẽ trở lại làm việc trong 30 ngày tới hay không).

Mời anh/chị.... đọc mục: “Câu 22”, trang 46.

Cách hỏi và ghi phiếu câu 22

- Viết lên bảng: “Câu 22: Anh/chị đã có việc làm và sẽ trở lại làm việc trong 30 ngày tới không?”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích và hướng dẫn cách ghi vào phiếu

HỎI: Anh Trung làm nghề thợ mộc và có một cơ sở sản xuất đồ mộc ở nhà. Trong 7 ngày qua anh Trung bị ốm và không làm việc, hiện anh đã khỏi bệnh nhưng chưa làm việc để nghỉ dưỡng sức. Anh dự kiến trong một hai tuần nữa anh sẽ tiếp tục nghề mộc của mình. Theo các anh chị thì ghi Câu 22 cho anh Trung như thế nào, mời anh/chị.....?

TRẢ LỜI: Chúng ta sẽ gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “1”, vì trong 7 ngày qua tuy không làm việc và cũng không được trả lương trả công, nhưng anh Trung đã có một công việc và sẽ trở lại làm công việc đó (nghề thợ mộc) trong vòng 30 ngày tới.

Có ai có ý kiến gì về cách hỏi và ghi phiếu cho Câu 22 không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Nếu không có ai hỏi gì nữa thì chúng ta chuyển sang nghiên cứu cách hỏi và ghi phiếu Câu 23 (công việc chính và chức vụ mà ĐTĐT đã làm trong 7 ngày qua hoặc 7 ngày trước khi tạm nghỉ).

Mời anh/chị.... đọc mục: “Câu 23”, trang 46, 47, 48.

Cách hỏi
và ghi
phiếu câu
23

- Viết lên bảng: “Câu 23a hoặc 23b: Trong 7 ngày qua hoặc 7 ngày trước khi tạm nghỉ, anh/chị đã làm công việc gì là chính và giữ chức vụ gì (NẾU CÓ)?”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích và hướng dẫn cách ghi vào phiếu

HỎI: Các anh chị hiểu thế nào là công việc chính, mời anh/chị ...?

TRẢ LỜI: Công việc chính là công việc mà ĐTĐT đã làm để tạo ra thu nhập chiếm nhiều thời gian nhất trong các loại công việc mà ĐTĐT đã làm để tạo ra thu nhập trong 7 ngày, trước ngày điều tra viên tiến hành cuộc phỏng vấn hoặc 7 ngày trước khi đối tượng điều tra tạm thời nghỉ việc.

HỎI: Theo các anh chị, làm thế nào để xác định được công việc chính của ĐTĐT đã làm trong 7 ngày qua hoặc 7 ngày trước khi tạm nghỉ, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Để xác định được công việc chính mà ĐTĐT đã làm trong 7 ngày qua hoặc 7 ngày trước khi tạm nghỉ, chúng ta phải thực hiện qua các bước sau:

- 1) Hỏi để xác định trong 7 ngày qua hoặc 7 ngày trước khi tạm nghỉ, ĐTĐT đã làm những công việc gì để tạo ra thu nhập;
- 2) Hỏi để xác định trong những công việc mà ĐTĐT đã làm trong 7 ngày qua hoặc 7 ngày trước khi tạm nghỉ để tạo ra thu nhập đó, công việc nào ĐTĐT đã làm với nhiều thời gian nhất.

HỎI: Một người khi được hỏi, trong 7 ngày qua làm công việc gì là chính, người đó trả lời là “làm cỏ lúa” và ĐTV ghi cụm từ “Làm cỏ lúa” cho Câu 23. Theo các anh chị, ghi như vậy có đúng không, mời anh/chị ...?

TRẢ LỜI: Không nên ghi ngay như vậy, vì rất có thể trong 7 ngày qua, ngoài công việc “làm cỏ lúa”, người đó còn làm (các) công việc khác để tạo ra thu nhập, và ĐTĐT đã bỏ thời gian nhiều nhất trong 7 ngày qua để làm một trong những công việc khác đó. Khi đó, công việc chính trong 7 ngày qua của ĐTĐT không còn là “làm cỏ lúa” nữa.

HỎI: Anh Hùng là công chức nhà nước, trong 7 ngày qua anh Hùng nghỉ phép. Trong thời gian nghỉ phép, anh Hùng đi sửa chữa Tivi ở cơ sở sửa chữa Tivi của một người bạn để lấy tiền. Vậy tính công việc chính trong 7 ngày qua cho anh Hùng như thế nào, mời anh/chị ...?

TRẢ LỜI: Công việc chính trong 7 ngày qua của anh Hùng là sửa chữa Tivi, vì sửa chữa Tivi là công việc anh Hùng thực tế đã làm nhiều nhất trong 7 ngày qua.

Thực tế, trong 7 ngày qua, một người có thể chỉ làm một công việc duy nhất, nhưng cũng có thể làm nhiều công việc khác nhau. Trường hợp ĐTĐT chỉ làm một công việc duy nhất thì chúng ta chỉ việc ghi cụ thể tên công việc đó vào các dòng kẻ liền dành sẵn. Nếu ĐTĐT làm nhiều việc khác nhau thì chúng ta phải hỏi để xác định khoảng thời gian mà người đó đã làm từng công việc nhằm tìm ra việc nào mà ĐTĐT đã làm chiếm nhiều thời gian nhất trong 7 ngày qua để ghi vào phiếu.

Một điều cần lưu ý là, phải ghi thật cụ thể tên công việc chính mà người đó đã làm, ví dụ: “trồng lúa”, “trồng cao su”, “trồng ngô” (bắp), v.v... mà không ghi là “làm nông nghiệp”; ghi là “công nhân dệt bậc 3”, “thợ may”, “thợ tiện bậc 4”, “công nhân đóng gói”, v.v... mà không ghi là “công nhân”; ghi là “nhân viên văn thư”, “chuyên viên chính thống kê”, “chuyên viên kế toán”, “nhân viên tiếp thị”, v.v... mà không ghi là “nhân viên” hay “cán bộ văn phòng”; ghi là “giáo viên dạy toán lớp 9”, “giáo viên dạy văn lớp 12”, v.v... mà không ghi là “giáo viên”; ghi là “bán buôn vật liệu xây dựng”, “bán lẻ hàng tạp hóa” v.v... mà không ghi là “bán hàng”.

Có ai còn hỏi gì về cách hỏi và ghi phiếu Câu 23 không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Nếu không có ai còn ý kiến gì nữa thì chúng ta chuyển sang nghiên cứu cách hỏi và ghi phiếu Câu 24 (hỏi về vị thế việc làm của ĐTĐT tại nơi làm việc).

Mời anh/chị.... đọc mục: “Câu 24”, trang 48, 49.

Cách hỏi và
ghi phiếu
câu 24

- Viết lên bảng: “Câu 24: Với công việc trên, anh/chị là lao động gia đình, làm công ăn lương hay giữ vai trò khác?”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích và hướng dẫn cách ghi vào phiếu

HỎI: Theo các anh chị, trong một công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên, có ai là lao động gia đình hoặc giữ vai trò khác không, hay tất cả (ban giám đốc, nhân viên các phòng ban, và toàn bộ công nhân đều là làm công ăn lương, mời anh/chị ...?

TRẢ LỜI: Tất cả đều là làm công ăn lương.

HỎI: Anh Hoàng có một xưởng sản xuất đồ mộc, anh vừa tự làm và có 4 người nữa cùng tham gia làm việc với anh. Anh Tiến là thợ được anh Hoàng thuê làm việc và trả công theo sản phẩm; anh Hòa là con của anh Hoàng hàng ngày cùng làm với anh Hoàng nhưng không được trả công mà mỗi khi cần tiền, anh Hòa phải xin bố; và Chị Lịch là con gái của anh Hoàng đã đi lấy chồng ở xã bên nhưng hàng ngày về để lo nấu cơm cho thợ và được anh Hoàng trả cho mỗi tháng 1 triệu đồng. Theo các anh chị thì ghi Câu 24 cho những người trên như thế nào, mời anh/chị.....?

TRẢ LỜI: Anh Hoàng được tính là “Khác”; anh Tiến và chị Lịch được tính là “Làm công ăn lương”; và anh Hòa được tính là “Lao động gia đình”.

HỎI: Hộ ông Nam là hộ trồng lúa. Tham gia vào việc trồng lúa có 4 người trong hộ là: vợ chồng ông Nam và 2 người con cùng làm với bố mẹ nhưng không được bố mẹ trả tiền công. Theo các anh chị thì xác định vị thế việc làm cho 4 người trên như thế nào, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Trong trường hợp đó, vợ chồng ông Nam được xác định là “Khác”, còn hai người con là “lao động gia đình”.

Có ai có ý kiến gì về cách hỏi và ghi phiếu cho Câu 24 không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Nếu không có ai hỏi gì nữa thì chúng ta chuyển sang nghiên cứu cách hỏi và ghi phiếu cho Câu 25 (Loại hình kinh tế của cơ sở, nơi ĐTVT làm việc

Mời anh/chị.... đọc mục: “Câu 25”, trang 49, 50, 51, 52.

Cách hỏi
và ghi
phiếu câu
25

- Viết lên bảng: “Câu 25: Cơ sở nơi anh/chị làm công việc trên là cá nhân, hộ sản xuất kinh doanh cá thể, kinh tế tập thể, tư nhân, nhà nước hay có vốn đầu tư nước ngoài?”
- Gọi mỗi học viên đọc một loại hình kinh tế
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Sau khi mỗi học viên đọc xong 1 phần, giải thích và hướng dẫn cách ghi vào phiếu.

Chú ý: Nếu cơ sở nơi đối tượng điều tra làm việc là “Cá nhân”, thì sau khi gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “1”, ĐTVT chuyển đến hỏi Câu 31, mà không hỏi các câu từ Câu 26 đến Câu 30. Việc **ghi mã cho Câu 27 sẽ do mã số viên của tỉnh căn cứ vào thông tin ở Câu 23 để ghi.**

HỎI: Theo các anh chị thì giữa “cá nhân” và “tư nhân” khác nhau ở những điểm nào, mời anh/chị.....?

TRẢ LỜI: “Cá nhân” và “tư nhân” khác nhau ở chỗ: “tư nhân” đã đăng ký thành lập doanh nghiệp và hoạt động theo “luật doanh nghiệp”, như: công ty cổ phần tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn tư nhân một hoặc nhiều thành viên, v.v.... Cá nhân là những người tự tổ chức công việc và tự làm công việc đó, như: thợ cắt tóc làm một mình, thợ may ở nhà, lái xe ôm, bán hàng rong, v.v...

HỎI: Theo các anh chị thì một đơn vị có tên là “công ty cổ phần” sẽ thuộc loại hình kinh tế nào, mời anh/chị....?

TRẢ LỜI: Nếu công ty cổ phần đó có cổ phần của nhà nước đóng góp chiếm tỷ lệ trên 50% hoặc cổ phần đặc biệt thì công ty đó thuộc “Nhà nước”; còn nếu phần vốn của nhà nước đóng góp dưới 51% hoặc không có cổ phần đặc biệt, thì công ty đó thuộc “tư nhân”.

HỎI: Theo các anh chị thì một đơn vị có tên là “công ty trách nhiệm hữu hạn” sẽ thuộc loại hình kinh tế nào, mời anh/chị....?

TRẢ LỜI: Nếu công ty trách nhiệm hữu hạn đó là công ty trách nhiệm 1 thành viên 100% vốn của nhà nước thì thuộc nhà nước; nếu 100% vốn của tư nhân thì thuộc tư nhân; nếu do liên kết giữa các loại hình kinh tế khác nhau: nếu có nhà nước tham gia, mà phần vốn đóng góp của nhà nước chiếm trên 50% thì đó là công ty TNHH nhà nước, nếu phần đóng góp của nhà nước dưới 51% thì đó là công ty TNHH tư nhân.

Có ai có ý kiến gì về cách hỏi và ghi phiếu cho Câu 25 không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Nếu không có ai hỏi gì nữa thì chúng ta chuyển sang nghiên cứu cách hỏi và ghi phiếu cho Câu 26 (Tên cơ quan, đơn vị nơi ĐTĐT làm việc).

Mời anh/chị.... đọc mục: “Câu 26”, trang 52, 53.

Cách hỏi
và ghi
phiếu câu
26

- Viết lên bảng: “Câu 26: Tên cơ quan hoặc đơn vị nơi anh/chị làm công việc trên và cấp trên trực tiếp (NẾU CÓ) là gì?”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích và hướng dẫn cách ghi vào phiếu, những điểm cần chú ý

Để ghi cho câu này, chúng ta phải ghi thật đúng tên đơn vị quản lý trực tiếp ĐTĐT, tức đơn vị nơi ĐTĐT trực tiếp làm việc, đồng thời ghi tên đơn vị quản lý cấp trên trực tiếp nơi ĐTĐT làm việc (nếu có). Nơi làm việc đó có thể là: phân xưởng/tổ/đội sản xuất, phòng/ban, v.v... Cấp trên trực tiếp của các tổ/đội sản xuất có thể là phân xưởng, cũng có thể là công ty, v.v... Cấp trên trực tiếp của các phòng/ban có thể là cục/vụ/viện, cũng có thể là xí nghiệp, công ty, sở/ban/ngành, v.v....

Đối với những người đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài đang còn trong thời hạn quy định thì ghi tên nước mà người đó đang sống và làm việc.

HỎI: Một người khai là thợ hàn bậc 5 ở phân xưởng cơ khí, nhà máy dệt 8/3, anh chị sẽ ghi Câu 26 cho người này như thế nào, mời anh/chị.....?

TRẢ LỜI: Vì đơn vị trực tiếp nơi mà ĐTĐT làm là phân xưởng cơ khí và đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý phân xưởng cơ khí là xí nghiệp dệt 8/3, theo quy định, chúng ta sẽ ghi Câu 26 cho người đó là “phân xưởng cơ khí, xí nghiệp dệt 8/3”.

HỎI: Một người khai là làm giám đốc xí nghiệp giấy Thăng Lợi, anh chị sẽ ghi Câu 26 cho người này như thế nào, mời anh/chị.....?

- Mời một học viên lên bảng ghi thông tin vào phiếu khổ A0 treo trên bảng
- Các học viên còn lại theo dõi cách ghi của học viên được mời lên bảng
- Các học viên góp ý về cách ghi phiếu của học viên được mời lên bảng
- Giảng viên nhận xét chung

TRẢ LỜI: Vì ĐTĐT là giám đốc một đơn vị sản xuất, vì vậy chúng ta sẽ ghi Câu 26 cho người này là “Xí nghiệp giấy Thăng Lợi”.

Có ai có ý kiến gì về cách hỏi và ghi phiếu cho Câu 26 không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Nếu không có ai hỏi gì nữa thì chúng ta chuyển sang nghiên cứu cách hỏi và ghi phiếu cho Câu 27 (nhiệm vụ/sản phẩm chính của cơ quan/đơn vị nơi ĐTĐT làm việc).

Mời anh/chị.... đọc mục: “Câu 27”, trang 54.

Cách hỏi
và ghi
phiếu câu
27

- Viết lên bảng: “Câu 27: Nhiệm vụ/sản phẩm chính của cơ quan/đơn vị nơi anh/chị làm công việc trên là gì?”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích và hướng dẫn cách ghi vào phiếu, những điểm cần chú ý

HỎI: Trong một hộ kinh doanh vật liệu xây dựng, 2 vợ chồng chuyên bán lẻ vật liệu xây dựng và 1 người con lái xe tải vận chuyển vật liệu xây dựng đến nơi người mua yêu cầu. Các anh chị sẽ ghi Câu 27 như thế nào cho 3 người này, mời anh/chị ...?

TRẢ LỜI: Ghi “Bán lẻ vật liệu xây dựng” cho cả 3 người. Vì đây là “hộ sản xuất kinh doanh cá thể”, nên phải ghi theo nhiệm vụ, sản phẩm chính mà hộ sản xuất kinh doanh, mà không ghi theo công việc của từng người trong hộ đã làm.

HỎI: Trong một hộ sản xuất nông nghiệp, 2 vợ chồng làm nghề trồng lúa và người con làm nghề bán lẻ thức ăn gia súc tại nhà. Các anh chị sẽ ghi Câu 27 cho 3 người nói trên như thế nào, mời anh/chị ...?

TRẢ LỜI: Ghi “trồng lúa” cho 2 vợ chồng và ghi “bán lẻ thức ăn gia súc” cho người con.

Có thể có một đơn vị tham gia vào việc sản xuất kinh doanh nhiều mặt hàng, sản phẩm, dịch vụ khác nhau. Nhưng chúng ta chỉ ghi nhiệm vụ hoặc sản phẩm chính của cơ quan, đơn

vị đó (là nhiệm vụ hoặc sản phẩm chính đã được ghi trong giấy phép kinh doanh hoặc do cấp có thẩm quyền giao cho).

Đối với những “hộ sản xuất kinh doanh cá thể” thì ghi tên sản phẩm hoặc dịch vụ chính mà hộ sản xuất kinh doanh cá thể đó đã sản xuất hoặc thực hiện trong 7 ngày qua.

Sau khi ghi thông tin cho Câu 27, các anh chị sẽ chuyển đến hỏi Câu 31 mà không hỏi các câu 28, 29 và 30.

Có ai có ý kiến gì về cách hỏi và ghi phiếu cho Câu 27 không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Nếu không có ai hỏi gì nữa thì chúng ta chuyển sang nghiên cứu cách hỏi và ghi phiếu cho Câu 28 (trong 30 ngày qua, ĐTĐT có đi tìm kiếm việc làm không).

Mời anh/chị.... đọc mục: “Câu 28”, trang 54.

Cách hỏi
và ghi
phiếu câu
28

- Viết lên bảng: “Câu 28: Trong 30 ngày qua, anh/chị có tìm kiếm việc làm không?”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích và hướng dẫn cách ghi vào phiếu

Câu hỏi này chỉ hỏi và ghi cho những người có câu trả lời “KHÔNG” ở Câu 22.

Tùy theo câu trả lời của ĐTĐT mà các anh chị gạch chéo vào ô vuông nhỏ thích hợp.

Có những người trong 30 ngày qua tuy có đi tìm việc làm, nhưng vì lý do nào đó mà họ chưa sẵn sàng làm việc (có việc thích hợp họ cũng chưa đi làm ngay mà phải sau một thời gian nữa họ mới đi làm). Để thu thập được thông tin về số người trong 30 ngày qua, tuy họ có đi tìm việc làm nhưng vẫn chưa sẵn sàng làm việc, phiếu thiết kế câu hỏi 29.

Mời anh/chị.... đọc mục: “Câu 29”, trang 55.

Cách hỏi
và ghi
phiếu câu
29

- Viết lên bảng: “Câu 29: Trong 7 ngày qua, nếu tìm được việc làm, anh/chị có đi làm ngay không?”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích và hướng dẫn cách ghi vào phiếu

HỎI: Chị Duyên khi được hỏi trong 30 ngày qua có tìm việc làm và có sẵn sàng làm việc không, đã trả lời là đã gửi đơn xin việc ở xí nghiệp may Thăng Long và đang chờ giấy gọi đi làm. Tuy nhiên, chị Duyên cũng nói rằng, nếu gọi đi làm ngay thì chị cũng chưa đi làm vì con còn quá nhỏ, mà phải hơn 1 tháng nữa thì chị mới đi làm. Theo các anh chị thì ghi phiếu cho chị Duyên ở Câu 29 như thế nào, mời anh/chị.....?

TRẢ LỜI: Trong trường hợp này, chúng ta sẽ gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “2”. Vì chị Duyên đã nói rõ là, nếu có việc làm ngay thì chị ta cũng không đi làm ngay vì con còn quá nhỏ.

Có ai có ý kiến gì về cách hỏi và ghi phiếu cho Câu 28 và Câu 29 không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Nếu không có ai hỏi gì nữa thì chúng ta chuyển sang nghiên cứu cách hỏi và ghi phiếu cho Câu 30 (lý do ĐTĐT không đi tìm kiếm việc làm và không sẵn sàng làm việc).

Cách hỏi
và ghi
phiếu câu
30

Mời anh/chị.... đọc mục: “Câu 30”, trang 55, 56.

- Viết lên bảng: “Câu 30”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích và hướng dẫn cách ghi vào phiếu

Câu hỏi này chỉ hỏi và ghi cho những người có câu trả lời “KHÔNG” ở Câu 28 hoặc Câu 29.

Nếu câu trả lời ở Câu 28 là “KHÔNG” (ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “2” được gạch chéo), thì hỏi: **Tại sao anh/chị không tìm việc?**

Nếu câu trả lời ở Câu 29 là “KHÔNG” (ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “2” được gạch chéo), thì hỏi: **Tại sao anh/chị không sẵn sàng làm việc?**

Tùy theo câu trả lời của ĐTĐT mà gạch chéo vào ô vuông nhỏ thích hợp.

Như vậy, đến đây chúng ta đã nghiên cứu xong cách hỏi và ghi các câu hỏi về lao động việc làm cho những người từ 15 tuổi trở lên (các câu hỏi từ 20 đến 30).

Có ai có ý kiến gì về cách hỏi và ghi phiếu cho các câu hỏi đối với phân lao động và việc làm không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Thực hành
phỏng vấn
các câu từ
18 đến 30

Nếu không ai hỏi gì nữa thì chúng ta sẽ dành thời gian để tiến hành thực hành phỏng vấn cho các câu hỏi từ Câu 18 đến Câu 30.

Tôi sẽ lại đóng vai ĐTV và mời một người lên đóng vai chủ hộ để phỏng vấn mẫu cho phần này.

- Mời một học viên lên bảng
- Giảng viên và học viên ngồi mỗi người 1 ghế, quay mặt xuống lớp học
- Giảng viên bắt đầu cuộc phỏng vấn các câu từ 18 đến 30

Sau mỗi câu trả lời của người đóng vai chủ hộ, giảng viên phân tích thông tin trả lời của ĐTĐT và đưa ra cách xử lý thông tin để đi đến quyết định cần phải hỏi thêm hay thông tin thu được đã chính xác để ghi vào phiếu điều tra (khổ A0) cho mọi học viên ở dưới cùng thấy

Ai có ý kiến gì về cuộc phỏng vấn mà tôi vừa làm mẫu không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Nếu không có ai còn hỏi gì thì chúng ta chuyển qua phần các anh chị sẽ lên thực hành phỏng vấn các câu hỏi từ 18 đến 30.

- Mời hai học viên lên bảng, chỉ định một người đóng vai ĐTV và một người đóng vai chủ hộ
- Để 2 người ngồi vào 2 ghế, đối diện nhau và hướng về phía các học viên ngồi ở dưới
- Học viên đóng vai ĐTV thực hành phỏng vấn và nói rõ cách xử lý thông tin nhận được và cách ghi vào phiếu (khổ A0) như thế nào cho mọi người ở dưới cùng thấy
- Các học viên ở dưới theo dõi và ghi vào phiếu các thông tin như học viên đóng vai ĐTV đã ghi và nói cho biết, đồng thời ghi những nhận xét đánh giá của mình để góp ý sau này
- Sau khi cuộc thực hành phỏng vấn kết thúc, giảng viên yêu cầu mọi người đánh giá những chỗ được và chưa được của cuộc phỏng vấn, những gì ĐTV xử lý chưa tốt hoặc ghi sai và theo mình thì phải xử lý và ghi như thế nào
- Giảng viên nhận xét chung về cuộc phỏng vấn
- Tiếp tục một cuộc thực hành phỏng vấn thứ hai (cách làm như cuộc thực hành phỏng vấn thứ nhất)

Có còn ai có ý kiến gì về các câu hỏi của phần này nữa không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Nếu không còn ai hỏi gì thêm nữa thì chúng ta chuyển sang nghiên cứu cách hỏi và ghi phiếu phần các câu hỏi về lịch sử sinh đẻ của những phụ nữ từ 15 đến 49 tuổi (sinh từ tháng 4/1959 đến hết tháng 3/1994) (các câu hỏi từ 31 đến 34b).

Để xác định những ai sẽ được phỏng vấn phần lịch sử sinh đẻ của những phụ nữ từ 15 đến 49 tuổi, phiếu thiết kế Câu 31.

Câu 31 là câu kiểm tra. Mời anh/chị.... đọc mục: “Câu 31”, trang 56.

- Viết lên bảng: “Câu 31: KIỂM TRA”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích cách kiểm tra

Cách hỏi và ghi phiếu, phần dành cho những phụ nữ từ 15 đến 49 tuổi

Cách hỏi và ghi phiếu câu 32

Như vậy, những người sau đây sẽ không phỏng vấn tiếp mà kết thúc phỏng vấn ở đây:

- Tất cả những ĐTĐT là nam giới;
- Những phụ nữ dưới 15 tuổi (Câu 4 ghi từ tháng 4/1994 đến tháng 3/2009, hoặc Câu 5 ghi từ 00 đến 14);
- Những phụ nữ từ 50 tuổi trở lên (Câu 4 ghi từ tháng 3/1959 trở về trước, hoặc Câu 5 ghi từ 50 đến 95).

Đối với những phụ nữ từ 15 đến 49 tuổi, chúng ta sẽ tiếp tục hỏi và ghi phiếu Câu 32 (ĐTĐT đã sinh con bao giờ chưa)

Mời anh/chị.... đọc mục: “Câu 32”, trang 56.

Cách hỏi
và ghi
phiếu câu
32

- Viết lên bảng: “Câu 32: Chị đã sinh con bao giờ chưa?”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giảng viên giải thích thể nào là một lần sinh và cách ghi phiếu

Đối với những phụ nữ từ 15 đến 49 tuổi, các anh chị cũng nên gặp trực tiếp để hỏi về lịch sử sinh đẻ của họ, mà không nên hỏi gián tiếp qua bất kỳ một người nào khác.

HỎI: Một người mang thai, nhưng khi sinh bác sỹ nói là đứa trẻ đã chết khi còn trong bụng mẹ thì có được tính là một lần sinh không, mời anh/chị.....?

TRẢ LỜI: Không. Vì khi ra khỏi bụng mẹ, đứa trẻ không có bất kỳ một dấu hiệu của sự sống nào như: tim đập, cuống nhau rung động, cơ bắp cử động, v.v... (nghĩa là đứa trẻ đã bị chết lưu-chết từ trong bụng mẹ.)

HỎI: Một người trước khi lấy người chồng hiện tại, chị ta đã có một đứa con ngoài giá thú với người khác và đã cho người khác làm con nuôi, vậy đứa trẻ đó có được tính là một lần sinh cho chị ta không, mời anh/chị.....?

TRẢ LỜI: Có, vì theo quy định, được tính là một lần sinh cho người phụ nữ tất cả những người con do chính chị ta sinh ra, mà không quan tâm tới việc chị ta sinh đứa trẻ đó với ai.

HỎI: Chị Hạnh lấy chồng một thời gian dài mà không có con, chị đã đi thụ tinh nhân tạo và sinh được một cháu gái. Trong trường hợp này có tính cho chị Hạnh một lần sinh không, mời anh/chị.....?

TRẢ LỜI: Có, vì cháu gái này do chính chị Hạnh đã mang thai và sinh ra.

Có ai có ý kiến gì về cách hỏi và ghi phiếu cho Câu 32 không?

Cách hỏi
và ghi
phiếu các
câu 33a,
33b và 33c

Trả lời các câu hỏi nếu có

Nếu không có ai hỏi gì nữa thì chúng ta chuyển sang nghiên cứu cách hỏi và ghi phiếu cho các Câu từ 33a đến 33c (số con hiện đang sống cùng hộ với ĐTĐT, số con hiện sống khác hộ và số con đã chết).

Mời anh/chị.... đọc các mục từ “Câu 33a” đến “Câu 33c”, trang 57, 58.

- Viết lên bảng:

“Câu 33a: Số con do chị sinh ra hiện đang sống với chị ở trong hộ này?”

Câu 33b: Số con do chị sinh ra hiện không sống với chị trong hộ này (ở nơi khác)?

Câu 33c: Có người con nào do chị sinh ra nhưng bị chết không?”

- Mời mỗi học viên đọc một câu

- Theo dõi Sổ tay điều tra viên

- Sau mỗi câu, giải thích và hướng dẫn cách ghi vào phiếu

- Không được bỏ trống bất kỳ một ô vuông to nào

HỎI: Chị Hải khai là đến nay đã mang thai 4 lần và đã sinh được một số người con như sau: một người con gái hiện cùng ăn ở chung với chị, một người con trai đã có vợ được vợ chồng chị Hải cho ăn riêng nhưng vẫn ở chung cùng một ngôi nhà với chị Hải, một người con gái hiện đang đi học ở nước ngoài và vẫn trong thời hạn quy định, và một người con trai khi đẻ thì bác sỹ nói là đã bị chết ngay từ khi còn ở trong bụng mẹ. Ngoài ra, chị còn nuôi một người con gái từ khi cháu mới được 2 ngày tuổi. Hiện cháu đang học đại học ở tỉnh khác và ở trong ký túc xá của trường. Chị Hải nói rằng tất cả chị đã có 5 người con. Theo các anh chị thì ghi như thế nào cho chị Hải từ Câu 32 đến Câu 33c, mời anh/chị.....?

- Mời một học viên lên bảng ghi thông tin vào phiếu khổ A0 treo trên bảng;

- Các học viên còn lại theo dõi cách ghi của học viên được mời lên bảng;

- Các học viên góp ý về cách ghi vào phiếu của học viên được mời lên bảng;

- Giảng viên nhận xét chung.

TRẢ LỜI: Câu 32 gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “1”;

- *Câu 33a ghi “02” vào 2 ô vuông to tương ứng (người con đang học ở nước ngoài được tính là sống trong cùng hộ với người mẹ);*

- *Câu 33b ghi “01” vào 2 ô vuông to tương ứng;*

- *Câu 33c ghi “00” vào 2 ô vuông to tương ứng;*

Như vậy, chị Hải chỉ có 3 người con chứ không phải có 5 như chị đã trả lời. Có thể chị Hải đã tính cả cô con gái nuôi và đứa con chết lưu nên mới có 5 người con.

Có ai còn hỏi gì về cách hỏi và ghi phiếu cho các câu về lịch sử sinh đẻ của những phụ nữ từ 15 đến 49 tuổi không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Nếu không có ai hỏi gì nữa thì chúng ta chuyển sang nghiên cứu cách hỏi và ghi phiếu cho các Câu từ 34a và 34b (tháng năm sinh theo dương lịch của lần sinh gần nhất và số con đã sinh của lần sinh gần nhất).

Cách hỏi
và ghi
phiếu các
câu 34a,
34b

Mời anh/chị.... đọc các mục từ “Câu 34a” và “Câu 34b”, trang 57, 58.

- Viết lên bảng:
“Câu 34a: Tháng, năm dương lịch của lần sinh gần nhất?
Câu 34b: Số con trai, con gái của lần sinh gần nhất?”
- Mời mỗi học viên đọc một câu
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Sau mỗi câu, giải thích và hướng dẫn cách ghi vào phiếu
- Lưu ý cách hỏi và ghi phiếu cho Câu 34a giống như cách hỏi và ghi Câu 4 “tháng năm sinh theo dương lịch”
- Câu 34b ghi số con trai và con gái đã sinh của lần sinh gần nhất, không được bỏ trống bất kỳ một ô mã nào

HỎI: Các anh chị hiểu như thế nào là lần sinh gần nhất, mời anh/chị.....?

TRẢ LỜI: Lần sinh gần nhất là lần sinh gần với thời điểm điều tra nhất.

HỎI: Lần sinh gần nhất của một người là vào tháng 2/2008, nhưng cháu bé đó đã chết sau khi sinh được 1 tháng thì đó có phải là lần sinh gần nhất không, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Có, đó chính là lần sinh gần nhất của người phụ nữ đó, vì theo quy định, lần sinh gần nhất là một lần sinh sống, không kể tại thời điểm điều tra, đứa trẻ đó còn sống hay đã chết.

HỎI: Lần sinh gần nhất của một phụ nữ là vào tháng 9/1997 và đã sinh được một cháu gái, nhưng cháu đã bị chết vào tháng 1/2003. Anh chị ghi như thế nào cho người phụ nữ này ở các Câu 34a và 34b, mời anh/chị...?

- Mời một học viên lên bảng ghi thông tin vào phiếu khổ A0 treo trên bảng
- Các học viên còn lại theo dõi cách ghi của học viên được mời lên bảng
- Các học viên góp ý về cách ghi vào phiếu của học viên được mời lên bảng
- Giảng viên nhận xét chung

TRẢ LỜI: Câu 34a ghi số “09” vào 2 ô vuông to bên cạnh chữ “THÁNG” và số 1997 vào 4 ô vuông to bên cạnh chữ “NĂM” (mỗi ô một chữ số). Câu 34b ghi số “0” vào ô vuông nhỏ bên cạnh chữ “CON TRAI” và số “1” vào ô vuông to bên cạnh chữ “CON GÁI”.

Ai có ý kiến gì đối với các câu hỏi về lịch sử sinh đẻ của những phụ nữ từ 15 đến 49 tuổi không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Đến đây chúng ta đã nghiên cứu xong cách hỏi và ghi phiếu phần thông tin cá nhân cho từng nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ

Có ai còn hỏi gì về cách hỏi và ghi phiếu cho phần này không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Cách hỏi
và ghi
phiếu
thông tin
về người
chết

Nếu không có ai hỏi gì nữa thì chúng ta chuyển sang nghiên cứu cách hỏi và ghi phiếu Phần 2: “Thông tin về người chết”.

Cần lưu ý là: đối với những hộ phải dùng từ hai tập phiếu trở lên thì phần thông tin về người chết sẽ được ghi ở tập phiếu cuối cùng.

Trước hết, chúng ta nghiên cứu cách hỏi và ghi phiếu Câu 35 (hộ có người chết trong khoảng thời gian từ 1 Tết Mậu Tý (vào ngày 7/2/2008 dương lịch) đến 0 giờ ngày 1/4/2009 không?)

Viết lên bảng: “Phần 2: THÔNG TIN VỀ NGƯỜI CHẾT”

Cách hỏi
và ghi
phiếu câu
35

Mời anh/chị.... đọc mục: “Câu 35”, trang 59, 60.

- Viết lên bảng: “Câu 35: Từ ngày 01 Tết Mậu Tý (vào 7/2/2008 theo dương lịch) đến 0 giờ ngày 1/4/2009, trong hộ ta có ai hay cháu nhỏ nào bị chết không?”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giảng viên giải thích cách ghi phiếu

Thông tin về người chết là một trong những thông tin *nhạy cảm và thường bị bỏ sót trong điều tra, nhất là các trường hợp chết sơ sinh và chết trẻ em*. Trên thực tế, để thu thập thông tin về người chết, các anh chị phải hết sức tế nhị để tránh làm cho người cung cấp thông tin khó chịu, phật ý, dẫn đến bất hợp tác với ĐTV.

Do phong tục tập quán và sự kiêng khem của một số địa phương, có thể chúng ta không đặt câu hỏi như đã được thiết kế trên phiếu, mà tùy theo từng địa phương, chúng ta có thể đặt câu hỏi khác đi nhưng vẫn phải bảo đảm thu được hết các trường hợp chết của hộ, chẳng hạn, chúng ta có thể hỏi: “Từ Tết âm lịch năm ngoái (năm 2008), hộ ta có giảm ai không?”, nếu câu trả lời là có, thì hỏi thêm “vì sao lại giảm?”. Ngoài ra, chúng ta cũng có thể tham khảo thông tin từ những người xung quanh và những người có trách nhiệm ở địa phương. Có một việc nên làm là: Sau khi kết thúc phỏng vấn một hộ và chuẩn bị chuyển sang phỏng vấn hộ tiếp theo, chúng ta có thể hỏi chủ hộ vừa mới phỏng vấn xong xem hộ mà chúng ta chuẩn bị đến có ai chết trong khoảng thời gian từ Tết năm ngoái (Mậu Tý) không; trong thôn/xóm/ấp/bản trong 12 tháng qua có ai chết không; nắm thông tin về *người chết thông qua trường thôn, tổ trưởng dân phố, công tác viên dân số, cán bộ hộ tịch, v.v...*

Nhiều ĐTV, do e ngại và cho rằng mình là người địa phương, nên biết hết các trường hợp chết trong phạm vi địa bàn mình phụ trách, đã tự động ghi vào phiếu là hộ không có người chết. Trên thực tế, với những người chết ở độ tuổi cao, thì thường mọi người ở xung quanh đều biết, nhất là ở các vùng nông thôn. Tuy nhiên, không phải ai cũng biết hoặc nhớ

được toàn bộ số người chết ở địa phương mình, nhất là đối với các trường hợp chết sơ sinh, chết trẻ em và những người chết ở nơi khác (bệnh viện, đi thăm người thân rồi chết ở đó, v.v...).

Tóm lại, trong bất kỳ trường hợp nào, kể cả đã hỏi những người xung quanh, chúng ta vẫn phải hỏi trực tiếp chủ hộ để nắm được thông tin về người chết của hộ. Chúng ta cần tế nhị khi đặt câu hỏi, nhưng không có nghĩa là chúng ta không hỏi mà dựa vào sự hiểu biết chủ quan của mình để ghi vào phiếu.

Phiếu được thiết kế đủ để ghi cho hộ có tối đa 3 người chết. Trường hợp hộ có trên 3 người chết thì chúng ta sẽ sử dụng tiếp tờ phiếu thứ 2, 3, v.v...

Trường hợp hộ có người chết trong khoảng thời gian nói trên, thì chúng ta ghi họ tên của người chết ở Câu 36, giới tính của người chết ở Câu 37. Cách hỏi và ghi 2 câu này giống như câu 1 và 3, Phần 1: “Thông tin về dân số”.

Cần hết sức chú ý phát hiện các trường hợp chết cả hộ xảy ra trong địa bàn trong khoảng thời gian nói trên để tránh bỏ sót. Cách ghi phiếu đối với các trường hợp chết cả hộ đã được nghiên cứu ở những ngày trước.

HỎI: Tại địa bàn số 15, thôn 2 xã A, huyện B, tỉnh C, ở hộ số 78 theo bảng kê có 1 thành viên là bà Hoàng Thị Yến. Bà Yến đã chết vào tháng 5/2008 âm lịch, theo các anh chị thì ghi trang bìa của phiếu cho hộ này như thế nào, mời anh/chị...?

- Mời một học viên lên bảng ghi thông tin vào phiếu khổ A0 treo trên bảng
- Các học viên còn lại theo dõi cách ghi của học viên được mời lên bảng
- Các học viên góp ý về cách ghi vào phiếu của học viên được mời lên bảng
- Giảng viên nhận xét chung

*TRẢ LỜI: Góc trên bên trái của tập phiếu ghi câu “**Trường hợp chết cả hộ**”, ghi phần định danh như các hộ khác, phần “**SỐ NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TRONG TẬP PHIẾU NÀY**” ghi “**00**”; “**SỐ NAM**” ghi “**00**”; “**SỐ NỮ**” ghi “**00**”; “**ĐÂY LÀ TẬP PHIẾU SỐ**” ghi “**1**”; “**TRONG**” ghi “**1**” “**TẬP PHIẾU CỦA HỘ**”. Phần ký xác nhận của người cung cấp thông tin sẽ do người đứng ra khai ký.*

Câu 38 dùng để ghi tháng và năm chết tính theo dương lịch .

Cần lưu ý: không được ghi mã “98” cho tháng chết.

Câu 39 dùng để thu thập thông tin về số tuổi theo dương lịch của người chết. Mời anh/chị đọc mục: “Câu 39”, trang 59, 60.

- Viết lên bảng: “Câu 39: Khi chết [TÊN] đã bao nhiêu tuổi theo dương lịch?”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giảng viên giải thích cách ghi phiếu

Câu 40 thu thập thông tin về nguyên nhân chết. Mời anh/chị ... đọc mục: “Câu 40”, trang 60.

- Viết lên bảng: “Câu 40: [TÊN] chết vì nguyên nhân gì?”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giảng viên giải thích về từng nguyên nhân chết (đưa ra những ví dụ cụ thể) và cách ghi phiếu

HỎI: Một công nhân công ty điện lực được phân công đi sửa đường dây điện bị điện giật chết và một người đang trên đường đi chơi vướng phải dây điện bị đứt nên bị giật chết, theo các anh chị thì ghi nguyên nhân chết cho 2 trường hợp này như thế nào, mời anh/chị.....?

TRẢ LỜI: Nguyên nhân chết trong trường hợp thứ nhất là “tai nạn lao động” vì họ chết trong khi đang làm nhiệm vụ” (sửa đường dây); trường hợp thứ hai là chết do “tai nạn khác” vì không phải chết trong khi đang làm việc mà đang đi chơi.

HỎI: Một người đi tắm bị chết đuối thì ghi nguyên nhân chết như thế nào, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Ghi nguyên nhân chết là “Tai nạn khác”.

Một trong những nguyên nhân chết hiện được chúng ta quan tâm nhiều nhất đó là chết do thai sản hay còn gọi là “chết mẹ”. Chết do thai sản có nghĩa là người phụ nữ trong độ tuổi từ 15 đến 49 bị chết do nguyên nhân mang thai, trong và sau quá trình sinh con, do sảy/nao/phá thai.

Để thu thập thông tin về các trường hợp chết do thai sản, trước hết chúng ta phải kiểm tra người chết của hộ có phải là phụ nữ từ 15 đến 49 tuổi và chết không phải do tai nạn không. Để làm điều này, phiếu thiết kế Câu 41.

Mời anh/chị... đọc mục: “Câu 41”, trang 60, 61.

- Viết lên bảng: “Câu 41: KIỂM TRA CÂU 37, 39, 40”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích cách kiểm tra

Như vậy, những người bị chết do tai nạn (Câu 40 đã gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số hoặc “2”, hoặc “3”, hoặc “4”) sẽ kết thúc phỏng vấn người chết này ở đây.

Đối với những người chết do bệnh tật hoặc do các nguyên nhân khác không phải do tai nạn, thì sẽ hỏi tiếp Câu 42.

Mời anh/chị.... đọc mục: “Câu 42”, trang 61.

- Viết lên bảng: “Câu 42: Có phải [TÊN] chết khi đang mang thai không?”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giảng viên giải thích cách ghi phiếu

Câu này chỉ hỏi những người chết là phụ nữ (Câu 37 mã số 2), tuổi từ 15-49 (Câu 39) và bị chết do “Bệnh tật” hoặc chết do nguyên nhân “Khác” (Câu 40).

HỎI: Một người mang thai và bị chết do tai nạn giao thông có được coi là chết do thai sản không, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Không, vì người đó bị chết không phải do mang thai.

HỎI: Một người bị bệnh tim và sau khi sinh con 1 tháng thì bị chết có được tính là chết do thai sản không, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Có, vì đã bị chết trong vòng 42 ngày sau khi sinh.

Đến đây chúng ta đã nghiên cứu xong phần thu thập các thông tin về người chết của hộ. Có ai còn hỏi gì về cách hỏi và ghi phiếu cho phần “thông tin về người chết” không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Nếu không có ai hỏi gì nữa thì chúng ta chuyển sang nghiên cứu cách hỏi và ghi phiếu cho Phần 3: “Thông tin về nhà ở”.

Viết lên bảng: “Phần 3: THÔNG TIN VỀ NHÀ Ở”

Một trong những yếu tố phản ánh chất lượng sống của dân số là điều kiện sống của các hộ dân cư mà trước hết là nhà ở, các tiện nghi nhà ở và một số phương tiện sinh hoạt thiết yếu khác. Để nghiên cứu điều kiện sống của dân cư, chúng ta có một số câu hỏi được thiết kế trong Phần 3: “Thông tin về nhà ở”.

Cần lưu ý: cũng như đối với phần thông tin về người chết, đối với những hộ phải dùng từ hai tập phiếu trở lên, thì phần thông tin về nhà ở cũng sẽ được ghi ở tập phiếu cuối cùng.

Trước hết, chúng ta tìm hiểu xem hộ có nhà để ở không. Mời anh/chị ... đọc mục: “Câu 43”, trang 62.

- Viết lên bảng: “Câu 43: HỘ CÓ HAY KHÔNG CÓ NHÀ Ở”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích cách ghi phiếu

HỎI: Anh chị hãy cho biết thế nào gọi là nhà ở, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Nhà ở là một loại công trình xây dựng được dùng để ở, gồm có ba bộ phận: tường, mái và sàn.

HỎI: Hộ ông Bình không có nhà nên phải thuê nhà của người khác để ở. Như vậy, hộ ông Bình có được coi là có nhà ở không, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Có, vì ở đây chúng ta chỉ quan tâm đến hộ có nhà để ăn, ở, sinh hoạt hay không (có quyền sử dụng nhà ở không) mà không quan tâm đến quyền sở hữu ngôi nhà (căn hộ) đó thuộc về ai.

Có ai còn hỏi gì về cách hỏi và ghi phiếu Câu 43 không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Chúng ta đều biết, ở nước ta không phải trong mỗi ngôi nhà/căn hộ chỉ có một hộ cư trú, mà vì một lý do nào đó, có thể trong một ngôi nhà/căn hộ có trên một hộ cư trú.

Đối với những ngôi nhà/căn hộ có trên một hộ cư trú thì ngôi nhà/căn hộ đó cũng chỉ được kê khai một lần. Vì vậy, không phải tất cả những hộ cư trú trong ngôi nhà/căn hộ đó đều phải trả lời các câu hỏi thu thập thông tin về ngôi nhà/căn hộ đó (nếu vậy sẽ bị tính trùng), mà chỉ một hộ cư trú trong ngôi nhà/căn hộ đó kê khai (được gọi là hộ đại diện).

Để biết được hộ nào là hộ đại diện phải kê khai các thông tin về cấu trúc của ngôi nhà/căn hộ và (những) hộ nào là (các) hộ ở chung trong ngôi nhà/căn hộ đó và ở chung với hộ đại diện nào, phiếu thiết kế Câu 44.

Mời anh/chị ... đọc mục: “Câu 44”, trang 62, 63.

Cách hỏi
và ghi
phiếu câu
44

- Viết lên bảng: “Câu 44: Hộ ông/bà có ở chung nhà với hộ khác không?”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích cách ghi phiếu

HỎI: Anh Quý (có số thứ tự hộ trong bảng kê là 065) là con ông Trần Văn Đại (có số thứ tự hộ trong bảng kê là 064), anh đã lấy vợ và được bố mẹ cho ở riêng nhưng vẫn sống chung trong cùng ngôi nhà của bố mẹ. Hộ bố anh Quý đã kê khai các thông tin về nhà ở của ngôi nhà mà vợ chồng anh đang sống cùng. Theo các anh chị thì ghi phiếu cho hộ của anh Quý ở Câu 44 như thế nào, mời anh/chị...?

- Mời một học viên lên bảng ghi thông tin vào phiếu khổ A0 treo trên bảng
- Các học viên còn lại theo dõi cách ghi của học viên được mời lên bảng
- Các học viên góp ý về cách ghi vào phiếu của học viên được mời lên bảng
- Giảng viên nhận xét chung

TRẢ LỜI: Gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “2”; sau đó gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “2” (đã khai chung với hộ khác); cuối cùng, ghi họ và tên của hộ đại diện (hộ đã khai phần nhà ở) “Trần Văn Đại” vào dòng kẻ liền dành sẵn và số “064” (là số thứ tự hộ của hộ ông Đại) vào 3 ô vuông to bên cạnh.

Có ai còn hỏi gì về cách hỏi và ghi phiếu cho Câu 44 không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Nếu không có ai hỏi gì thì chúng ta nghiên cứu tiếp loại nhà mà hộ hiện đang cư trú thuộc loại nào.

Cách hỏi
và ghi
phiếu câu
45

Mời anh/chị... đọc mục “Câu 45”, trang 63.

- Viết lên bảng: “Câu 45: Ngôi nhà hộ ông/bà đang ở là nhà chung cư hay nhà riêng lẻ”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích cách ghi phiếu

HỎI: Anh chị hãy cho biết thế nào là nhà chung cư, một dãy nhà xây chung móng và tường thì được tính là loại nhà nào, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Nhà chung cư là những ngôi nhà có từ 2 tầng trở lên, trong đó mỗi ngôi nhà có nhiều căn hộ được xây dựng dùng để ở, có lối đi, cầu thang, cơ sở hạ tầng sử dụng chung (các ngôi nhà chung tường, móng không được tính là nhà chung cư mà phải được tính là nhà riêng lẻ).

Có ai còn hỏi gì về cách hỏi và ghi phiếu cho Câu 45 không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Nếu không có ai hỏi gì nữa thì chúng ta chuyển qua nghiên cứu cách hỏi và ghi phiếu cho Câu 46 (số phòng, trong đó số phòng ngủ của ngôi nhà/căn hộ mà hộ đang ở).

Cách hỏi
và ghi
phiếu câu
46

Mời anh/chị.... đọc mục: “Câu 46”, trang 64.

- Viết lên bảng: “Câu 46: Ngôi nhà (căn hộ) này có mấy phòng, trong đó có mấy phòng ngủ?”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích cách ghi phiếu

HỎI: Phòng bao gồm các loại phòng nào, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Phòng bao gồm các loại phòng: phòng khách, phòng ngủ, phòng học tập, phòng ăn, phòng bếp, phòng vệ sinh, phòng kinh doanh (nếu phòng dành cho kinh doanh

cùng trong ngôi nhà hộ dùng để ở), v.v...

(Lưu ý: Phòng phải thỏa mãn 2 điều kiện: (1) tường cao ít nhất 2,1m; và (2) có diện tích tối thiểu là 4 mét vuông).

HỎI: Các phòng được ngăn bằng các tủ gỗ thì có được tính là một phòng không, mời anh/chị....?

TRẢ LỜI: Không, vì chỉ được tính là phòng khi được ngăn, che kín đáo bằng tường, vách ngăn cố định.

HỎI: Ở nông thôn các tỉnh phía Bắc, ngôi nhà thường được xây 4 hoặc 5 gian. Trong đó 3 gian giữa thông nhau (không có tường, vách), gian giữa thường được dùng để thờ, cúng; hai gian hai bên kê giường để ngủ; một hoặc hai gian hai bên thường được dùng làm phòng ngủ. Vậy 3 gian giữa được tính là mấy phòng?

TRẢ LỜI: Chỉ được tính là một phòng, cho dù có được che Ridô ngăn giữa gian thờ và gian kê giường ngủ.

HỎI: Ở một số nơi, đặc biệt là ở khu vực thành thị, người ta thường sử dụng gian mặt tiền để bán hàng. Vậy, gian mặt tiền đó có được tính là phòng không, mời anh/chị....?

TRẢ LỜI: Được tính, vì theo quy định, phòng dùng cho kinh doanh nếu ở cùng một ngôi nhà dùng để ở, thì phòng kinh doanh đó cũng được tính là phòng.

Có ai có ý kiến gì về cách hỏi và ghi phiếu Câu 46 không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Nếu không có ai hỏi gì nữa thì chúng ta chuyển qua nghiên cứu cách hỏi và ghi phiếu Câu 47 (tổng diện tích của ngôi nhà/căn hộ mà hộ đang ở).

Mời anh/chị.... đọc mục: “Câu 47”, trang 64.

Cách hỏi
và ghi
phiếu câu
47

- Viết lên bảng: “Câu 47: Tổng diện tích của ngôi nhà (căn hộ) là bao nhiêu mét vuông?”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích cách tính diện tích (hình vẽ trang 65) và cách ghi phiếu

HỎI: Phần sân thượng của ngôi nhà được che bằng óp nam, xung quanh chắn lưới B40 được dùng để trồng cây cảnh và phơi quần áo thì có được tính là diện tích sàn không, mời anh/chị....?

TRẢ LỜI: Không được tính. Vì sân thượng ở đây chính là mái của ngôi nhà. Do đó, theo quy định, thì không được tính diện tích mái vào tổng diện tích của ngôi nhà.

Có ai hỏi gì về cách hỏi và ghi phiếu cho Câu 47 không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Chúng ta tiếp tục nghiên cứu cách hỏi và ghi phiếu cho Câu 48, 49, 50, và 51 (vật liệu chính làm trụ/cột/tường chịu lực; làm mái; làm tường, bao che; năm ngôi nhà/căn hộ được đưa vào sử dụng).

Mời anh/chị.... đọc mục: “Câu 48”, (vật liệu chính làm cột), trang 65.

- Viết lên bảng: “Câu 48: Vật liệu chính làm cột (hoặc trụ, hoặc tường chịu lực) là gì?”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích cách ghi phiếu

Mời anh/chị.... đọc mục: “Câu 49”, (vật liệu chính làm mái), trang 66.

- Viết lên bảng: “Câu 49: Vật liệu chính làm mái là gì?”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích cách ghi phiếu

Mời anh/chị.... đọc mục: “Câu 50”, (vật liệu chính làm tường, bao che, trang 66.

- Viết lên bảng: “Câu 50: Vật liệu chính làm tường hoặc bao che là gì?”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích cách ghi phiếu

Mời anh/chị.... đọc mục: “Câu 51”, (năm ngôi nhà được đưa vào sử dụng), trang 66, 67.

- Viết lên bảng: “Câu 51: Ngôi nhà được đưa vào sử dụng năm nào?”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích cách ghi phiếu

Có ai hỏi gì về cách hỏi và ghi phiếu các câu 48, 49, 50, và 51 không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Các câu hỏi từ Câu 52 đến Câu 57 là các câu hỏi nhằm thu thập thông tin về quyền sở hữu ngôi nhà/căn hộ và các phương tiện sinh hoạt của hộ.

Chúng ta sẽ nghiên cứu cách hỏi và ghi phiếu câu hỏi về quyền sở hữu ngôi nhà/căn hộ hiện hộ đang dùng để ở trước.

Mời anh/chị... đọc mục: “Câu 52”, (quyền sở hữu ngôi nhà (căn hộ)), trang 67, 68.

- Viết lên bảng: “Câu 52: Ngôi nhà (căn hộ) này thuộc quyền sở hữu của ai?”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích cách ghi phiếu

HỎI: Một hộ được cơ quan nhà nước xây nhà và phân cho một căn hộ. Hộ đó đã bán cho một hộ khác dùng để ở. Vậy các anh chị sẽ ghi quyền sở hữu căn hộ này như thế nào, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Căn hộ này thuộc quyền sở hữu của nhà nước (do cơ quan nhà nước xây). Vì thế, sẽ gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “2”.

HỎI: Một công ty nước ngoài đầu tư vào xây dựng một xí nghiệp sản xuất thép ở nước ta. Công ty đó đã xây một khu nhà cho công nhân viên của công ty ở. Vậy sẽ ghi quyền sở hữu cho khu nhà này như thế nào, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Vì khu nhà là do công ty tư nhân của nước ngoài xây cho công nhân ở, nên nó thuộc quyền sở hữu của tư nhân và được gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “3”.

Có ai hỏi gì về cách hỏi và ghi phiếu các câu 52 không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Chúng ta tiếp tục nghiên cứu cách hỏi và ghi phiếu câu hỏi về loại nhiên liệu (năng lượng) chính mà hộ dùng để thắp sáng.

Mời anh/chị... đọc mục: “Câu 53”, (Loại nhiên liệu chính mà hộ sử dụng để thắp sáng), trang 68.

- Viết lên bảng: “Câu 53: Loại nhiên liệu (năng lượng) chính mà hộ ông/bà dùng để thắp sáng là gì?”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích cách ghi phiếu

HỎI: Nhà anh Tính có một máy phát điện nhỏ chạy bằng sức nước ở suối dùng để thắp sáng và chạy tivi, đài. Nhưng hiện đang mới bắt đầu vào mùa mưa, suối cạn nên có những ngày máy phát không chạy được (do không đủ nước), trong những ngày đó, gia đình anh phải dùng dầu lửa để thắp sáng. Theo các anh chị thì ghi Câu 53 cho hộ anh Tính như thế nào, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Trong trường hợp này, chúng ta phải hỏi thêm trong năm qua, thời gian dùng điện từ máy phát để thắp sáng nhiều hơn hay dùng dầu lửa nhiều hơn để ghi vào phiếu.

Có ai còn hỏi gì về cách hỏi và ghi phiếu cho Câu 53 không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Nếu không còn ai hỏi gì nữa thì chúng ta tiếp tục chuyển sang nghiên cứu cách hỏi và ghi phiếu Câu 54 (Loại nhiên liệu (năng lượng) chính dùng để nấu ăn của hộ). Mời anh/chị đọc mục: “Câu 54”, trang 68, 69.

- Viết lên bảng: “Câu 54: Loại nhiên liệu (năng lượng) chính mà hộ ông/bà dùng để nấu ăn là gì?”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích cách ghi phiếu

HỎI: Các anh chị có biết tại sao lại có hộ không dùng gì để nấu ăn (mã 7 trên phiếu) không, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Vì có hộ không nấu ăn ở nhà mà đi ăn ở nhà hàng hoặc ăn ở nhà bố mẹ, người thân.

Có ai còn hỏi gì về cách hỏi và ghi phiếu cho Câu 54 không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Nếu không còn ai hỏi gì nữa thì chúng ta tiếp tục chuyển sang nghiên cứu cách hỏi và ghi phiếu Câu 55 (Nguồn nước ăn uống chính của hộ). Mời anh/chị đọc mục: “Câu 55”, trang 69, 70.

Viết lên bảng: “Câu 55: Nguồn nước ăn uống chính của hộ ông/bà là loại nào?”

- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích cách ghi phiếu

HỎI: Một hộ dùng nhiều nguồn nước khác nhau để ăn uống thì giải quyết như thế nào, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Trong trường hợp đó phải xác định hộ đó dùng nguồn nước ăn nào để ăn uống nhiều nhất trong năm qua để ghi vào phiếu.

HỎI: Ở một số tỉnh thuộc miền núi phía Bắc, UNICEF có dự án “chương trình nước” giúp xây dựng hệ thống đường ống dẫn nước suối từ đầu nguồn về các bể chứa của các thôn, bản phục vụ cho sinh hoạt và dùng làm nước ăn uống. Theo các anh chị thì loại nước đó được xếp vào loại nào, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Xếp vào loại “NƯỚC KHE CÓ BẢO VỆ”. Nếu hệ thống dẫn nước đó do người dân tự làm bằng các ống tre nửa dẫn nước từ đầu nguồn về nhà để dùng trong sinh hoạt và ăn uống (có nơi gọi là “nước lạn”), hoặc lấy trực tiếp từ suối lên để dùng thì xếp vào loại “NƯỚC KHE KHÔNG CÓ BẢO VỆ”.

HỎI: Ở các tỉnh miền Tây Nam bộ, nhiều hộ lấy nước từ kênh rạch, rồi dùng phèn chua đánh cho trong để dùng làm nước ăn uống là chính. Theo các anh chị thì loại nước đó được xếp vào loại nào, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Xếp vào loại “KHÁC”.

Có ai còn hỏi gì về cách hỏi và ghi phiếu cho Câu 55 không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Nếu không còn ai hỏi gì nữa thì chúng ta tiếp tục chuyển sang nghiên cứu cách hỏi và ghi phiếu Câu 56 (Hộ sử dụng loại hố xí nào là chính). Mời anh/chị đọc mục: “Câu 56”, trang 70.

- Viết lên bảng: “Câu 56: Hộ ông/bà sử dụng loại hố xí nào là chính?”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích cách ghi phiếu

HỎI: Một hộ dùng nhờ hố xí của hộ khác có được coi là có hố xí không, mời anh/chị...?

TRẢ LỜI: Vẫn được tính là có hố xí và căn cứ vào loại hố xí mà hộ có hố xí ấy thuộc loại nào mà gạch chéo vào ô vuông nhỏ thích hợp. Ở đây chúng ta chỉ quan tâm đến việc hộ có sử dụng hố xí để đi vệ sinh không, mà không quan tâm đến quyền sở hữu hố xí đó có thuộc hộ hay không.

Có ai còn hỏi gì về cách hỏi và ghi phiếu cho Câu 56 không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Nếu không còn ai hỏi gì nữa thì chúng ta tiếp tục chuyển sang nghiên cứu cách hỏi và ghi phiếu Câu 57 (Các loại phương tiện sinh hoạt mà hộ đang sử dụng). Mời anh/chị đọc mục: “Câu 57”, trang 70, 71.

- Viết lên bảng: “Câu 57: Hiện nay, hộ ông/bà có sử dụng các loại thiết bị phục vụ sinh hoạt sau đây không?”
- Theo dõi Sổ tay điều tra viên
- Giải thích cách ghi phiếu

Có một điều cần lưu ý là Câu 57 chỉ thu thập thông tin về tình hình sử dụng một số loại phương tiện sinh hoạt của các hộ, mà không cần biết quyền sở hữu loại phương tiện sinh hoạt đó thuộc về ai.

Câu hỏi này thực chất là nhiều câu hỏi khác nhau về tình hình sử dụng các loại thiết bị phục vụ sinh hoạt của hộ được kết hợp trong 1 câu hỏi. Vì vậy, chúng ta phải hỏi và ghi phiếu cho từng loại thiết bị sinh hoạt, hỏi và ghi xong cho loại này mới chuyển sang hỏi và

ghi cho loại thiết bị sinh hoạt tiếp theo. Cứ như vậy, hỏi và ghi cho đến loại thiết bị sinh hoạt cuối cùng.

Có ai còn hỏi gì về cách hỏi và ghi phiếu cho Câu 57 không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Như vậy, chúng ta đã nghiên cứu xong toàn bộ cách hỏi và ghi phiếu các câu hỏi thuộc phiếu mẫu.

Trước khi chuyển sang phần thực hành phỏng vấn toàn bộ phiếu mẫu, có ai còn vấn đề gì cần hỏi nữa không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Bây giờ, tôi xin mời hai người lên để thực hành phỏng vấn

Trước khi các anh chị thực hành phỏng vấn, tôi có một đề nghị như thế này: Để tránh tình trạng chủ hộ đưa ra các câu trả lời mâu thuẫn với nhau, đề nghị anh/chị đóng vai chủ hộ không nghĩ ra các tình huống phức tạp, gây khó cho người đóng vai ĐTV, mà cung cấp thông tin đúng như của hộ nhà mình. Các anh chị ngồi dưới tập trung sự chú ý vào cuộc phỏng vấn, ghi chép lại những xử lý chưa đúng của người đóng vai ĐTV để góp ý sau khi cuộc phỏng vấn kết thúc.

- Mời hai học viên lên bảng, chỉ định một người đóng vai ĐTV và một người đóng vai chủ hộ
- Để 2 người ngồi vào 2 ghế, hướng về phía các học viên ngồi ở dưới
- Học viên đóng vai ĐTV thực hành phỏng vấn và nói rõ cách xử lý thông tin nhận được và cách ghi vào phiếu (khổ A0) như thế nào cho mọi người ở dưới cùng thấy
- Các học viên ở dưới theo dõi và ghi những nhận xét đánh giá của mình để góp ý sau này
- Sau khi cuộc thực hành phỏng vấn kết thúc, giảng viên yêu cầu mọi người đánh giá những chỗ được và chưa được của cuộc phỏng vấn, những gì ĐTV xử lý chưa tốt hoặc ghi sai và theo mình thì phải xử lý và ghi như thế nào
- Giảng viên nhận xét chung về cuộc phỏng vấn
- Tiếp tục một cuộc thực hành phỏng vấn thứ hai (cách làm như cuộc thực hành phỏng vấn thứ nhất)

Bây giờ, chúng ta sẽ làm một bài tập thực hành cuối khóa.

- Phát bài tập
- Dành thời gian làm bài tập
- Tổ giảng viên chấm bài, ghi lại những chỗ nhiều học viên ghi sai
- Trả bài và nhận xét chung (% đạt yêu cầu, khá, giỏi, v.v...), nêu những điểm nhiều người sai và giải thích cụ thể

Có ai có ý kiến gì về bài tập thực hành không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Nếu không có ai hỏi gì nữa thì chúng ta sẽ chuyển qua phần tiếp theo của khóa đào tạo.

Ngày mai, chúng ta sẽ đi thực hành phỏng vấn ghi phiếu ngoài thực địa. Tôi sẽ mời một người trong Ban tổ chức phổ biến kế hoạch đi thực địa để chúng ta thực hiện.

Ngày thực hành phỏng vấn ngoài thực địa được chia làm hai phần:

Buổi sáng: Mỗi học viên thực hành phỏng vấn 2 hộ (mỗi hộ có ít nhất 4-5 người có phụ nữ từ 15 tuổi trở lên). Trong quá trình phỏng vấn, ghi lại những điểm mình vướng mắc để trao đổi lại vào buổi chiều rút kinh nghiệm

Nhóm giảng viên phân công nhau đi quan sát phỏng vấn của các học viên. Bảo đảm mỗi học viên phải được quan sát ít nhất 1 cuộc phỏng vấn

Buổi trưa: Ban tổ chức lớp học tranh thủ xem phiếu đã ghi của các học viên, ghi lại những lỗi

Buổi chiều: Tổ chức rút kinh nghiệm:

- Đánh giá chung về buổi thực hành phỏng vấn;
- Học viên nêu những điểm vướng mắc; tổ giảng viên trả lời các vướng mắc;
- Phổ biến kế hoạch điều tra, ghi phiếu tại địa bàn.

PHẦN III

(Phần giới thiệu ở các lớp đào tạo giảng viên cấp tỉnh và cấp huyện)

SỬ DỤNG “SỔ TAY ĐÀO TẠO ĐIỀU TRA VIÊN ĐỊA BÀN MẪU” ĐỂ ĐÀO TẠO ĐIỀU TRA VIÊN ĐỊA BÀN MẪU

Trước khi bắt đầu khóa đào tạo:

Kiểm tra xem mỗi học viên đã được phát cuốn “Sổ tay đào tạo điều tra viên địa bàn mẫu” chưa.

Viết lên bảng:

“Cách sử dụng sổ tay đào tạo điều tra viên địa bàn mẫu”

Mục tiêu của cuốn sổ tay đào tạo

I. MỤC TIÊU CỦA CUỐN “SỔ TAY ĐÀO TẠO ĐIỀU TRA VIÊN ĐỊA BÀN MẪU”

Phần này nhằm hướng dẫn các anh chị sử dụng “Sổ tay đào tạo điều tra viên địa bàn mẫu” khi tiến hành các khóa đào tạo. Chúng tôi hy vọng cuốn tài liệu này sẽ giúp các anh chị nâng cao kỹ năng trình bày của mình. Nội dung của cuốn tài liệu này chỉ đề cập đến một số hướng dẫn trong khi tiến hành khóa đào tạo. Hy vọng rằng, sau khóa học này, các anh chị sẽ làm quen với việc sử dụng cuốn “Sổ tay đào tạo điều tra viên địa bàn mẫu” và hoàn thành tốt công việc được giao với vai trò là giảng viên cấp tỉnh và cấp huyện, trong đào tạo điều tra viên và tổ trưởng điều tra các địa bàn điều tra mẫu của cuộc TĐT 2009.

Bây giờ, mời các anh chị mở cuốn “Sổ tay đào tạo điều tra viên địa bàn mẫu” mà các anh chị đã được phát.

Giơ cao cuốn “Sổ tay đào tạo điều tra viên địa bàn mẫu”

Chúng ta hãy xem qua cuốn “Sổ tay đào tạo điều tra viên địa bàn mẫu” này.

II. SỔ TAY ĐÀO TẠO ĐIỀU TRA VIÊN ĐỊA BÀN MẪU LÀ GÌ?

Sổ tay đào tạo điều tra viên địa bàn mẫu là gì?

Cuốn “Sổ tay đào tạo điều tra viên địa bàn mẫu” là tài liệu tham khảo được soạn thảo cho các giảng viên cấp tỉnh và cấp huyện sử dụng để tiến hành đào tạo giảng viên cấp huyện và điều tra viên, tổ trưởng điều tra các địa bàn điều tra mẫu một cách có hiệu quả.

Phần đầu của cuốn tài liệu này được hướng dẫn ở các lớp đào tạo giảng viên cấp tỉnh và cấp huyện. Nội dung chính của phần này nhằm giới thiệu các phương pháp giảng dạy tích cực và yêu cầu đối với giảng viên khi tiến hành khóa đào tạo điều tra viên địa bàn mẫu.

Phần chính của cuốn “Sổ tay đào tạo điều tra viên địa bàn mẫu” là phương pháp đào tạo điều tra viên địa bàn mẫu về: Vai trò, nhiệm vụ của điều tra viên; những khái niệm, quy định được sử dụng trong công tác điều tra ghi phiếu tại địa bàn; và phương pháp phỏng vấn ghi phiếu điều tra đối với các địa bàn điều tra mẫu.

Tiếp theo, phần mà tôi sẽ truyền đạt cho các anh chị là cách sử dụng cuốn tài liệu “Sổ tay đào tạo điều tra viên địa bàn mẫu”.

III. CÁCH SỬ DỤNG CUỐN “SỔ TAY ĐÀO TẠO ĐIỀU TRA VIÊN ĐỊA BÀN MẪU”

1. Đối với các cụm từ được đóng khung

Viết lên bảng: “1. Cụm từ được đóng khung”

Các cụm từ được đóng khung dùng để chỉ ra hướng dẫn dành cho các giảng viên. Giảng viên không có nhiệm vụ phải đọc nội dung được in ở bên trong khung cho học viên nghe. Các anh chị chỉ cần thực hiện những hành động cần thiết theo những hướng dẫn được in trong khung.

2. Đối với các cụm từ được đóng khung trên nền sẫm ở lề trái

Viết lên bảng: “2. Cụm từ đóng khung trên nền sẫm ở bên lề trái”

Các anh chị có để ý đến các cụm từ được in bằng chữ in hoa có dấu ở bên lề trái được đóng khung trên nền màu sẫm không?

Đây là tiêu đề của các phần. Chúng hướng dẫn các anh chị về chủ đề mà các anh chị sẽ trình bày. Không đọc những tiêu đề này trên lớp.

3. Đối với chữ “HỎI” được in nghiêng

Các câu hỏi dùng để hỏi học viên trong quá trình đào tạo được nhận diện bằng chữ “HỎI” được in nghiêng.

Viết lên bảng: “3. Chữ “HỎI””

Chữ “HỎI” cho biết rằng, nhóm từ theo sau chữ “HỎI” là một câu hỏi để giảng viên hỏi các học viên trên lớp. Trong phần “Hướng dẫn đào tạo”, chúng tôi đã đưa ra một số câu hỏi. Những câu hỏi này chỉ mang tính định hướng và các anh chị có thể sử dụng trong quá trình lên lớp. Tuy nhiên, khóa đào tạo sẽ có hiệu quả hơn rất nhiều nếu các anh chị tự chuẩn bị trước các câu hỏi và đáp án trả lời, sao cho phù hợp với thực tế ở địa phương, nơi mà các anh chị sẽ đào tạo những người sẽ tiến hành công tác điều tra ghi phiếu tại địa bàn thuộc địa phương các anh chị.

4. Đối với cụm từ “TRẢ LỜI” được in nghiêng

Dự kiến câu trả lời đối với câu hỏi được biểu thị bằng cụm từ “TRẢ LỜI”.

Viết lên bảng: “4. Cụm từ “TRẢ LỜI”

Sau khi đọc câu hỏi, giảng viên gọi một hoặc hai học viên trả lời. Sau đó cho các học viên còn lại góp ý. Cuối cùng, giảng viên trả lời câu hỏi theo đáp án được in nghiêng sau cụm từ “TRẢ LỜI”.

5. Đối với ba dấu chấm (...), sau cụm từ “mời anh/chị...”

Ba dấu chấm sau cụm từ “mời anh/chị...” hoặc “mời anh/chị ...?” có nghĩa là các anh chị phải gọi tên của 1 học viên trả lời câu hỏi, hoặc đọc hướng dẫn và định nghĩa trong cuốn “Sổ tay điều tra viên địa bàn mẫu”.

Viết lên bảng: “5. mời anh/chị...”

6. Đối với câu “Trả lời câu hỏi nếu có” được đóng khung

Sau mỗi chủ đề, để có thể biết được tất cả các học viên trong lớp có nắm được bài không, có còn vướng mắc chỗ nào không, giảng viên nên hỏi xem mọi người có hỏi gì hoặc còn chỗ nào thắc mắc thì nêu ra.

Viết lên bảng: “6. Trả lời câu hỏi nếu có”

Nếu học viên hỏi gì hoặc nêu thắc mắc, thì giảng viên cần giải đáp đầy đủ. Chỗ nào mà chính giảng viên cũng còn băn khoăn hoặc chưa nắm chắc thì không được trả lời ngay, mà phải khất học viên trả lời sau. Những vấn đề đó sẽ được giảng viên đưa ra thảo luận trong nhóm giảng viên phụ trách lớp đào tạo. Nếu vẫn chưa giải đáp được thì xin ý kiến của BCĐ TĐT cấp trên.

7. Tuân thủ nghiêm túc các hướng dẫn trong cuốn “Sổ tay đào tạo điều tra viên địa bàn mẫu”

Thực hiện đầy đủ những hướng dẫn trong cuốn “Sổ tay đào tạo điều tra viên địa bàn mẫu”.

Các hướng dẫn đào tạo có nghĩa là được phép đọc to, giảng viên được phép sử dụng các phương tiện giảng dạy để khóa học đạt hiệu quả cũng như động viên học viên tham gia vào quá trình đào tạo. Tôi chắc chắn rằng các anh chị sẽ cảm thấy buồn ngủ và không tiếp thu được toàn bộ nội dung của khóa đào tạo, nếu các anh chị chỉ ngồi nghe giảng viên trình bày mà không được tham gia vào quá trình đào tạo.

Các anh chị có câu hỏi nào không?

Trả lời các câu hỏi nếu có

Chúc các anh chị thành công trong công việc được giao!

CÁC PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở NĂM 2009 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁNG VIÊN CẤP HUYỆN VỀ NGHIỆP VỤ ĐIỀU TRA

Thời gian	Hoạt động
<u>Ngày thứ nhất</u>	
<i>Buổi sáng</i>	
07:45-08:00	Đăng ký đại biểu
08:00-08:30	- Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và chương trình tập huấn - Phát biểu khai mạc - Phát biểu của lãnh đạo
08:30-10:00	- Phổ biến nội quy học tập (Phụ lục 2, sổ tay đào tạo) - Chia tổ học tập, sắp xếp chỗ ngồi theo tổ - Phần I. Phương pháp giảng dạy tích cực
10:00-10:15	Nghỉ giải lao
10:15-11:30	Phần I. Phương pháp giảng dạy tích cực (tiếp) Phần II: Hướng dẫn đào tạo Giới thiệu Chương I. Mục đích, yêu cầu của cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở 2009, vai trò và nhiệm vụ của điều tra viên I. Mục đích, yêu cầu của cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở 2009
<i>Buổi chiều</i>	
13:30- 15:00	II. Vai trò và nhiệm vụ của điều tra viên Chương II. Những quy định về nghiệp vụ điều tra I. Thời điểm điều tra II. Thời gian điều tra III. Phương pháp thu thập thông tin
15:00-15:15	Nghỉ giải lao
15:15-16:30	Chương II: Những quy định về nghiệp vụ điều tra (tiếp) IV. Đối tượng điều tra V. Đơn vị điều tra VI. Đơn vị nhà ở, nơi ở VII. Nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ

Ngày thứ hai	
Buổi sáng	
08:00-10:00	Chương II: Những quy định về nghiệp vụ điều tra (tiếp) VIII. Đối tượng cụ thể thuộc phạm vi một địa bàn điều tra Thảo luận về xác định nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ
10:00-10:15	Nghỉ giải lao
10:15-11:30	Chương II: Những quy định về nghiệp vụ điều tra (tiếp) IX. Những nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ đã chết trong khoảng thời gian từ ngày 1 Tết Mậu Tý (vào ngày 7/2/2008 dương lịch) đến ngày 1/4/2009 X. Sơ đồ địa bàn điều tra, bảng kê số nhà, số hộ, số người
Buổi chiều	
13:30-15:00	Chương III: Một số quy định về phỏng vấn và hoàn thành phiếu điều tra - Phỏng vấn ai? - Quy trình phỏng vấn ghi phiếu - Đặt câu hỏi như đã in trên phiếu I. Xây dựng mối quan hệ tốt với người trả lời II. Yêu cầu đối với điều tra viên khi tiến hành phỏng vấn III. Quy định về nêu câu hỏi và ghi phiếu điều tra 1. Nêu các câu hỏi
15:00-15:15	Nghỉ giải lao
15:15-16:30	2. Ghi câu trả lời IV. Sửa lỗi V. Kiểm tra các phiếu điều tra đã hoàn thành VI. Kiểm tra kết quả điều tra trong ngày Chương IV. Hướng dẫn cách hỏi và ghi phiếu điều tra I. Giới thiệu phiếu điều tra

<u>Ngày thứ ba</u>	
<i>Buổi sáng</i>	
08:00-10:00	<p>II. Cách ghi thông tin trên trang bìa của phiếu</p> <p>III. Cách hỏi và ghi thông tin trả lời vào phiếu điều tra</p> <p>Phần 1: Thông tin về dân số</p> <p>Trình tự hỏi và ghi</p> <p>Cách hỏi và ghi phiếu Câu 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục đích của Câu 1 - Hướng dẫn cách sử dụng “Quy trình phỏng vấn xác định nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ” - Những điểm cần chú ý khi ghi phiếu Câu 1
10:00-10:15	Nghỉ giải lao
10:15-11:30	<p>Cách hỏi và ghi phiếu các Câu 2 - 7</p> <p>Cách ghi “Phiếu báo các cụ thọ từ 100 tuổi trở lên”</p>
<i>Buổi chiều</i>	
13:30-15:00	<p>Thực hành phỏng vấn ghi phiếu từ Câu 1 đến Câu 7</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên thực hành phỏng vấn mẫu - Học viên thực hành phỏng vấn - Thảo luận và đánh giá thực hành phỏng vấn của học viên
15:00-15:15	Nghỉ giải lao
15:15-16:30	Cách hỏi và ghi phiếu các Câu 8-12
<u>Ngày thứ tư</u>	
<i>Buổi sáng</i>	
08:00-10:00	<p>Cách hỏi và ghi phiếu các Câu 13-16</p> <p>Thực hành phỏng vấn ghi phiếu từ Câu 9 đến Câu 16</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên thực hành phỏng vấn mẫu
10:00-10:15	Nghỉ giải lao
10:15-11:30	<p>Thực hành phỏng vấn ghi phiếu từ Câu 9 đến Câu 16 (tiếp)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học viên thực hành phỏng vấn - Thảo luận và đánh giá thực hành phỏng vấn của học viên <p>Cách hỏi và ghi phiếu Câu 17-19</p>

Buổi chiều	
13:30-15:00	Cách hỏi và ghi phiếu các Câu 20-24
15:00-15:15	Nghỉ giải lao
15:15-16:30	Cách hỏi và ghi phiếu các Câu 25 - 30

<u>Ngày thứ năm</u>	
Buổi sáng	
08:00-10:00	Thực hành phỏng vấn ghi phiếu từ Câu 18 đến Câu 30 - Học viên thực hành phỏng vấn (cuộc) - Thảo luận và đánh giá thực hành phỏng vấn của học viên Cách hỏi và ghi phiếu các Câu 31 - 34b
10:00-10:15	Nghỉ giải lao
10:15-11:30	Cách hỏi và ghi phiếu các Câu 31 - 34b Phần 2: Thông tin về người chết Cách hỏi và ghi phiếu các Câu 35 - 42
Buổi chiều	
13:30-15:00	Phần 3: Thông tin về nhà ở Cách hỏi và ghi phiếu các Câu 43 - 57
15:00-15:15	Nghỉ giải lao
15:15-16:30	Thực hành phỏng vấn ghi phiếu toàn bộ phiếu Làm bài tổng hợp tập cuối khóa học
<u>Ngày thứ sáu</u>	
Buổi sáng	
08:00-10:00	Giới thiệu Sổ tay tổ trưởng điều tra
10:00-10:15	Nghỉ giải lao
10:15-11:30	Giới thiệu Sổ tay tổ trưởng điều tra (tiếp)
Buổi chiều	
13:30-15:00	Đánh giá kết quả làm bài tập tổng hợp trên lớp
15:00-15:15	Nghỉ giải lao
15:15-16:30	Phổ biến kế hoạch đào tạo điều tra viên và tổ trưởng điều tra (mẫu và toàn bộ) Bế mạc khóa đào tạo

**PHỤ LỤC 1A: TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở NĂM 2009
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐIỀU TRA VIÊN VÀ TỔ TRƯỞNG ĐIỀU TRA
ĐỊA BÀN MẪU**

Thời gian	Hoạt động
<u>Ngày thứ nhất</u>	
<i>Buổi sáng</i>	
07:45-08:00	Đăng ký đại biểu
08:00-08:30	- Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và chương trình tập huấn - Phát biểu khai mạc - Phát biểu của lãnh đạo
08:30-10:00	- Phổ biến nội quy học tập (Phụ lục 2, sổ tay đào tạo) - Chia tổ học tập, sắp xếp chỗ ngồi theo tổ - Giới thiệu về cuộc điều tra, tài liệu cung cấp cho học viên, chương trình khóa đào tạo và nội dung của cuốn sổ tay
10:00-10:15	Nghỉ giải lao
10:15-11:30	Chương I. Mục đích, yêu cầu của cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở 2009, vai trò và nhiệm vụ của điều tra viên I. Mục đích, yêu cầu của cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở 2009 II. Vai trò và nhiệm vụ của điều tra viên
<i>Buổi chiều</i>	
13:30- 15:00	Chương II. Những quy định về nghiệp vụ điều tra I. Thời điểm điều tra II. Thời gian điều tra III. Phương pháp thu thập thông tin IV. Đối tượng điều tra V. Đơn vị điều tra VI. Đơn vị nhà ở, nơi ở VII. Nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ
15:00-15:15	Nghỉ giải lao
15:15-16:30	VII. Nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ (tiếp) VIII. Đối tượng cụ thể thuộc phạm vi một địa bàn điều tra

<u>Ngày thứ hai</u>	
<i>Buổi sáng</i>	
08:00-10:00	<p>Thảo luận về xác định nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ</p> <p>Chương II: Những quy định chung về nghiệp vụ điều tra (tiếp)</p> <p>IX. Những nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ đã chết trong khoảng thời gian từ ngày 1 Tết Mậu Tý (vào ngày 7/2/2008 dương lịch) đến ngày 1/4/2009</p>
10:00-10:15	Nghỉ giải lao
10:15-11:30	X. Sơ đồ địa bàn điều tra, bảng kê số nhà, số hộ, số người
<i>Buổi chiều</i>	
13:30-15:00	<p>Chương III: Một số quy định về phỏng vấn và hoàn thành phiếu điều tra</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phỏng vấn ai? - Quy trình phỏng vấn ghi phiếu - Đặt câu hỏi như đã in trên phiếu <p>I. Xây dựng mối quan hệ tốt với người trả lời</p> <p>II. Yêu cầu đối với điều tra viên khi tiến hành phỏng vấn</p> <p>III. Quy định về nêu câu hỏi và ghi phiếu điều tra</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nêu các câu hỏi 2. Ghi câu trả lời
15:00-15:15	Nghỉ giải lao
15:15-16:30	<p>IV. Sửa lỗi</p> <p>V. Kiểm tra các phiếu điều tra đã hoàn thành</p> <p>VI. Kiểm tra kết quả điều tra trong ngày</p> <p>Chương IV. Hướng dẫn cách hỏi và ghi phiếu điều tra</p> <p>I. Giới thiệu phiếu điều tra</p>
<u>Ngày thứ ba</u>	
<i>Buổi sáng</i>	
08:00-10:00	<p>II. Cách ghi thông tin trên trang bìa của phiếu</p> <p>III. Cách hỏi và ghi thông tin trả lời vào phiếu điều tra</p> <p>Phần 1: Thông tin về dân số</p> <p>Trình tự hỏi và ghi</p>
10:00-10:15	Nghỉ giải lao

10:15-11:30	<p>Cách hỏi và ghi phiếu Câu 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục đích của Câu 1 - Hướng dẫn cách sử dụng “Quy trình phỏng vấn xác định nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ” - Những điểm cần chú ý khi ghi phiếu Câu 1 <p>Cách hỏi và ghi phiếu các Câu 2, 3, 4</p>
-------------	--

<i>Buổi chiều</i>	
13:30-15:00	<p>Cách hỏi và ghi phiếu Câu 5</p> <p>Cách ghi “Phiếu báo các cụ thọ từ 100 tuổi trở lên”</p> <p>Cách hỏi và ghi phiếu Câu 6, 7</p> <p>Thực hành phỏng vấn ghi phiếu từ Câu 1 đến Câu 7</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên thực hành phỏng vấn mẫu
15:00-15:15	Nghỉ giải lao
15:15-16:30	<p>Thực hành phỏng vấn ghi phiếu từ Câu 1 đến Câu 7 (tiếp)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học viên thực hành phỏng vấn (2 cuộc) - Thảo luận và đánh giá thực hành phỏng vấn của học viên
<u>Ngày thứ tư</u>	
<i>Buổi sáng</i>	
08:00-10:00	Cách hỏi và ghi phiếu các Câu 8-12
10:00-10:15	Nghỉ giải lao
10:15-11:30	<p>Cách hỏi và ghi phiếu các Câu 13-16</p> <p>Thực hành phỏng vấn ghi phiếu từ Câu 9 đến Câu 16</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên thực hành phỏng vấn mẫu
<i>Buổi chiều</i>	
13:30-15:00	<p>Thực hành phỏng vấn ghi phiếu từ Câu 9 đến Câu 16 (tiếp)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học viên thực hành phỏng vấn (2 cuộc) - Thảo luận và đánh giá thực hành phỏng vấn của học viên
15:00-15:15	Nghỉ giải lao
15:15-16:30	Cách hỏi và ghi phiếu các Câu 17-20
<u>Ngày thứ năm</u>	
<i>Buổi sáng</i>	
08:00-10:00	Cách hỏi và ghi phiếu các Câu 21-24
10:00-10:15	Nghỉ giải lao

10:15-11:30	Cách hỏi và ghi phiếu các Câu 25, 26
Buổi chiều	
13:30-15:00	Cách hỏi và ghi phiếu các Câu 27-30
15:00-15:15	Nghỉ giải lao
15:15-16:30	Thực hành phỏng vấn ghi phiếu từ Câu 18 đến Câu 30 - Học viên thực hành phỏng vấn (2 cuộc) - Thảo luận và đánh giá thực hành phỏng vấn của học viên
<u>Ngày thứ sáu</u>	
Buổi sáng	
08:00-10:00	Thực hành phỏng vấn ghi phiếu từ Câu 1 đến Câu 30 - Học viên thực hành phỏng vấn (2 cuộc) - Thảo luận và đánh giá thực hành phỏng vấn của học viên
10:00-10:15	Nghỉ giải lao
10:15-11:30	Cách hỏi và ghi phiếu các Câu 31-34b Phần 2: Thông tin về người chết Cách hỏi và ghi phiếu các Câu 35-40
Buổi chiều	
13:30-15:00	Cách hỏi và ghi phiếu các Câu 41-42 Phần 3: Thông tin về nhà ở Cách hỏi và ghi phiếu các Câu 43-51
15:00-15:15	Nghỉ giải lao
15:15-16:30	Cách hỏi và ghi phiếu các Câu 52-57
<u>Ngày thứ bảy</u>	
Buổi sáng	
08:00-10:00	Thực hành phỏng vấn ghi phiếu toàn bộ phiếu - Học viên thực hành phỏng vấn (2 cuộc) - Thảo luận và đánh giá thực hành phỏng vấn của học viên
10:00-10:15	Nghỉ giải lao
10:15-11:30	Làm bài tổng hợp tập cuối khóa học
Buổi chiều	
13:30-15:00	Giới thiệu Sổ tay tổ trưởng điều tra
15:00-15:15	Nghỉ giải lao
15:15-16:30	Giới thiệu Sổ tay tổ trưởng điều tra (tiếp)

<u>Ngày thứ tám</u>	
<i>Buổi sáng</i>	
08:00-10:00	Thực hành ghi phiếu tại địa bàn
10:00-10:15	Nghỉ giải lao
10:15-11:30	Các học viên kiểm tra chéo phiếu thực hành tại địa bàn
<i>Buổi chiều</i>	
13:30-15:00	Đánh giá kết quả làm bài tập tổng hợp trên lớp và thực hành ghi phiếu tại địa bàn
15:00-15:15	Nghỉ giải lao
15:15-16:30	Phổ biến kế hoạch điều tra ghi phiếu tại địa bàn Bế mạc khóa đào tạo

PHỤ LỤC 2: NỘI QUY KHÓA ĐÀO TẠO

Để bảo đảm cho khóa học đạt được kết quả tốt, đề nghị các anh chị thực hiện tốt những điều sau đây:

1. Tham dự đầy đủ các buổi lên lớp cũng như thực hành ngoài thực địa, không bỏ bất kỳ một buổi lên lớp cũng như thực hành nào mà không được phép của ban tổ chức lớp học.
2. Lên lớp đúng giờ quy định, không đi muộn về sớm.
3. Tích cực ôn bài sau giờ lên lớp, nghiên cứu trước tài liệu ở phần lên lớp tiếp theo.
4. Trong lớp, chú ý nghe giảng, không nói chuyện và làm việc riêng, tắt điện thoại di động trong khi lên lớp.
5. Tích cực tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài giảng, tham gia đầy đủ các buổi thảo luận trên lớp cũng như thực hành trên thực địa.
6. Chấp hành nghiêm chỉnh sự phân công của ban tổ chức lớp học và sự điều hành của tổ trưởng tổ học tập.

PHỤ LỤC 3: MỘT SỐ TÌNH HUỐNG XÁC ĐỊNH NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TẠI HỘ

(Dùng cho thảo luận tổ trên lớp)

I. Phần I: Thảo luận các tình huống

1. Một ngư dân ở Quảng Bình đi theo tàu đánh bắt hải sản xa bờ, tính đến thời điểm điều tra, người đó đã đi được 7 tháng. Vậy người đó sẽ được xác định là nhân khẩu TTTT ở đâu? *(ĐA: ở Quảng Bình)*
2. Một người ở Hải Phòng là lái tàu viễn dương (đi buôn quốc tế), tính đến thời điểm điều tra, người đó đã đi được 1 năm. Vậy người đó sẽ được xác định là nhân khẩu TTTT ở đâu? *(ĐA: ở Hải Phòng)*
3. Một cán bộ của Tổng cục Thống kê, cư trú ở phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội, được cơ quan phân công vào thành phố Hồ Chí Minh để giám sát việc triển khai công tác chuẩn bị cho TĐT 2009. Tính đến thời điểm điều tra, người đó đã ở thành phố Hồ Chí Minh được 8 tháng. Vậy người đó sẽ được xác định là nhân khẩu TTTT ở đâu? *(ĐA: ở phường Láng Thượng, Hà Nội)*
4. Tính đến thời điểm TĐT, một người ở Hà Tĩnh đã rời gia đình được 2 tháng để đi vào Bình Dương và hiện đang làm việc ở 1 xí nghiệp chế biến cao su. Vậy người đó được xác định là nhân khẩu TTTT ở đâu? *(ĐA: ở Bình Dương)*
5. Một em nhỏ ở tỉnh Bắc Ninh được bố mẹ gửi về Hà Nội ở với ông bà nội để đi học phổ thông thì sẽ được xác định là nhân khẩu TTTT ở đâu? *(ĐA: ở Hà Nội)*
6. Một cán bộ huyện hàng ngày ăn ở tại thị trấn huyện (được cơ quan phân cho 1 phòng để ở), đến cuối tuần lại về ăn ở với vợ con (ở xã khác) thì sẽ được xác định là nhân khẩu TTTT ở đâu? *(ĐA: ở thị trấn huyện)*
7. Một người ở Bến Tre sang tỉnh Tiền Giang thuê đất để nuôi tôm, sau vụ tôm lại trở về Bến Tre. Thời gian ở Tiền Giang mỗi năm khoảng 4-5 tháng. Vậy, người đó sẽ được xác định là nhân khẩu TTTT ở đâu? *(ĐA: ở Bến Tre)*
8. Một người ở Hà Nam vào thành phố Hồ Chí Minh làm nghề thu mua phế liệu, người đó sẽ được xác định là nhân khẩu TTTT ở đâu? *(ĐA: Nếu đã rời gia đình ở Hà Nam từ 6 tháng trở lên: là nhân khẩu TTTT ở T.p Hồ Chí Minh. Nếu rời gia đình chưa được 6 tháng: là nhân khẩu TTTT ở Hà Nam)*
9. Một hộ đang xây nhà phải đi thuê nhà để ở, vậy hộ đó sẽ được điều tra ở đâu? *(ĐA: Trường hợp thuê nhà trong cùng xã/phường để ở, thì điều tra tại địa bàn nơi ngôi nhà đang được xây. Trường hợp thuê nhà khác xã/phường để ở, thì điều tra tại nơi họ thuê nhà)*
10. Tại thời điểm điều tra viên đến hộ để điều tra, một phụ nữ có một người con đẻ (vẫn thường xuyên ăn ở với chị ta) đi buôn chuyến đã 8 tháng nay chưa về nhà. Vậy người con đó sẽ được tính là sống trong cùng hay khác hộ với người phụ nữ đó? *(ĐA: Người con này đi buôn chuyến, theo quy định thì người con đó vẫn được xác định là nhân khẩu TTTT tại hộ của người phụ nữ đó. Do đó, người con đó sẽ được tính là sống trong cùng hộ với chị ta)*

II. Phần II: Các học viên chia sẻ kinh nghiệm giải quyết các tình huống xảy ra ở địa phương. Nêu những vướng mắc chưa giải quyết được.

PHỤ LỤC 4: BÀI TẬP CUỐI KHÓA

ĐÀO TẠO ĐIỀU TRA VIÊN VÀ TỔ TRƯỞNG ĐIỀU TRA ĐỊA BÀN MẪU

1. Một cháu nhỏ được bố mẹ gửi về ở với ông bà nội để đi học phổ thông, cháu nhỏ đó sẽ được xác định là nhân khẩu thực tế thường trú ở nhà bố mẹ hay ở nhà ông bà nội?

a. Ở nhà bố mẹ <input type="checkbox"/>	b. Ở nhà ông bà nội <input type="checkbox"/>
---	--

2. Một người ở tỉnh Bến Tre được “Công ty trách nhiệm hữu hạn tư nhân một thành viên Thăng Lợi” (chế biến hạt điều) ở tỉnh Bình Dương tuyển vào làm thợ điện, tính đến thời điểm điều tra, người đó đã làm được 3 tháng. Vậy, người đó sẽ được xác định là nhân khẩu thực tế thường trú ở Bình Dương hay ở Bến Tre?

a. Ở Bến Tre <input type="checkbox"/>	b. Ở Bình Dương <input type="checkbox"/>
---------------------------------------	--

3. Một người ở Hà Nam thuê nhà ở Hà Nội để ở đã được 1 năm. Hàng ngày người đó đi thu mua phế liệu. Sau một hoặc 2 tuần người này lại về Hà Nam để thăm gia đình 1 hoặc 2 ngày. Vậy người này sẽ được xác định là nhân khẩu thực tế thường trú ở Hà Nam hay Hà Nội?

a. Ở Hà Nam <input type="checkbox"/>	b. Ở Hà Nội <input type="checkbox"/>
--------------------------------------	--------------------------------------

4. Một người ở Thanh Hóa vào thành phố Hồ Chí Minh làm nghề xây dựng tự do (ai thuê thì làm, không có chỗ làm ổn định) tính đến thời điểm điều tra được 1 tháng. Trước khi vào làm ở thành phố Hồ Chí Minh, người đó đã làm ở công ty trách nhiệm hữu hạn tư nhân “Quyết Tiến” (xây dựng nhà ở) ở tỉnh Đồng Nai 7 tháng. Vậy, người đó sẽ được xác định là nhân khẩu thực tế thường trú ở đâu?

a. Ở Thanh Hóa <input type="checkbox"/>	b. Ở TP. Hồ Chí Minh <input type="checkbox"/>	c. Ở Đồng Nai <input type="checkbox"/>
---	---	--

5. Một doanh nghiệp xây một khu nhà cho những công nhân độc thân ở. Tất cả những công nhân ở khu nhà này không ai nấu ăn riêng, mà cùng ăn tại nhà ăn tập thể của doanh nghiệp. Vậy, cả nhóm công nhân trong mỗi phòng ở sẽ được tính là 1 hộ, hay từng người trong phòng được ghi riêng vào một phiếu hộ (hộ 1 người), hay phải tính họ thuộc nhóm nhân khẩu đặc thù?

a. Mỗi phòng ở là 1 hộ <input type="checkbox"/>	b. Ghi riêng mỗi người vào 1 phiếu hộ <input type="checkbox"/>	c. Họ là những nhân khẩu đặc thù <input type="checkbox"/>
---	--	---

6. Có 2 người làm bảo vệ cho một cơ quan. Hàng ngày, 2 người đó vẫn ăn cơm cùng với vợ con ở xã khác, nhưng đến tối lại đến cơ quan (đóng ở thị trấn huyện) thay phiên nhau trông coi tài sản của cơ quan (người này thức thì người kia ngủ, và ngược lại). Vậy, 2 người đó sẽ được xác định là nhân khẩu thực tế thường trú ở đâu?

a. Ở thị trấn huyện <input type="checkbox"/>	b. Ở xã, nơi vợ con anh ta cư trú <input type="checkbox"/>
--	--

7. Một nhóm sinh viên không ở trong ký túc xá của trường mà thuê nhà trọ để ăn ở chung với nhau. Vậy họ sẽ được điều tra ở ngôi nhà nơi họ thuê trọ, hay được tính là nhân khẩu đặc thù, và do nhà trường lập danh sách để điều tra?

a. Điều tra ở ngôi nhà họ thuê <input type="checkbox"/>	b. Nhà trường lập danh sách và điều tra <input type="checkbox"/>
---	--

8. Có hai nhà sư cư trú thường xuyên trong một ngôi chùa. Vậy họ có được tính là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ ở ngôi chùa đó hay phải tính là nhân khẩu đặc thù?

a. Tính là nhân khẩu TTTT tại hộ ở ngôi chùa đó <input type="checkbox"/>	b. Tính là nhân khẩu đặc thù <input type="checkbox"/>
--	---

9. Một người trả lời: Tháng năm sinh của họ ghi trong chứng minh nhân dân là tháng 7/1941. Thông tin đó đã đủ tin cậy để ghi tháng năm sinh theo dương lịch cho người đó ở Câu 4 chưa?

a. Chưa đủ tin cậy để ghi <input type="checkbox"/>	b. Đã đủ tin cậy để ghi <input type="checkbox"/>
--	--

10. Một người trả lời là: Theo giấy khai sinh thì tôi sinh vào tháng 7/1953. Nhưng bố tôi nói tôi sinh vào rằm tháng 7 năm Giáp Ngọ. Vậy, ghi tháng năm sinh ở Câu 4 cho người này như thế nào?

a. Ghi tháng 7/1953 <input type="checkbox"/>	b. Ghi tháng 8/1954 <input type="checkbox"/>
--	--

11. Một người thường trú ở xã A thuộc thị xã Y. Tháng 7/2005, người đó chuyển đến cư trú tại xã M thuộc thị xã Y. Đến tháng 9/2007, xã A chuyển thành phường A thuộc thị xã Y. Vậy, Câu 10 sẽ gạch chéo vào ô thành thị hay nông thôn?

a. Nông thôn <input type="checkbox"/>	b. Thành thị <input type="checkbox"/>
---------------------------------------	---------------------------------------

12. Một người đã tốt nghiệp đại học xây dựng hệ chính quy, hiện đang học lớp đào tạo thạc sỹ buổi tối, thì ghi thông tin cho các câu 12 và 13 như thế nào?

a. Câu 12 mã "02" và Câu 13 mã "09" <input type="checkbox"/>	b. Câu 12 mã "1" và Câu 13 mã "10" <input type="checkbox"/>	c. Câu 12 mã "1" và Câu 13 mã "09" <input type="checkbox"/>
--	---	---

13. Một người đã tốt nghiệp đại học ngoại ngữ hệ chính quy, hiện đang đi học tập trung hệ chính quy lớp trung cấp kế toán, thì ghi thông tin cho các câu 12 và 13 như thế nào?

a. Câu 12 mã "01" và Câu 13 mã "09" <input type="checkbox"/>	b. Câu 12 mã "2" và Câu 13 mã "09" <input type="checkbox"/>	c. Câu 12 mã "1" và Câu 13 mã "06" <input type="checkbox"/>
--	---	---

14. Một người đang đi học lớp 9 hệ 12 năm mà bỏ học thì ghi Câu 13 và 14 như thế nào?

a. Câu 13 mã "02" và Câu 14 mã "09" <input type="checkbox"/>	b. Câu 13 mã "02" và Câu 14 mã "08" <input type="checkbox"/>
--	--

15. Một người đang đi học lớp 10 hệ 12 năm mà bỏ học thì ghi Câu 13 và 14 như thế nào?

a. Câu 13 mã “04” và Câu 14 mã “10” <input type="checkbox"/>	b. Câu 13 mã “02” và Câu 14 mã “09” <input type="checkbox"/>	c. Câu 13 mã “04” và Câu 14 mã “09” <input type="checkbox"/>	d. Câu 13 mã “02” và Câu 14 mã “10” <input type="checkbox"/>
--	--	--	--

16. Một người đang đi học năm thứ hai đại học mà bỏ học, thì ghi Câu 13 và Câu 14 như thế nào?

a. Câu 13 mã “04” và Câu 14 mã “12” <input type="checkbox"/>	b. Câu 13 mã “09” và Câu 14 mã “01” <input type="checkbox"/>	c. Câu 13 mã “09” và Câu 14 mã “02” <input type="checkbox"/>
--	--	--

17. Một người tốt nghiệp phổ thông cơ sở, sau đó học và tốt nghiệp bổ túc phổ thông trung học. Hiện người này đã tốt nghiệp tại chức đại học Phương Đông. Vậy, ghi thông tin cho các câu 13, và 19 như thế nào?

a. Câu 13 mã “02” và Câu 19 mã “1” <input type="checkbox"/>	b. Câu 13 mã “02” và Câu 19 mã “7” <input type="checkbox"/>	c. Câu 13 mã “04” và Câu 19 mã “7” <input type="checkbox"/>
---	---	---

18. Một người có 2 bằng là: cao đẳng sư phạm chính quy và đại học tại chức ngoại ngữ, thì ghi thông tin cho Câu 19 như thế nào?

a. Đại học <input type="checkbox"/>	b. Cao đẳng <input type="checkbox"/>
-------------------------------------	--------------------------------------

19. Một người nghỉ hưu trong 7 ngày qua không làm bất cứ một việc gì để tạo ra thu nhập, mà chỉ làm trưởng thôn và được hưởng phụ cấp trưởng thôn. Vậy, người đó có được tính là làm việc không?

a. Không <input type="checkbox"/>	b. Có <input type="checkbox"/>
-----------------------------------	--------------------------------

20. Một người là bí thư đoàn thanh niên của ấp, trong 7 ngày qua không làm bất cứ một công việc gì để tạo ra thu nhập, và cũng không được hưởng phụ cấp bí thư thanh niên. Vậy, người này có được tính là làm việc trong 7 ngày qua không?

a. Không <input type="checkbox"/>	b. Có <input type="checkbox"/>
-----------------------------------	--------------------------------

21. Trong 7 ngày qua, sau khi đi học về, một cháu học sinh phổ thông (16 tuổi) thường giúp cha mẹ chăn trâu thì cháu đó có được tính là làm việc không?

a. Không <input type="checkbox"/>	b. Có <input type="checkbox"/>
-----------------------------------	--------------------------------

22. Một phụ nữ có con còn nhỏ, trong 7 ngày qua ở nhà làm các công việc nội trợ và nuôi 3 con lợn thì có được tính là làm việc không?

a. Không <input type="checkbox"/>	b. Có <input type="checkbox"/>
-----------------------------------	--------------------------------

23. Một sinh viên trong 7 ngày qua tham gia “thanh niên tình nguyện”, giúp đồng bào các dân tộc miền núi sửa chữa nhà ở, khắc phục thiệt hại do bão lũ gây ra thì có được tính là làm việc không?

a. Không <input type="checkbox"/>	b. Có <input type="checkbox"/>
-----------------------------------	--------------------------------

24. Một người là giáo viên tiểu học. Trong 7 ngày qua, người này xin nghỉ phép để làm nhà và ngày nào anh ta cũng xây nhà (làm thợ xây) cùng với thợ. Vậy, công việc chính trong 7 ngày qua của anh ta được xác định là công việc nào?

a. Giáo viên <input type="checkbox"/>	b. Thợ xây dựng nhà <input type="checkbox"/>
---------------------------------------	--

25. Một người là công nhân đóng gói sản phẩm bậc 3, nhà máy chế biến thủy sản. Trong 7 ngày qua, do xí nghiệp không thu mua được nguyên liệu nên chị ta phải nghỉ việc không hưởng lương. Chị ta nói: xí nghiệp mới thông báo với chị là sẽ đi làm trong 1 tuần nữa. Trong trường hợp này, ghi các câu 20, 21, 22 và 23a, 23b như thế nào?

a. Câu 20 mã “2”, Câu 21 mã “2”, Câu 22 mã “1” và Câu 23b ghi “Công nhân đóng gói sản phẩm” <input type="checkbox"/>	b. Câu 20 mã “2”, Câu 21 mã “2”, Câu 22 mã “2” và Câu 23b bỏ trống <input type="checkbox"/>
--	--

26. Một người ngoài công việc là trưởng thôn, trong 7 ngày qua, anh ta ngày nào cũng bỏ ra khoảng 9 giờ để đào ao cho gia đình để thả cá. Vậy, ghi Câu 23 cho người này như thế nào?

a. Trưởng thôn <input type="checkbox"/>	b. Đào ao thả cá <input type="checkbox"/>
---	---

27. Một người được Ủy ban nhân dân xã tuyển vào làm nhân viên văn thư lưu trữ cho Ủy ban (làm việc theo giờ hành chính), thì ghi các câu 24 và 25 như thế nào?

a. Câu 24 mã “2” và Câu 25 mã “3” <input type="checkbox"/>	b. Câu 24 mã “2” và Câu 25 mã “5” <input type="checkbox"/>	c. Câu 24 mã “3” và Câu 25 mã “3” <input type="checkbox"/>	d. Câu 24 mã “3” và Câu 25 mã “5” <input type="checkbox"/>
--	--	--	--

28. Một người là chủ tịch hội đồng quản trị một doanh nghiệp tư nhân thì ghi Câu 24 như thế nào?

a. Lao động gia đình <input type="checkbox"/>	b. Làm công ăn lương <input type="checkbox"/>	c. Khác <input type="checkbox"/>
---	---	----------------------------------

29. Một người là giám đốc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội của một tỉnh thì ghi Câu 24 như thế nào?

a. Lao động gia đình <input type="checkbox"/>	b. Làm công ăn lương <input type="checkbox"/>	c. Khác <input type="checkbox"/>
---	---	----------------------------------

30. Trong một hộ, 2 vợ chồng làm nghề nuôi cá, người con gái bán lẻ vật liệu xây dựng. Vậy, ghi Câu 24 cho người con gái như thế nào?

a. Lao động gia đình <input type="checkbox"/>	b. Làm công ăn lương <input type="checkbox"/>	c. Khác <input type="checkbox"/>
---	---	----------------------------------

31. Một người mở một xưởng mộc, có thuê 5 lao động cùng làm với mình, nhưng không đăng ký kinh doanh. Vậy, ghi Câu 25 cho người này như thế nào?

a. Cá nhân/hộ nông-lâm-ngư <input type="checkbox"/>	b. Hộ SXKD cá thể <input type="checkbox"/>	c. Tư nhân <input type="checkbox"/>
---	--	-------------------------------------

32. Một người thành lập một doanh nghiệp tư nhân (đã được cấp giấy phép) và làm giám đốc của doanh nghiệp tư nhân đó. Vậy, ghi Câu 25 cho người này như thế nào?

a. Cá nhân/hộ nông-lâm-ngư <input type="checkbox"/>	b. Hộ SXKD cá thể <input type="checkbox"/>	c. Tư nhân <input type="checkbox"/>
---	--	-------------------------------------

33. Một người là trưởng thôn, thì ghi Câu 25 như thế nào?

a. Cá nhân/hộ nông-lâm-ngư <input type="checkbox"/>	b. Tập thể <input type="checkbox"/>	c. Nhà nước <input type="checkbox"/>
---	-------------------------------------	--------------------------------------

34. Một người ký hợp đồng làm tạp vụ cho Ủy ban nhân dân xã, thì ghi Câu 25 như thế nào?

a. Cá nhân/hộ nông-lâm-ngư <input type="checkbox"/>	b. Tập thể <input type="checkbox"/>	c. Nhà nước <input type="checkbox"/>
---	-------------------------------------	--------------------------------------

35. Một người làm hợp đồng ngắn hạn với một đơn vị quân đội, hàng ngày về ăn ở với gia đình, thì ghi Câu 25 như thế nào?

a. Cá nhân/hộ nông-lâm-ngư <input type="checkbox"/>	b. Tập thể <input type="checkbox"/>	c. Nhà nước <input type="checkbox"/>
---	-------------------------------------	--------------------------------------

36. Một phụ nữ mang thai lần đầu, khi sinh con bác sỹ nói là đứa trẻ đã chết từ khi còn nằm trong bụng mẹ. Vậy, ghi câu 32 cho người phụ nữ này như thế nào?

a. Gạch chéo vào ô mã “CÓ” <input type="checkbox"/>	b. Gạch chéo vào ô mã “KHÔNG” <input type="checkbox"/>
---	--

37. Một đứa trẻ khi sinh ra không thấy thở, cũng không thấy khóc mà chỉ thấy môi mấp máy vài lần rồi chết hẳn. Như vậy, có được tính là một lần sinh cho người mẹ của đứa trẻ đó không?

a. Không <input type="checkbox"/>	b. Có <input type="checkbox"/>
-----------------------------------	--------------------------------

38. Ngày 5/4/2009 ĐTV đến hộ phỏng vấn ghi phiếu, có một phụ nữ là nhân khẩu TTTT của hộ mới sinh con vào ngày 2/4/2009. Vậy, khi tính lịch sử sinh cho người phụ nữ đó, có tính cả đứa trẻ mới sinh đó không?

a. Không <input type="checkbox"/>	b. Có <input type="checkbox"/>
-----------------------------------	--------------------------------

39. Một người đang lái xe ô tô tải chở hàng, thì xe bị mất phanh (thắng) nên lao xuống vực và bị chết. Vậy ghi Câu 40 cho người này như thế nào?

a. Chết do tai nạn lao động <input type="checkbox"/>	b. Chết do tai nạn giao thông <input type="checkbox"/>	c. Chết do tai nạn khác <input type="checkbox"/>
--	--	--

40. Một phụ nữ bị ốm chết sau khi sinh con được 30 ngày. Vậy, người phụ nữ này có phải chết do thai sản không?

a. Có, chết do thai sản <input type="checkbox"/>	b. Không, không phải chết do thai sản <input type="checkbox"/>
--	--

41. Một người đi thăm bạn bằng xe máy, trên đường đi bị chết do vướng phải dây điện và bị điện giật chết, thì ghi Câu 40 cho người này như thế nào?

a. Chết do tai nạn lao động <input type="checkbox"/>	b. Chết do tai nạn giao thông <input type="checkbox"/>	c. Chết do tai nạn khác <input type="checkbox"/>
--	--	--

42. Một chủ hộ, ngoài ngôi nhà mà bản thân họ hiện đang ở, còn xây một dãy nhà trọ trên cùng một khu đất cho công nhân thuê, mỗi phòng có thể có một hoặc một số người thuê để ở. Vậy, khi khai phần nhà ở, thì ghi cho những công nhân ở thuê nhà đó là ở chung nhà hay không ở chung nhà với người chủ hộ đó?

a. Ở chung nhà <input type="checkbox"/>	b. Không ở chung nhà <input type="checkbox"/>
---	---

43. Hành lang (hiên) của ngôi nhà có được tính vào diện tích của ngôi nhà không?

a. Không <input type="checkbox"/>	b. Có <input type="checkbox"/>
-----------------------------------	--------------------------------

44. Một hộ có hai ngôi nhà xây trên cùng một lô đất. Một ngôi dùng để tiếp khách và ngủ. Một ngôi dùng để nấu ăn, ăn uống và nhà vệ sinh. Vậy, tính diện tích nhà cho hộ này như thế nào? Chỉ tính diện tích ngôi nhà dùng để tiếp khách và ngủ hay tính diện tích của cả 2 ngôi nhà?

a. Tính diện tích của cả hai ngôi nhà <input type="checkbox"/>	b. Chỉ tính diện tích của ngôi nhà dùng để tiếp khách và ngủ <input type="checkbox"/>
--	---

45. Một ngôi nhà được xây trên đất công (lấn chiếm) thì ghi Câu 52 như thế nào?

a. Nhà riêng của hộ <input type="checkbox"/>	b. Nhà của nhà nước và nhân dân cùng làm <input type="checkbox"/>	c. Nhà chưa rõ quyền sở hữu <input type="checkbox"/>
--	---	--

46. Một hộ xây một trạm thủy điện nhỏ và bán điện cho những người trong bản dùng đèn thấp sáng (quanh năm). Vậy, ghi Câu 53 cho những hộ đó như thế nào?

a. Điện lưới <input type="checkbox"/>	b. Điện máy phát <input type="checkbox"/>	c. Khác <input type="checkbox"/>
---------------------------------------	---	----------------------------------

47. Một số hộ dùng nước ở cây nước (nước khoan ở dưới tầng sâu, được máy bơm bơm lên bể chứa trên cao, được lọc bằng cát, sỏi, sau đó dùng hệ thống đường ống dẫn về các hộ sử dụng) do một tư nhân đầu tư, xây dựng. Vậy ghi Câu 55 cho những hộ này như thế nào?

a. Nước máy vào nhà <input type="checkbox"/>	b. Nước máy công cộng <input type="checkbox"/>	c. Nước khoan <input type="checkbox"/>
--	--	--

48. Một số hộ dân không có hố xí, nên đi vệ sinh ở khu nhà vệ sinh do thôn/ấp xây (hố xí tự hoại). Vậy, ghi Câu 56 cho những hộ này như thế nào?

a. Hố xí tự hoại/bán tự hoại trong nhà <input type="checkbox"/>	b. Hố xí tự hoại/bán tự hoại ngoài nhà <input type="checkbox"/>	c. Không có hố xí <input type="checkbox"/>
---	---	--

ĐÁP ÁN BÀI TẬP CUỐI KHÓA

ĐÀO TẠO ĐIỀU TRA VIÊN VÀ TỔ TRƯỞNG ĐIỀU TRA ĐỊA BÀN MẪU

Câu 1: b	Câu 11: a	Câu 21: a	Câu 31: a	Câu 41: c
Câu 2: b	Câu 12: a	Câu 22: b	Câu 32: c	Câu 42: b
Câu 3: b	Câu 13: c	Câu 23: a	Câu 33: c	Câu 43: b
Câu 4: b	Câu 14: b	Câu 24: b	Câu 34: c	Câu 44: a
Câu 5: a	Câu 15: c	Câu 25: a	Câu 35: c	Câu 45: c
Câu 6: b	Câu 16: b	Câu 26: b	Câu 36: b	Câu 46: b
Câu 7: a	Câu 17: b	Câu 27: b	Câu 37: a	Câu 47: c
Câu 8: b	Câu 18: a	Câu 28: c	Câu 38: b	Câu 48: b
Câu 9: a	Câu 19: b	Câu 29: b	Câu 39: b	
Câu 10: b	Câu 20: a	Câu 30: c	Câu 40: a	

BAN CHỈ ĐẠO
TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở TRUNG ƯƠNG

SỔ TAY
ĐIỀU TRA VIÊN
ĐỊA BÀN MẪU

Hà Nội, 11/2008

THƯ GỬI ĐIỀU TRA VIÊN

Các bạn điều tra viên thân mến!

Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương xin gửi đến các bạn lời chào trân trọng.

Ngày 10 tháng 7 năm 2008, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 94/2008/QĐ-TTg “về tổ chức Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009”.

Mục đích của cuộc Tổng điều tra là có được nguồn thông tin đầy đủ và chính xác về dân số và nhà ở giúp cho Đảng và Nhà nước, các địa phương, các khu vực kinh tế tập thể, tư nhân, các nhà đầu tư xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, trong đó có các bạn và gia đình các bạn.

Chất lượng của cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 phụ thuộc rất nhiều vào công tác điều tra ghi phiếu tại các địa bàn, mà các bạn chính là những người sẽ thực hiện công việc đó. Chúng tôi tin tưởng rằng, với tinh thần trách nhiệm cao và lòng nhiệt tình sẵn có, với mong muốn được đóng góp nhiều hơn vào sự phát triển của đất nước và quê hương, các bạn sẽ vượt qua được khó khăn để thực hiện tốt nhiệm vụ.

Thưa các bạn!

Thành công của cuộc Tổng điều tra có phần đóng góp công sức rất lớn của đội ngũ điều tra viên. Chúng tôi ghi nhận đóng góp lớn lao ấy và mong các bạn hợp tác với chúng tôi, vì nhiệm vụ chung của đất nước.

Chúc các bạn và gia đình mạnh khỏe, hạnh phúc.

BAN CHỈ ĐẠO

TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở TRUNG ƯƠNG

CHƯƠNG I

MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA CUỘC TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở 2009, VAI TRÒ VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐIỀU TRA VIÊN

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA CUỘC TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở 2009

Tổng điều tra dân số và nhà ở vào thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2009 thu thập các thông tin cơ bản về dân số và nhà ở, nhằm:

- Phục vụ công tác nghiên cứu, phân tích và dự báo quá trình phát triển dân số và nhà ở trên phạm vi cả nước và từng địa phương;
- Đáp ứng nhu cầu thông tin đánh giá tình hình thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ từ năm 2000 đến năm 2010, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020 và giám sát thực hiện mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc mà Chính phủ Việt Nam đã cam kết;
- Cung cấp các số liệu cơ bản về dân số và nhà ở của các đơn vị hành chính nhỏ nhất, bổ sung nguồn số liệu cho các cuộc điều tra thường xuyên, cung cấp dàn mẫu và cơ sở dữ liệu dân số và nhà ở cho các mục đích nghiên cứu khác nhau trong mười năm sau cuộc Tổng điều tra.

II. VAI TRÒ VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐIỀU TRA VIÊN

Điều tra viên (ĐTV) là người trực tiếp đến từng hộ, gặp chủ hộ (hoặc người đại diện của hộ) và các nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ để trực tiếp phỏng vấn và ghi phiếu điều tra; đồng thời thu thập thông tin về nhà ở và các trường hợp chết trong khoảng thời gian từ ngày 1 Tết Mậu Tý (ngày 7/2/2008 dương lịch) đến 0 giờ ngày 1/4/2009 của các hộ thuộc phạm vi ranh giới địa bàn mình phụ trách. Vì vậy, đội ngũ cán bộ điều tra mà trước hết là ĐTV là người trực tiếp quyết định mức độ chính xác của từng câu trả lời ghi trong phiếu điều tra. Trong từng giai đoạn của cuộc Tổng điều tra, ĐTV có những nhiệm vụ cụ thể sau:

A. Trong giai đoạn chuẩn bị

- 1. Tham dự tập huấn nghiệp vụ:** tham dự đầy đủ, nghiêm túc các buổi tập huấn nghiệp vụ điều tra. Không bỏ bất cứ một buổi lên lớp nào (hướng dẫn nghiệp vụ, thảo luận và làm bài tập) cũng như đi thực tập tại địa bàn. Chú ý nghe giảng, nghiên cứu kỹ tài liệu, liên hệ với tình hình thực tế của địa phương để nắm vững phạm vi trách nhiệm của mình, cụ thể hóa các vấn đề nghiệp vụ và phương pháp điều tra, ghi và bảo quản phiếu;
- 2. Nhận đầy đủ các tài liệu, phương tiện điều tra từ tổ trưởng như:** phiếu, cặp đựng tài liệu, sơ đồ địa bàn, bảng kê số nhà, số hộ, số người, sổ tay điều tra viên, bút bi, băng xóa, vở, ...
- 3. Chuẩn bị địa bàn điều tra:** Trong thời gian soát xét sơ đồ và bảng kê, phải nhận bàn giao địa bàn điều tra (ĐBĐT) từ tổ trưởng điều tra cả trên giấy (sơ đồ, bảng kê) và trên thực địa. Kiểm tra, đối chiếu toàn bộ các ngôi nhà (kể cả có người ở và không có người

ở) có trong địa bàn và bảng kê số nhà, số hộ, số người. Phát hiện những ngôi nhà có người ở, những hộ và những nhân khẩu thực tế thường trú trong phạm vi địa bàn mình phụ trách bị bỏ sót hoặc mới chuyển đến để bổ sung, hiệu chỉnh sơ đồ và bảng kê;

- 4. Thăm và hẹn ngày làm việc cụ thể với từng hộ:** Nói cách khác là lên lịch cụ thể cho ngày điều tra đầu tiên và những ngày tiếp theo nhằm tránh phải trở lại hộ nhiều lần. Phát hiện những hộ có thể đi vắng trong suốt thời gian điều tra để có kế hoạch điều tra phù hợp.

B. Trong giai đoạn điều tra

- 1. Thực hiện đúng phương pháp thu thập thông tin là phỏng vấn trực tiếp;**
- 2. Xác định đầy đủ số hộ thuộc địa bàn mình phụ trách:** Việc phỏng vấn, ghi phiếu phải tuân thủ đúng những quy định về nghiệp vụ và quy trình phỏng vấn, bảo đảm không điều tra trùng hoặc bỏ sót một đối tượng điều tra (ĐTĐT) nào, cũng như không ghi thừa hay bỏ sót một mục nào trên phiếu;
- 3. Điều tra theo đúng tiến độ quy định:** ngày đầu điều tra không quá 3 hộ đối với khu vực thành thị, nông thôn miền xuôi và vùng núi thấp, và không quá 2 hộ đối với khu vực miền núi cao và vùng sâu, vùng xa. Các ngày sau tốc độ tăng dần để hoàn thành điều tra toàn bộ ĐTĐT của địa bàn vào ngày cuối cùng theo kế hoạch. Chống tư tưởng chủ quan, lướt nhanh, làm ẩu dẫn đến kết quả kém chính xác;
- 4. Cuối mỗi ngày điều tra:** kiểm tra lại các phiếu đã ghi, phát hiện các sai sót để sửa chữa kịp thời, nếu cần thiết phải quay lại hộ để xác minh và sửa chữa. Việc sửa chữa những sai sót phải theo đúng quy định. Sắp xếp những phiếu đã hoàn thành theo số thứ tự hộ từ nhỏ đến lớn. Báo cáo tiến độ và nộp cho tổ trưởng số phiếu đã hoàn thành trong ngày để tổ trưởng kiểm tra chất lượng ghi phiếu. Xác minh những sai sót ghi trên phiếu mà tổ trưởng yêu cầu. Ghi chép kết quả điều tra ghi phiếu hàng ngày vào bảng “Theo dõi tiến độ điều tra” (Phụ lục 1).

Chú ý: ĐTV ghi tiến độ điều tra vào cuối mỗi ngày đi điều tra và ghi trực tiếp vào Phụ lục 1 trong cuốn sổ tay ĐTV.

- 5. Hợp tác với các ĐTV khác, phục tùng sự chỉ đạo của tổ trưởng điều tra và giám sát viên các cấp:** Trong thời gian thực thi nhiệm vụ của mình, ĐTV phải chấp hành nghiêm chỉnh sự điều hành của tổ trưởng, những ý kiến đóng góp của giám sát viên các cấp. Có tinh thần tương trợ, giúp đỡ các ĐTV khác về nghiệp vụ cũng như về công việc.
- 6. Giữ gìn phiếu và các tài liệu điều tra** khác sạch sẽ, an toàn, đồng thời không được tiết lộ các thông tin ghi trên phiếu cho người khác biết.

C. Khi kết thúc điều tra

- Soát xét trên bảng kê xem có còn hộ nào, người nào thuộc ĐTĐT của địa bàn mà chưa được điều tra ghi phiếu. Nếu có, phải tiến hành điều tra bổ sung;
- Cùng với tổ trưởng sắp xếp các phiếu theo số thứ tự hộ từ nhỏ đến lớn theo địa bàn mình phụ trách.

- Trong mỗi cặp đựng tài liệu của từng địa bàn điều tra, phiếu điều tra và các tài liệu có liên quan của địa bàn điều tra được sắp xếp theo thứ tự sau (từ trên xuống dưới):
 - + Sơ đồ ĐBĐT;
 - + Bảng kê số nhà, số hộ, số người;
 - + Phiếu điều tra đã hoàn thiện của địa bàn được sắp xếp theo thứ tự hộ từ nhỏ đến lớn và cho vào túi bảo quản tài liệu, sau đó cho vào cặp đựng tài liệu.

Khi sắp xếp phiếu điều tra mẫu, cần chú ý: Phiếu được cắt vát ở góc trên bên phải của tập phiếu, nên khi sắp xếp phải để góc bị cắt của tất cả các tập phiếu đều nằm ở vị trí giống nhau. Đối với những hộ phải sử dụng từ hai tập phiếu trở lên thì không được lồng vào nhau mà phải sắp xếp theo thứ tự tập phiếu thứ nhất, tập phiếu thứ hai,...

- Giao nộp phiếu điều tra và các tài liệu khác cho tổ trưởng.

CHƯƠNG II

NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ NGHIỆP VỤ ĐIỀU TRA

I. THỜI ĐIỂM ĐIỀU TRA

Thời điểm điều tra là 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2009.

Trong thời gian điều tra, dù ĐTV đến hộ để phỏng vấn ghi phiếu vào bất kỳ ngày, giờ nào, thì cũng phải lấy mốc thời điểm là 0 giờ, ngày 01 tháng 4 năm 2009 (hay 12 giờ đêm ngày 31/3/2009) để xác định số nhân khẩu thực tế thường trú (TTTT) tại hộ và các đặc trưng cá nhân của họ để ghi phiếu. Đối với các câu hỏi về tình hình di cư và tử vong của dân số, ĐTV phải căn cứ vào khoảng thời gian thu thập thông tin để xác định đầy đủ các sự kiện.

II. THỜI GIAN ĐIỀU TRA

Thời gian điều tra (còn được gọi là thời gian thu thập thông tin) tại địa bàn bắt đầu từ 7 giờ sáng ngày 01 tháng 4 và kết thúc chậm nhất vào ngày 20 tháng 4 năm 2009.

Thời gian điều tra còn gọi là thời gian thu thập thông tin của từng địa bàn phụ thuộc vào quy mô của địa bàn và định mức điều tra của từng vùng. Đối với phiếu điều tra mẫu, định mức điều tra như sau:

<i>Vùng núi cao, hải đảo</i>	<i>Vùng núi thấp, vùng sâu/xa</i>	<i>Các vùng còn lại</i>
4 phiếu/công	5 phiếu/công	6 phiếu/công

Ban chỉ đạo Tổng điều tra xã/phường tổ chức lực lượng để tiến hành điều tra thống nhất những người lang thang, cơ nhỡ đang có mặt trong phạm vi ranh giới của xã/phường vào ngày điều tra đầu tiên (01/4/2009).

III. PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN

Thu thập thông tin sẽ được thực hiện bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp. Điều tra viên phải đến từng hộ để hỏi người cung cấp thông tin và ghi đầy đủ các câu trả lời vào phiếu điều tra.

Đối với những người tạm vắng trong suốt thời gian điều tra, điều tra viên có thể hỏi những người khác trong hộ, hoặc dựa vào những tài liệu do người thân hoặc chính quyền cung cấp để ghi vào các mục của phiếu điều tra.

Khi thu thập các thông tin về nhà ở, điều tra viên hỏi người cung cấp thông tin kết hợp với quan sát trực tiếp ngôi nhà/căn hộ để ghi kết quả vào phiếu điều tra.

IV. ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU TRA

Đối tượng của cuộc Tổng điều tra bao gồm:

- Tất cả người Việt Nam thường xuyên cư trú trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có đến thời điểm điều tra, người Việt Nam được cơ quan có thẩm quyền cho phép xuất cảnh ra nước ngoài trong thời hạn quy định;

- Các trường hợp chết (của hộ) đã xảy ra từ ngày 01 Tết Mậu Tý (ngày 7/2/2008 theo Dương Lịch) đến 0 giờ ngày 1/4/2009;
- Nhà ở của hộ dân cư.

V. ĐƠN VỊ ĐIỀU TRA

Đơn vị điều tra là hộ. Hộ bao gồm một người ăn ở riêng hoặc một nhóm người ở chung và ăn chung. Đối với hộ có từ 2 người trở lên, các thành viên trong hộ có thể có hay không có quỹ thu chi chung; có hoặc không có mối quan hệ ruột thịt, hôn nhân hay nuôi dưỡng; hoặc kết hợp cả hai.

Một hộ thường sử dụng toàn bộ, một phần hay trên một đơn vị nhà ở, nhưng cũng có những hộ sống trong các lều/lán/trại/nhà trọ/khách sạn hoặc nhà tập thể, doanh trại, ký túc xá, v.v ... , hoặc không có nhà ở.

Trong hầu hết các trường hợp, một hộ chỉ bao gồm những người có quan hệ họ hàng như bố mẹ và các con, hoặc các gia đình nhiều thế hệ. Trong một số trường hợp, thậm chí chỉ những người có quan hệ họ hàng xa hoặc không có quan hệ họ hàng với nhau cũng là thành viên của một hộ.

Những người giúp việc gia đình, người ở trọ và những người không có quan hệ họ hàng cũng được tính chung vào hộ, nếu họ thường xuyên ngủ chung và ăn chung trong đơn vị nhà ở của hộ, và được xác định là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ mà họ giúp việc hay ở trọ.

Thông thường, một hộ gồm những người ở chung trong một đơn vị nhà ở. Tuy nhiên, trong một số trường hợp khi có hai nhóm gia đình trở lên hoặc có hai nhóm người trở lên không có quan hệ họ hàng tuy có ở chung trong một đơn vị nhà ở nhưng không ăn chung với nhau, mỗi nhóm gia đình như vậy tạo thành một hộ.

Một người tuy ở chung trong đơn vị nhà ở với một hộ nhưng lại nấu ăn riêng hoặc ăn ở nơi khác, thì người đó không được coi là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ, mà phải tách ra thành một hộ riêng.

Nếu hai nhóm người tuy ăn chung nhưng lại ngủ riêng ở hai đơn vị nhà ở khác nhau, thì hai nhóm này tạo thành hai hộ khác nhau. Trường hợp đặc biệt, khi các trẻ em còn phụ thuộc kinh tế vào bố mẹ nhưng lại ngủ ở (các) đơn vị nhà ở gần đó (hộ có nhiều nơi ở), thì quy ước coi số trẻ em này là thành viên hộ của bố mẹ chúng, và được điều tra chung vào một hộ.

Chú ý: Công nhân viên sống độc thân trong các khu nhà tập thể, lán trại trong các khu công nghiệp, công trường, hầm mỏ, v.v..., hoặc thuê nhà để ở (kể cả học sinh các trường dạy nghề, các trường chuyên nghiệp không cư trú trong khu nội trú của trường mà thuê nhà để ở), thì quy ước mỗi phòng là một đơn vị điều tra.

VI. ĐƠN VỊ NHÀ Ở, NƠI Ở

1. Đơn vị nhà ở

Nhà ở là một công trình xây dựng bao gồm ba bộ phận: tường, mái, sàn và được dùng để ở.

Đơn vị nhà ở là nơi ở có cấu trúc riêng biệt và độc lập, theo đó, nó được xây dựng, biến đổi hoặc sắp xếp, được dùng làm nơi ở cho một hoặc nhiều hộ. Nó có thể là một khu nhà, một ngôi nhà, một căn hộ, hoặc một phòng ở.

Một phần của một ngôi nhà (một phòng hoặc một nhóm phòng) cũng có thể là một đơn vị nhà ở, nếu thỏa mãn hai điều kiện sau:

- a) Riêng biệt: Một phần của ngôi nhà phải có tiện nghi để ngủ, chuẩn bị và nấu ăn, và những người cư trú trong đó phải tách biệt với các hộ khác trong ngôi nhà bằng các bức tường hoặc vách ngăn.
- b) Lối vào trực tiếp: Có thể vào trực tiếp một phần của ngôi nhà từ bên ngoài ngôi nhà. Tức là, những người cư trú có thể đi vào trong hoặc ra ngoài ngôi nhà mà không phải đi qua nơi ở của bất kỳ ai.

2. Nơi ở

Nơi ở là nơi mà ở đó người ta có thể ăn ở, sinh hoạt. Đó có thể là một đơn vị nhà ở, hoặc một khu tập thể.

Nơi ở có thể được xây dựng, cải tạo hoặc thu xếp cho con người làm nơi cư trú; hoặc nơi được sử dụng làm nơi cư trú mặc dù thực sự nó không được dự định để làm nơi cư trú, như: toa xe, toa tàu, găm cầu, hang/động, v.v....

VII. NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TẠI HỘ

1. Nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ: là những người thực tế vẫn thường xuyên ăn ở tại hộ tính đến thời điểm điều tra đã được 6 tháng trở lên và những người mới chuyển đến ở ổn định tại hộ, không phân biệt họ đã hay chưa được đăng ký hộ khẩu thường trú.

Nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ bao gồm:

a. Những người vẫn thường xuyên ăn ở tại hộ tính đến thời điểm điều tra đã được 6 tháng trở lên gồm:

- Những người vẫn thường xuyên ăn ở tại hộ, tính đến thời điểm điều tra đã được 6 tháng trở lên và hiện còn đang ở đó, không phân biệt họ đã hay chưa được đăng ký hộ khẩu thường trú. Không kể những người làm trong ngành công an, quân đội vẫn thường xuyên ăn ở tại hộ (do Bộ Công an và Bộ Quốc phòng điều tra theo kế hoạch riêng) và người nước ngoài chưa nhập quốc tịch Việt Nam, Việt kiều về thăm gia đình, học sinh phổ thông trọ học;
- Những người tuy đã có giấy tờ di chuyển, nhưng đến thời điểm điều tra họ vẫn chưa rời khỏi hộ để đến nơi ở mới (giấy gọi nhập ngũ, giấy chiêu sinh, quyết định tuyển dụng, chuyển chuyển công tác, v.v...);
- Những người làm hợp đồng (ngắn và dài hạn) cho quân đội hiện đang cư trú tại hộ;
- Những người làm hợp đồng ngắn hạn, tạm tuyển, thời vụ cho ngành công an hiện đang cư trú tại hộ.

b. Những người mới chuyển đến ở ổn định tại hộ tính đến thời điểm điều tra kể cả trẻ em mới sinh trước ngày 1/4/2009 bao gồm:

- Trẻ em mới sinh trước thời điểm điều tra;

- Những người đã rời hẳn nơi ở cũ đến ở ổn định tại hộ và có giấy chứng nhận di chuyển, không kể thời gian họ đã chuyển đến hộ được bao lâu, hiện đang ăn ở tại hộ;
- Những người đã rời nơi ở cũ, tuy không có giấy tờ chứng nhận sự di chuyển, nhưng đã xác định rõ họ chuyển đến ở ổn định tại hộ như: về ở nhà chồng/nhà vợ để làm dâu/làm rể, đến ở làm con nuôi cán bộ, công nhân viên chức, bộ đội, công an nghi theo chế độ hưu trí, mất sức đã trở về ở hẳn với gia đình, v.v...;
- Những quân nhân, công an đào ngũ, đào nhiệm (đã có giấy báo của đơn vị hoặc có một căn cứ xác đáng khác) hiện đang cư trú tại hộ;
- Những người đang ăn ở tạm thời trong hộ nhưng họ không có bất kỳ một nơi thường trú nào khác.

c. Đối với những người rời hộ đi làm ăn ở nơi khác quy ước:

- Đi cả hộ: Điều tra tại nơi mà hộ hiện đang cư trú.
- Chỉ đi một hay một số người trong hộ:
 - + Nếu tính đến thời điểm điều tra, họ đã rời gia đình (nơi ở cũ) từ 6 tháng trở lên, thì điều tra tại nơi mà hộ hiện đang cư trú;
 - + Nếu tính đến thời điểm điều tra, họ đã rời gia đình (nơi ở cũ) dưới 6 tháng, thì điều tra tại gia đình (nơi ở cũ) của họ. Riêng những người đi đánh bắt hải sản, đi tàu viễn dương, đi buôn chuyến, đi công tác, ... đã rời gia đình (nơi ở cũ) từ 6 tháng trở lên, thì cũng điều tra tại gia đình (nơi ở cũ).

d. Những người tạm vắng:

Là những người lâu nay vẫn thường xuyên ăn ở tại hộ, nhưng tại thời điểm điều tra, họ tạm thời không có mặt ở hộ gồm:

- Những người đang đi nghỉ hè, nghỉ lễ, đi công tác, đi du lịch hoặc học tập, đào tạo ngắn hạn dưới một năm ở trong nước;
- Học sinh phổ thông đi trọ học, trừ những người cư trú trong ký túc xá của các trường phổ thông nội trú, học sinh các trường dạy nghề, chuyên nghiệp ...;
- Những người được cơ quan có thẩm quyền cho phép đi làm việc, công tác, học tập, chữa bệnh, du lịch ở nước ngoài, tính đến thời điểm điều tra họ vẫn còn ở nước ngoài trong thời hạn quy định (trừ số cán bộ đang làm việc tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, cán bộ của phòng tùy viên Quốc phòng, Thương vụ, Ban quản lý lao động và thân nhân của họ đi theo sẽ do Bộ Ngoại giao điều tra đăng ký).
- Những người đang chữa bệnh nội trú trong các bệnh viện, cơ sở điều dưỡng (trừ những người đang điều trị tập trung ở các bệnh viện tâm thần, trại phong, trại cai nghiện, v.v... sẽ do địa phương nơi có các bệnh viện, cơ sở đó điều tra);
- Những người đang bị ngành quân đội, công an tạm giữ.

Theo quy định, những người bị tạm giữ là những người vì lý do nào đó mà bị ngành quân đội hay công an bắt giữ trong thời hạn 3 ngày, và được gia hạn tạm giữ tối đa không quá 2 lần, mỗi lần 3 ngày. Theo luật định, tổng số ngày tạm giữ một người không được quá 9 ngày. Trên thời hạn đó, gọi là tạm giam (đã bị Viện Kiểm sát ra lệnh bắt giam).

Những “nhân khẩu tạm vắng” được gọi là “nhân khẩu tạm trú” tại địa bàn nơi họ có mặt tại thời điểm điều tra. Tất cả các nhân khẩu “tạm vắng” và “tạm trú” đều phải được điều tra, đăng ký tại nơi TTTT của họ.

2. Những người sau đây không được tính là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ:

- Trẻ em mới sinh sau thời điểm điều tra;
- Những người chết trước thời điểm điều tra;
- Những người đã chuyển đi hẳn khỏi hộ trước thời điểm điều tra;
- Những người mới chuyển đến ăn ở ổn định tại hộ sau thời điểm điều tra;
- Những người đi làm ăn ở nơi khác tính đến thời điểm điều tra đã được 6 tháng trở lên (không kể những người đi đánh bắt hải sản, đi tàu viễn dương, đi buôn chuyến, đi công tác ... từ 6 tháng trở lên);
- Những người đã cư trú ổn định ở nước ngoài (có hoặc không có giấy xuất cảnh), kể cả những người đã ở nước ngoài quá thời hạn quy định;
- Những người rời gia đình (nơi ở cũ) đi làm ăn đến ở tạm thời tại hộ chưa được 6 tháng tính đến thời điểm điều tra (trừ những người không có bất kỳ một nơi thực tế thường trú nào khác);
- Những người đến chơi, đến thăm, đến trọ học phổ thông, ...;
- Người nước ngoài chưa nhập quốc tịch Việt Nam (mang quốc tịch nước ngoài) đang cư trú tại hộ;
- Những người đang làm trong các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài bao gồm: các cơ quan đại diện ngoại giao, các Tổng Lãnh sự quán, các phái đoàn đại diện thường trực của Việt Nam tại các tổ chức quốc tế, cán bộ của Phòng tùy viên quân sự, Thương vụ, Ban quản lý lao động ở nước ngoài và thân nhân của họ đi theo. Những đối tượng này do Bộ Ngoại giao đăng ký.
- Những người do ngành Quân đội quản lý bao gồm:
 - + Quân nhân (sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sỹ quan và binh sỹ) và công nhân viên quốc phòng bao gồm: số thường xuyên về ăn ở với gia đình tại nơi cư trú, số đang sống trong doanh trại hoặc trong các khu vực do quân đội quản lý;
 - + Quân nhân, công nhân viên quốc phòng đang học tập trong các trường đào tạo trong quân đội và ngoài quân đội quản lý, số người đang được quân đội cử đi công tác, học tập, ... ở nước ngoài (trừ những người làm ở Phòng Tùy viên Quốc phòng của Việt Nam ở nước ngoài sẽ do Bộ Ngoại giao đăng ký);
 - + Những người làm hợp đồng (ngắn và dài hạn) đang sinh sống và làm việc trong doanh trại hoặc các khu vực do quân đội quản lý. Riêng những người làm hợp đồng (ngắn hạn, dài hạn) cho quân đội nhưng đang sống tại các khu dân cư của xã/phường/thị trấn quản lý (tức sống ngoài doanh trại hoặc ngoài các khu vực do quân đội quản lý) thì do Ban chỉ đạo tỉnh/thành phố tổ chức điều tra đăng ký;
 - + Phạm nhân trong các trại giam, trại cải tạo, cải huấn do quân đội quản lý, kể cả những người bị quân đội tạm giam (đã được Viện Kiểm sát quân sự phê chuẩn lệnh bắt giam).

- Những người do ngành Công an quản lý bao gồm:
 - + Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sỹ, công nhân, viên chức trong công an nhân dân thuộc biên chế của ngành Công an, bao gồm: những người hàng ngày về ăn ở tại gia đình nơi cư trú, những người sống trong các doanh trại hoặc trong các khu vực do công an quản lý. Riêng số người đang làm hợp đồng ngắn hạn, tạm tuyển, lao động thời vụ của ngành Công an sẽ do Ban chỉ đạo tỉnh/thành phố tổ chức điều tra đăng ký;
 - + Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sỹ, công nhân, viên chức trong công an nhân dân đang được ngành Công an cử đi học tập trong các trường đào tạo do ngành Công an và ngoài ngành Công an quản lý, số người đang được ngành Công an cử đi công tác, học tập, ... ở nước ngoài;
 - + Phạm nhân trong các trại giam, trại cải tạo, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng do ngành Công an quản lý;
 - + Bị can đang bị tạm giam tại các trại tạm giam, nhà tạm giữ do ngành Công an quản lý (đã được Viện Kiểm sát Nhân dân phê chuẩn lệnh bắt giam).
- Những người do Bộ Ngoại giao điều tra theo kế hoạch riêng bao gồm:
 - + Cán bộ đang làm việc tại các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài (bao gồm các Cơ quan đại diện ngoại giao, các Tổng Lãnh sự quán, các Phái đoàn đại diện thường trực của Việt Nam tại các tổ chức quốc tế) và thân nhân của họ đi theo;
 - + Cán bộ của Phòng Tùy viên Quốc phòng, Thương vụ, Ban quản lý lao động và thân nhân của họ đi theo.

3. Một số điểm cần chú ý khi xác định nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ

a. Đối với những người có hai hoặc nhiều nơi ở: những người này được xác định là nhân khẩu thực tế thường trú tại nơi mà họ có thời gian ăn ngủ nhiều hơn (nơi ở chính):

- Nếu các nơi ở của hộ cùng nằm trên phạm vi lãnh thổ của một địa bàn: sẽ điều tra đăng ký hộ tại nơi được xác định là nơi ở chính;
- Nếu các nơi ở của hộ thuộc phạm vi lãnh thổ của nhiều địa bàn khác nhau trong cùng một xã/phường hoặc khác xã/phường: Đến thời điểm điều tra, ai được xác định là nhân khẩu thực tế thường trú ở địa bàn nào (nơi ở chính) sẽ do ĐTV phụ trách địa bàn đó điều tra đăng ký.

b. Đối với những người ăn một nơi, ngủ một nơi: những người này được xác định là nhân khẩu thực tế thường trú tại nơi mà họ ngủ.

VIII. ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU TRA CỤ THỂ THUỘC PHẠM VI MỘT ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA

ĐTĐT cụ thể thuộc phạm vi ranh giới 1 địa bàn điều tra gồm có:

1. Các ngôi nhà/căn hộ có người ở trong địa bàn.
2. Những người được xác định là nhân khẩu thực tế thường trú tại các hộ thuộc phạm vi ranh giới của ĐBĐT (như đã nêu ở mục VII).

3. Các nhân khẩu đặc thù gồm:

- (a) Những người sống trong các nhà dưỡng lão, trại trẻ mồ côi, làng trẻ SOS, các trường/lớp học tình thương, trại phong/hùi, trung tâm/trường/trại và các cơ sở xã hội khác đồng tập trung trên phạm vi ranh giới của xã/phường/thị trấn do ngành Lao động-Thương binh và Xã hội quản lý;
- (b) Học sinh đang ở tập trung (không kể số học sinh phổ thông đi trọ học) trong các trường thanh thiếu niên, trường phổ thông nội trú, trường vừa học vừa làm, trường câm/điếc, các tu sỹ trong các tu viện, các nhà sư hoặc tu sỹ sống trong các nhà chung, nhà chùa;
- (c) Học sinh các trường dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học và các trường nội trú hiện đang thực tế thường trú trong ký túc xá;
- (d) Những người lang thang cơ nhỡ, không có nhà ở và những người sống bằng nghề trên mặt nước, những bệnh nhân không nơi nương tựa đang điều trị nội trú trong các bệnh viện và không có bất kỳ một nơi thường trú nào khác.

Các xã/phường có các cơ sở nêu trên có trách nhiệm phân công người lập danh sách số nhân khẩu thực tế thường trú của từng cơ sở và giao cho ĐTV tiến hành điều tra ghi phiếu.

Những người sống lang thang nay đây mai đó, không có nhà ở và sống bằng nghề trên mặt nước, quy ước như sau:

- + Đối với những người sống lang thang, nay đây mai đó không có nhà ở: Các ĐTV khi tiến hành rà soát sơ đồ và bảng kê phải kiểm tra, phát hiện những nơi như: bến tàu, bến xe, nhà ga, góc phố, công viên, gầm cầu/cống, v.v... có người sống lang thang đang cư trú. Nếu có thì báo cho BCD điều tra xã/phường lập kế hoạch huy động lực lượng tiến hành điều tra vào ngày điều tra đầu tiên (1/4).
- + Đối với những người sống bằng nghề trên mặt nước:
 - Nếu họ có nhà ở trên bờ: nhà ở của họ thuộc ĐBĐT nào sẽ do ĐTV phụ trách ĐBĐT đó điều tra ghi phiếu (được thể hiện trên bảng kê giống như những hộ có nhà ở khác);
 - Nếu họ không có nhà ở trên bờ nhưng có bến gốc: bến gốc của họ thuộc ĐBĐT nào sẽ do ĐTV phụ trách địa bàn đó điều tra ghi phiếu (được thể hiện trên bảng kê bằng những ký hiệu A1, A2, ..., là những nơi không có nhà nhưng có người cư trú thường xuyên);
 - Nếu họ không có nhà ở trên bờ cũng không có bến gốc: xử lý như đối với những người sống lang thang, nay đây mai đó không có nhà ở, nghĩa là: đến ngày điều tra đầu tiên, họ ở trên phạm vi ranh giới của xã/phường nào thì lực lượng điều tra những người sống lang thang nay đây mai đó của xã/phường đó điều tra đăng ký.

IX. NHỮNG NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TẠI HỘ ĐÃ CHẾT TRONG KHOẢNG THỜI GIAN TỪ NGÀY 1 TẾT MẬU TÝ (VÀO NGÀY 7/2/2008 DƯƠNG LỊCH) ĐẾN 0 GIỜ NGÀY 1/4/2009.

Bao gồm:

- Những người đã từng là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ (kể cả trẻ em mới sinh, những người mới chuyển đến), nhưng đã chết trong khoảng thời gian từ ngày 1 Tết

Mậu Tý (vào ngày 7/2/2008 dương lịch) đến 0 giờ ngày 1/4/2009 gồm:

- Những người mới chuyển đến ở tạm thời tại hộ nhưng không có bất kỳ một nơi thường trú nào khác đã chết trong khoảng thời gian nói trên.

X. SƠ ĐỒ ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA; BẢNG KÊ SỐ NHÀ, SỐ HỘ, SỐ NGƯỜI

1. Địa bàn điều tra và sơ đồ địa bàn điều tra

a. *Địa bàn điều tra*: là khu dân cư được phân định trong điều tra dân số, có ranh giới rõ ràng hoặc tương đối rõ ràng để giao cho điều tra viên điều tra đăng ký.

Mỗi địa bàn điều tra được thể hiện trên một sơ đồ được gọi là “Sơ đồ địa bàn điều tra”.

b. *Sơ đồ địa bàn điều tra*: là sơ đồ trên đó thể hiện:

- Phạm vi, ranh giới của địa bàn, các con đường, phố, ngõ, hẻm ... và các đặc điểm dễ nhận biết khác như: trụ sở uỷ ban nhân dân, chợ, bệnh viện, trường học, sông, kênh rạch, rừng núi, ruộng vườn, ao hồ, cầu cống, v.v...
- Số thứ tự của các địa bàn điều tra hoặc tên của (các) xã/ huyện/tỉnh hoặc tên quốc gia giáp ranh.
- Tổng số các ngôi nhà có người ở và không có người ở (kể cả những nơi không có nhà nhưng có người cư trú thường xuyên).
- Hướng đi đến từng ngôi nhà/nơi ở có trong địa bàn, bắt đầu từ ngôi nhà có người ở đầu tiên.
- Số thứ tự của các ngôi nhà có người ở được đánh số thứ tự theo số tự nhiên liên tiếp, bắt đầu từ số “1” và số tầng nhà của từng ngôi nhà có người ở; và của những nơi không có nhà nhưng có người cư trú thường xuyên (A1, A2, A3, ...).

2. **Bảng kê số nhà, số hộ, số người**: Là bảng liệt kê các ngôi nhà, căn hộ có người ở, các hộ và số nhân khẩu thực tế thường trú của từng hộ trong địa bàn, theo một số tiêu thức chính về hộ và nhân khẩu, kể cả những nơi không có nhà nhưng có người cư trú thường xuyên.

Nội dung của “Bảng kê số nhà, số hộ, số người” thể hiện: số thứ tự nhà của từng ngôi nhà/căn hộ/nơi không có nhà nhưng có người cư trú thường xuyên trong ĐBĐT, số thứ tự hộ của các hộ cư trú trong ĐBĐT, họ tên chủ hộ và số nhân khẩu thực tế thường trú của mỗi hộ (tổng số người, số nữ). ĐTV không được lệ thuộc vào các số liệu đã thể hiện trên bảng kê mà phải áp dụng đúng quy trình để xác định chính xác số nhân khẩu TTTT tại mỗi hộ tính đến thời điểm điều tra. Phần cuối của bảng kê (các Cột 9, 10 và 11) dành cho ĐTV ghi tổng số nhân khẩu TTTT (và số nữ) của từng hộ thực tế đã điều tra được và những điểm cần ghi chú (Phụ lục 4).

3. Sử dụng sơ đồ và bảng kê

a. *Trong thời gian rà soát sơ đồ và bảng kê trước thời điểm điều tra*

Trong thời gian 3 ngày trước thời điểm điều tra, ĐTV phải đi thực địa để rà soát địa bàn trước thời điểm điều tra, ĐTV phải mang theo sơ đồ ĐBĐT và bảng kê để kiểm tra, đối chiếu với thực địa xem có trùng với nhau về các khía cạnh sau không:

- Ranh giới của địa bàn, tổng số ngôi nhà, căn hộ có người ở và những nơi không có nhà nhưng có người cư trú thường xuyên (gọi tắt là nơi ở) vị trí của từng ngôi nhà/căn hộ/nơi ở và các vật định hướng trong địa bàn;
- Đường đi lối lại trong địa bàn, hướng đi đến từng ngôi nhà/căn hộ/nơi không có nhà nhưng có người cư trú thường xuyên;
- Số thứ tự ngôi nhà/căn hộ/nơi ở trên sơ đồ và bảng kê, số hộ cư trú trong mỗi ngôi nhà/căn hộ/nơi không có nhà nhưng có người cư trú thường xuyên đó.

Hẹn các hộ lịch thời gian đến hộ để phỏng vấn ghi phiếu.

Trong thời gian rà soát sơ đồ và bảng kê, nếu phát hiện có chỗ nào mà sơ đồ và bảng kê không khớp với thực địa, thì ĐTV phải hiệu chỉnh, bổ sung sơ đồ và bảng kê cho phù hợp với thực tế theo đúng quy định. Những vấn đề đó có thể là: đường ranh giới không rõ ràng; các con đường, các ngôi nhà và các vật định hướng vẽ sai vị trí, quy trình đi lại không hợp lý, có những ngôi nhà có người cư trú thường xuyên không được thể hiện trên sơ đồ và bảng kê (bỏ sót trong thời gian hiệu chỉnh sơ đồ và bảng kê), ghi sai họ và tên chủ hộ; hoặc có những thay đổi về đặc điểm địa lý như: có những con đường mới làm, ao hồ bị san lấp, có ngôi nhà mới xây dựng có người đến ăn ở thường xuyên, nhà bị phá hủy, v.v... Sau đó, phải báo cáo với tổ trưởng tất cả những bổ sung, sửa đổi đó để tổ trưởng tổng hợp, báo cáo với Ban chỉ đạo điều tra dân số xã/phường nắm được và báo cáo lên BCĐ cấp trên.

Cách hiệu chỉnh, bổ sung sơ đồ và bảng kê như sau:

- Trường hợp phát hiện ngôi nhà có người thường xuyên cư trú bị bỏ sót: Vẽ ký hiệu nhà lên sơ đồ tương ứng với vị trí trên thực địa. Ghi số thứ tự nhà là số liền kề tiếp theo số thứ tự nhà cuối cùng có trên sơ đồ vào bên trong ký hiệu của ngôi nhà đó (và số tầng nhà của ngôi nhà đó nếu ngôi nhà có từ 2 tầng trở lên). Trên bảng kê, lấy số thứ tự của ngôi nhà bị bỏ sót đã ghi trên sơ đồ để ghi vào dòng cuối cùng của bảng kê, ghi số thứ tự hộ của (những) hộ cư trú trong ngôi nhà đó là (những) số thứ tự liền kề tiếp theo số thứ tự hộ cuối cùng có trong bảng kê.
- Trường hợp phát hiện ngôi nhà khi vẽ sơ đồ không có người thực tế thường trú, hiện đã có người đến cư trú thường xuyên (có chữ “K” bên trong ký hiệu nhà), hoặc ngôi nhà khi lập bảng kê còn đang xây dựng (có chữ “ĐXD” bên trong ký hiệu nhà), hiện đã xây dựng xong (hoặc vẫn còn đang xây dựng) nhưng đã có người chuyển đến cư trú thường xuyên: dùng bút bi gạch ngang hai đường lên chữ “K” (nhà không có người cư trú thường xuyên), hoặc chữ “ĐXD” (nhà đang xây dựng, không có người cư trú thường xuyên). Sau đó, ghi số thứ tự nhà và số thứ tự hộ cho (những) hộ cư trú thường xuyên trong (những) ngôi nhà đó lên sơ đồ và bảng kê giống trường hợp trên.
- Trường hợp (những) hộ cư trú trong ngôi nhà đó chuyển hẳn đi nơi khác, ngôi nhà bị bỏ trống hoặc cho người khác thuê chỉ để bán hàng mà không có ai cư trú thường xuyên ở đó: Dùng bút gạch ngang hai đường lên số thứ tự nhà và ghi chữ “K” (hoặc cụm từ “CH”) vào bên trong ô ký hiệu của ngôi nhà đó trên sơ đồ. Gạch ngang 1 đường chạy suốt các cột từ Cột 1 đến Cột 8 của dòng tương ứng với hộ đã chuyển đi trong bảng kê, sau đó ghi câu “Đã chuyển đi cả hộ” vào Cột 11 “ghi chú”. Không đánh lại số thứ tự nhà và số thứ tự hộ trên sơ đồ cũng như trong bảng kê. Trong trường hợp này, sẽ có số thứ tự nhà và số thứ tự hộ cách quãng).

b. Trong thời gian điều tra

Trong suốt thời gian đi điều tra tại địa bàn, ĐTV phải mang theo sơ đồ và bảng kê ĐBĐT để:

b.1. Trước khi vào mỗi nhà, ĐTV phải xem lại số thứ tự nhà, số thứ tự hộ trên bảng kê có đúng là ngôi nhà/nơi ở và hộ mà mình định đến để điều tra không.

b.2. Trước khi tiến hành phỏng vấn ghi phiếu, ĐTV phải xác định xem họ và tên chủ hộ có trùng với họ và tên chủ hộ đã ghi trên bảng kê không. Trường hợp không trùng thì giải quyết như sau:

- Nếu họ tên chủ hộ khác với họ tên chủ hộ đã ghi trong bảng kê, nhưng người đó (chủ hộ đã ghi trong bảng kê) vẫn còn ăn ở thường xuyên tại hộ: *giữ nguyên chủ hộ đã ghi trong bảng kê;*
- Nếu chủ hộ ghi trong bảng kê không còn ăn ở thường xuyên tại hộ (chuyển hẳn đi nơi khác bị chết): *trên bảng kê, gạch ngang 1 đường ở Cột 3 (họ và tên chủ hộ). Sau đó ghi họ tên chủ hộ mới lên phía trên họ tên chủ hộ cũ đã gạch bỏ, đồng thời ghi câu “Chủ hộ cũ bị chết/chuyển đi nơi khác” vào Cột 11 “Ghi chú”;*
- Nếu hộ cũ đã chuyển hẳn đi nơi khác và có một hộ mới đến cư trú thường xuyên (bán nhà, cho hộ khác đến ở nhờ/thuê, v.v...): *trên bảng kê, gạch ngang một đường ở các Cột 3, 5, 6, 7, 8. Sau đó ghi họ tên chủ hộ của hộ mới lên phía trên họ tên chủ hộ cũ đã bị gạch bỏ, các Cột 5, 6, 7, 8 bỏ trống. Ghi tổng số nhân khẩu TTTT trong đó số nữ của hộ mới điều tra được vào 2 Cột 9 và 10, đồng thời ghi câu “thay hộ mới” vào Cột 11 “Ghi chú”.*
- Nếu trong ngôi nhà/căn hộ có thêm 1 hộ mới đến ở chung: *Trên bảng kê, Cột 1 “Số thứ tự nhà” ghi lại số thứ tự nhà của ngôi nhà đó vào dòng tiếp theo dòng cuối cùng của bảng kê, Cột 2 “Số thứ tự hộ” ghi số thứ tự liền kề tiếp theo số thứ tự hộ cuối cùng của bảng kê, Cột 3 ghi họ tên chủ hộ của hộ mới phát sinh trong ngôi nhà/căn hộ đó, Cột 4 ghi địa chỉ của ngôi nhà đó, các Cột 5, 6, 7, 8 bỏ trống. Ghi tổng số nhân khẩu TTTT và số nữ của hộ mới phát sinh điều tra được vào 2 Cột 9 và 10, đồng thời ghi câu “Hộ mới chuyển đến ở chung nhà với hộ số ...” vào Cột 11 “Ghi chú”.*

b.3. Sau khi kết thúc phỏng vấn ghi phiếu cho mỗi hộ và trước khi rời hộ để đi đến hộ tiếp theo, ĐTV phải ghi tổng số nhân khẩu TTTT, tổng số nữ của hộ đã điều tra được vào các Cột 9, 10 tương ứng, Cột 11 dùng để ghi những điểm cần lưu ý khi điều tra hộ đó.

Chú ý: Trường hợp tổng số nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ (trong đó số nữ) khi điều tra khác với tổng số nhân khẩu thực tế thường trú của hộ (trong đó số nữ) khi hiệu chỉnh (đã ghi ở Cột 7, 8) thì ĐTV phải ghi rõ lý do của sự khác nhau đó vào Cột 11 “Ghi chú”.

c. Sau khi kết thúc điều tra

Sau khi kết thúc điều tra, ĐTV phải kiểm tra bảng kê xem tất cả các dòng ở các Cột 9 và 10 trên bảng kê đã được ghi chép đầy đủ chưa. Nếu còn hộ nào chưa được ghi chép vào bảng kê thì phải kiểm tra lại phiếu điều tra xem hộ đó đã được điều tra chưa. Nếu đã điều tra thì ghi tiếp vào bảng kê, còn nếu chưa thì phải đến hộ điều tra bổ sung cho đủ.

CHƯƠNG III

MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ PHÒNG VẤN VÀ HOÀN THÀNH PHIẾU ĐIỀU TRA

Để có được một cuộc phỏng vấn thành công, ĐTV cần tuân theo một số quy định nhất định. Trong phần này, chúng ta sẽ nghiên cứu cách tiếp cận với đối tượng điều tra để thực hiện thành công một cuộc phỏng vấn.

ĐTV phải đến từng hộ để hỏi chủ hộ về từng nhân khẩu thực tế thường trú của hộ để ghi vào phiếu điều tra. Trường hợp chủ hộ đi vắng hoặc không có khả năng cung cấp thông tin của các thành viên trong hộ (quá già, ốm yếu, ...), thì có thể gặp một thành viên là người lớn của hộ để phỏng vấn. Nếu người đại diện của hộ không nhớ chính xác về mục nào đó của một thành viên trong hộ, thì phải gặp để hỏi trực tiếp thành viên đó. Trường hợp hộ không có một thành viên nào là người lớn ở nhà thì hẹn quay lại hộ vào thời gian khác. ***Đối với những câu hỏi về “việc làm trong 7 ngày qua” và về “lịch sử sinh đẻ của những phụ nữ từ 15 đến 49 tuổi” thì ĐTV nên gặp và phỏng vấn trực tiếp các đối tượng thích hợp.***

ĐTV phải xác định được tổng số nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ trước khi hỏi và ghi các thông tin của từng người vào phiếu điều tra. Trừ các thông tin về họ tên, quan hệ với chủ hộ và giới tính, được hỏi và ghi cho tất cả các nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ; tất cả các thông tin còn lại, việc phỏng vấn phải được tiến hành cho từng người một, đầu tiên là chủ hộ, tiếp đến là chồng/vợ, con đẻ, cháu nội/ngoại của chủ hộ, bố/mẹ của chủ hộ, cuối cùng là những người có quan hệ khác với chủ hộ.

Khi hỏi cần nói chậm và rõ, nên ***đặt câu hỏi như đã in trên phiếu***, phải hỏi đúng theo ***“Quy trình phỏng vấn”***. Không giải thích dài dòng hoặc gợi ý câu trả lời. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, vì hầu hết ĐTV là người địa phương, nên cần tránh máy móc khi đặt câu hỏi. Ví dụ, khi ĐTV đã biết chắc chắn giới tính của ĐTĐT, thì không cần nhắc lại câu hỏi ***“[TÊN] là nam hay nữ?”***. Trong những trường hợp cần thiết, có thể đưa ra những câu hỏi phụ để nhận được câu trả lời chính xác, nhưng phải bảo đảm không làm sai lệch ý của câu hỏi gốc.

I. XÂY DỰNG MỐI QUAN HỆ TỐT VỚI NGƯỜI TRẢ LỜI

Để có được một cuộc phỏng vấn thành công, công việc đầu tiên của ĐTV là gây được mối quan hệ tốt với người trả lời. Muốn vậy, ĐTV phải:

- Trong thời gian đi điều tra phải luôn đeo thẻ ĐTV, ăn mặc gọn gàng, lịch sự, không uống rượu bia;
- Luôn tỏ thái độ thiện chí, cởi mở, hòa nhã, lịch sự và gần gũi với những người mà mình tiếp xúc;
- Không nên tỏ thái độ rụt rè hoặc đưa ra các câu hỏi dễ dẫn đến sự từ chối của người trả lời;
- Nhấn mạnh sự giữ gìn bí mật các thông tin mà ĐTĐT cung cấp khi cần thiết;
- Trả lời thẳng thắn những câu hỏi mà ĐTĐT đưa ra, tránh tỏ ra khó chịu khi người trả lời từ chối cuộc phỏng vấn;

- Đối với các câu hỏi về lịch sử sinh đẻ của những phụ nữ từ 15 đến 49 tuổi, ĐTV cố gắng tránh sự có mặt người thứ ba. Sự có mặt của người thứ 3 có thể làm cho ta không nhận được các câu trả lời chân thật.

II. YÊU CẦU ĐỐI VỚI ĐIỀU TRA VIÊN KHI TIẾN HÀNH PHÒNG VẤN

Một cuộc phỏng vấn thành công, không chỉ phụ thuộc vào việc ĐTV cố gắng gây được cảm tình của ĐTĐT, mà còn phụ thuộc vào phương pháp tiến hành phỏng vấn của ĐTV. Khi tiến hành phỏng vấn, ĐTV phải bảo đảm thực hiện tốt các yêu cầu sau:

- *Bảo đảm tính khách quan trong quá trình phỏng vấn.* Đối với mỗi câu hỏi đưa ra, không tỏ thái độ đồng tình hoặc không đồng tình bất kỳ câu trả lời nào của ĐTĐT. Nếu câu trả lời chưa rõ ràng, hãy đưa ra các câu hỏi thăm dò để ĐTĐT hiểu rõ nội dung của câu hỏi và cung cấp các thông tin đúng.
- *Không được gợi ý câu trả lời, cũng không được đọc các phương án trả lời in sẵn bằng chữ in hoa ở phần ghi câu trả lời cho ĐTĐT nghe.*
- *Không thay đổi từ ngữ hoặc trình tự các câu hỏi.* Trừ khi từ ngữ địa phương khác với ngôn ngữ phổ thông thì ĐTV có thể sử dụng từ ngữ địa phương để thay thế khi đặt câu hỏi. Nếu người trả lời không hiểu hoặc hiểu sai câu hỏi, thì nhắc lại câu hỏi chậm và rõ. Nếu người trả lời vẫn không hiểu, thì diễn tả lại câu hỏi, nhưng phải thận trọng, không được làm thay đổi ý của câu hỏi gốc.
- *Không phỏng vấn vội vàng.* Đọc các câu hỏi một cách chậm rãi và rõ ràng. Sau khi đưa ra câu hỏi, nên dừng lại và dành thời gian cho người trả lời suy nghĩ. Trường hợp ĐTĐT đang vội phải giải quyết một việc gì đó, thì có thể dừng cuộc phỏng vấn và hẹn họ quay trở lại vào thời điểm thích hợp, không ép họ phải tiếp tục cuộc phỏng vấn.

III. QUY ĐỊNH VỀ NÊU CÂU HỎI VÀ GHI PHIẾU ĐIỀU TRA

Để thu được những thông tin cần thiết, ĐTV không những cần biết cách nêu câu hỏi như thế nào, mà còn phải biết ghi các câu trả lời của đối tượng điều tra vào phiếu điều tra theo đúng quy định. Phần trình bày dưới đây sẽ giúp ĐTV làm quen với phiếu điều tra.

1. Nêu các câu hỏi

Điều tra viên phải đặt câu hỏi đúng như đã được in trong phiếu. Khi hỏi, cần nói chậm rãi và rõ ràng. Nếu cần, phải đọc lại câu hỏi để đối tượng điều tra hiểu rõ. Trường hợp ngôn ngữ địa phương khác với ngôn ngữ phổ thông, ĐTV có thể dùng ngôn ngữ địa phương thay cho các từ, ngữ phổ thông nhưng không được làm thay đổi ý của câu hỏi gốc.

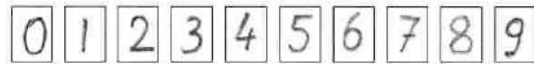
Trên phiếu, **các hướng dẫn** cho điều tra viên được in bằng “CHỮ IN HOA”, trong khi **các câu để hỏi** được in bằng “**Chữ in thường**”.

Trong một số trường hợp, cần đặt thêm câu hỏi thăm dò để có thể thu được câu trả lời chính xác. Nếu sử dụng câu hỏi thăm dò, cần hết sức cẩn thận để sự thăm dò bảo đảm mang tính “khách quan” và không biến câu hỏi thăm dò trở thành gợi ý câu trả lời.

Phiếu được thiết kế dùng chung cho mọi đối tượng điều tra, cả nam và nữ, và cho mọi độ tuổi khác nhau. Do đó khi tiến hành phỏng vấn, cần xưng hô sao cho phù hợp với người được phỏng vấn.

2. Ghi câu trả lời

Phiếu được thiết kế để nhập tin bằng công nghệ quét thay cho nhập tin bằng bàn phím. ĐTV sử dụng bút bi mực đen để ghi thông tin vào phiếu điều tra và sử dụng băng xóa để sửa lỗi ghi trên phiếu. *Cần viết sao cho chữ và số đều phải rõ ràng, dễ đọc (mọi người đều đọc và hiểu giống nhau, không để xảy ra tình trạng mỗi người đọc và hiểu khác nhau). Cố gắng ghi chữ số theo mẫu đã in trên trang bìa của tập phiếu, cụ thể như sau.*



Một số quy định về ghi phiếu, cụ thể như sau:

a) *Đối với ô vuông nhỏ:* chỉ được gạch chéo (x) trong phạm vi của ô đó, không được để dấu “x” vượt ra ngoài đường viền bao quanh ô vuông.

Ví dụ: Câu 3. Giới tính của một người là nữ thì ghi như sau:

3. [TÊN] là nam hay nữ?	NAM..... <input type="checkbox"/> 1 NỮ.....2 <input checked="" type="checkbox"/>
-------------------------	---

b) *Đối với ô vuông to:* Mỗi ô chỉ được ghi 1 chữ số, chú ý ghi một cách rõ ràng, chân phương, ai cũng đọc được và đọc đúng (mọi người đều đọc giống nhau).

Ví dụ: Câu 4. Tháng năm sinh theo dương lịch của một người là tháng 7 năm 1963, thì ghi như sau:

4. [TÊN] sinh vào tháng, năm dương lịch nào?	<p style="text-align: center;">THÁNG <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="7"/> NĂM <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="9"/> <input type="text" value="6"/> <input type="text" value="3"/> C6 ←</p> <p>KHÔNG XĐ NĂM.....9999 <input type="checkbox"/></p>
--	---

c) *Các đường kẻ liền:* Nếu ở phần trả lời có những đường kẻ liền, thì ĐTV phải ghi thông tin bằng lời lên các đường kẻ liền đó.

Ví dụ: Một người được xác định là thực tế thường trú ở huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, thì ghi như sau:

TỈNH/THÀNH PHỐ: **Hải Dương**

HUYỆN/QUẬN/THỊ XÃ: **Gia Lộc**

d) *Các mũi tên:* Dùng để hướng dẫn ĐTV sau khi ghi thông tin trả lời cho câu hỏi đó, thì chuyển đến câu hỏi nào để hỏi tiếp.

Ví dụ: Trong ví dụ ở mục b) nêu trên, sau khi ĐTV ghi tháng năm sinh theo dương lịch cho ĐTĐT, bên cạnh năm sinh có mũi tên chỉ đến “C6”. Điều đó có nghĩa là, sau khi ghi năm sinh cho ĐTĐT vào 4 ô vuông to, ĐTV sẽ chuyển đến hỏi Câu 6 mà không hỏi Câu 5.

Có bốn loại câu hỏi được sử dụng trong phiếu điều tra: 1) Câu hỏi với câu trả lời đã mã hóa trước, còn gọi là câu hỏi đóng; 2) Câu hỏi với câu trả lời không được mã hóa trước, còn gọi là câu hỏi mở; 3) Câu hỏi vừa đóng vừa mở; 4) Câu hướng dẫn chuyên.

Sau đây chúng ta sẽ nghiên cứu cụ thể về cách ghi phiếu đối với từng loại câu hỏi:

1) Câu hỏi với câu trả lời đã mã hóa trước (câu hỏi đóng)

Đối với các câu hỏi mà câu trả lời có thể dự đoán trước và ít phương án trả lời thì các câu trả lời đã được liệt kê trong phiếu. Để ghi câu trả lời của đối tượng điều tra, chỉ cần gạch chéo “x” vào ô vuông nhỏ in sẵn thích hợp.

Dấu hiệu để nhận biết các câu hỏi đóng là trong phần trả lời câu hỏi có một danh sách các lựa chọn tương ứng với các mã số cùng với một ô vuông nhỏ bên cạnh, có hoặc không có dòng kẻ liền (để ghi câu trả lời “KHÁC”).

Ví dụ:

Câu hỏi đóng mà phần trả lời chỉ có số và các ô vuông nhỏ:

2. [TÊN] có quan hệ thế nào với chủ hộ?	CHỦ HỘ.....1	<input type="checkbox"/>
	VỢ/CHỒNG.....2	<input type="checkbox"/>
	CON ĐỂ.....3	<input type="checkbox"/>
	CHÁU NỘI/NGOẠI.....4	<input type="checkbox"/>
	BỐ/MẸ.....5	<input type="checkbox"/>
	QUAN HỆ KHÁC.....6	<input type="checkbox"/>

Câu hỏi đóng mà phần trả lời có số, ô vuông nhỏ, và dòng kẻ liền để ghi trường hợp “KHÁC” (gọi là mã ‘KHÁC’).

40. [TÊN] chết vì nguyên nhân gì?	BỆNH TẬT.....1	<input type="checkbox"/>
	TAI NẠN LAO ĐỘNG.....2	<input type="checkbox"/>
	TAI NẠN GIAO THÔNG.....3	<input type="checkbox"/>
	TAI NẠN KHÁC.....4	<input type="checkbox"/>
	KHÁC _____ 5	<input type="checkbox"/>
(GHI CỤ THỂ)		

Trong một số trường hợp, câu hỏi đóng có mã “KHÁC”. Mã “KHÁC” sẽ được chọn khi câu trả lời của ĐTĐT khác với tất cả các câu trả lời đã được liệt kê ở phần trả lời. Khi chọn mã “KHÁC” cho một câu hỏi cụ thể, ĐTV phải viết câu trả lời của ĐTĐT vào dòng kẻ liền dành sẵn. Nếu dòng kẻ liền dành sẵn không đủ để ghi thông tin thì có thể viết vào lề phiếu.

Câu hỏi đóng mà phần trả lời có số, ô vuông nhỏ và hướng dẫn chuyển

29. Trong 7 ngày qua, nếu tìm được việc làm, anh/chị có đi làm ngay không?	CÓ.....1 <input type="checkbox"/> → C31 KHÔNG.....2 <input type="checkbox"/>
--	---

2) Câu hỏi với câu trả lời không mã hóa trước (Câu hỏi mở)

Có những câu hỏi không thể dự đoán trước được câu trả lời (như công việc trong 7 ngày qua của ĐTĐT), hoặc có thể dự đoán trước được câu trả lời nhưng nếu liệt kê hết ra sẽ rất dài, gây lãng phí giấy (dân tộc, tôn giáo, ...). Vì vậy, khi thiết kế những câu hỏi này, người ta không liệt kê sẵn các câu trả lời. Khi ghi câu trả lời cho những câu hỏi loại này, ĐTV hoặc viết câu trả lời của ĐTĐT vào (các) dòng kẻ liền; hoặc ghi chữ số vào (các) ô vuông to; hoặc vừa ghi câu trả lời vào (các) dòng kẻ liền, vừa ghi chữ số vào (các) ô vuông to.

Dấu hiệu để nhận biết loại câu hỏi này là trong phần trả lời các câu hỏi, có hoặc (các) ô vuông to, hoặc (các) dòng kẻ liền, hoặc có cả (các) ô vuông to và (các) dòng kẻ liền.

Cần chú ý rằng, nếu câu trả lời có số chữ số ít hơn số ô vuông to có sẵn thì phải viết thêm (các) số '0' vào (các) ô vuông bên trái. Ví dụ: nếu câu trả lời về tháng sinh của 1 người là tháng '8', thì ghi '0' và '8' vào 2 ô vuông to dành sẵn.

Ví dụ:

a) Câu hỏi mở mà phần trả lời chỉ có (các) ô vuông to.

5. Hiện nay, [TÊN] bao nhiêu tuổi theo dương lịch? (TRÊN 95 TUỔI, GHI '95')	TUỔI <input type="text"/> <input type="text"/>
--	--

b) Câu hỏi mở mà phần trả lời chỉ có (các) dòng kẻ liền.

26. Tên cơ quan hoặc đơn vị nơi anh/chị làm công việc trên và cấp trên trực tiếp (NẾU CÓ) là gì?	<hr/> <hr/> <hr/>
--	-------------------

c) Câu hỏi mở mà phần trả lời có (các) ô vuông to và (các) dòng kẻ liền.

23. Trong 7 ngày qua, anh/chị đã làm công việc gì là chính và giữ chức vụ gì (NẾU CÓ)?	<hr/> <hr/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>
--	---

3) Câu hỏi vừa đóng vừa mở

Đây là câu hỏi kết hợp cả 2 loại câu hỏi nói trên. Khi ghi câu trả lời cho những câu hỏi này, phải gạch chéo 'x' vào các ô vuông nhỏ và ghi câu trả lời bằng số vào các ô vuông to.

Dấu hiệu để nhận biết loại câu hỏi này là trong phần trả lời của các câu hỏi đó có cả các ô vuông nhỏ và các ô vuông to.

Ví dụ:

38. [TÊN] chết vào tháng, năm dương lịch nào?	THÁNG	<input type="text"/>	<input type="text"/>
	NĂM.....2008	1	<input type="checkbox"/>
	NĂM2009	2	<input type="checkbox"/>

4) Hướng dẫn chuyển

Có hai loại hướng dẫn chuyển, (1) các mũi tên hướng dẫn chuyển trong phần trả lời câu hỏi và, (2) câu kiểm tra có hướng dẫn chuyển.

a) Hướng dẫn chuyển trong phần trả lời câu hỏi

Dấu hiệu để nhận biết hướng dẫn chuyển trong phần trả lời câu hỏi là mũi tên bên cạnh ô vuông nhỏ hoặc ô vuông to trong phần trả lời của câu hỏi.

Ví dụ:

12. Hiện nay [TÊN] đang đi học, đã thôi học hay chưa bao giờ đi học?	ĐANG ĐI HỌC.....1	<input type="checkbox"/>
	ĐÃ THÔI HỌC.....2	<input type="checkbox"/>
	CHƯA ĐI HỌC.....3	<input type="checkbox"/>
		C16 ←

b) Câu kiểm tra

Đối với **câu kiểm tra**, ĐTV phải kiểm tra những điều kiện cụ thể mà câu kiểm tra yêu cầu, nếu những điều kiện đó được đáp ứng thì chuyển đến hỏi câu chỉ định, ngược lại sẽ chuyển đến hỏi một câu khác. Lý do phải có câu kiểm tra là để ĐTV không hỏi những câu không thích hợp với ĐTĐT. *Dấu hiệu để nhận biết loại hướng dẫn chuyển này là những câu được in bằng chữ in hoa có dấu trên nền sẫm chạy suốt trang giấy.*

Ví dụ:

15. KIỂM TRA CÂU 13: NẾU CÂU 13 = 1→CÂU 16; CÒN LẠI→CÂU 17

Chú ý: Khi gặp câu kiểm tra loại này, ĐTV phải tuân thủ đúng hướng dẫn của câu được in hoa trên nền sẫm để xác định sẽ hỏi tiếp câu hỏi nào. Không được dựa vào trí nhớ, hoặc phán đoán, vì điều đó có thể gây nhầm lẫn.

IV. SỬA LỖI

Công nghệ quét là nhận dạng ký tự bằng quang học theo tọa độ xác định trước. Tức là, máy tính đã ghi nhớ những tọa độ mà ở đó có thể có thông tin (trong phiếu điều tra, đó là vị trí của các ô vuông nhỏ và các ô vuông to). Khi quét phiếu điều tra, máy quét nhận dạng ký tự ghi ở trong những vị trí đó và chuyển đổi thành thông tin theo quy định rồi ghi vào bộ nhớ. Vì vậy, thông tin thu thập được phải ghi đúng vào trong các vị trí quy định.

Điều quan trọng là phải ghi câu trả lời rõ ràng và chính xác. ***ĐTV và tổ trưởng phải dùng bút bi mực đen để ghi các thông tin trên phiếu.*** Đối với những câu hỏi đóng (đã liệt kê các câu trả lời), ĐTV cần bảo đảm rằng mình đã cẩn thận đánh dấu ‘x’ ở đúng ô mã trả lời. Đối với câu hỏi mở, việc ghi câu trả lời cần rõ ràng, dễ đọc, và *mọi người khi đọc sẽ hiểu như nhau, chữ số ghi trong ô mã phải rõ ràng, không lẫn lộn số nọ với số kia, và ghi như mẫu chữ số được in trên trang bìa của phiếu.* Khi gạch chéo vào các ô vuông nhỏ và ghi chữ số vào các ô vuông to, phải viết gọn vào giữa ô, không được viết chữ số quá nhỏ, cũng không được để mực tràn ra khỏi đường viền bao quanh các ô đó. Nếu mắc lỗi khi ghi thông tin vào ô vuông nhỏ hoặc ô vuông to, thì sửa như sau:

- Đối với các câu hỏi mà thông tin trả lời được gạch chéo vào ô vuông nhỏ: nếu thông tin trả lời ghi sai (ô vuông nhỏ được gạch chéo không đúng), *dùng băng xóa, xóa sạch dấu gạch chéo ở ô vuông nhỏ đã gạch sai. Sau đó gạch chéo vào ô vuông nhỏ thích hợp với câu trả lời của ĐĐT.*
- Đối với câu hỏi mà thông tin trả lời được ghi vào các ô vuông to: *dùng băng xóa, xóa sạch các thông tin ghi sai, sau đó dùng bút bi mực đen viết lại thông tin đúng lên trên băng xóa đó, nhưng không được viết ra ngoài đường viền của (các) ô vuông.*

Chú ý: khi dùng băng xóa để xóa bỏ thông tin sai ở (các) ô vuông to, không được xóa các đường viền bao quanh các ô vuông.

V. KIỂM TRA CÁC PHIẾU ĐIỀU TRA ĐÃ HOÀN THÀNH

Sau khi kết thúc phỏng vấn, ĐTV phải kiểm tra lại các thông tin đã ghi trên phiếu điều tra đối với từng người trong hộ để bảo đảm mọi câu hỏi thích hợp đều đã được hỏi, và các câu trả lời đã được ghi một cách chính xác, hợp lý (kể cả các thông tin chung của cả hộ); kiểm tra câu trả lời của từng câu hỏi, bảo đảm thực hiện đúng bước chuyển và không bỏ sót cũng như không ghi thừa câu hỏi nào. Nếu cần, phải quay trở lại hộ để hỏi tiếp; kiểm tra lại phiếu *trước khi rời hộ để sang hộ khác*, để nếu có gì sai sót thì có thể hỏi lại và sửa chữa ngay tại hộ.

Kiểm tra tính logic của các thông tin trả lời của từng nhân khẩu và giữa các nhân khẩu của hộ về những chỉ tiêu có liên quan như: tuổi giữa những người con đẻ của cùng một người mẹ; tuổi với bậc học cao nhất đã đạt được của một người, v.v...., nếu phát hiện những trường hợp nêu dưới đây thì phải trở lại hộ để xác minh và sửa chữa cho đúng:

1. Kiểm tra tính logic về tuổi giữa các thành viên trong hộ

Mẹ đẻ phải hơn người con đầu ít nhất 13 tuổi, vì ở Việt Nam, người phụ nữ hầu như không có khả năng sinh con trước độ tuổi 13.

Hai người con sinh liền kề nhau phải cách nhau ít nhất 8 tháng (trừ trường hợp sinh đôi, sinh ba,...), vì một người phụ nữ thường chỉ có khả năng mang thai ít nhất 1 tháng sau khi sinh con, và thời gian mang thai ít nhất là 28 tuần (7 tháng). Vì vậy, hai người con sinh kế tiếp nhau phải cách nhau ít nhất 8 tháng.

2. Kiểm tra tính logic giữa tuổi với bậc học cao nhất hiện đang đi học hoặc đã học, và với trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất đã đạt được

- Một người mới 10 tuổi không thể học lớp 8. Thông thường một đứa trẻ bắt đầu đi học khoảng 5 đến 6 tuổi. Nếu đứa trẻ đó học mỗi năm một lớp thì khi 10 tuổi, nó cũng chỉ có thể học đến lớp 5 hoặc lớp 6 là cao nhất.
- Một người đã đạt được trình độ đại học thường phải trên 20 tuổi. Nói chung, để đạt trình độ đại học, một người thường phải học 12 năm học phổ thông và ít nhất 4 năm học ở bậc đại học. Như vậy, người đó phải học tất cả là 16 năm. Nếu người đó đi học từ khi 5 tuổi, thì cũng phải 21 tuổi mới đạt được trình độ đại học.

VI. KIỂM TRA KẾT QUẢ ĐIỀU TRA TRONG NGÀY

Cuối mỗi ngày điều tra, ĐTV phải kiểm tra lại tất cả các phiếu đã điều tra được trong ngày, xem trang bìa của phiếu đã ghi đầy đủ và chính xác chưa, kiểm tra lại các thông tin ghi trong phiếu đã bảo đảm đầy đủ, chính xác và hợp lý chưa, sắp xếp các phiếu đã hoàn chỉnh theo số thứ tự hộ từ nhỏ đến lớn. Để riêng và ghi chép lại những phiếu còn có sai sót, lập kế hoạch trở lại hộ để hoàn thiện những phiếu này.

Sau khi kiểm tra kết quả điều tra trong ngày, ĐTV ghi kết quả điều tra vào bảng «Theo dõi tiến độ điều tra» ở Phụ lục 1.

CHƯƠNG IV

HƯỚNG DẪN CÁCH HỎI VÀ GHI PHIẾU ĐIỀU TRA

I. GIỚI THIỆU PHIẾU ĐIỀU TRA

Có hai loại phiếu được sử dụng trong Tổng điều tra dân số và nhà ở 2009, đó là:

1. Phiếu điều tra toàn bộ (còn được gọi là phiếu ngắn) được dùng để hỏi cho những người thuộc các địa bàn điều tra toàn bộ và các nhân khẩu đặc thù, gồm 21 câu hỏi, được đánh số không liên tục để bảo đảm sự thống nhất về số thứ tự các câu hỏi giữa hai loại phiếu: phiếu điều tra toàn bộ và phiếu điều tra mẫu. Phiếu được thiết kế trên 1 tờ giấy khổ A3 và chia ra 3 phần:

- Phần các thông tin định danh, kết quả điều tra và ký xác nhận;
- Phần 1: Thông tin về dân số;
- Phần 3: Thông tin về nhà ở.

2. Phiếu điều tra mẫu (còn được gọi là phiếu dài) được dùng để hỏi cho những người thuộc các địa bàn điều tra mẫu. Phiếu điều tra mẫu gồm có 57 câu hỏi và câu kiểm tra, được đánh số liên tục từ 1 đến 57. Trong đó có một số câu hỏi được đánh số phụ **a, b, c...** như Câu 33, 34. Ngoài các câu hỏi giống với phiếu điều tra toàn bộ, phiếu mẫu được thiết kế thêm một số câu hỏi khác để thu thập thông tin về lao động việc làm của những người từ 15 tuổi trở lên, về lịch sử sinh đẻ của những phụ nữ từ 15 đến 49 tuổi, tình hình tử vong của dân số và một số câu hỏi về điều kiện sinh hoạt của các hộ dân cư. Phiếu được đóng thành tập, gồm 12 trang khổ A4 và chia ra 4 phần:

- (1) Trang bìa: gồm thông tin định danh, kết quả điều tra và ký xác nhận;
- (2) Phần 1: Thông tin về dân số: gồm 34 câu hỏi được chia thành 4 nhóm:
 - + Các câu hỏi để hỏi cho toàn bộ dân số (từ Câu 1 đến 7);
 - + Các câu hỏi chỉ hỏi những người từ 5 tuổi trở lên (từ Câu 8 đến 16);
 - + Các câu hỏi chỉ hỏi những người từ 15 tuổi trở lên (từ Câu 17 đến 30);
 - + Các câu hỏi chỉ hỏi những phụ nữ từ 15 đến 49 tuổi (từ Câu 31 đến 34b).
- (3) Phần 2: Thông tin về người chết (từ Câu 35 đến 42);
- (4) Phần 3: Thông tin về nhà ở (từ Câu 43 đến 57).

Phần trình bày dưới đây sẽ giới thiệu phương pháp phỏng vấn và ghi phiếu đối với phiếu điều tra mẫu.

Như đã đề cập ở trên, trong phiếu điều tra mẫu có thiết kế một số câu (Câu 8, 15, 17, 31, và 41) được in bằng chữ in hoa có dấu trên nền sẫm chạy suốt trang giấy. Đây là những câu kiểm tra, ĐTV không hỏi ĐTĐT những câu này mà phải tự mình kiểm tra theo hướng dẫn, để xác định có phỏng vấn tiếp ĐTĐT nữa hay không, nếu có thì sẽ hỏi tiếp câu nào.

Trên đầu mỗi trang lẻ của phiếu điều tra mẫu đều in lặp lại một số thông tin định danh đã ghi trên trang bìa là: «**hộ số**» và «**tập phiếu số**» để ĐTV ghi thông tin, nhằm tránh bị thất lạc phiếu khi phiếu được cắt rời ra từng tờ để nhập tin bằng máy quét (máy scanner). Vì vậy, **việc ghi lại các thông tin trên lên đầu các trang lẻ là bắt buộc đối với ĐTV.**

Chú ý: ĐTV không được dùng những tờ phiếu có in câu «Phiếu dùng cho tập huấn» ở góc trên bên phải tập phiếu để điều tra.

II. CÁCH GHI CÁC THÔNG TIN TRÊN TRANG BÌA CỦA PHIẾU

Trang bìa của phiếu điều tra mẫu được chia ra ba phần:

- Thông tin định danh;
- Kết quả điều tra; và
- Ký xác nhận.

1. Cách ghi các thông tin ở phần định danh

- (1) Các dòng "TỈNH/THÀNH PHỐ", "HUYỆN/QUẬN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH", "XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN": ĐTV ghi tên tỉnh (hoặc thành phố), tên huyện (hoặc quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh), và tên xã (hoặc phường/thị trấn) vào các dòng kẻ liền dành sẵn tương ứng. Đồng thời, căn cứ vào mã số của tỉnh (hoặc thành phố), mã số của huyện (hoặc quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh), mã số của xã (hoặc phường/thị trấn) do Ban chỉ đạo điều tra dân số xã/phường cung cấp (khi Ban chỉ đạo (BCĐ) điều tra dân số xã/phường giao ĐBĐT cho ĐTV) để ghi vào các ô vuông to tương ứng.
- (2) Các dòng "ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA SỐ" và "TÊN ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA": ĐTV căn cứ vào số của ĐBĐT đã được ghi trên sơ đồ và bảng kê để ghi vào 3 ô vuông to tương ứng, căn cứ vào tên của ĐBĐT được ghi trên sơ đồ và bảng kê để ghi vào dòng kẻ liền tương ứng.
- (3) Dòng "THÀNH THỊ/NÔNG THÔN": Nếu ĐBĐT thuộc phường hoặc thị trấn thì ĐTV ghi số "1", nếu ĐBĐT thuộc xã thì ĐTV ghi số "2" vào ô vuông to dành sẵn.

Do các thông tin định danh nói trên là hoàn toàn giống nhau giữa các hộ trong 1 ĐBĐT, vì vậy để giảm bớt thời gian lưu tại hộ, **ĐTV nên ghi trước các thông tin trên.**

- (4) Các dòng "HỘ SỐ", "HỌ VÀ TÊN CHỦ HỘ", và "ĐỊA CHỈ CỦA HỘ" được ghi khi ĐTV đến hộ, gặp chủ hộ hoặc người đại diện của hộ để xác định ngôi nhà/căn hộ và họ tên của chủ hộ có đúng với số thứ tự nhà/căn hộ, số thứ tự hộ, họ tên của chủ hộ đã được ghi trên Bảng kê không. Nếu đúng thì ĐTV căn cứ vào số thứ tự hộ của hộ đó trong Bảng kê để ghi vào 3 ô vuông to tương ứng với dòng "HỘ SỐ"; căn cứ vào họ tên của chủ hộ của hộ đó trong Bảng kê để ghi vào dòng kẻ liền dành sẵn cùng dòng với dòng "HỌ VÀ TÊN CHỦ HỘ". Trường hợp họ tên chủ hộ khác với họ tên chủ hộ ghi trong Bảng kê thì giải quyết như đã nêu trong *Chương II, mục X, điểm 3 "Sử dụng sơ đồ và bảng kê", phần "Trong thời gian điều tra"*. Ghi địa chỉ của hộ vào dòng kẻ liền cùng dòng với cụm từ "ĐỊA CHỈ CỦA HỘ". Địa chỉ của hộ chính là địa chỉ được dùng để gửi thư và phải được ghi thống nhất với địa chỉ của hộ đã được ghi trong Bảng kê.

2. Cách ghi các thông tin ở phần kết quả điều tra

(1) Các dòng "SỐ NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TRONG TẬP PHIẾU NÀY", "SỐ NAM", và dòng "SỐ NỮ" chỉ ghi sau khi đã hoàn tất cuộc phỏng vấn và việc kiểm tra phiếu đã hoàn thành, trước khi đưa cho người cung cấp thông tin ký xác nhận. ĐTV phải đếm tổng số người đã ghi trong tập phiếu để ghi vào ô vuông to dành sẵn tương ứng với dòng "SỐ NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TRONG TẬP PHIẾU NÀY"; đếm và ghi số nam (ở Câu 3) của tập phiếu vào ô vuông to tương ứng với dòng "SỐ NAM"; đếm và ghi số nữ (ở Câu 3) của tập phiếu vào ô vuông to tương ứng với dòng "SỐ NỮ". ĐTV không được nhìn vào dòng "SỐ THỨ TỰ" của người cuối cùng có trong tập phiếu để ghi cho dòng "SỐ NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TRONG TẬP PHIẾU NÀY".

Chú ý: Đối với những hộ phải dùng từ hai tập phiếu trở lên, thì các mục thuộc phần định danh từ tập phiếu thứ hai trở đi ghi như tập thứ nhất; các mục "SỐ NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TRONG TẬP PHIẾU NÀY", "SỐ NAM", và "SỐ NỮ" sẽ ghi theo số nhân khẩu thực tế thường trú, số nam và số nữ của từng tập phiếu mà không ghi chung cho cả hộ.

(2) Dòng "ĐÂY LÀ TẬP PHIẾU SỐ □ TRONG □ TẬP PHIẾU CỦA HỘ": Dòng này chỉ được ghi sau khi đã hoàn tất việc phỏng vấn và kiểm tra phiếu. Phần lớn các hộ chỉ dùng 1 tập phiếu, nhưng cũng có một số ít hộ phải dùng từ 2 tập phiếu trở lên.

- Trường hợp hộ chỉ phải dùng 1 tập phiếu thì ghi như sau:

"ĐÂY LÀ TẬP PHIẾU SỐ TRONG TẬP PHIẾU CỦA HỘ"

- Trường hợp hộ phải dùng 2 tập phiếu thì ghi như sau:

Tập thứ nhất ghi: "ĐÂY LÀ TẬP PHIẾU SỐ TRONG TẬP PHIẾU CỦA HỘ";

Tập thứ hai ghi: "ĐÂY LÀ TẬP PHIẾU SỐ TRONG TẬP PHIẾU CỦA HỘ".

Phiếu được thiết kế đủ để ghi cho những hộ có tối đa là 6 người, mỗi người được ghi vào 1 cột và đã được in trước số thứ tự từ 1 đến 6. Đối với những hộ phải dùng từ hai tập phiếu trở lên thì từ tập phiếu thứ hai trở đi, ĐTV không phải sửa lại "số thứ tự" của các nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ (trong trường hợp này, số thứ tự của một số nhân khẩu thực tế thường trú của hộ sẽ trùng nhau).

Trường hợp vì một lý do nào đó mà ĐTV phải hủy một (hay nhiều) cột (người) nào đó, thì cũng không phải sửa lại số thứ tự. Trong trường hợp này, số thứ tự của các nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ trong 1 tập phiếu sẽ bị cách quãng.

Cách hủy cột ghi sai như sau: dùng bút bi gạch 1 đường chạy ngang qua "Họ và tên" của ĐTĐT ở Câu 1, các câu còn lại dùng băng xóa, xóa sạch các thông tin đã ghi, kể cả số thứ tự cột được in bên trong ô vuông to ở dòng đầu tiên.

3. Phân ký xác nhận

Sau khi hoàn thành cuộc phỏng vấn và hoàn tất việc kiểm tra các thông tin ghi trên phiếu, ĐTV phải đọc cho người cung cấp thông tin nghe một số thông tin cơ bản nhất đã

được ghi trên phiếu (5 câu hỏi đầu). Trước khi rời hộ để đi sang hộ tiếp theo, ĐTV yêu cầu người cung cấp thông tin (chủ hộ hoặc người đại diện của hộ) ghi rõ họ tên và ký vào phần dành sẵn cho người cung cấp thông tin. Cuối cùng ĐTV ghi họ tên của mình và ký vào phần dành sẵn cho ĐTV. Bỏ trống phần dành cho tổ trưởng điều tra ghi họ tên và ký.

Đối với những hộ phải dùng từ 2 tập phiếu trở lên thì chỉ ký xác nhận vào tập phiếu thứ nhất.

III. CÁCH HỎI VÀ GHI THÔNG TIN TRẢ LỜI VÀO PHIẾU ĐIỀU TRA

Phần 1: thông tin về dân số

Trình tự hỏi và ghi như sau:

- Sử dụng “Quy trình phỏng vấn xác định nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ” ở Phụ lục 5 để xác định tổng số nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ và ghi họ, tên từng người ở Câu 1, quan hệ của người đó với chủ hộ ở Câu 2 và giới tính của từng người ở Câu 3. Hỏi và ghi đồng thời 3 câu này cho từng nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ (hỏi theo dòng). Sau đó, hỏi và ghi các câu còn lại theo từng người (theo cột), hỏi xong người này mới chuyển sang hỏi người tiếp theo, cứ như vậy cho đến người cuối cùng của hộ.
- Ghi họ và tên các nhân khẩu thực tế thường trú của hộ bằng chữ thường có dấu, mỗi người vào một cột. Chủ hộ được ghi vào cột thứ nhất (có số thứ tự ”1” ở dòng trên cùng). Nếu hộ phải dùng từ hai tập phiếu trở lên thì chủ hộ được ghi vào cột thứ nhất của tập phiếu thứ nhất. Các thành viên khác của hộ sẽ được ghi liên tục vào những cột tiếp theo của tập phiếu, theo trật tự: *vợ/chồng, con đẻ, cháu nội/ngoại, bố/mẹ, và cuối cùng là quan hệ khác*. Nếu vì lý do nào đó mà ĐTV ghi sai phải hủy bỏ một (hay nhiều) cột thì không phải sửa lại số thứ tự ở dòng trên cùng của phiếu.

Phần điều tra về số người chết và nhà ở của những hộ phải dùng từ 2 tập phiếu trở lên phải được ghi ở tập phiếu cuối cùng.

- Sau khi ghi xong các mục: ”Họ và tên” (Câu 1), ”Quan hệ với chủ hộ” (Câu 2) và ”Giới tính” (Câu 3) của tất cả các nhân khẩu TTTT tại hộ, ĐTV cần:
 - + Ghi lại “tên” của từng người vào dòng kẻ liền của cột mang cùng số thứ tự ở các trang tiếp theo (hoặc trong cùng một tập phiếu nếu hộ phải dùng từ hai tập phiếu trở lên). ***Việc ghi lại “tên” từng nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ ở đầu các trang là bắt buộc đối với điều tra viên.***
 - + Căn cứ vào các thông tin định danh: ”HỘ SỐ”, và ”TẬP PHIẾU SỐ” trên trang bìa để ghi vào các ô vuông to dành sẵn tương ứng ở phần đầu của các trang lẻ.

Câu 1 đến Câu 7: Hỏi tất cả các nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ

Câu 1: HỌ VÀ TÊN NHỮNG NGƯỜI THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TẠI HỘ, BẮT ĐẦU TỪ CHỦ HỘ

Để xác định chính xác số nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ, ĐTV phải vận dụng một cách đúng đắn những quy định về nhân khẩu TTTT tại hộ, thông qua việc sử dụng “***Quy trình phỏng vấn xác định nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ***” (Phụ lục 5) để hỏi.

Họ và tên (kể cả tên đệm) của từng nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ phải được ghi rõ ràng bằng chữ thường có dấu trên các dòng kẻ liền dành sẵn. Trường hợp trẻ em mới sinh chưa kịp đặt tên thì ĐTV ghi họ của bố (hoặc mẹ) của cháu bé đó kèm theo ba dấu chấm (...).

Ví dụ :

1. HỌ VÀ TÊN NHỮNG NGƯỜI THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TẠI HỘ, BẮT ĐẦU TỪ CHỦ HỘ	Nguyễn Văn An
SỬ DỤNG QUY TRÌNH PHÒNG VẤN ĐỂ XÁC ĐỊNH NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ	_____

Chú ý:

- (i) Mỗi người chỉ có một nơi thực tế thường trú và họ phải được và chỉ được đăng ký tại nơi mà họ thực tế thường trú;
- (ii) Nơi thực tế thường trú của một người là địa chỉ, nơi mà người đó vẫn thường xuyên ăn ở hoặc mới chuyển đến ăn ở ổn định.
- (iii) Đối với những người tuy mới chuyển đến làm ăn nhưng đi cả hộ, kể cả những người rời gia đình (nơi ở cũ) của họ tính đến thời điểm điều tra từ 6 tháng trở lên đến làm ăn, và những người không có bất kỳ một nơi thường trú nào thì quy ước điều tra đăng ký họ tại nơi mà họ đang cư trú.
- (iv) Ở những huyện biên giới, một số dân tộc ít người có tập quán du canh, du cư, ĐTV cần lưu ý hỏi và ghi hết số nhân khẩu “tạm vắng” trong thời gian điều tra.

Câu 2: [TÊN] có quan hệ thế nào với chủ hộ?

Quan hệ với chủ hộ gồm có các loại sau:

+ **Chủ hộ:** Là người đại diện của hộ được các thành viên trong hộ thừa nhận.

Chủ hộ luôn được ghi ở cột mang số thứ tự ”1”. Nếu hộ phải dùng từ 2 tập phiếu trở lên thì chủ hộ được ghi ở cột mang số thứ tự ”1” của tập phiếu thứ nhất; cột mang số thứ tự ”1” của tập phiếu thứ 2, 3, vẫn sử dụng để ghi cho (các) nhân khẩu khác trong hộ.

Chủ hộ có thể trùng hoặc không trùng với chủ hộ có trong sổ hộ khẩu do ngành công an cấp.

Đối với các hộ mà bố mẹ đều do ngành quốc phòng, công an quản lý và được điều tra đăng ký theo kế hoạch riêng, chỉ có (các) cháu nhỏ do địa phương điều tra đăng ký, thì (các) cháu nhỏ cũng được xác định là 1 hộ. Chủ hộ sẽ là cháu lớn tuổi nhất.

+ **Vợ/chồng:** (xem cách hỏi và ghi Câu 18, mục ”Có vợ/chồng”).

Là những người đã được luật pháp hoặc phong tục, tập quán của địa phương thừa nhận là đang có vợ (hoặc có chồng), hoặc đang chung sống với người khác giới như vợ chồng.

Ghi chú: Nếu một người có từ 2 vợ (chồng) trở lên cùng sống chung trong một hộ, thì những người này đều được xác định là vợ (chồng) của chủ hộ.

+ **Con đẻ:** Là (những) người do chính chủ hộ sinh ra.

+ **Cháu nội/ngoại:** Là (những) người do người con đẻ (con trai hay con gái) của chủ hộ sinh ra.

- + **Bố/mẹ:** Là người sinh ra chủ hộ, hoặc bố/mẹ chồng, bố/mẹ vợ của chủ hộ. Bố/mẹ nuôi của vợ/chồng chủ hộ cũng được tính là bố/mẹ của chủ hộ.
- + **Quan hệ khác:** Bao gồm những người có quan hệ gia đình nhưng không phải là vợ/chồng, con đẻ hay bố/mẹ đẻ, cháu nội/ngoại của chủ hộ. Ví dụ: con riêng của vợ/chồng, ông/bà, anh/chị em ruột, cô/dì/chú/bác, bạn, người làm thuê, ở trọ, giúp việc gia đình, v.v...

Câu 3: [TÊN] là nam hay nữ?

Đối với những ĐTĐT được phỏng vấn trực tiếp, hoặc có mặt ở nhà trong khi ĐTV phỏng vấn chủ hộ hoặc người đại diện của hộ, thì có thể dễ dàng xác định người đó là nam hay nữ để đánh dấu vào ô mã thích hợp. Tuy nhiên, đối với các cháu nhỏ và những người đi vắng, ĐTV không được dựa vào “tên đệm” để suy đoán người đó là nam hay nữ, mà phải hỏi chủ hộ.

Câu 4: [TÊN] sinh vào tháng, năm dương lịch nào?

Tháng và năm sinh được ghi theo dương lịch và là tháng năm sinh thực tế theo dương lịch mà không theo bất kỳ một loại giấy tờ nào (chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, v.v...).

Nếu ĐTĐT nhớ tháng, năm sinh theo dương lịch, thì ĐTV ghi tháng, năm đó vào các ô vuông to dành sẵn tương ứng. Trường hợp ĐTĐT chỉ nhớ tháng, năm sinh theo âm lịch, thì phải căn cứ vào “**Bảng đối chiếu năm âm lịch và dương lịch**” (Phụ lục 7) để chuyển từ tháng năm âm lịch sang tháng năm dương lịch.

Lưu ý: Năm dương lịch thường đến trước năm âm lịch hơn 1 tháng, nên khi chuyển tháng sinh từ âm lịch sang dương lịch, ĐTV cần lấy tháng sinh theo âm lịch cộng thêm 1. Như vậy, *những người sinh từ tháng giêng đến tháng một (tháng 11) của năm âm lịch sẽ là các tháng từ tháng hai đến tháng mười hai cùng năm. Nếu sinh vào tháng chạp (tháng 12) âm lịch thì sẽ là tháng giêng dương lịch của năm sau.*

Nếu người trả lời không nhớ tháng sinh, thì dùng những câu hỏi thăm dò: sinh vào mùa nào trong năm? Sinh trước hay sau Tết âm lịch; rằm tháng 7, rằm tháng tám, sinh trước hay sau ngày giải phóng Điện Biên (ngày 7/5 dương lịch), giải phóng miền Nam (ngày 30/4 dương lịch), ngày Quốc khánh 2/9, ngày sinh của Bác (ngày 19/5 dương lịch), v.v... để người trả lời hồi tưởng và nhớ được tháng sinh của mình.

Vì thời điểm điều tra là ngày 1/4, nên những người sinh từ tháng giêng đến tháng 3 trong cùng năm sẽ có cùng cách tính tuổi tròn, và những người sinh từ tháng 4 đến tháng 12 trong cùng năm sẽ có cùng cách tính tuổi tròn. Chính vì vậy, trong trường hợp dùng các câu hỏi thăm dò mà ĐTĐT vẫn không nhớ được tháng sinh của mình, thì cố gắng tìm hiểu xem ĐTĐT sinh vào 3 tháng đầu năm hay 9 tháng cuối năm theo dương lịch để chọn ngẫu nhiên 1 tháng nào đó trong 3 tháng đầu năm, hoặc trong 9 tháng cuối năm để ghi vào 2 ô vuông to tương ứng.

Trường hợp sau khi đã đặt thêm những câu hỏi thăm dò mà ĐTĐT vẫn không thể nhớ được tháng sinh, thì ghi số ‘98’ ở 2 ô vuông to tương ứng, sau đó tiếp tục hỏi năm sinh theo dương lịch của ĐTĐT.

Nếu ĐTĐT nhớ năm sinh theo dương lịch, thì ghi năm đó vào bốn ô vuông to dành sẵn. Ví dụ: Nếu năm sinh là 1954, thì ghi số ‘1954’ vào 4 ô vuông to, mỗi ô 1 chữ số.

Nếu ĐTĐT không nhớ năm sinh theo dương lịch mà chỉ nhớ năm sinh theo âm lịch (như năm Bính Tý, Ất Sửu, v.v..., hoặc thậm chí chỉ nhớ tuổi con gì như: tuổi con Hổ, tuổi con Mèo, v.v...) thì dùng “**Bảng đối chiếu năm âm lịch và dương lịch**” (Phụ lục 7) để xác định năm sinh theo dương lịch để ghi vào 4 ô tương ứng, sau đó chuyển sang hỏi và ghi Câu 6 mà không phải hỏi Câu 5.

Chú ý, khi dùng “Bảng đối chiếu năm âm lịch và dương lịch” để xác định năm sinh theo dương lịch cho ĐTĐT, có thể có sự chênh lệch tới 12 năm (nếu ĐTĐT chỉ nhớ tuổi con gì) hoặc 60 năm (nếu ĐTĐT nhớ được cả *can* và *chi*), vì thế cần phải hỏi thêm “*Năm nay [TÊN] khoảng bao nhiêu tuổi?*”, kết hợp với quan sát diện mạo của ĐTĐT để có thể xác định chính xác năm sinh theo dương lịch của ĐTĐT, tránh nhầm lẫn.

Trường hợp ĐTĐT không nhớ được năm sinh của mình thì ĐTV gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “9999”, sau đó hỏi tiếp Câu 5. Bỏ trống các ô vuông to dùng để ghi tháng, năm sinh theo dương lịch.

Câu 5: *Hiện nay, [TÊN] bao nhiêu tuổi theo dương lịch?*

Câu này chỉ hỏi và ghi cho những người không nhớ được năm sinh của mình (Câu 4 đã gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh số “9999”).

Câu này nhằm thu thập thông tin về số tuổi theo dương lịch của ĐTĐT. Vì vậy, khi ĐTĐT trả lời về số tuổi của họ, ĐTV phải hỏi thêm “*Đó là tuổi theo âm lịch hay dương lịch?*”. Nếu ĐTĐT trả lời là tuổi theo âm lịch thì trước khi ghi số tuổi vào 2 ô vuông to dành sẵn, ĐTV phải trừ đi 1 để có số tuổi theo dương lịch (vì tuổi tính theo âm lịch thường nhiều hơn tuổi tính theo dương lịch 1 tuổi).

Nếu số tuổi theo dương lịch của ĐTĐT lớn hơn 95 tuổi thì ĐTV ghi số “95” vào 2 ô vuông to dành sẵn.

Những người dưới 10 tuổi thì ghi thêm số “0” vào ô vuông to bên trái.

Khi ĐTĐT không thể nhớ tuổi của mình thì ĐTV có thể tham khảo các hồ sơ, giấy tờ, tài liệu liên quan hoặc trao đổi thêm với các thành viên khác trong hộ để ghi tuổi, hoặc phải thăm dò để ước lượng tuổi. Có thể thăm dò bằng cách:

So sánh tuổi của ĐTĐT với tuổi của một ai đó trong hộ hoặc tuổi của những người xung quanh mà họ đã biết chính xác tuổi của người này.

Nếu các biện pháp thăm dò tuổi không có kết quả thì ĐTV phải ước lượng tuổi cho ĐTĐT thông qua việc quan sát ĐTĐT, tức là quan sát bề ngoài kết hợp với tuổi của các con của ĐTĐT, tuổi của chồng/vợ, ... để ước lượng tuổi gần đúng của ĐTĐT. Lưu ý rằng đây là biện pháp bất đắc dĩ, chỉ thực hiện khi mọi cố gắng thăm dò tuổi không có kết quả. Không được ghi mã không xác định cho câu hỏi về “tuổi theo dương lịch” của ĐTĐT.

Chú ý: *Khi phỏng vấn và ghi phiếu Câu 4 và 5, ĐTV cần lưu ý phát hiện các cụ thọ từ 100 tuổi trở lên (hoặc Câu 4 đã ghi từ tháng 3/1909 trở về trước, hoặc khi hỏi Câu 5, ĐTĐT trả lời từ 100 tuổi trở lên. Nếu có, thì lập “Phiếu báo các cụ thọ từ 100 tuổi trở lên” (dùng Phụ lục 6 để ghi) để nộp cho tổ trưởng điều tra.*

Câu 6: *[TÊN] thuộc dân tộc nào?*

Nếu ĐTĐT là dân tộc Kinh thì ĐTV gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “1”.

Nếu ĐTĐT không phải dân tộc Kinh thì ĐTV gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "2". Sau đó, ghi tên dân tộc của ĐTĐT vào dòng kẻ liền dành sẵn, đồng thời căn cứ vào bảng "**Danh mục các dân tộc Việt Nam**" ở Phụ lục 10 để tìm mã số tương ứng với dân tộc đó và ghi vào 2 ô vuông to bên cạnh.

Ví dụ: Một người khai dân tộc của họ là "Khơ Me" thì ghi như sau:

6. [TÊN] thuộc dân tộc nào?	KINH.....1 <input type="checkbox"/>
	DÂN TỘC KHÁC.....2 <input checked="" type="checkbox"/>
	<u>Khơ Me</u> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="5"/>
TÊN DÂN TỘC	

Đối với những người là con đẻ hay con nuôi của hai vợ chồng không cùng dân tộc thì dân tộc của người con đó được xác định theo thỏa thuận của bố mẹ. Trường hợp hai bố mẹ không thỏa thuận được thì lấy theo dân tộc của người cha (Luật Dân sự).

Với những dân tộc theo chế độ mẫu hệ, ghi tên dân tộc của người con theo dân tộc của người mẹ.

Đối với con ngoài giá thú, dân tộc của người con đó được ghi theo dân tộc của người mẹ. Trường hợp người cha ngoài giá thú thừa nhận đứa trẻ là con của mình và đồng ý khai tên của mình vào giấy khai sinh của người con đó, đồng thời được người mẹ chấp nhận, thì ghi theo dân tộc của người cha.

Đối với người nước ngoài đã nhập tịch Việt Nam thì ghi tên dân tộc cho người đó theo quốc tịch gốc của họ. Ví dụ, nếu một người mà quốc tịch gốc của họ là người Mỹ thì ghi chữ "Mỹ" vào dòng kẻ liền dành sẵn.

Câu 7: [TÊN] có theo đạo, tôn giáo nào không?

Việc xác định ĐTĐT có theo đạo, tôn giáo nào không, nếu có thì đó là đạo, tôn giáo nào hoàn toàn căn cứ vào câu trả lời của ĐTĐT. Chúng ta không quan tâm đến ĐTĐT có phải là tín đồ của đạo, tôn giáo đó hay không.

Nếu câu trả lời là "Có" thì ĐTV gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "1", sau đó hỏi và ghi tên đạo hoặc tôn giáo mà ĐTĐT trả lời vào dòng kẻ liền dành sẵn. Sau đó, căn cứ vào Phụ lục 11 "**Danh mục tôn giáo Việt Nam**" để xác định mã của đạo (tôn giáo) đó và ghi vào 2 ô vuông to dành sẵn bên cạnh.

Ví dụ: Một người khai là theo "Hồi giáo" thì ghi như sau:

7. [TÊN] có theo đạo, tôn giáo nào không? NẾU CÓ: Đó là đạo, tôn giáo gì?	CÓ.....1 <input checked="" type="checkbox"/>
	<u>Hồi giáo</u> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="4"/>
	TÊN TÔN GIÁO
KHÔNG.....2 <input type="checkbox"/>	

Nếu câu trả lời là “ Không ” (hoặc “ Lương ”) thì ĐTV gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “2”.

Câu 8: Đây là câu kiểm tra, ĐTV kiểm tra Câu 4 hoặc 5. Nếu ĐTĐT từ 5 tuổi trở lên (hoặc Câu 4 ghi từ tháng 3/2004 trở về trước, hoặc Câu 5 ghi từ ”05” trở lên), thì hỏi tiếp Câu 9. Ngược lại, nếu ĐTĐT chưa đủ 5 tuổi (hoặc Câu 4 ghi từ tháng 4/2004 đến tháng 3/2009, hoặc Câu 5 ghi từ ”00” đến ”04”) thì kết thúc phỏng vấn người này. Sau đó chuyển sang hỏi và ghi phiếu cho người tiếp theo của hộ. Nếu hộ không còn ai nữa thì chuyển sang hỏi và ghi phiếu Phần 2: Thông tin về người chết.

Câu 9: Cách đây 5 năm (vào ngày 1/4/2004), [TÊN] thực tế thường trú ở đâu?

Cách ghi cụ thể như sau: Nơi thực tế thường trú của ĐTĐT cách thời điểm điều tra 5 năm (vào ngày 1/4/2004) chỉ có thể rơi vào một trong các trường hợp sau:

(i) **Cùng xã/phường:** Nếu nơi thực tế thường trú cách thời điểm điều tra 5 năm (vào ngày 1/4/2004) của ĐTĐT là trong cùng một xã/phường (*đã được ghi ở dòng ”xã/phường” trên trang bìa của phiếu điều tra*) thì ĐTV gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số ”1”, sau đó chuyển sang hỏi Câu 11 mà không hỏi Câu 10.

(ii) **Xã/phường khác trong huyện:** Nếu nơi thực tế thường trú cách thời điểm điều tra 5 năm (vào ngày 1/4/2004) của ĐTĐT là thuộc xã/phường khác nhưng trong cùng một huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh hiện đang cư trú, thì ĐTV gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số ”2”, sau đó hỏi tiếp Câu 10.

(iii) **Huyện/quận khác trong tỉnh:** Nếu huyện/quận nơi thực tế thường trú cách thời điểm điều tra 5 năm (vào ngày 1/4/2004) của ĐTĐT khác với ”huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh” hiện ĐTĐT đang cư trú, nhưng trong cùng một tỉnh, thành phố, thì ĐTV gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số ”3”, đồng thời ghi cụ thể tên huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh đó vào dòng kẻ liền dành sẵn. Tra mã số của huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh/thành phố đó ở ”**Danh mục các đơn vị hành chính cấp huyện thuộc tỉnh**” (do BCĐ TĐTDS và nhà ở tỉnh/thành phố lập và phát tới ĐTV) để ghi vào ba ô vuông to bên cạnh, sau đó hỏi tiếp Câu 10.

Ví dụ: ĐTV điều tra 1 địa bàn ở huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Bến Tre. Ở hộ ông A, có một người khai vào ngày 1/4/2004 thực tế thường trú ở huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre thì ghi như sau:

9. Cách đây 5 năm (vào ngày 1/4/2004), [TÊN] thực tế thường trú ở đâu?	CÙNG XÃ/PHƯỜNG.....1 <input type="checkbox"/>	
	XÃ/PHƯỜNG KHÁC	
	TRONG HUYỆN.....2 <input type="checkbox"/>	
	HUYỆN/QUẬN KHÁC	
	TRONG TỈNH.....3 <input checked="" type="checkbox"/>	
	<hr/>	
	CHÂU THÀNH	
	TÊN HUYỆN <input type="text" value="8"/> <input type="text" value="3"/> <input type="text" value="1"/>	
	TỈNH/TP KHÁC.....4 <input type="checkbox"/>	
	TÊN TỈNH <input type="text"/> <input type="text"/>	
Ở NƯỚC NGOÀI.....5 <input type="checkbox"/>		
C11 ←		

(iv) Tỉnh, thành phố khác : Nếu tỉnh, thành phố nơi thực tế thường trú cách thời điểm điều tra 5 năm (vào ngày 1/4/2004) của ĐTĐT khác với tỉnh, thành phố ĐTĐT đang cư trú, thì ĐTV gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “4”, đồng thời ghi cụ thể tên tỉnh/thành phố đó vào dòng kẻ liền dành sẵn. Tra mã số của tỉnh/thành phố đó ở Phụ lục 9 “**Danh mục các đơn vị hành chính cấp tỉnh**” để ghi vào hai vuông to bên cạnh, sau đó hỏi tiếp Câu 10.

Ví dụ: ĐTV điều tra 1 địa bàn ở tỉnh Bình Dương. Ở hộ chị Hòa, có một người khai vào ngày 1/4/2004 thực tế thường trú ở tỉnh Thanh Hóa, thì ghi như sau:

9. Cách đây 5 năm (vào ngày 1/4/2004), [TÊN] thực tế thường trú ở đâu?	CÙNG XÃ/PHƯỜNG.....1 <input type="checkbox"/>
	XÃ/PHƯỜNG KHÁC
	TRONG HUYỆN.....2 <input type="checkbox"/>
	HUYỆN/QUẬN KHÁC
	TRONG TỈNH.....3 <input type="checkbox"/>
	<hr/>
	TÊN HUYỆN <input type="text"/> <input type="text"/>
	TỈNH/TP KHÁC.....4 <input checked="" type="checkbox"/>
	THANH HÓA <input type="text" value="3"/> <input type="text" value="8"/>
	TÊN TỈNH <input type="text"/>
Ở NƯỚC NGOÀI.....5 <input type="checkbox"/>	
C11 ←	

(v) **Nước ngoài:** Nếu nơi thực tế thường trú cách thời điểm điều tra 5 năm (vào ngày 1/4/2004) của ĐTĐT là ở nước ngoài, thì gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “5”, sau đó chuyển sang hỏi Câu 11 mà không hỏi Câu 10.

Chú ý: Nếu một người nào đó mà nơi TTTT vào ngày 1/4/2004 khác với nơi TTTT tại thời điểm điều tra của họ, nhưng tên gọi của nơi đó hiện đã thay đổi do thay đổi địa giới hành chính hoặc đổi tên đơn vị hành chính, v.v... thì ĐTV ghi tên của nơi TTTT trước đây của họ theo **tên đơn vị hành chính mới** mà không ghi theo tên đơn vị hành chính cũ.

Trường hợp ĐTĐT không biết tên nơi TTTT cũ hiện nay gọi là gì, thì ĐTV phải hỏi những người xung quanh để xác định và ghi tên nơi đó theo tên địa danh hiện nay.

Đối với những người không có bất kỳ một nơi TTTT nào vào ngày 1/4/2004, thì ghi theo địa chỉ nơi họ đã có mặt vào ngày 1/4/2004.

Câu 10: Nơi thường trú cách đây 5 năm nói trên là phường, thị trấn hay xã?

Câu này chỉ hỏi và ghi cho những người ở Câu 9 đã gạch chéo vào một trong 3 ô vuông nhỏ bên cạnh mã số: hoặc “2”, hoặc “3”, hoặc “4”.

Nếu nơi thực tế thường trú cách đây 5 năm (ngày 1/4/2004) của ĐTĐT thuộc “phường” hay “thị trấn” thì gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “1”, còn nếu nơi thực tế thường trú cách đây 5 năm (ngày 1/4/2004) thuộc “xã” thì gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “2”.

Lưu ý: Những nơi vào ngày 1/4/2004 là xã, nay đã được công nhận là thị trấn hoặc phường thì vẫn gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “2” (XÃ). Ngược lại, những nơi vào ngày 1/4/2004 là phường/thị trấn, nay chuyển thành xã thì vẫn gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “1” (PHƯỜNG/THỊ TRẤN).

Ví dụ: Một người khai vào ngày 1/4/2004 thường trú ở xã Biên Giang, huyện Thanh Oai, nay đã đổi thành phường Biên Giang, thành phố Hà Đông, thì ĐTV vẫn đánh dấu vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “2” (XÃ).

Câu 11: [TÊN] có khó khăn gì khi [...] không?

Câu hỏi này nhằm thu thập thông tin về tình hình khuyết tật của ĐTĐT, được chia thành 4 câu hỏi nhỏ để hỏi ĐTĐT về khả năng: nhìn (kể cả đã đeo kính), nghe, đi bộ và ghi nhớ hay tập trung chú ý. Chính vì vậy, ĐTV phải hỏi lần lượt từng khả năng một (ba dấu chấm ở trong dấu [...] được thay bằng từng khả năng nói trên).

Ví dụ: đầu tiên, ĐTV hỏi “[TÊN] có khó khăn gì khi **nhìn, ngay cả khi đeo kính không?**”. Nếu ĐTĐT trả lời “không”, thì ĐTV gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “1” (không khó khăn), và hỏi tiếp khả năng thứ hai “[TÊN] có khó khăn gì khi **nghe không?**”. Nếu ĐTĐT trả lời “Có”, thì hỏi tiếp “**Khó khăn ở mức độ nào: khó khăn, rất khó khăn hay không thể?**”. Căn cứ vào câu trả lời của ĐTĐT kết hợp với quan sát (nếu ĐTĐT có mặt ở đó) để gạch chéo vào ô vuông nhỏ thích hợp. Sau đó hỏi tiếp khả năng thứ hai. Cứ tiếp tục như vậy, hỏi đến khả năng cuối cùng là “**Ghi nhớ, hay tập trung chú ý?**”.

Ví dụ: Một người khai là mọi khả năng khác đều tốt, riêng mắt thì bị viễn thị, nếu đeo kính thì nhìn bình thường, nhưng nếu không đeo kính thì không đọc được sách, báo. Tai bị nghễnh ngãng, phải nói to mới nghe được. Như vậy, trên phiếu sẽ ghi là:

11. [TÊN] có khó khăn gì khi [. . .] không? NẾU CÓ: Khó khăn ở mức độ nào: khó khăn, rất khó khăn hay không thể?	KHÔNG KHÓ KHĂN	KHÓ KHĂN	RẤT KHÓ KHĂN	KHÔNG THỂ [...]
a) Nhìn, ngay cả khi đeo kính?	1 <input checked="" type="checkbox"/>	2 <input type="checkbox"/>	3 <input type="checkbox"/>	4 <input type="checkbox"/>
b) Nghe?	1 <input type="checkbox"/>	2 <input checked="" type="checkbox"/>	3 <input type="checkbox"/>	4 <input type="checkbox"/>
c) Đi bộ?	1 <input checked="" type="checkbox"/>	2 <input type="checkbox"/>	3 <input type="checkbox"/>	4 <input type="checkbox"/>
d) Ghi nhớ, hay tập trung chú ý?	1 <input checked="" type="checkbox"/>	2 <input type="checkbox"/>	3 <input type="checkbox"/>	4 <input type="checkbox"/>

Chú ý: Nói chung, việc xác định mức độ khuyết tật về các khả năng nói trên là do ĐTĐT tự xác định. Tuy nhiên, Nếu một người mà bị khuyết tật ở mắt, tai, chân và suy giảm trí nhớ thì không được tính là “không khó khăn” về các khả năng tương ứng, cho dù ĐTĐT có trả lời là “không khó khăn”. Ví dụ: Một người bị hỏng một mắt thì không được tính là “không khó khăn”, cho dù ĐTĐT có trả lời là “nhìn vẫn bình thường”. Tương tự, nếu ĐTĐT bị cụt 1 chân thì không được tính là “không khó khăn”, cho dù ĐTĐT có trả lời là “đi bộ vẫn bình thường”, v.v...

Câu 12: *Hiện nay [TÊN] đang đi học, đã thôi học hay chưa bao giờ đi học?*

Là các trường lớp mà ĐTĐT đang học hoặc đã học xong kể cả các trường lớp chính quy và không chính quy.

Tùy theo câu trả lời của ĐTĐT mà gạch chéo vào ô vuông nhỏ thích hợp.

Nếu ĐTĐT trả lời là chưa bao giờ đi học, thì gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “3”, sau đó chuyển sang hỏi Câu 16 mà không hỏi các Câu 13, 14, 15.

Câu 13: *Bậc học cao nhất hiện đang học hoặc đã học của [TÊN] là gì?*

Câu này chỉ hỏi và ghi cho những người hiện đang đi học hoặc đã thôi học (Câu 12 đã gạch chéo vào vuông nhỏ bên cạnh mã số “1”, hoặc mã số “2”).

Các bậc học hiện nay ở nước ta gồm có:

1. Mầm non: Là những người mà bậc học cao nhất của họ tính đến thời điểm điều tra là đang đi học hoặc đã học ở các trường lớp giáo dục mầm non.

Nếu bậc học cao nhất của ĐTĐT hiện đang học hoặc đã học là mầm non thì gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “00”, sau đó chuyển sang hỏi Câu 16, mà không hỏi các Câu từ 14 đến 15.

2. Tiểu học: Là những người mà bậc học cao nhất của họ tính đến thời điểm điều tra là đang đi học hoặc đã thôi học ở các trường lớp giáo dục tiểu học, bao gồm:

- Những người đã tốt nghiệp hoặc đã học xong chương trình nhưng chưa đỗ tốt nghiệp bậc tiểu học, và những người đang học dở chương trình của một lớp nào đó thuộc trình độ tiểu học mà bỏ học;
- Những người hiện đang đi học ở một lớp nào đó thuộc trình độ tiểu học.

3. Trung học cơ sở: Là những người mà bậc học cao nhất của họ tính đến thời điểm điều tra là đang đi học hoặc đã thôi học ở các trường lớp giáo dục trung học cơ sở, bao gồm:

- Những người đã tốt nghiệp hoặc đã học xong chương trình nhưng chưa đỗ tốt nghiệp bậc trung học cơ sở, và những người đang học dở chương trình của một lớp nào đó thuộc trình độ trung học cơ sở mà bỏ học;
- Những người hiện đang đi học ở một lớp nào đó thuộc trình độ trung học cơ sở.

4. Sơ cấp nghề: Là những người mà tại thời điểm điều tra, bậc học cao nhất đã đạt được của họ là đã tốt nghiệp hoặc hiện đang theo học các trường lớp sơ cấp nghề hoặc dạy nghề dưới 3 tháng.

Sơ cấp nghề là những người học ở các trường lớp dạy nghề từ 3 tháng đến dưới 12 tháng (dưới 1 năm).

5. Trung học phổ thông: Là những người mà tại thời điểm điều tra, bậc học cao nhất của họ là đang đi học hoặc đã thôi học ở các trường lớp giáo dục trung học phổ thông, bao gồm:

- Những người đã tốt nghiệp hoặc đã học xong chương trình lớp 12/12 nhưng chưa đỗ tốt nghiệp, và những người đang học dở chương trình của một lớp nào đó thuộc trình độ trung học phổ thông mà bỏ học;
- Những người hiện đang đi học ở một lớp nào đó thuộc trình độ trung học phổ thông.

6. Trung cấp nghề: Là những người hiện đang theo học, hoặc đã từng theo học (kể cả những người đã tốt nghiệp và những người đang học dở dang mà bỏ học) ở một trường lớp trung cấp nghề.

Thời gian dạy nghề: thực hiện từ 1 đến 2 năm học tùy theo nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông; từ 3 đến 4 năm học tùy theo nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở.

7. Trung cấp chuyên nghiệp: Là những người hiện đang theo học, hoặc đã từng theo học (kể cả những người đã tốt nghiệp và những người đang học dở dang mà bỏ học) ở một trường trung cấp chuyên nghiệp.

Thời gian đào tạo: thực hiện từ 1 đến 2 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông; từ 3 đến 4 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở.

8. Cao đẳng nghề: Là những người hiện đang theo học, hoặc đã từng theo học (kể cả những người đã tốt nghiệp và những người đang học dở dang mà bỏ học) ở một trường cao đẳng nghề.

Thời gian dạy nghề: thực hiện từ 2 đến 3 năm học tùy theo nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông; từ 1 đến 2 năm học tùy theo nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp nghề cùng ngành nghề đào tạo.

9. Cao đẳng: Là những người mà tại thời điểm điều tra, bậc học cao nhất của họ là đã tốt nghiệp hoặc đang theo học các trường cao đẳng (kể cả những người đang học dở dang ở các trường cao đẳng mà bỏ học).

Thời gian đào tạo: thực hiện từ 2 đến 3 năm học tùy theo ngành nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp; từ 1 năm rưỡi đến 2 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng chuyên ngành.

10. Đại học: Là những người mà tại thời điểm điều tra, bậc học cao nhất của họ là đã tốt nghiệp hoặc đang theo học các trường đại học (kể cả những người đang học dở dang mà bỏ học).

Thời gian đào tạo: thực hiện từ 4 đến 6 năm học tùy theo ngành nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp; từ 2 năm rưỡi đến 4 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng chuyên ngành; từ 1 năm rưỡi đến 2 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp cao đẳng cùng chuyên ngành.

11. Thạc sỹ: Là những người mà tại thời điểm điều tra, bậc học cao nhất của họ là đã tốt nghiệp hoặc đang theo học khóa đào tạo bậc thạc sỹ (kể cả những người đang học dở dang mà bỏ học).

Thời gian đào tạo: thực hiện từ 1 đến 2 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp đại học.

12. Tiến sỹ: Là những người mà tại thời điểm điều tra, bậc học cao nhất của họ là đã tốt nghiệp hoặc đang theo học khóa đào tạo bậc tiến sỹ (kể cả những người đang học dở dang mà bỏ học).

Thời gian đào tạo: thực hiện trong 4 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp đại học, từ 2 đến 3 năm học đối với người có bằng thạc sỹ. Trong trường hợp đặc biệt, thời gian đào tạo trình độ tiến sỹ có thể kéo dài theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chú ý:

- Những người đã được bồi dưỡng thêm một số môn học sau đại học hoặc chỉ qua thực tập sinh sau đại học, thì không được tính là có trình độ thạc sỹ, tiến sỹ. Nếu cần thiết, ĐTV có thể yêu cầu ĐTĐT cho xem văn bằng tốt nghiệp.
- Nếu một người có nhiều bằng tốt nghiệp ở các bậc trình độ đào tạo khác nhau, cũng chỉ gạch chéo vào 1 ô vuông nhỏ tương ứng với bậc trình độ đào tạo cao nhất. Ví dụ: nếu một người vừa có bằng đại học, vừa có bằng thạc sỹ thì ĐTV cũng chỉ gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số 10 (thạc sỹ).

Câu 14: *Lớp/năm học cao nhất mà [TÊN] hiện đang học hoặc đã học xong ở bậc học trên là gì?*

Đối với những người ở Câu 13 đã gạch chéo vào 1 trong các ô vuông nhỏ bên cạnh mã số hoặc "01", hoặc "02", hoặc "04", thì ghi lớp phổ thông cao nhất (theo hệ 12 năm) mà người đó *hiện đang học hoặc đã học xong chương trình, được lên lớp hoặc đã tốt nghiệp* vào 2 ô vuông to dành sẵn. Trường hợp ĐTĐT trước đây học theo chương trình phổ thông không phải hệ 12 năm thì sử dụng "**Bảng chuyển đổi trình độ văn hóa phổ thông**" ở Phụ lục 8 để chuyển đổi về lớp phổ thông hệ 12 năm để ghi vào 2 ô vuông to dành sẵn.

Trường hợp một người đã học xong chương trình của một lớp nào đó nhưng không được lên lớp hoặc không đỗ tốt nghiệp, và những người đang học dở chương trình của một lớp nào đó mà bỏ học thì phải ghi lớp dưới của lớp đó. Ví dụ: 1 người đã học xong chương trình lớp 4 hệ 12 năm nhưng bị lưu ban và bỏ học thì ghi số "03" vào 2 ô vuông to dành sẵn.

Đối với những người đã học xong chương trình lớp 1 nhưng không được lên lớp và những người đang học dở chương trình lớp 1 mà bỏ học thì ghi số "00" vào 2 ô vuông to dành sẵn.

Đối với những người ở Câu 13 đã gạch chéo vào 1 trong các ô vuông nhỏ bên cạnh mã số: "05", "06", "07", "08", "09", "10", và "11", nếu đang học dở dang mà bỏ học thì ghi năm học cao nhất mà người đó đã học xong.

Ví dụ: một người đang học dở năm thứ 3 đại học mà bỏ học thì ghi "02" vào 2 ô vuông to dành sẵn.

14. Lớp/năm học cao nhất mà [TÊN] hiện đang học hoặc đã học xong ở bậc học trên là gì? (GHI LỚP PHỔ THÔNG THEO HỆ 12 NĂM)	LỚP PHỔ THÔNG/ NĂM THỨ <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"><tr><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">2</td></tr></table>	0	2
0	2		

Chú ý: Số năm nói trên là số năm phải học theo quy định để đạt được trình độ ở bậc học đó mà không tính (số) năm phải học lại (học đúp).

Ví dụ 1: Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh của trường đại học Kinh tế Quốc dân là 4 năm. Một người phải học 6 năm mới tốt nghiệp (học đúp 2 năm), thì cũng chỉ ghi số "04" vào 2 ô vuông to dành sẵn.

Ví dụ 2: Một người học 3 năm mới học xong chương trình của năm thứ hai, trường đại học Khoa học Tự nhiên mà bỏ học, thì cũng chỉ ghi số "02" vào 2 ô vuông to dành sẵn.

Đối với những người hiện đang theo học ở các bậc học trên thì ghi người đó đang học năm thứ mấy. Ví dụ : một người đang học cao đẳng năm thứ 1 thì ghi như sau:

14. Lớp/năm học cao nhất mà [TÊN] hiện đang học hoặc đã học xong ở bậc học trên là gì? (GHI LỚP PHỔ THÔNG THEO HỆ 12 NĂM)	LỚP PHỔ THÔNG/ NĂM THỨ <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"><tr><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; height: 20px; text-align: center;">1</td></tr></table>	0	1
0	1		

Đối với những người ở Câu 13 đã gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "3" (Số cấp nghề): ghi "00" vào 2 ô vuông to dành sẵn.

Câu 15: Đây là câu kiểm tra, ĐTV kiểm tra Câu 13. Nếu Câu 13 đã gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "01", thì hỏi tiếp Câu 16; Còn nếu Câu 13 đã gạch chéo vào một trong các ô vuông nhỏ khác, thì chuyển sang hỏi Câu 17 mà không hỏi Câu 16.

Câu 16: *Hiện nay, [TÊN] có biết đọc và biết viết không?*

Câu này chỉ hỏi và ghi cho 2 trường hợp sau: 1) những người chưa bao giờ đi học (Câu 12 đã gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "3"), và 2) những người mà bậc học cao nhất hiện đang học và đã học là "**mầm non**" hoặc "**tiểu học**" (Câu 13 đã gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "00" hoặc "01").

Biết đọc biết viết: Là khả năng đọc và viết được một đoạn văn đơn giản trong sinh hoạt hàng ngày bằng tiếng quốc ngữ, tiếng dân tộc hoặc tiếng nước ngoài.

Câu 17: Đây là câu kiểm tra. ĐTV kiểm tra Câu 4 hoặc 5. Nếu ĐTĐT từ 15 tuổi trở lên (hoặc Câu 4 ghi từ tháng 3/1994 trở về trước, hoặc Câu 5 ghi từ "15" trở lên), thì hỏi tiếp Câu 18. Ngược lại, nếu ĐTĐT chưa đủ 15 tuổi (hoặc Câu 4 ghi từ tháng 4/1994 đến tháng 3/2009, hoặc Câu 5 ghi từ "00" đến "14") thì kết thúc phỏng vấn người này. Sau đó chuyển sang hỏi và ghi phiếu cho người tiếp theo của hộ. Nếu hộ không còn ai nữa thì chuyển sang hỏi và ghi phiếu Phần 2: Thông tin về người chết.

Câu 18: *Tình trạng hôn nhân hiện nay của [TÊN] là gì?*

Tình trạng hôn nhân hiện nay (tức là tại thời điểm điều tra) của một người chỉ có thể thuộc một trong 5 loại sau đây:

- (1) **Chưa vợ/chồng:** là những người chưa bao giờ lấy vợ (hoặc lấy chồng) hoặc chưa bao giờ chung sống với một người khác giới như vợ chồng.
- (2) **Có vợ/có chồng:** là những người đã được luật pháp hoặc phong tục, tập quán của địa phương thừa nhận là đang có vợ (hoặc có chồng), hoặc đang chung sống với người khác giới như vợ chồng.
- (3) **Góa:** là những người mà vợ (hoặc chồng) của họ đã bị chết và hiện tại chưa tái kết hôn.
- (4) **Ly hôn:** là những người trước đây đã có vợ/có chồng, nhưng vì lý do nào đó, họ đã được pháp luật cho ly hôn và hiện tại chưa tái kết hôn.
- (5) **Ly thân:** là những người về danh nghĩa thì họ đang có vợ/có chồng, nhưng vì lý do nào đó hiện tại họ không sống với nhau như vợ chồng.

Chú ý: Cần phân biệt giữa những người sống ly thân và những người sống xa vợ/chồng như: đi công tác, làm ăn xa nhà (thậm chí đang làm việc ở nước ngoài) trong một thời gian dài. Những người này vẫn thuộc nhóm "có vợ/có chồng".

Câu 19: *Trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất mà [TÊN] đã được đào tạo là gì?*

Là trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất mà ĐTĐT đã được đào tạo ở các trường lớp chính quy và các trường lớp không chính quy như: học chuyên tu, tại chức, văn bằng hai, vừa học vừa làm, v.v... kể cả học ở các trường, lớp chính trị, tôn giáo.

Một người chỉ có thể rơi vào một trong các trình độ chuyên môn kỹ thuật sau:

1. Chưa qua đào tạo chuyên môn kỹ thuật

Là những người chưa qua đào tạo và chưa được cấp bất kỳ một bằng cấp, chứng chỉ về trình độ chuyên môn kỹ thuật nào.

2. Sơ cấp nghề

Là những người mà trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất đã được đào tạo là đã tốt nghiệp các trường lớp sơ cấp nghề hoặc dạy nghề dưới 3 tháng.

3. Trung cấp nghề

Là những người mà trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất đã được đào tạo là đã tốt nghiệp các trường trung cấp nghề.

4. Trung cấp chuyên nghiệp

Là những người mà trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất đã được đào tạo là đã tốt nghiệp các trường trung cấp chuyên nghiệp.

5. Cao đẳng nghề

Là những người mà trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất đã được đào tạo là đã tốt nghiệp các trường cao đẳng nghề.

6. Cao đẳng

Là những người đã được đào tạo và đã tốt nghiệp các trường đào tạo bậc cao đẳng chuyên nghiệp.

7. Đại học

Là những người đã được đào tạo và đã tốt nghiệp các trường đào tạo bậc đại học.

8. Thạc sỹ

Là những người đã được đào tạo và đã tốt nghiệp các trường đào tạo bậc thạc sỹ.

9. Tiến sỹ

Là những người đã được đào tạo và đã tốt nghiệp các trường đào tạo bậc tiến sỹ.

Các câu hỏi từ 20 đến 30: Đây là các câu hỏi về việc làm trong 7 ngày qua của những người từ 15 tuổi trở lên. Vì vậy, để thu thập được chính xác các thông tin nói trên, **ĐTV cần phỏng vấn trực tiếp những người từ 15 tuổi trở lên.**

Câu 20: *Bây giờ, tôi hỏi về việc làm trong 7 ngày qua: Trong 7 ngày qua, anh/chị có làm một công việc gì để tạo ra thu nhập không?*

Câu này được hỏi cho tất cả những người từ 15 tuổi trở lên.

7 ngày qua là bảy ngày tính từ ngày hôm trước ngày ĐTV tiến hành cuộc phỏng vấn trở về trước. Ví dụ, ĐTV phỏng vấn ĐTĐT vào ngày 5/4/2009 thì bảy ngày qua sẽ là các ngày 4/4, 3/4, 2/4, 1/4, 31/3, 30/3, và 29/3.

Việc làm là mọi hoạt động lao động từ 1 giờ trở lên tạo ra nguồn thu nhập không bị pháp luật cấm.

Được tính là làm việc trong 7 ngày qua gồm: những người trong 7 ngày trước ngày ĐTV tiến hành phỏng vấn đã làm việc ít nhất 1 giờ để tạo ra thu nhập, kể cả làm cho gia đình không đòi hỏi tiền công như: người làm công ăn lương, người làm kinh doanh hoặc lao động trong ruộng vườn, trang trại của họ.

Đối với những người đang ở nước ngoài trong thời hạn cho phép và những người đi làm ăn ở nơi khác chưa được 6 tháng tính từ khi rời gia đình ra đi (kể cả những người đi đánh bắt hải sản, đi tàu viễn dương, đi buôn chuyến, đi công tác ... đã rời gia đình từ 6 tháng trở lên): nếu không xác định được họ có làm việc trong 7 ngày qua hay không, thì gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số 3 "KHÔNG BIẾT", sau đó chuyển sang hỏi Câu 31 mà không hỏi các câu từ 21 đến 30.

Chú ý: Một người không được tính là làm việc, nếu trong 7 ngày qua người đó là lao động tình nguyện, làm giúp (thanh niên tình nguyện, làm giúp người khác, v.v...), làm từ thiện, nhân đạo, v.v...

Nếu ĐTĐT trả lời trong 7 ngày qua chỉ làm các công việc như đã nêu ở trên, thì ĐTV cần hỏi thêm **"Ngoài công việc đó (công việc mà ĐTĐT đã khai), anh/chị có còn làm công việc nào khác từ 1 giờ trở lên để tạo ra thu nhập không?"**. Nếu ĐTĐT có làm một công việc khác từ 1 giờ trở lên để tạo ra thu nhập, thì được tính là làm việc trong 7 ngày qua.

Nếu trong 7 ngày qua, ĐTĐT có làm việc ít nhất 1 giờ để tạo ra thu nhập thì gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "1", sau đó chuyển sang hỏi Câu 23a mà không hỏi các Câu 21, 22.

Nếu trong 7 ngày qua, ĐTĐT không làm bất cứ một việc gì từ 1 giờ trở lên để tạo ra thu nhập thì gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "2", sau đó hỏi tiếp Câu 21.

Câu 21: *Tuy không làm việc nhưng anh/chị có được trả lương/trả công không?*

Những người trả lời "Có" ở câu này chính là những người đã có một công việc ổn định, nhưng vì một lý do nào đó mà họ tạm thời nghỉ việc, nhưng vẫn được trả lương, trả công, như: nghỉ phép, nghỉ đẻ, ốm đau, v.v... và chắc chắn họ sẽ trở lại làm việc sau khi kết thúc kỳ tạm nghỉ.

Nếu ĐTĐT thuộc loại này, ĐTV gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "1", sau đó chuyển sang Câu 23b mà không hỏi Câu 22.

Những người hưởng trợ cấp hưu trí, trợ cấp mất sức lao động thì không được tính vào những đối tượng này.

Nếu trong 7 ngày qua, ĐTĐT không làm bất cứ một việc gì từ 1 giờ trở lên để tạo ra thu nhập, nhưng cũng không được trả lương, trả công thì gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "2", sau đó hỏi tiếp Câu 22.

Câu 22: *Anh/chị đã có việc làm và sẽ trở lại làm việc trong 30 ngày tới không?*

Nếu trong 7 ngày qua, ĐTĐT không làm bất cứ một công việc gì để tạo ra thu nhập, cũng không được trả tiền lương, tiền công, nhưng họ đã có sẵn một công việc và sẽ trở lại làm công việc đó trong 30 ngày tới, thì gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "1", sau đó hỏi tiếp Câu 23b.

Ví dụ: một người là thợ mộc cá thể, trong 7 ngày qua người đó đưa con ra Hà Nội ôn thi đại học mà không làm mộc, cũng không làm gì để tạo ra thu nhập. Người đó dự định 1 tuần nữa (tính từ khi ĐTV tiến hành cuộc phỏng vấn) sẽ lại làm nghề mộc. Như vậy, ĐTV sẽ gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "1" (CÓ).

Nếu trong 7 ngày qua, ĐTĐT không làm bất cứ một việc gì để tạo ra thu nhập; cũng không được trả lương, trả công; và họ cũng không có sẵn một công việc nào để trở lại làm việc trong 30 ngày tới, thì gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "2", sau đó chuyển sang hỏi Câu 28, mà không hỏi các câu, từ 23 đến 27.

Câu 23: Câu này chỉ hỏi những người có câu trả lời "CÓ" (gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "1") ở Câu 20 hoặc Câu 21, hoặc Câu 22.

Nếu Câu 20 đã gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "1", thì hỏi Câu 23a: *"Trong 7 ngày qua, anh/chị đã làm công việc gì là chính và giữ chức vụ gì (NẾU CÓ)?"*.

Nếu Câu 21 hoặc Câu 22 đã gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "1", thì hỏi Câu 23b: *"Trong 7 ngày trước khi tạm nghỉ, anh/chị đã làm công việc gì là chính và giữ chức vụ gì (NẾU CÓ)?"*.

Công việc chính trong 7 ngày qua là: tên công việc chiếm nhiều thời gian nhất trong tổng số thời gian làm các công việc để tạo ra thu nhập của đối tượng điều tra trong 7 ngày trước ngày ĐTV tiến hành phỏng vấn.

Công việc chính trong 7 ngày trước khi tạm nghỉ là: tên công việc chiếm nhiều thời gian nhất trong tổng số thời gian làm các công việc để tạo ra thu nhập của đối tượng điều tra trong 7 ngày trước ngày đối tượng điều tra tạm thời nghỉ việc (7 ngày trước ngày đối tượng điều tra nghỉ để, nghỉ phép, nghỉ việc riêng, v.v...).

ĐTV phải ghi thật cụ thể tên công việc mà ĐTĐT đã làm (công việc chiếm nhiều thời gian nhất) và/hoặc chức vụ (nếu có) của người đó đã làm trong 7 ngày trước ngày ĐTV tiến hành cuộc phỏng vấn vào các dòng kẻ liền dành sẵn, 3 ô vuông to để trống (3 ô vuông này sẽ do mã số viên của tỉnh ghi sau). Dưới đây là một số ví dụ về cách ghi tên công việc như thế nào là đúng và sai:

Ghi sai	Ghi đúng
“Làm nông nghiệp”, “Trồng trọt”, ...	“Trồng lúa”, “Trồng cà phê”, “Nuôi cá”, “Nuôi lợn/heo”, ...
“Công nhân”	“Thợ cơ khí bậc 3”, “Thợ khai thác than bậc 5”, “Thợ điện bậc 6”, “Thợ sửa chữa mô tô/xe máy cá thể”, “Thợ dệt bậc 4”...
“Lái xe”	“Lái xe khách bậc 2”, “Lái xe tải bậc 1”, “Lái máy ủi”, “Lái cần cẩu”, ...
“Cán bộ”, “Văn phòng”	“Nhân viên văn thư”, “Chuyên viên kế toán”, “Chuyên viên chính lao động tiền lương”, ...
“Giáo viên:	“Giáo viên dạy văn lớp 12”, “Giáo viên tiểu học”, “Giáo viên mầm non”, ...
“Bán hàng”	“Bán buôn bánh kẹo”, “Bán lẻ vật liệu xây dựng”, “Bán rong hoa quả”, ...

Việc ghi thông tin cho Câu 23 đòi hỏi phải nêu được cả «tên công việc cụ thể», «trình độ tay nghề», và «chức vụ» (nếu có).

Một số ví dụ:

- Một người khai công việc chính trong 7 ngày qua làm kế toán tổng hợp và là trưởng phòng tài vụ:

23a. Trong 7 ngày qua, anh/chị đã làm công việc gì là chính và giữ chức vụ gì (NẾU CÓ)?	<p><u>Kế toán tổng hợp.</u></p> <p><u>Trưởng phòng tài vụ</u></p> <div style="display: flex; justify-content: center; gap: 10px;"> <div style="border: 1px solid black; width: 20px; height: 20px;"></div> <div style="border: 1px solid black; width: 20px; height: 20px;"></div> <div style="border: 1px solid black; width: 20px; height: 20px;"></div> </div>
23b. Trong 7 ngày trước khi tạm nghỉ, anh/chị đã làm công việc gì là chính và giữ chức vụ gì (NẾU CÓ)?	

- Một người khai công việc chính trong 7 ngày qua là thợ nề bậc 5 thì ghi như sau:

23a. Trong 7 ngày qua, anh/chị đã làm công việc gì là chính và giữ chức vụ gì (NẾU CÓ)?	<p><u>Thợ nề bậc 5</u></p> <div style="display: flex; justify-content: center; gap: 10px;"> <div style="border: 1px solid black; width: 20px; height: 20px;"></div> <div style="border: 1px solid black; width: 20px; height: 20px;"></div> <div style="border: 1px solid black; width: 20px; height: 20px;"></div> </div>
23b. Trong 7 ngày trước khi tạm nghỉ, anh/chị đã làm công việc gì là chính và giữ chức vụ gì (NẾU CÓ)?	

- Một người khai công việc chính trong 7 ngày trước khi tạm nghỉ là làm công tác tổ chức nhân sự, và giữ chức vụ trưởng phòng thì ghi như sau:

23a. Trong 7 ngày qua, anh/chị đã làm công việc gì là chính và giữ chức vụ gì (NẾU CÓ)?	<i>Tổ chức nhân sự, Trưởng phòng tổ chức</i>			
23b. Trong 7 ngày trước khi tạm nghỉ, anh/chị đã làm công việc gì là chính và giữ chức vụ gì (NẾU CÓ)?	<table border="1" style="margin: auto;"> <tr> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> </tr> </table>			

Chú ý:

- Đối với những người vừa làm chuyên môn, vừa tham gia công tác của tổ chức Đảng, đoàn thể (bán chuyên trách – không hưởng lương, kiêm nhiệm) thì ghi công việc chính của họ là công tác chuyên môn và chức vụ của công tác chuyên môn đó (nếu có), mà không ghi chức vụ của công tác kiêm nhiệm người đó hiện đang giữ. Ví dụ:
 - + Một người vừa làm Trưởng phòng Tổ chức của Cục Thống kê vừa là bí thư chi bộ Cục Thống kê (kiêm nhiệm- không hưởng lương), thì ghi công việc chính của người này là “Trưởng phòng tổ chức”;
 - + Một người vừa trồng lúa và là bí thư chi bộ thôn (kiêm nhiệm- không hưởng lương hoặc chỉ hưởng phụ cấp), thì ghi công việc chính của người này là “Trồng lúa”;
- Đối với những người làm nghề tôn giáo, thì ghi rõ chức sắc của họ. Ví dụ: hòa thượng, giám mục, cả chùa, giáo sĩ, mục sư, tiểu, sãi, v.v...

Câu 24: Với công việc trên, anh/chị là lao động gia đình, làm công ăn lương hay giữ vai trò khác?

Câu hỏi này chỉ hỏi những người ở Câu 23 có thông tin

Câu hỏi này nhằm thu thập thông tin về vị thế việc làm của ĐTĐT tại nơi mà họ làm việc. Vị thế việc làm được chia ra 3 nhóm chính sau:

1. Lao động gia đình

Là những người làm các công việc do những người trong gia đình mình (thường là bố hoặc mẹ hoặc cả hai bố mẹ) tổ chức để tạo ra thu nhập nhưng không được hưởng tiền lương, tiền công.

Trường hợp làm các công việc do bố mẹ tổ chức nhưng được trả tiền lương, tiền công, thì không được tính là lao động gia đình mà phải tính là “*làm công ăn lương*”

Nếu ĐTĐT được xác định là lao động gia đình thì ĐTV gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “1”, sau đó hỏi tiếp Câu 25.

2. Làm công ăn lương

Là những người được các tổ chức, cá nhân khác thuê theo hợp đồng (hợp đồng lao động, quyết định tuyển dụng, v.v...) để thực hiện một hay một loạt các công việc nhằm đạt được mục đích của tổ chức, cá nhân đó và được tổ chức, cá nhân đó trả thù lao dưới dạng tiền lương, tiền công hoặc hiện vật

Nếu ĐTĐT được xác định là làm công ăn lương thì ĐTV gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “2”, sau đó hỏi tiếp Câu 25.

3. Khác

Là những người không được xác định vào 1 trong 2 nhóm trên.

Nếu ĐTĐT được xác định thuộc loại khác thì gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “3”, sau đó hỏi tiếp Câu 25.

Câu 25: *Cơ sở nơi anh/chị làm công việc trên là cá nhân, thiếu hộ sản xuất kinh doanh cá thể, kinh tế tập thể, tư nhân, nhà nước hay có vốn đầu tư nước ngoài?*

Nơi làm việc của một người chỉ có thể thuộc một trong 6 loại tổ chức kinh tế - xã hội (loại hình kinh tế) sau:

1. Cá nhân

Là các cá nhân làm dịch vụ không phải đăng ký kinh doanh theo Nghị định 88/2006/NĐ-CP gồm:

- Những người bán rong, quà vặt, buôn chuyến, kinh doanh lưu động, làm dịch vụ, trừ trường hợp kinh doanh các ngành nghề có điều kiện như: ngành y, dược, ...;
- Các cá nhân làm việc tự do (một mình tự làm, tự quyết định tất cả như: bơm vá xe đạp, xe máy trên vỉa hè, xe ôm, ...);

Một người được xác định công việc chính trong 7 ngày qua thuộc cá nhân, thì gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “1”. Sau đó chuyển sang hỏi Câu 31 mà không hỏi các câu từ Câu 26 đến Câu 30.

2. Hộ sản xuất kinh doanh cá thể:

Là hộ sản xuất kinh doanh nông-lâm nghiệp-thủy sản hoặc phi nông-lâm nghiệp-thủy sản do một cá nhân hoặc một nhóm người hoặc một hộ gia đình làm chủ, chưa đăng ký kinh doanh hoạt động theo loại hình doanh nghiệp.

Một hộ sản xuất kinh doanh cá thể có thể có nhiều hơn một loại sản phẩm chính, (những) người tham gia sản xuất sản phẩm chính nào thì ở Câu 27 ghi tên sản phẩm chính đó.

Một người được xác định công việc chính trong 7 ngày qua thuộc hộ sản xuất kinh doanh cá thể, thì gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “2”. Sau đó chuyển sang hỏi Câu 27 mà không hỏi Câu 26.

3. Tập thể: Gồm có:

- Đơn vị kinh tế tập thể: các hợp tác xã (HTX) gồm các HTX nông nghiệp, HTX tiểu thủ công nghiệp, HTX xây dựng, HTX mua bán, HTX dịch vụ, HTX tín dụng (quỹ tín dụng nhân dân), ... được đăng ký thành lập theo Luật HTX;
- Đơn vị sự nghiệp dân lập, đơn vị của tổ chức xã hội-ngành nghiệp ngoài Nhà nước, đơn vị của các tổ chức xã hội và các đơn vị khác ngoài Nhà nước. Kinh phí hoạt động của các đơn vị này đều do các hội viên đóng góp.

Một người được xác định công việc chính trong 7 ngày qua là làm cho thành phần kinh tế tập thể thì gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “3”. Sau đó hỏi tiếp Câu 26.

4. *Tư nhân*: Gồm các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp tư nhân (DNTN). Cụ thể gồm: **Doanh nghiệp**: Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) tư nhân; công ty cổ phần ngoài nhà nước; công ty hợp danh; doanh nghiệp tư nhân.

- Công ty TNHH tư nhân là các công ty TNHH mà chủ sở hữu công ty (một hoặc nhiều thành viên) là tư nhân (100% vốn tư nhân).
- Công ty cổ phần trong nước mà tất cả các cổ đông là tổ chức, cá nhân ngoài Nhà nước; công ty cổ phần trong nước có cổ đông là Nhà nước nhưng Nhà nước không giữ cổ phần chi phối hoặc cổ phần đặc biệt.
- Công ty hợp danh: Là doanh nghiệp, trong đó:
 - + Phải có ít nhất hai thành viên hợp danh; ngoài các thành viên hợp danh có thể có thành viên góp vốn;
 - + Thành viên hợp danh phải là cá nhân có trình độ chuyên môn, uy tín nghề nghiệp, chịu trách nhiệm toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của công ty;
 - + Thành viên góp vốn chỉ chịu trách nhiệm về số vốn đóng góp

Công ty hợp danh không được phát hành bất kỳ một loại chứng khoán nào.

- Doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp.

Loại hình kinh tế tư nhân còn bao gồm các liên doanh giữa một bên là một hoặc nhiều đơn vị thuộc thành phần kinh tế tư nhân Việt Nam với doanh nghiệp, tổ chức cá nhân nước ngoài. Những người chủ và các công nhân làm thuê cho doanh nghiệp tư nhân đều được xếp vào “Loại hình kinh tế tư nhân” .

Một người được xác định công việc chính trong 7 ngày qua là làm cho thành phần kinh tế tư nhân, thì gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “4”. Sau đó hỏi tiếp Câu 26.

5. *Nhà nước*: Bao gồm:

a. Doanh nghiệp: doanh nghiệp nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước, công ty cổ phần nhà nước.

- Doanh nghiệp nhà nước (DNNN) là các doanh nghiệp được đăng ký thành lập và hoạt động theo Luật DNNN, bao gồm: DNNN tổ chức dưới hình thức doanh nghiệp độc lập, Tổng công ty, doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty có 100% vốn của Nhà nước; liên doanh mà các bên đều là Nhà nước.
- Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước là các công ty TNHH một thành viên được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội nhà nước.
- Công ty cổ phần nhà nước là các công ty cổ phần trong đó Nhà nước là cổ đông có cổ phần chi phối (cổ phần của Nhà nước chiếm trên 50% tổng số cổ phần và ít nhất gấp 2 lần cổ phần của cổ đông lớn nhất khác trong doanh nghiệp) hoặc cổ phần đặc biệt (Nhà nước không có cổ phần chi phối nhưng có quyền quyết định một số vấn đề quan trọng khác của doanh nghiệp theo thỏa thuận trong Điều lệ của doanh nghiệp).

b. Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể, hiệp hội: cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công, đơn vị sự nghiệp bán công, đơn vị của tổ chức chính trị, chính trị-xã hội, đơn vị của tổ chức xã hội-nghề nghiệp của Nhà nước, đơn vị của các tổ chức xã hội và các đơn vị khác của Nhà nước.

- Cơ quan nhà nước bao gồm: các cơ quan lập pháp, tư pháp và hành pháp.
- Đơn vị sự nghiệp công là các đơn vị hoạt động trong các ngành y tế, giáo dục-đào tạo, văn hóa, thông tin, phát thanh, truyền hình, thể thao được thành lập trên cơ sở liên kết giữa các tổ chức Nhà nước với các tổ chức không phải Nhà nước hoặc cá nhân theo phương thức: thành lập mới, chuyển toàn bộ hoặc một phần từ đơn vị công lập để cùng đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, quản lý điều hành mọi hoạt động theo quy định của pháp luật.
- Đơn vị của tổ chức chính trị gồm các đơn vị thuộc các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Đơn vị của tổ chức chính trị - xã hội gồm các đơn vị của các tổ chức chính trị-xã hội mà nguồn kinh phí hoạt động chủ yếu từ ngân sách Nhà nước như: Mặt trận Tổ quốc, Liên đoàn Lao động, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Hội nông dân.
- Đơn vị của tổ chức xã hội-nghề nghiệp của Nhà nước gồm: Hội liên hiệp văn học nghệ thuật, Hội nhà văn, Hội sân khấu, Hội luật gia, Tổng hội y học, ... mà nguồn kinh phí chủ yếu từ ngân sách Nhà nước.
- Đơn vị của các tổ chức xã hội khác của Nhà nước bao gồm các đơn vị của các hiệp hội khác ngoài các tổ chức xã hội-nghề nghiệp nêu trên như: Hội người cao tuổi; Hội bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi; Hội khuyến học; Hội người mù; Hội Phật giáo; các cơ sở tín ngưỡng khác mà nguồn kinh phí chủ yếu từ ngân sách Nhà nước.

Một người được xác định công việc chính trong 7 ngày qua là làm cho loại hình kinh tế nhà nước (kể cả trong biên chế và làm hợp đồng, tạm tuyển), thì gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “5”.

Đối với những người không phải là công chức xã/phường, nhưng được hợp đồng làm việc cho Ủy ban nhân dân xã/phường (văn thư lưu trữ, thủ quỹ, v.v...) theo giờ hành chính, thì cũng được tính là làm việc cho nhà nước.

6. *Vốn nước ngoài:* Gồm có:

Các doanh nghiệp có 100% vốn nước ngoài; Các văn phòng đại diện của các hãng, công ty, doanh nghiệp nước ngoài; Các tổ chức nước ngoài, quốc tế.

Một người được xác định công việc chính trong 7 ngày qua là làm cho loại hình kinh tế nước ngoài, thì gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “6”. Sau đó hỏi tiếp Câu 26.

Câu 26: *Tên cơ quan hoặc đơn vị nơi anh/chị làm công việc trên và cấp trên trực tiếp (NẾU CÓ) là gì?*

Câu này chỉ hỏi những người ở Câu 25 đã được gạch chéo vào một trong những ô vuông nhỏ tương ứng với 1 trong các mã số: “3”, “4”, “5” và “6”.

Tên cơ quan, đơn vị làm việc là tên đơn vị nơi ĐTĐT trực tiếp làm việc và đơn vị quản lý cấp trên trực tiếp (nếu có) của đơn vị đó.

ĐTV ghi tên cơ quan, đơn vị làm việc của ĐTĐT vào các dòng kẻ liền dành sẵn.

Ví dụ 1: Một người khai là làm việc tại phân xưởng dệt, nhà máy dệt 8-3 thì ghi như sau:

26. Tên cơ quan hoặc đơn vị nơi anh/chị làm công việc trên và cấp trên trực tiếp (NẾU CÓ) là gì?	<u>Phân xưởng dệt.</u> <u>Nhà máy dệt 8-3</u>
--	--

Trong ví dụ trên, “*Phân xưởng dệt*” là tên đơn vị nơi người đó trực tiếp làm việc; còn “*Nhà máy dệt 8-3*” là đơn vị quản lý cấp trên trực tiếp của “*Phân xưởng dệt*”.

Ví dụ 2: Một người khai đơn vị làm việc là Phòng khoa học thống kê thuộc Viện khoa học Thống kê, thì ghi như sau:

26. Tên cơ quan hoặc đơn vị nơi anh/chị làm công việc trên và cấp trên trực tiếp (NẾU CÓ) là gì?	<u>Phòng Khoa học Thống kê.</u> <u>Viện Khoa học Thống kê</u>
--	--

Trong ví dụ trên, “*Phòng Khoa học Thống kê*” là tên đơn vị nơi người đó trực tiếp làm việc; còn “*Viện Khoa học Thống kê*” là đơn vị quản lý cấp trên trực tiếp của “*Phòng Khoa học Thống kê*”.

Ví dụ 3: Một người khai làm việc tại Trung tâm bảo hành và sửa chữa dụng cụ điện thuộc Công ty TNHH Đại Việt, thì ghi như sau:

26. Tên cơ quan hoặc đơn vị nơi anh/chị làm công việc trên và cấp trên trực tiếp (NẾU CÓ) là gì?	<u>Trung tâm bảo hành và sửa chữa dụng cụ điện.</u> <u>Công ty TNHH Đại Việt</u>
--	---

Trong ví dụ trên, “*Trung tâm bảo hành và sửa chữa dụng cụ điện*” là tên đơn vị nơi người đó trực tiếp làm việc; còn “*Công ty TNHH Đại Việt*” là đơn vị quản lý cấp trên trực tiếp của “*Trung tâm bảo hành và sửa chữa dụng cụ điện*”.

Chú ý: Đối với những người đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài đang còn trong thời hạn quy định, thì ghi tên nước mà người đó đang sống và làm việc.

Ví dụ: Một người đang làm việc ở Hàn Quốc trong thời hạn quy định, thì ghi như sau:

26. Tên cơ quan hoặc đơn vị nơi anh/chị làm công việc trên và cấp trên trực tiếp (NẾU CÓ) là gì?	<u>Hàn Quốc</u>
--	------------------------

Câu 27: *Nhiệm vụ/sản phẩm chính của cơ quan/đơn vị nơi anh/chị làm công việc trên là gì?*

Nhiệm vụ/sản phẩm chính của cơ quan/đơn vị là công việc chính mà cơ quan/đơn vị đó được ngành chủ quản hoặc được cấp có thẩm quyền giao cho. Nhiệm vụ chính của các đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thường gắn liền với sản phẩm hoặc dịch vụ chủ yếu của đơn vị đó.

Đối với “hộ sản xuất kinh doanh cá thể” thì ghi tên sản phẩm hoặc dịch vụ chính mà “hộ sản xuất kinh doanh cá thể” đó đã làm trong 7 ngày qua.

ĐTV ghi nhiệm vụ chính của đơn vị nơi ĐTĐT làm việc vào các dòng kẻ liền dành sẵn, **3 ô vuông to để trống** (sẽ do mã số viên của tỉnh ghi sau).

Ví dụ 1: Một người khai nhiệm vụ/sản phẩm chính của xí nghiệp nơi họ làm việc là sản xuất xi măng, thì ghi như sau:

27. Nhiệm vụ/sản phẩm chính của cơ quan/đơn vị nơi anh/chị làm công việc trên là gì?	<u>Sản xuất xi măng</u> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>
--	--

Ví dụ 2: Một người khai là làm ở Phòng Thống kê huyện, thì câu 27 ghi như sau:

27. Nhiệm vụ/sản phẩm chính của cơ quan/đơn vị nơi anh/chị làm công việc trên là gì?	<u>Thống kê</u> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>
--	--

Sau khi ghi thông tin cho Câu 27, ĐTV chuyển sang hỏi tiếp Câu 31 mà không hỏi các câu từ Câu 28 đến Câu 30.

Câu 28: Trong 30 ngày qua, anh/chị có tìm kiếm việc làm không?

Câu này chỉ hỏi những người đã trả lời "KHÔNG" (đã gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "2") ở Câu 22.

Các hoạt động tìm kiếm việc làm bao gồm: đăng ký tìm việc tại văn phòng việc làm của nhà nước hoặc tư nhân; nộp đơn xin việc đến người sử dụng lao động/ông chủ; kiểm tra tại nơi làm việc; kiểm tra, thông qua các mục/chương trình quảng cáo trên báo, đài, ti vi; tìm sự hỗ trợ từ những người bạn và người thân, v.v...

Nếu ĐTĐT trả lời "có", thì ĐTV gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "1", sau đó hỏi tiếp Câu 29.

Nếu ĐTĐT trả lời "không", thì ĐTV gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "2", sau đó chuyển sang hỏi Câu 30 mà không hỏi Câu 29.

Câu 29: Trong 7 ngày qua, nếu tìm được việc làm, anh/chị có đi làm ngay không?

Câu này chỉ hỏi những người ở Câu 28 đã gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "1".

Nếu ĐTĐT trả lời "có", thì ĐTV gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "1", sau đó chuyển sang Câu 31 mà không hỏi Câu 30.

Nếu ĐTĐT trả lời "không", thì ĐTV gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "2", sau đó hỏi tiếp Câu 30.

Câu 30: Câu này chỉ hỏi những người hoặc ở Câu 28 đã gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "2", hoặc ở Câu 29 đã gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "2". Vì vậy:

Nếu câu trả lời ở Câu 28 là "KHÔNG" (ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "2" được gạch chéo), thì hỏi: **Tại sao anh/chị không tìm việc?**

Nếu câu trả lời ở Câu 29 là "KHÔNG" (ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "2" được gạch chéo), thì hỏi: **Tại sao anh/chị không sẵn sàng làm việc?**

Nguyên nhân chính khiến một người không đi tìm việc hoặc không sẵn sàng làm việc gồm có:

- *Không có việc thích hợp/không biết tìm ở đâu*: Là những người không làm việc nhưng không đi tìm việc vì họ tin rằng dù có tìm kiếm cũng không có việc thích hợp với khả năng của mình, hoặc họ không biết tìm việc ở đâu.
- *Ốm đau/bận việc/chờ việc*: bao gồm:

Những người không làm việc nhưng không đi tìm việc hoặc có tìm việc nhưng không sẵn sàng làm việc ngay vì ốm đau, hay bận việc riêng như: nhà có người ốm đau, có người già phải chăm sóc, mới sinh con, trông con còn nhỏ, nhà có tang, đang lo việc cưới hỏi, v.v...

Những người hiện không làm việc, nhưng trong 30 ngày qua không tìm kiếm việc làm do họ đã đi phỏng vấn/xin việc làm trước đó, đang chờ kết quả phỏng vấn/xin việc và cũng chưa biết kết quả và thời gian bắt đầu đi làm công việc đó.

Những người đã có một công việc mới, sẽ bắt đầu làm công việc đó trong tương lai, nhưng thời gian để bắt đầu làm công việc mới đó dài hơn 30 ngày tính từ ngày ĐTV tiến hành cuộc phỏng vấn.

- *Thời tiết xấu/chờ thời vụ*: Bao gồm những người đang tạm thời nghỉ việc do thời tiết xấu/chưa đến thời vụ, thời gian tạm nghỉ dài hơn 30 ngày tính từ ngày ĐTV tiến hành cuộc phỏng vấn.
- *Đang đi học*: Là những người trong 7 ngày qua không làm bất kỳ một công việc nào để tạo ra thu nhập mà dành toàn bộ thời gian của 7 ngày đó để đi học (tại các trường phổ thông, các trường chuyên nghiệp, trường dạy nghề, trường cao đẳng, trường đại học hoặc các trường lớp khác).
- *Nội trợ gia đình mình*: Gồm những người trong 7 ngày qua dành toàn bộ thời gian làm các công việc nội trợ trong gia đình mình và không được trả tiền lương, tiền công.

Chú ý: Những người làm các công việc nội trợ thuê cho gia đình khác (ô-sin) được trả công thì phải tính họ là “làm việc”.

- *Mất khả năng lao động*: Gồm những người không làm bất kỳ một loại công việc gì trong 7 ngày qua vì điều kiện sức khỏe và/hoặc tinh thần, không có khả năng làm việc, như bị tàn tật, ốm đau kéo dài, v.v...
- *Không muốn đi làm*: Là những người không làm việc mà không đi tìm việc cũng không sẵn sàng làm việc vì đã có một nguồn sống nào đó như: trợ cấp hưu trí; trợ cấp mất sức; được người thân hoặc xã hội nuôi dưỡng, v.v...
- *Lý do “KHÁC”*: Bao gồm những người đưa ra các lý do không đi tìm việc và không sẵn sàng làm việc ngoài những lý do đã nêu ở trên, như già cả.

Câu 31: Đây là câu kiểm tra, ĐTV kiểm tra Câu 3 và Câu 4 (hoặc Câu 5). Nếu ĐTĐT là nữ (Câu 3 đã gạch chéo vào ô vuông nhỏ cùng dòng với chữ ”NỮ”) từ 15 đến 49 tuổi (hoặc Câu 4 ghi từ tháng 4/1959 đến tháng 3/1994, hoặc Câu 5 ghi từ ”15” đến ”49”), thì hỏi tiếp Câu 32.

Như vậy, những người sau đây sẽ không hỏi những câu hỏi tiếp theo mà chuyển sang hỏi và ghi phiếu cho thành viên tiếp theo của hộ.

- Tất cả những người là nam giới (Câu 3 đã gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "1");
- Những phụ nữ ở Câu 3 đã gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "2", nhưng tháng, năm sinh ở Câu 4 đã ghi từ tháng 3/1959 trở về trước (hoặc ở Câu 5 đã ghi từ 50-95);
- Những phụ nữ ở Câu 3 đã gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "2", nhưng tháng, năm sinh ở Câu 4 đã ghi từ tháng 4/1994 đến tháng 3/2009 (hoặc ở Câu 5 đã ghi từ 00-14).

Nếu hộ không còn ai nữa, thì chuyển sang hỏi và ghi phiếu Phần 2 "Thông tin về người chết":

Câu 32: *Chị đã sinh con bao giờ chưa?*

ĐTV cần gặp những phụ nữ từ 15-49 tuổi của hộ để phỏng vấn những câu hỏi về lịch sử sinh đẻ của họ.

Những phụ nữ đã sinh con là những người đã từng sinh con sống (tức là khi sinh ra, đứa trẻ đã có ít nhất một trong các biểu hiện còn sống như: khóc, thở, tim còn đập, cuống nhau rung động, v.v...), không kể chết lưu - chết trong bụng mẹ.

Nếu ĐTĐT trả lời "có" (đã từng sinh con), thì ĐTV gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "1", sau đó hỏi tiếp các câu từ Câu 33a đến Câu 34b.

Nếu ĐTĐT trả lời "không" (chưa bao giờ sinh con), thì ĐTV gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "2", sau đó chuyển sang hỏi người tiếp theo. Nếu hộ không còn ai nữa thì chuyển sang hỏi và ghi phần 2 "Thông tin về người chết".

Câu 33a: *Số con do chị sinh ra hiện đang sống với chị ở trong hộ này?*

Câu này chỉ hỏi những người ở Câu 32 đã gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "1" (đã từng sinh con).

Ghi số con đẻ (số con do chính ĐTĐT đã sinh ra sống) hiện đang sống trong cùng hộ (được ghi trong danh sách hộ ở Câu 1) với ĐTĐT vào 2 ô vuông to tương ứng. Nếu số con do ĐTĐT sinh ra hiện đang sống trong cùng hộ với ĐTĐT dưới 10 người, thì ghi số "0" vào ô vuông to bên trái và số con đó vào ô bên phải. Nếu không có người con nào do ĐTĐT sinh ra hiện đang sống trong cùng hộ, thì ghi "00" vào 2 ô vuông to tương ứng.

Đối với những phụ nữ có (những) người con hiện đang ở nước ngoài trong thời hạn quy định (trước khi ra nước ngoài, người con này sống trong cùng hộ với người mẹ), thì vẫn được tính là con sống trong cùng hộ với người phụ nữ đó (những người con này được tính là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ của người mẹ của họ, và được liệt kê trong danh sách hộ ở Câu 1).

Câu 33b: *Số con do chị sinh ra hiện không sống với chị trong hộ này (ở nơi khác)?*

Ghi số con đẻ (số con do chính ĐTĐT đã sinh ra sống) hiện không sống trong cùng hộ với ĐTĐT (sống trong cùng một ngôi nhà nhưng ăn riêng, hoặc sống ở nơi khác). ĐTV ghi câu trả lời của ĐTĐT vào 2 ô vuông to tương ứng. Nếu số con do ĐTĐT sinh ra hiện không sống trong cùng hộ với ĐTĐT dưới 10 người, thì ghi số "0" vào ô vuông to bên trái và số con đó vào ô bên phải. Nếu không có người con nào do ĐTĐT sinh ra sống trong cùng hộ thì ghi "00" vào 2 ô vuông to tương ứng.

Câu 33c: Có người con nào do chị sinh ra nhưng bị chết không?

Số con đã chết là số con do chính ĐTĐT sinh ra (*con sinh ra sống*) nhưng đã chết trước thời điểm điều tra. Cách ghi số con đã chết tương tự Câu 33b.

Câu 34a: Tháng, năm dương lịch của lần sinh gần nhất?

Lần sinh gần nhất là lần "*sinh con sống*" của ĐTĐT gần với thời điểm điều tra nhất, bất kể người con của lần sinh đó hiện còn sống hay đã chết, hiện sống cùng hộ hay khác hộ với ĐTĐT.

Cách hỏi và ghi Câu 34a giống như cách hỏi và ghi Câu 4 "Tháng năm sinh theo dương lịch" (xem hướng dẫn cách hỏi và ghi Câu 4).

Câu 34b: Số con trai, con gái của lần sinh gần nhất?

Hỏi và ghi số con trai và số con gái của lần sinh gần nhất vào các ô vuông to tương ứng. Không được để trống 1 ô nào.

Ví dụ: nếu lần sinh gần nhất của ĐTĐT là một người con gái, thì ghi như sau:

34b. Số con trai, con gái của lần sinh gần nhất?	CON TRAI.....	<input type="text" value="0"/>
	CON GÁI.....	<input type="text" value="1"/>

PHẦN 2: THÔNG TIN VỀ NGƯỜI CHẾT

Trong cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở 2009, thông tin về người chết được thu thập trong khoảng thời gian từ ngày 1 Tết Mậu Tý (vào 7/2/2008 theo dương lịch) đến 0 giờ ngày 1/4/2009.

Phần này được hỏi chung cho cả hộ. Phiếu được thiết kế để ghi thông tin tối đa cho 3 người chết, mỗi người 1 cột. Trường hợp hộ có từ 4 người chết trở lên, ĐTV sử dụng tập phiếu thứ hai để ghi tiếp nhưng không phải sửa lại số thứ tự người chết.

Trường hợp hộ phải sử dụng từ 2 tập phiếu trở lên thì phần "Thông tin về người chết" được ghi ở tập phiếu cuối cùng.

Các thông tin về tử vong của dân số thường rất khó thu thập, nhất là đối với các thông tin về chết trẻ em và chết sơ sinh, và đặc biệt là chết trong vòng 1 tuần sau khi sinh. Vì vậy, muốn thu thập được đầy đủ, chính xác các thông tin này, ĐTV phải *khéo đặt ra những câu hỏi thăm dò để nhận được câu trả lời chính xác.*

Lưu ý:

- Nếu phát hiện trong địa bàn có những trường hợp chết cả hộ trong khoảng thời gian từ ngày 1 Tết Mậu Tý (vào ngày 7/2/2008 theo dương lịch) đến 0 giờ ngày 1/4/2009, thì ĐTV phải hỏi gián tiếp (thông qua cán bộ chủ chốt ở địa phương, người thân thích của người chết, hoặc thông qua giấy tờ quản lý hộ tịch, hộ khẩu ở địa phương, ...) để ghi các thông tin vào Phần 2 (*Thông tin về người chết*), bỏ trống các câu hỏi ở 2 phần còn lại (*thông tin về dân số và thông tin về nhà ở*). Ghi "0" vào các ô mã dành sẵn tương ứng với "*Số nhân khẩu thực tế thường trú trong tập phiếu này*", "*Số nam*", "*Số nữ*". Đồng thời ghi câu "**Trường hợp chết cả hộ**" vào góc trên bên trái của tập phiếu.

- "Chết cả hộ" đôi khi đơn giản chỉ là trường hợp một người ở riêng (hộ một người) bị chết.

Câu 35: Từ ngày 01 Tết Mậu Tý (vào 7/2/2008 theo dương lịch) đến 0 giờ ngày 1/4/2009, trong hộ ta có ai hay cháu nhỏ nào bị chết không?

Câu hỏi này nhằm xác định trong khoảng thời gian từ ngày 1 Tết Mậu Tý (vào ngày 7/2/2008 dương lịch) đến 0 giờ ngày 1/4/2009, trong hộ có ai đã từng là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ bị chết không.

Trước khi hỏi và ghi các thông tin của từng người chết của hộ, ĐTV phải hỏi chủ hộ và các nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ, để xác định hộ có ai đã từng là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ bị chết trong khoảng thời gian nói trên hay không.

Nếu câu trả lời là “có”, thì ĐTV gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “1”, sau đó hỏi tiếp Câu 36.

Nếu câu trả lời là “không”, thì ĐTV gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “2”, sau đó chuyển sang phần 3 để thu thập thông tin về nhà ở của hộ.

Câu 36: Xin ông/bà cho biết tên của (từng) người chết?

ĐTV ghi tên của (từng) người chết của hộ vào (các) dòng kẻ liền dành sẵn bằng chữ thường có dấu, mỗi người ghi vào một cột.

Trường hợp ghi nhầm phải loại bỏ một cột nào đó, thì cách sửa giống như cách sửa ở Phần 1 “Thông tin về dân số” (Chương IV, mục III).

Câu 37: [TÊN] là nam hay nữ?

Cách hỏi và ghi giống như Câu 3, Phần 1: Thông tin về dân số.

Câu 38: [TÊN] chết vào tháng, năm dương lịch nào?

ĐTV ghi 2 chữ số của tháng dương lịch mà ĐTĐT bị chết vào 2 ô vuông to cùng dòng với chữ “THÁNG”. Nếu tháng mà ĐTĐT bị chết nhỏ hơn 10 thì ghi số “0” vào ô vuông bên trái.

Nếu ĐTĐT chết vào năm 2008 thì gạch chéo vào ô vuông nhỏ cùng dòng với cụm từ “NĂM 2008”;

Nếu ĐTĐT chết vào năm 2009 thì gạch chéo vào ô vuông nhỏ cùng dòng với cụm từ “NĂM 2009”.

Phong tục tập quán ở nước ta, người dân thường nhớ ngày chết của ĐTĐT theo âm lịch, vì vậy khi người cung cấp thông tin trả lời tháng chết của ĐTĐT, ĐTV phải hỏi lại đó là tháng theo âm lịch hay dương lịch. Nếu là âm lịch thì ĐTV phải cộng thêm 1 để có được tháng chết theo dương lịch để ghi vào phiếu.

ĐTV phải thu thập được thông tin về tháng năm chết của ĐTĐT theo dương lịch mà không được bỏ trống câu hỏi này.

Câu 39: Khi chết [TÊN] đã bao nhiêu tuổi theo dương lịch?

ĐTV ghi tuổi của ĐTĐT theo dương lịch tính đến thời điểm người đó bị chết vào 2 ô vuông to dành sẵn.

Cách hỏi và ghi phiếu cho câu này giống với Câu 5, Phần 1 “Thông tin về dân số”.

- Nếu số tuổi theo dương lịch của người chết trên 95 tuổi thì ghi “95”;
- Nếu số tuổi theo dương lịch của người chết nhỏ hơn 10 thì ghi thêm số “0” vào ô vuông to bên trái;
- Nếu tuổi theo dương lịch của người chết chưa đủ 1 tuổi (dưới 12 tháng tuổi), thì ghi số “00” vào 2 ô vuông to dành sẵn.

Không được bỏ trống hoặc ghi mã “*không xác định*” cho câu hỏi này mà phải hỏi và ghi được thông tin về tuổi theo dương lịch của người chết.

Câu 40: [TÊN] chết vì nguyên nhân gì?

Câu hỏi này nhằm thu thập thông tin về nguyên nhân dẫn đến cái chết của người chết. Nguyên nhân chết được chia thành 5 nhóm sau:

- (1) *Chết do bệnh tật*: Gồm những người chết do các loại bệnh gây ra như: các bệnh về tim mạch, về thần kinh, về tiêu hóa, về hô hấp, về nhiễm trùng, v.v.... Những người già bị chết không rõ nguyên nhân (lâu nay vẫn gọi là chết già) cũng được xếp vào nhóm này.
- (2) *Chết do tai nạn lao động*: Là những trường hợp chết trong khi đang làm việc. Ví dụ: một công nhân xây dựng trong khi đang làm việc thì bị ngã từ trên cao xuống và bị chết; Một thợ điện bị điện giật chết trong khi đang sửa chữa đường dây điện cao thế; Một công nhân đang khai thác than bị chết do sập hầm lò; v.v...
- (3) *Chết do tai nạn giao thông*: Gồm những trường hợp chết do các phương tiện giao thông gây ra hoặc khi đang tham gia giao thông. Ví dụ: một người đang đi trên đường bị ô tô cán chết; một người đang đi xe máy, do không làm chủ được tốc độ nên đã đâm vào cột điện bên đường và bị chết; v.v...
- (4) *Chết do các loại tai nạn khác*: Gồm những người chết do các tai nạn khác ngoài tai nạn lao động và tai nạn giao thông như: chết đuối, do cháy nhà, bị điện giật (nhưng không phải trong khi đang làm việc), do động đất, sét đánh, rắn cắn, v.v....
- (5) *Chết do các nguyên nhân khác*: Gồm những người chết không được tính vào những nguyên nhân trên như: chết do tự tử, do người khác giết, v.v...

Câu 41: Đây là câu kiểm tra. ĐTV kiểm tra các Câu 37, 39 và 40. Nếu ĐTĐT là nữ (Câu 37 đã gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “2”), tuổi từ 15- 49 (Câu 39 đã ghi từ “15” đến “49”), và chết không do tai nạn (Câu 40 đã gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “1”, hoặc “5”), thì hỏi tiếp Câu 42.

Các trường hợp sau đây sẽ không hỏi tiếp mà chuyển sang hỏi về người chết tiếp theo, nếu hộ không còn người chết, thì chuyển sang hỏi Phần 3 “Thông tin về nhà ở”:

- Người chết là nam giới (Câu 37 đã được gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “1”);
- Người chết là phụ nữ dưới 15 tuổi hoặc từ 50 tuổi trở lên (Câu 39 đã ghi từ 00-14, hoặc từ 50-95).
- Người chết là phụ nữ từ 15 đến 49 tuổi nhưng bị chết do tai nạn (Câu 40 được gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số hoặc “2”, hoặc “3”, hoặc “4”).

Câu 42: *Có phải [TÊN] chết khi đang mang thai không?*

Người chết được xác định là chết do “**thai sản**”, nếu người đó bị chết do các nguyên nhân mang thai, trong và sau khi sinh con.

Câu hỏi 42 bao gồm 4 câu hỏi nhỏ để xác định xem ĐTĐT có phải chết do thai sản không. Vì vậy, ĐTV phải hỏi lần lượt từng câu cho đến khi nào nhận được câu trả lời là “CÓ” thì gạch chéo vào ô vuông nhỏ dành sẵn tương ứng với câu hỏi đó.

Nếu người chết không do thai sản, thì ĐTV gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “5”. Sau đó chuyển sang hỏi về người chết tiếp theo; nếu hộ không còn người chết nữa, thì chuyển sang hỏi Phần 3: Thông tin về nhà ở.

Cách hỏi và ghi như sau:

Trước hết, ĐTV hỏi: *Có phải [TÊN] chết khi đang mang thai không?* tức là chết do nguyên nhân có liên quan hoặc bị nặng thêm bởi việc có thai hoặc các vấn đề của thai nghén (**loại trừ các lý do tai nạn**) trong thời gian mang thai. Nếu câu trả lời là “có” thì đánh dấu (x) vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “1”, sau đó chuyển sang hỏi trường hợp chết khác (nếu có). Nếu câu trả lời là “không” thì hỏi tiếp:

Có phải chết khi sinh con không? tức là chết do nguyên nhân có liên quan hoặc bệnh bị nặng thêm trong quá trình sinh con. Nếu câu trả lời là “có” thì đánh dấu (x) vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “2”, sau đó chuyển sang trường hợp chết khác (nếu có). Nếu câu trả lời là “không” thì hỏi tiếp:

Có phải chết sau khi sảy, nạo, hút thai không? tức là chết do nguyên nhân có liên quan hoặc biến chứng sau ca sảy, nạo, hút thai. Nếu câu trả lời là “có” thì đánh dấu (x) vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “3”, sau đó chuyển sang trường hợp chết khác (nếu có). Nếu câu trả lời là “không” thì hỏi tiếp:

Có phải chết trong vòng 42 ngày sau khi đẻ hoặc thai hỏng không? nghĩa là, người mẹ đã chết trong vòng 42 ngày sau khi đẻ (loại trừ các nguyên nhân do tai nạn) hoặc trong vòng 42 ngày sau khi sảy thai, nạo/phá thai, thai chết lưu, tiêu thai, ...(thai hỏng). Nếu câu trả lời là “có”, thì đánh dấu (x) vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “4”, sau đó chuyển sang trường hợp chết khác (nếu có). Nếu không còn ai chết nữa thì chuyển sang hỏi Phần 3 (thông tin về nhà ở).

Nếu câu trả lời là “không” thì đánh dấu (x) vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “5” (KHÔNG), sau đó chuyển sang trường hợp chết khác (nếu có). Nếu không còn ai chết nữa thì chuyển sang hỏi Phần 3 (thông tin về nhà ở).

PHẦN 3: THÔNG TIN VỀ NHÀ Ở

Phần này được hỏi chung cho cả hộ. Gồm các câu hỏi nhằm thu thập thông tin về loại nhà, kết cấu của ngôi nhà, năm ngôi nhà được đưa vào sử dụng, và một số phương tiện sinh hoạt của các hộ dân cư.

Đối với những hộ phải dùng từ 2 tập phiếu trở lên thì phần điều tra nhà ở sẽ được ghi ở tập phiếu cuối cùng.

Câu 43: *Hộ có hay không có nhà ở?*

ĐTV không hỏi câu hỏi này mà tự quan sát để xác định hộ có nhà ở hay không để gạch chéo vào ô mã thích hợp.

Khái niệm về nhà ở: Nhà ở là một loại công trình xây dựng được dùng để ở, gồm có 3 bộ phận: tường, mái và sàn.

Nếu hộ có nhà ở, thì gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “1”. Sau đó hỏi tiếp Câu 44.

Nếu hộ không có nhà ở thì gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “2”. Sau đó chuyển sang hỏi Câu 53, mà không hỏi các câu từ Câu 44 đến Câu 52.

Khái niệm về hộ có nhà để ở trong cuộc TĐT này là hộ có nhà/căn hộ dùng để ở không (hộ có quyền sử dụng ngôi nhà/căn hộ đó không), mà không quan tâm đến quyền sở hữu ngôi nhà/căn hộ đó thuộc về ai. Có thể ngôi nhà/căn hộ đó thuộc quyền sở hữu của hộ, nhưng cũng có thể không thuộc quyền sở hữu của hộ, mà do hộ đi thuê, hoặc đi mượn, nhà của cơ quan, doanh nghiệp, nhà của tập thể, tôn giáo, hoặc nhà ở bất hợp pháp (chiếm dụng), v.v...

Câu 44: Hộ ông/bà có ở chung nhà với hộ khác không?

Khái niệm “hộ chung nhà”: Những hộ sống trong các đơn vị nhà ở không bảo đảm tiêu chuẩn riêng biệt và độc lập về mặt cấu trúc, có sử dụng chung một phần diện tích ở như phòng khách, khu phụ, lối ra vào, v.v...

Đối với những hộ không ở chung nhà: ĐTV gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “1”, sau đó hỏi tiếp Câu 45.

Đối với những hộ ở chung nhà: Để tránh tính trùng các chỉ tiêu về nhà ở, đối với những hộ ở chung trong một ngôi nhà/căn hộ, quy định việc phỏng vấn ghi phiếu các câu hỏi về ngôi nhà (câu 45 - 52) chỉ được tiến hành ở một hộ, gọi là “**hộ đại diện**”. Những hộ còn lại sẽ không phải trả lời các câu hỏi về ngôi nhà/căn hộ mà chỉ phải trả lời các câu hỏi về các phương tiện sinh hoạt của hộ. Cách ghi phiếu như sau:

Đối với hộ đại diện: Hộ đại diện thường là hộ của người chủ sở hữu hoặc hộ đứng tên quyền sử dụng ngôi nhà/căn hộ đó, và hiện đang ăn ở thường xuyên tại ngôi nhà/căn hộ đó. Nếu là hộ đại diện, thì ĐTV gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “2” (có chung nhà), sau đó gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “1” (đây là hộ đại diện), và hỏi tiếp Câu 45.

Ví dụ: Hộ anh Hải đang ở chung nhà với hộ khác, mà hộ đại diện là hộ số 78, chủ hộ của hộ đại diện là ông Nguyễn Văn An thì ghi Câu 44 cho hộ ông An như sau:

44. Hộ ông/bà có ở chung nhà với hộ khác không?	KHÔNG.....1 <input type="checkbox"/>
	CÓ.....2 <input checked="" type="checkbox"/> → ĐÂY LÀ HỘ ĐẠI DIỆN.....1 <input checked="" type="checkbox"/>
NẾU CÓ: GHI CHUNG CHO CẢ NGÔI NHÀ/ CĂN HỘ VÀO HỘ ĐẠI DIỆN	ĐÃ KHAI CHUNG VỚI HỘ KHÁC.....2 <input type="checkbox"/>
	Nguyễn Văn An <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="7"/> <input type="text" value="8"/>
	TÊN CHỦ HỘ ĐẠI DIỆN
	C53 ←

Đối với hộ không đại diện: ĐTV gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “2” (có chung nhà), sau đó gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số “2” (đã khai chung với hộ khác), rồi ghi họ, tên chủ hộ của hộ đại diện vào dòng kẻ liền dành sẵn, ghi số thứ tự hộ của

hộ đại diện vào 3 ô vuông to bên cạnh, và chuyển sang hỏi Câu 53, mà không hỏi các câu từ 45 đến 52.

Ví dụ: Trong ví dụ trên, tại hộ anh Hải (là hộ ở chung nhà với hộ ông An) sẽ được ghi như sau:

<p>44. Hộ ông/bà có ở chung nhà với hộ khác không?</p> <p>NẾU CÓ : GHI CHUNG CHO CẢ NGÔI NHÀ/CĂN HỘ VÀO HỘ ĐẠI DIỆN</p>	<p>KHÔNG.....1 <input type="checkbox"/></p> <p>CÓ.....2 <input checked="" type="checkbox"/> → ĐÂY LÀ HỘ ĐẠI DIỆN.....1 <input type="checkbox"/></p> <p>ĐÃ KHAI CHUNG VỚI HỘ KHÁC.....2 <input checked="" type="checkbox"/></p> <p><u>Nguyễn Văn An</u> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="7"/> <input type="text" value="8"/> ←</p> <p>TÊN CHỦ HỘ ĐẠI DIỆN</p> <p style="text-align: right;">C53 ←</p>
---	---

Câu 45: Ngôi nhà hộ ông/bà đang ở là nhà chung cư hay nhà riêng lẻ?

- 1) **Nhà chung cư:** là những ngôi nhà có từ 2 tầng trở lên được xây dựng dùng để ở, trong đó có nhiều căn hộ riêng biệt, có lối đi, cầu thang và hệ thống kỹ thuật hạ tầng sử dụng chung.
- 2) **Nhà riêng lẻ:** là những ngôi nhà được xây dựng dùng để ở trên một khuôn viên độc lập với nhau, có tường riêng, lối đi riêng. Những ngôi nhà một tầng chung móng, chung tường cũng được tính là nhà riêng lẻ.

Lưu ý:

Căn cứ loại nhà đã xác định ở Câu hỏi 45, ba câu hỏi sau đây được xác định cho cả ngôi nhà (kể cả nhà chung cư và nhà riêng lẻ):

Câu hỏi 48: Vật liệu chính làm cột (hoặc trụ, tường chịu lực);

Câu hỏi 49: Vật liệu chính làm mái;

Câu hỏi 50: Vật liệu chính làm tường hoặc bao che.

Câu 46: Ngôi nhà (căn hộ) này có mấy phòng, trong đó có mấy phòng ngủ?

Một phòng ở phải được ngăn, che kín đáo, tạo không gian độc lập với các phòng khác bằng tường, vách ngăn cố định (không gian được ngăn, che bằng ri đô di động hoặc các vật dụng có thể di chuyển được không được tính là 1 phòng).

Phòng bao gồm: phòng ngủ, phòng ăn, bếp, phòng khách, phòng học tập, phòng vệ sinh, phòng dùng để làm kho, sản xuất kinh doanh (nếu những phòng kinh doanh đó ở trong cùng một ngôi nhà dùng để ở). Phòng phải thỏa mãn hai điều kiện: (1) tường cao ít nhất 2,1 mét, và (2) diện tích sàn tối thiểu 4 mét vuông.

DTV hỏi và kết hợp với quan sát để ghi tổng số phòng, trong đó số phòng ngủ vào ô mã thích hợp.

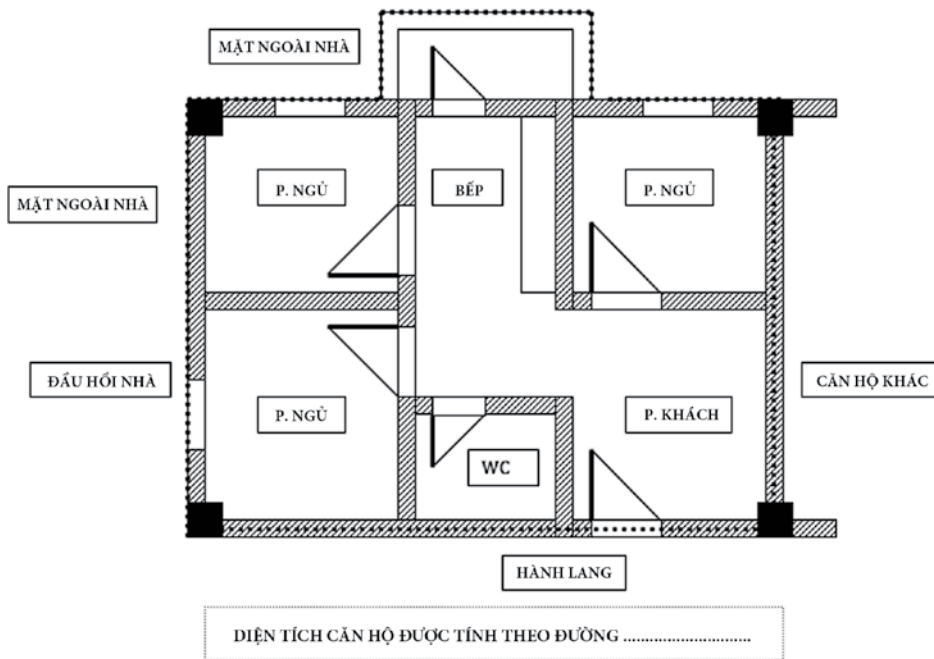
Câu 47: Tổng diện tích của ngôi nhà (căn hộ) là bao nhiêu mét vuông?

- Đối với nhà ở một tầng, thì ghi tổng diện tích phần nền nhà tính cả tường (phần có trần,

mái che) của ngôi nhà đó; trường hợp có tường, khung cột chung thì chỉ tính 1/2 diện tích mặt bằng của tường, khung cột chung đó.

- Đối với nhà nhiều tầng, thì ghi tổng diện tích (phần có trần, mái che) của các tầng; trường hợp có tường, khung cột chung ở các tầng, thì chỉ tính 1/2 diện tích mặt bằng của tường, khung cột chung đó.
- Phần sàn và gầm sàn nhà không được bao che và không được sử dụng để ở, thì không tính diện tích. Trường hợp phần gầm sàn nhà cao từ 2,1m trở lên, có bao che và được sử dụng để ở, thì được tính diện tích.

ĐTV hỏi, kết hợp với quan sát để ghi phần diện tích (m²) sàn vào 3 ô vuông to dành sẵn.



Chú ý: Ở nông thôn, thường người dân không biết diện tích nhà ở của mình. Khi đó, ĐTV phải ước lượng diện tích để ghi. Có thể ước lượng bằng cách đếm số hàng gạch (nếu sàn nhà lát gạch vuông) của chiều dài và chiều rộng rồi tính chuyển ra mét để nhân chiều dài với chiều rộng. Trường hợp sàn nhà không lát gạch, thì có thể ước lượng bằng cách đo bước chân hoặc sử dụng dây hay cây/que để đo.

Câu 48: *Vật liệu chính làm cột (hoặc trụ, hoặc tường chịu lực) là gì?*

Cột (hoặc trụ hoặc tường chịu lực) là cấu kiện được xây dựng để đỡ mái (hoặc trần, hoặc dầm).

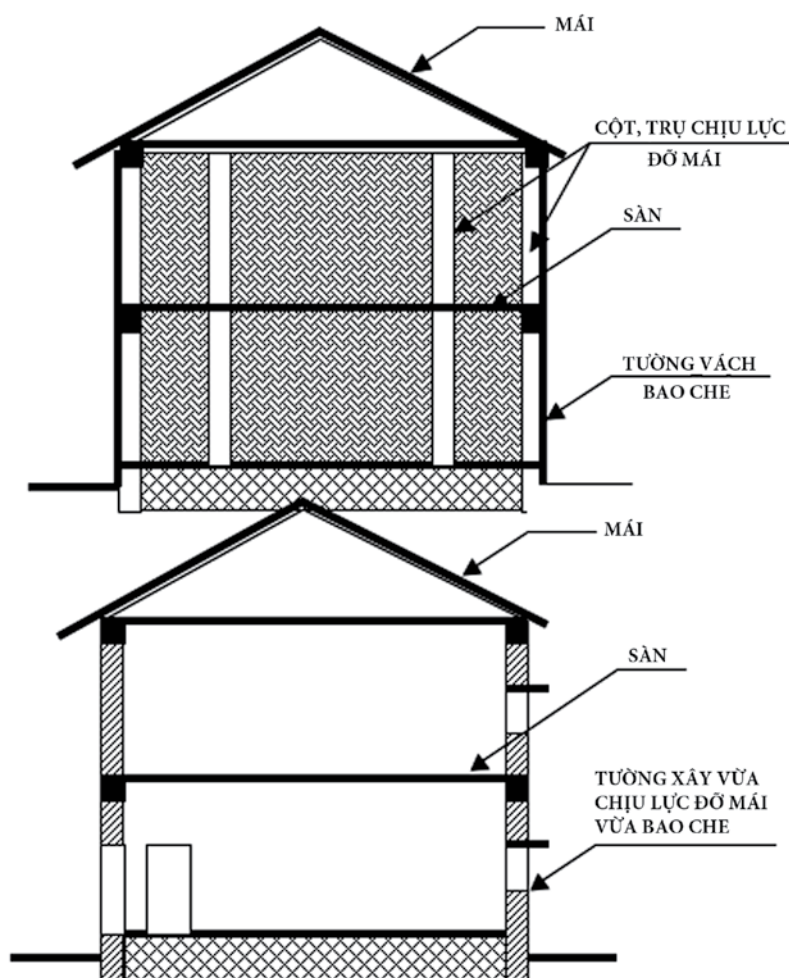
ĐTV hỏi, kết hợp với quan sát để gạch chéo vào ô vuông nhỏ thích hợp.

Câu 49: *Vật liệu chính làm mái là gì?*

Đối với trường hợp mái hai (hoặc nhiều) lớp, gồm lớp mái và các lớp vật liệu chống nóng, chống thấm dột (tôn, phibrôximăng, tấm nhựa, trần thạch cao...), thì ghi vật liệu làm mái không ghi vật liệu chống nóng, chống dột. Ví dụ: Mái bê tông cốt thép lợp phibrôximăng chống nóng, thì ghi là mái *bê tông cốt thép*.

ĐTV hỏi, kết hợp với quan sát để gạch chéo vào ô vuông nhỏ thích hợp.

Câu 50: *Vật liệu chính làm tường hoặc bao che là gì?*



ĐTV hỏi, kết hợp với quan sát để gạch chéo vào ô vuông nhỏ thích hợp.

Câu 51: *Ngôi nhà được đưa vào sử dụng năm nào?*

ĐTV ghi năm mà ngôi nhà được hoàn thiện và bắt đầu đưa vào sử dụng. Trường hợp nhà ở của hộ bao gồm nhiều phần, mà mỗi phần được hoàn thiện và bắt đầu dùng để ở vào các năm khác nhau, thì chỉ ghi năm mà bộ phận chính (có diện tích lớn nhất) của ngôi nhà đó được xây dựng xong và bắt đầu sử dụng để ở.

Nếu ngôi nhà hiện hộ đang dùng để ở được xây dựng xong và bắt đầu đưa vào sử dụng trước năm 1975, thì ĐTV gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "1"; từ năm 1975 đến năm 1999, thì ĐTV gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "2". Nếu ngôi nhà/căn hộ mà hộ hiện đang ở được xây dựng xong và được dùng để ở từ năm 2000 đến nay, thì ĐTV gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "3", đồng thời ghi chữ số cuối của năm mà ngôi nhà xây dựng xong và dùng để ở vào ô vuông to dành sẵn bên phải số **200**.

Ví dụ: Ngôi nhà xây dựng xong được dùng để ở trong năm 2006, thì Câu 51 được ghi như sau:

51. Ngôi nhà được đưa vào sử dụng năm nào?	TRƯỚC 1975.....	1	<input type="checkbox"/>
	TỪ 1975 ĐẾN 1999.....	2	<input type="checkbox"/>
	TỪ 2000 ĐẾN NAY.....	3	<input checked="" type="checkbox"/>
	KHÔNG XÁC ĐỊNH.....	4	<input type="checkbox"/>

200 ←

Trường hợp chủ hộ không nhớ ngôi nhà được đưa vào sử dụng năm nào, thì ĐTV gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "4".

Câu 52: Ngôi nhà (căn hộ) này thuộc quyền sở hữu của ai?

Quyền sở hữu nhà ở được phân loại theo 7 nhóm sau đây:

Nhà riêng của hộ: gồm các ngôi nhà/căn hộ do hộ tự làm, mua, được cho/tặng hiện đang được hộ dùng để ở.

Nhà thuê/mượn của nhà nước: gồm các ngôi nhà/căn hộ mà các hộ ký hợp đồng thuê và mượn của nhà nước; những ngôi nhà/căn hộ thuộc quyền sở hữu của nhà nước đã phân phối cho các hộ cán bộ, công nhân viên sử dụng để ở mà các hộ chưa mua lại theo Nghị định số 61/CP của Chính phủ.

Những ngôi nhà/căn hộ mà các hộ thuê của nhà nước, cơ quan, xí nghiệp... nay đã chuyển nhượng cho các hộ khác thuê lại/bán hoa hồng và hiện các hộ đó đang dùng để ở, thì cũng được tính là "Nhà thuê của nhà nước".

Nhà thuê/mượn của tư nhân: gồm các ngôi nhà/căn hộ do hộ thuê/mượn (ở nhờ) của tư nhân để ở và thực tế hiện đang ở.

Nhà của tập thể: gồm các ngôi nhà/căn hộ thuộc quyền quản lý của các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, các tổ hợp sản xuất, v.v... phân phối cho các thành viên của các tổ chức này dùng để ở và thực tế hiện đang ở.

Nhà của tổ chức tôn giáo: gồm các ngôi nhà/căn hộ thuộc quyền quản lý của các tổ chức tôn giáo phân phối cho các thành viên của các tổ chức này dùng để ở và thực tế hiện hộ đang ở.

Nhà của nhà nước và nhân dân cùng làm: gồm các ngôi nhà/căn hộ do Nhà nước tổ chức xây dựng bằng một phần kinh phí của nhà nước cùng một phần vốn do nhân dân đóng góp, và được phân phối cho các hộ góp vốn và thực tế các hộ đó đang dùng để ở.

Những ngôi nhà/căn hộ thuộc quyền sở hữu của nhà nước cho các hộ thuê và các hộ đã coi nơi, mở rộng thêm, thì cũng thuộc loại nhà này.

Nhà chưa rõ quyền sở hữu: gồm các ngôi nhà/căn hộ không thuộc một trong các nhóm nói trên, như: những ngôi nhà/căn hộ lấn chiếm của nhà nước/tập thể/cá nhân, và những ngôi nhà đang tranh chấp quyền sở hữu chưa được phân xử rõ ràng, hiện hộ đang dùng để ở.

Câu 53: Loại nhiên liệu (năng lượng) chính mà hộ ông/bà dùng để thắp sáng là gì?

Loại nhiên liệu chính mà hộ sử dụng để thắp sáng là loại nhiên liệu (năng lượng) hộ sử dụng nhiều nhất để thắp sáng trong năm qua (12 tháng trước thời điểm điều tra).

Nhiên liệu (năng lượng) dùng để thắp sáng gồm các loại sau :

- **Điện lưới:** bao gồm điện lưới quốc gia, điện lưới do địa phương quản lý. Thông thường điện lưới phải chuyển tải từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng qua các đường dây cao thế, các trạm biến áp để tăng/giảm điện áp. Các hộ dùng điện để thắp sáng từ các trạm phát điện của địa phương cũng được tính là điện lưới. Nếu hộ sử dụng điện lưới để thắp sáng, thì ĐTV gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "1";
- **Điện máy phát:** bao gồm điện được phát từ các máy phát điện chạy bằng xăng dầu hoặc sức nước (thủy điện nhỏ).

Những hộ sử dụng điện do các trạm phát điện nhỏ (kể cả nhiệt điện và thủy điện) do các cá nhân xây dựng và bán cho các hộ sử dụng cũng được tính là "điện máy phát". Nếu hộ sử dụng điện từ máy phát điện để thắp sáng, thì ĐTV gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "2";

- **Dầu lửa:** Nếu hộ sử dụng dầu lửa/xăng để thắp sáng thì ĐTV gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "3";
- **Khí ga:** Nếu hộ sử dụng khí ga để thắp sáng, thì ĐTV gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "4";
- **Khác:** Bao gồm những hộ sử dụng những loại nhiên liệu khác với những loại nhiên liệu được liệt kê ở trên để thắp sáng là chính (nến/đèn cây, đèn đất/gió đá, v.v...), thì ĐTV gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "5". Sau đó, ghi loại nhiên liệu chính mà hộ dùng để thắp sáng vào dòng kẻ liền dành sẵn.

Trường hợp trong năm qua, hộ dùng nhiều loại nhiên liệu (năng lượng) khác nhau để thắp sáng, thì loại nhiên liệu (năng lượng) chính dùng để thắp sáng của hộ được xác định căn cứ loại nhiên liệu (năng lượng) hộ sử dụng để thắp sáng với nhiều thời gian nhất.

Câu 54: Loại nhiên liệu (năng lượng) chính mà hộ ông/bà dùng để nấu ăn là gì?

Nấu ăn bao gồm nấu cơm, nấu thức ăn và nước uống.

Loại nhiên liệu (năng lượng) chính hộ dùng để nấu ăn là loại nhiên liệu (năng lượng) mà trong năm qua (12 tháng trước thời điểm điều tra), hộ đã sử dụng nhiều nhất để nấu ăn .

Căn cứ vào câu trả lời của đối tượng điều tra để gạch chéo vào một ô vuông nhỏ thích hợp. Nhiên liệu (năng lượng) dùng để nấu ăn gồm có các loại sau: điện, dầu lửa, ga, than, củi, và các loại nhiên liệu (năng lượng) khác. Trong thực tế, có những hộ không dùng bất kỳ loại nhiên liệu (năng lượng) gì để nấu ăn trong một thời gian dài. Họ thường ăn uống ở nhà hàng hoặc những bếp ăn tập thể. Trường hợp này, ĐTV gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số "7".

Câu 55: Nguồn nước ăn uống chính của hộ ông/bà là loại nào?

Nguồn nước ăn uống chính là nguồn nước mà trong năm qua hộ đã sử dụng nhiều nhất để ăn uống, không phân biệt nguồn nước đó lấy từ đâu. Căn cứ vào câu trả lời của ĐTĐT, ĐTV gạch chéo vào một ô vuông nhỏ thích hợp.

Nguồn nước ăn gồm các loại sau:

- **Nước máy vào nhà:** là nước máy sản xuất theo phương pháp công nghiệp được nối vào hệ thống các vòi đặt trong hoặc ngoài ngôi nhà nhưng trong khuôn viên của ngôi nhà đó.

- **Nước máy công cộng:** là nước máy sản xuất theo phương pháp công nghiệp được nối vào hệ thống các vòi đặt tại một địa điểm công cộng cho nhiều hộ sử dụng chung.
- **Nước giếng khoan:** là nước được lấy từ giếng khoan sâu để lấy nước ngầm qua một lỗ nhỏ được đặt ống bảo vệ, nước được lấy lên thường qua hệ thống bơm.

”Nước cây” cũng được tính là nước giếng khoan. Nước cây nếu nhìn về hình thức cũng giống như nước máy, cũng được lấy từ các giếng khoan và đưa lên một tháp cao, sau đó dùng hệ thống đường ống để dẫn về từng hộ sử dụng. Tuy nhiên, trước khi dẫn về nơi tiêu thụ, nó không được xử lý theo một quy trình công nghiệp (dàn mưa, hệ thống lọc, khử trùng, bể lắng).

- **Nước giếng đào được bảo vệ:** là nước lấy từ giếng đào được xây gạch hoặc một loại chất liệu bảo vệ khác, ngăn không để nước thải ngấm vào trong và bên trên có thành tránh không để cho phân hoặc động vật rơi xuống.
- **Nước giếng đào không được bảo vệ:** là nước lấy từ giếng đào không có thành ngăn nước thải ngấm vào trong hoặc không ngăn được vật bẩn rơi xuống giếng.
- **Nước khe có bảo vệ:** nước khe là nước ở thượng nguồn của các dòng sông, suối, chảy ra từ các mạch ngầm (khe) của các ngọn núi (núi đất hoặc núi đá). Nước khe có bảo vệ là nước lấy từ khe nước được bảo vệ không để chất thải hay vật bẩn rơi vào. Thường là khe nước được xây thành bể, từ đó nước được dẫn qua hệ thống ống kín về nơi tiêu thụ.
- **Nước khe không có bảo vệ:** là nước lấy từ khe nước không ngăn chặn được các chất thải hay vật bẩn rơi vào. Thường là khe nước không có bể.
- **Nước mưa:** là nước mưa được hứng và đựng vào dụng cụ chứa (thùng, bể...) để sử dụng.
- **Các nguồn nước khác:** là các loại nước không được liệt kê ở trên như: nước ao, hồ, kênh, rạch, sông suối, v.v...

Câu 56: Hộ ông/bà sử dụng loại hố xí nào là chính?

Câu hỏi này thu thập thông tin về loại hố xí mà trong năm qua (12 tháng trước thời điểm điều tra) hộ sử dụng nhiều nhất, không phân biệt hố xí đó thuộc quyền sở hữu của ai. Nếu trong năm qua, hộ sử dụng nhiều loại hố xí khác nhau, thì cũng chỉ gạch chéo vào một ô vuông nhỏ tương ứng với loại hố xí mà hộ sử dụng nhiều thời gian nhất.

Các loại hố xí gồm có:

- **Hố xí tự hoại hoặc bán tự hoại trong nhà:** là loại hố xí được xây trong ngôi nhà ở (khép kín), dùng nước để thải phân qua đường ống xuống bể phốt (còn gọi là bể nhiễm khuẩn có từ 1 đến 3 ngăn: một ngăn chứa phân, một hoặc hai ngăn lọc trước khi thải nước ra cống thoát nước), không phân biệt nước được đổ vào bệ xí qua đường ống hay đổ nước vào bệ xí bằng thùng, xô, chậu.
- **Hố xí tự hoại và bán tự hoại ngoài nhà:** là hố xí tự hoại và bán tự hoại được xây bên ngoài ngôi nhà (được xây ở một khu riêng biệt).
- **Hố xí khác:** là các loại hố xí không thuộc hai loại trên gồm các loại hố xí thấm, hố xí 1 ngăn, 2 ngăn, hoặc đơn giản chỉ là một cái hố đào/đắp/xây. Hố xí dùng nước nhưng không có bể phốt, hoặc loại hố xí thùng, hố mèo, cầu cá, v.v... cũng thuộc loại này.

- **Không có hồ xí:** là trường hợp hộ không sử dụng bất kỳ một loại hồ xí nào, mà phải đi đại tiện ở ngoài đồng, đồi núi, bãi đất trống, bờ bụi, v.v...

Câu 57: *Hiện nay, hộ ông/bà có sử dụng các loại thiết bị phục vụ sinh hoạt sau đây (tivi, đài hoặc radiô/radiô cát-sét, điện thoại cố định, máy vi tính, máy giặt, tủ lạnh, điều hòa, mô tô/xe gắn máy) không?*

Câu hỏi 57 nhằm thu thập thông tin về tình hình sử dụng một số loại phương tiện sinh hoạt của các hộ, không phân biệt loại phương tiện đó thuộc quyền sở hữu của ai. ĐTV hỏi chủ hộ hoặc người đại diện của hộ lần lượt từng loại phương tiện từ trên xuống dưới. Đối với mỗi loại phương tiện, nếu đối tượng điều tra trả lời “có”, thì ĐTV gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số ”1”, nếu đối tượng điều tra trả lời là “không”, thì gạch chéo vào ô vuông nhỏ bên cạnh mã số ”2”.

Đối với điện thoại cố định, được tính cả điện thoại cố định không dây.

Sau khi ghi phiếu xong cho Câu 57, ĐTV quay trở lại trang bìa để ghi tiếp phần ”KẾT QUẢ” điều tra, và phần ”KÝ XÁC NHẬN”.

Trước khi rời hộ để đi phỏng vấn hộ tiếp theo, ĐTV cần thay mặt Ban chỉ đạo TĐTDS và nhà ở xã/phường nói lời cảm ơn đối với chủ hộ và các nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ đã cộng tác, giúp đỡ mình hoàn thành nhiệm vụ.

Phụ lục 1:

Mẫu số 4a/BCĐTW

BAN CHỈ ĐẠO

TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở TRUNG ƯƠNG

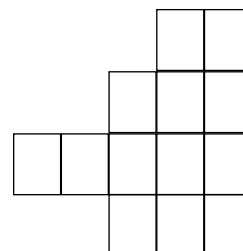
Theo dõi tiến độ điều tra

Tỉnh/thành phố:

Huyện/quận:

Xã/phường:

Địa bàn điều tra số:.....



Ngày điều tra	Số hộ	Số nhân khẩu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
Ngày 1			
Ngày 2			
Cộng dồn từ ngày 1 đến ngày 2			
Ngày 3			
Cộng dồn từ ngày 1 đến ngày 3			
Ngày 4			
Cộng dồn từ ngày 1 đến ngày 4			
Ngày 5			
Cộng dồn từ ngày 1 đến ngày 5			
Ngày 6			
Cộng dồn từ ngày 1 đến ngày 6			
Ngày 7			
Cộng dồn từ ngày 1 đến ngày 7			
Ngày 8			
Cộng dồn từ ngày 1 đến ngày 8			
Ngày 9			
Cộng dồn từ ngày 1 đến ngày 9			

Ngày 10			
Cộng dồn từ ngày 1 đến ngày 10			
Ngày 11			
Cộng dồn từ ngày 1 đến ngày 11			
Ngày 12			
Cộng dồn từ ngày 1 đến ngày 12			
Ngày 13			
Cộng dồn từ ngày 1 đến ngày 13			
Ngày 14			
Cộng dồn từ ngày 1 đến ngày 14			
Ngày 15			
Cộng dồn từ ngày 1 đến ngày 15			

11. Sổ tay Điều tra viên (địa bàn mẫu): Không in phụ lục 2 và 2A. Xem Phụ lục 2 và Phụ lục 3 trong “Sổ tay vẽ sơ đồ và lập bảng kê”

Không in Phụ lục 3. Xem Phụ lục 1 trong “Sổ tay vẽ sơ đồ và lập bảng kê”

Không in Phụ lục 4. Xem Phụ lục 4 trong “Sổ tay vẽ sơ đồ và lập bảng kê”

Phụ lục 6:

**BAN CHỈ ĐẠO
TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở TRUNG ƯƠNG**

Phiếu báo các cụ thọ từ 100 tuổi trở lên

Tỉnh/thành phố:
Huyện/quận:
Xã/phường:
Thành thị/nông thôn (*Thành thị = 1; Nông thôn = 2*):.....

Tên địa bàn điều tra:
Địa bàn điều tra số:

STT nhà/nơi ở	STT hộ	Họ và tên chủ hộ	Họ và tên người sống 100 tuổi trở lên	Địa chỉ của hộ	Tháng, năm sinh (hoặc tuổi)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

....., ngày tháng năm 2009

ĐIỀU TRA VIÊN
(Ký, ghi rõ họ tên)

BIÊN BẢN XÁC MINH CÁC CỤ THỌ TỪ 100 TUỔI TRỞ LÊN

Chúng tôi, các thành viên của tổ xác minh các cụ thọ từ 100 tuổi trở lên, gồm:

1. Ông/bà:, cán bộ tư pháp xã/phường, tổ trưởng;
2. Ông/bà:, đại diện hội người cao tuổi xã/phường, uỷ viên;
3. Ông/bà:, cán bộ văn phòng BCD Tổng điều tra dân số và nhà ở 2009 huyện/quận:,

Đã cùng nhau đi xác minh (các) hộ có cụ thọ 100 tuổi trở lên, theo phiếu báo của điều tra viên phụ trách địa bàn là ông/bà:

Kết quả xác minh như sau:

STT nhà/nơi ở	STT hộ	Họ và tên chủ hộ	Họ và tên người sống 100 tuổi trở lên theo phiếu báo của ĐTV	Địa chỉ của hộ	Tháng, năm sinh (hoặc tuổi) theo phiếu báo của ĐTV	Tháng, năm sinh (hoặc tuổi) theo xác minh	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

**CÁN BỘ VĂN PHÒNG BCD
TĐTDS VÀ NHÀ Ở HUYỆN**
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN NGƯỜI CAO TUỔI XÃ/PHƯỜNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 2009
CÁN BỘ TƯ PHÁP XÃ/PHƯỜNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phục lục 7: BẢNG ĐỐI CHIẾU NĂM ÂM LỊCH VÀ NĂM DƯƠNG LỊCH

	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
Tý (Chuột)	1984 1924		1996 1936		2008 1948		1960 1900		1972 1912	
Sửu (Trâu)		1985 1925		1997 1937		2009 1949		1961 1901		1973 1913
Dần (Hổ)	1974 1914		1986 1926		1998 1938		1950		1962 1902	
Mão (Mèo)		1975 1915		1987 1927		1999 1939		1951		1963 1903
Thìn (Rồng)	1964 1904		1976 1916		1988 1928		2000 1940		1952	
Tỵ (Rắn)		1965 1905		1977 1917		1989 1929		2001 1941		1953
Ngọ (Ngựa)	1954		1966 1906		1978 1918		1990 1930		2002 1942	
Mùi (Dê)		1955		1967 1907		1979 1919		1991 1931		2003 1943
Thân (Khỉ)	2004 1944		1956		1968 1908		1980 1920		1992 1932	
Dậu (Gà)		2005 1945		1957		1969 1909		1981 1921		1993 1933
Tuất (Chó)	1994 1934		2006 1946		1958		1970 1910		1982 1922	
Hợi (Lợn)		1995 1935		2007 1947		1959		1971 1911		1983 1923

PHỤ LỤC 8: BẢNG CHUYỂN ĐỔI TRÌNH ĐỘ VĂN HÓA PHỔ THÔNG

Hệ thống giáo dục phổ thông để chuyển đổi		CÁC TRÌNH ĐỘ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG TƯƠNG ƯNG										Hệ thống giáo dục cả nước	
		Hệ thống thời		giáo dục			Hệ thống cả nước		Hệ thống cá nước		Hệ thống giáo dục Miền Bắc		
				cả nước	bỏ túc	Miền Bắc							
hiện nay	hiện nay	văn hoá	Vùng tạm chiếm	hiện nay	Trước	Từ Quảng Bình trở ra	hiện nay	Trước	Từ Quảng Bình trở ra	hiện nay			
Cấp Tiểu học	Lớp	1945-1950		1981	1981	1981-1986	1986-1989	1981	1981	hiện nay			
	1	Lớp 5 đồng ấu (Cours enfantin)	Lớp năm tiểu học	Lớp 5 đồng ấu (Cours enfantin)	Vỡ lòng	Lớp 1 phổ thông	Lớp 1 phổ thông	Lớp 5 đồng ấu (Cours enfantin)	Lớp 1 phổ thông	Lớp 1 phổ thông			
	2	Lớp 4 (Cours préparatoire)	Lớp tư	Lớp 4 (Cours préparatoire)	Lớp 1	Lớp 1 PT	Lớp 2 phổ thông	Lớp 2 phổ thông	Lớp 1 PT	Lớp 2 phổ thông			
	3	Lớp 3 (Cours élémentaire) Đầu sơ học yếu lược	Lớp ba	Lớp ba tiểu học	Lớp 3 (Cours élémentaire) Đầu sơ học yếu lược	Lớp 2 PT	Lớp 3 phổ thông	Lớp 3 phổ thông	Lớp 2 PT	Lớp 3 phổ thông			
	4	Lớp nhì năm thứ nhất (Moyen1) Lớp nhì năm thứ hai (Moyen2)	Lớp nhì	Lớp nhì tiểu học	Lớp 4 (Cours élémentaire) Đầu sơ học yếu lược	Lớp 3 PT	Lớp 4 phổ thông	Lớp 4 phổ thông	Lớp 3 PT	Lớp 4 phổ thông			
	5	Lớp nhất (Supérieur) Đầu tiểu học (Certificat)	Lớp nhất	Lớp nhất tiểu học	Lớp 5 đồng ấu (Cours enfantin)	Lớp 4 PT	Lớp 5 phổ thông	Lớp 5 phổ thông	Lớp 4 PT	Lớp 5 phổ thông			
	6	Đệ nhất niên trung học (Première année)	Đệ nhất niên	Đệ nhất niên trung học	Lớp 6 (Cours élémentaire) Đầu sơ học yếu lược		Lớp 6 phổ thông	Lớp 6 phổ thông	Lớp 5 PT	Lớp 6 phổ thông			
	7	Đệ nhị niên trung học (Deuxième année)	Đệ nhị niên	Đệ lục trung học	Lớp 7 (Cours élémentaire) Đầu sơ học yếu lược	Lớp 5 PT	Lớp 7 phổ thông	Lớp 7 phổ thông	Lớp 6 PT	Lớp 7 phổ thông			
	8	Đệ tam niên trung học (Troisième année)	Đệ tam niên	Đệ ngũ trung học	Lớp 8 (Cours élémentaire) Đầu sơ học yếu lược	Lớp 6 PT	Lớp 8 phổ thông	Lớp 8 phổ thông	Lớp 7 PT	Lớp 8 phổ thông			
	9	Đệ tứ niên trung học (Quatrième année - Diplôme)	Đệ tứ niên	Đệ tứ trung học	Lớp 9 (Cours élémentaire) Đầu sơ học yếu lược	Lớp 7 PT	Lớp 9 phổ thông	Lớp 9 phổ thông	Lớp 8 PT	Lớp 9 phổ thông			
	10	Đệ nhất niên	Đệ nhất niên	Đệ tam	Lớp 10 (Cours élémentaire) Đầu sơ học yếu lược	Lớp 8 PT	Lớp 10 phổ thông	Lớp 10 phổ thông	Lớp 9 PT	Lớp 10 phổ thông			
	Trung học phổ thông	11	Đệ nhị niên, tú tài phân thứ nhất (Baccalauréat première partie)	chuyên khoa Đệ nhị niên	Lớp 9	Lớp 9 PT	phổ thông Lớp 11	phổ thông Lớp 11	Lớp 10 PT	phổ thông Lớp 11	phổ thông Lớp 11		
12		Đệ tam niên, thi tú tài toàn phần (Baccalauréat deuxième partie)	chuyên khoa Đệ tam niên	Tú tài I Đệ nhất	Lớp 10 PT	phổ thông Lớp 12	phổ thông Lớp 12	Lớp 11 PT	phổ thông Lớp 12	phổ thông Lớp 12			

Phụ lục 9: DANH MỤC CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TÊN TỈNH	MÃ SỐ
Hà Nội	01
Hà Giang	02
Cao Bằng	04
Bắc Kạn	06
Tuyên Quang	08
Lào Cai	10
Điện Biên	11
Lai Châu	12
Sơn La	14
Yên Bái	15
Hòa Bình	17
Thái Nguyên	19
Lạng Sơn	20
Quảng Ninh	22
Bắc Giang	24
Phú Thọ	25
Vĩnh Phúc	26
Bắc Ninh	27
Hải Dương	30
Hải Phòng	31
Hung Yên	33
Thái Bình	34
Hà Nam	35
Nam Định	36
Ninh Bình	37
Thanh Hóa	38
Nghệ An	40
Hà Tĩnh	42
Quảng Bình	44
Quảng Trị	45
Thừa Thiên - Huế	46

TÊN TỈNH	MÃ SỐ
Đà Nẵng	48
Quảng Nam	49
Quảng Ngãi	51
Bình Định	52
Phú Yên	54
Khánh Hòa	56
Ninh Thuận	58
Bình Thuận	60
Kon Tum	62
Gia Lai	64
Đắk Lắk	66
Đắk Nông	67
Lâm Đồng	68
Bình Phước	70
Tây Ninh	72
Bình Dương	74
Đồng Nai	75
Bà Rịa - Vũng Tàu	77
TP. Hồ Chí Minh	79
Long An	80
Tiền Giang	82
Bến Tre	83
Trà Vinh	84
Vĩnh Long	86
Đồng Tháp	87
An Giang	89
Kiên Giang	91
Cần Thơ	92
Hậu Giang	93
Sóc Trăng	94
Bạc Liêu	95
Cà Mau	96

Phụ lục 10: DANH MỤC CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM

Mã số	Tên dân tộc	Một số tên gọi khác	Địa bàn cư trú chính
01	Kinh (Việt)	Kinh	Trên cả nước.
02	Tày	Thổ, Ngạn, Phén, Thù Lao, Pa Dí...	Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Hà Giang, Bắc Kạn, Yên Bái, Thái Nguyên, Lào Cai, Đắk Lắk, Bắc Giang, Quảng Ninh, Hòa Bình, Lâm Đồng,...
03	Thái	Tày Khao* hoặc Đón (Thái Trắng*), Tày Đăm* (Thái Đen*), Tày Mười, Tày Thanh (Mán Thanh), Hàng Tổng (Tày Mường), Pa Thay, Thổ Đà Bắc, Tày Dọ**, Tay**...	Sơn La, Nghệ An, Thanh Hóa, Điện Biên, Lai Châu, Yên Bái, Hòa Bình, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng,...
04	Mường	Mol (Mual, Mon**, Moan**), Mọi* (1), Mọi bi, Ao Tá (Ậu Tá)...	Hòa Bình, Thanh Hóa, Phú Thọ, Sơn La, Hà Nội (Hà Tây), Ninh Bình, Yên Bái, Đắk Lắk, Đồng Nai, Gia Lai,...
05	Khơ Me	Cul, Cur, Cu, Thổ, Việt gốc Miên, Khơ Me, Krôm...	Sóc Trăng, Trà Vinh, Kiên Giang, An Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Vĩnh Long, Cần Thơ, Hậu Giang, Bình Phước, Tây Ninh, Tp Hồ Chí Minh,...
06	Hoa (Hán)	Triều Châu, Phúc Kiến, Quảng Đông, Quảng Tây**, Hải Nam, Hạ*, Xạ Phạng*, Xĩa Phổng**, Thảng Nhảm**, Minh Hương**, Hẹ**, Sang Phang**...	Tp Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Sóc Trăng, Kiên Giang, Bạc Liêu, Bắc Giang, Cần Thơ, Lâm Đồng, Bình Dương, An Giang, Bình Thuận, Bà Rịa-Vũng Tàu,...
07	Nùng	Nùng Xuông, Nùng Giang, Nùng An, Nùng Inh**, Nùng Phán Slinh, Nùng Cháo, Nùng Lòì, Nùng Quy Rin, Nùng Dín**, Khèn Lài, Nồng**...	Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Giang, Hà Giang, Thái Nguyên, Đắk Lắk, Bắc Kạn, Lào Cai, Lâm Đồng, Đắk Nông, Bình Phước, Đồng Nai, Yên Bái,...
08	Hmông	Mèo, Hoa, Mèo Xanh, Mèo Đỏ, Mèo Đen, Ná Mèo (Na Mièo), Mán Trắng, Miêu Ha**...	Hà Giang, Điện Biên, Sơn La, Lào Cai, Yên Bái, Cao Bằng, Nghệ An, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Thanh Hóa, Đắk Lắk,...
09	Dao	Mán, Động*, Trại*, Xá*, Diu*, Miên*, Kiềm*, Miền*, Dao Quần Trắng, Dao Đỏ, Dao Quần Chẹt, Dao Lô Gang, Dao Tiên, Dao Thanh Y, Dao Lan Tẻn, Đại Bản*, Tiểu Bản*, Cóc Ngáng*, Cóc Mùn*, Sơn Đầu*, Kim Miền**, Kim Mùn** ...	Hà Giang, Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bái, Quảng Ninh, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lai Châu, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Sơn La, Hòa Bình, Phú Thọ, Đắk Lắk, Đắk Nông,...

Mã số	Tên dân tộc	Một số tên gọi khác	Địa bàn cư trú chính
10	Gia Rai	Giơ Rai, Tơ Buăn, Chơ Rai, Hđrưng (Hbau, Chor), Aráp**, Mthur**...	Gia Lai, Kon Tum, Đăk Lăk, Bình Thuận,...
11	Ê Đê	Ra Đê, Ê Đê Êgar**, Đê, Kpa, A Đham, Krung, Ktul, Đliê Hruê, Blô, Kah**, Kdrao**, Dong Kay**, Dong Mak**, Ening**, Arul**, Hwing**, Ktlê**, Êpan, Mđhur (2), Bih, ...	Đăk Lăk, Phú Yên, Đăk Nông, Khánh Hòa,...
12	Ba Na	Gơ Lar, Tơ Lô, Giơ Lâng, (Y lăng), Rơ ngao, Krem, Roh, ConKđe, A La Công, Kpăng Công, Bơ Năm...	Gia Lai, Kon Tum, Bình Định, Phú Yên, Đăk Lăk,...
13	Sán Chay	Cao Lan*, Mán Cao Lan*, Hòn Bạ, Sán Chi* (còn gọi là Sơn tử* và không bao gồm nhóm Sán Chi ở Bảo Lạc và Chợ Rạ), Chùng**, Trại**...	Tuyên Quang, Thái Nguyên, Bắc Giang, Quảng Ninh, Yên Bái, Cao Bằng, Lạng Sơn, Đăk Lăk, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Bắc Kạn,...
14	Chăm	Chăm, Chiêm**, Chiêm Thành, Chăm Pa**, Chăm Hroi, Chăm Pông**, Chà Và Ku**, Chăm Châu Đốc** ...	Ninh Thuận, Bình Thuận, Phú Yên, An Giang, TP Hồ Chí Minh, Bình Định, Tây Ninh,...
15	Cơ Ho	Xrê, Nộp (Tu Lốp), Cơ Don, Chil, (3), Lat (Lach), Tơ Ring...	Lâm Đồng, Bình Thuận, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Đồng Nai,...
16	Xơ Đăng	Xơ Teng, Hđang, Tơ Đra, Mơ Năm, Ha Lăng, Ca Dong, Kmrâng*, Con Lan, Bri La, Tang*, Tà Trĩ**, Châu**...	Kon Tum, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Đăk Lăk, Gia Lai,...
17	Sán Dìu	Sán Đêo*, Sán Đêo Nhín** (Sơn Dao Nhân**), Trại, Trại Đất, Mán Quần Cộc, Mán Váy Xê**...	Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Bắc Giang, Quảng Ninh, Tuyên Quang, Hải Dương, Đồng Nai, Đăk Lăk, Lâm Đồng,...
18	Hrê	Chăm Rê, Mọi Chom, Krẹ*, Luỹ*, Thượng Ba Tơ**, Mọi Lũy**, Mọi Sơn Phòng**, Mọi Đá Vách**, Chăm Quảng Ngãi**, Man Thạch Bích**...	Quảng Ngãi, Bình Định, Kon Tum, Đăk Lăk, Gia Lai,...
19	Ra Glai	Ra Clây*, Rai, La Oang, Noang...	Ninh Thuận, Khánh Hòa, Bình Thuận, Lâm Đồng,...
20	Mnông	Pnông, Mnông Nông, Mnông Pré, Mnông Bu đâng, Đipri*, Biat*, Mnông Gar, Mnông Rơ Lam, Mnông Chil (3), Mnông Kuênh**, Mnông Đíp**, Mnông Bu Nor**, Mnông Bu Đêh**...	Đăk Lăk, Đăk Nông, Quảng Nam, Lâm Đồng, Bình Phước,...

Mã số	Tên dân tộc	Một số tên gọi khác	Địa bàn cư trú chính
21	Thổ (4)	Người Nhà Làng**, Mường**, Keo, Mọn, Cuối, Họ, Đan Lai, Ly Hà, Tày Pọng, Con Kha, Xá Lá Vàng(5)...	Nghệ An, Thanh Hóa, Lâm Đồng, Đồng Nai, Điện Biên, Đắk Lắk, Phú Thọ, Sơn La,...
22	Xtiêng	Xa Diêng, Xa Chiêng**, Bù Lo**, Bù Đek** (Bù Đêh**), Bù Biêk**...	Bình Phước, Tây Ninh, Đồng Nai, Lâm đồng,...
23	Khơ mú	Xá Cầu, Khạ Klầu**, Mãng Cầu**, Mứn Xen, Pu thênh, Tênh, Tày Hay, Kmu**, Kum Mụ**...	Nghệ An, Điện Biên, Sơn La, Lai Châu, Yên Bái, Thanh Hóa,...
24	Bru Vân Kiều	Mãng Coong, Tri Khùa...	Quảng Trị, Quảng Bình, Đắk Lắk, Thừa Thiên-Huế,...
25	Cơ Tu	Ca Tu, Cao*, Hạ*, Phương*, Ca Tang*(7)...	Quảng Nam, Thừa Thiên-Huế, Đà Nẵng,...
26	Giáy	Nhắng, Dảng*, Pầu Thìn*, Pu Nà*, Cùi Chu* (6), Xa*, Giàng**...	Lào Cai, Hà Giang, Lai Châu, Yên Bái,...
27	Tà Ôi	Tôi Ôi, Pa Co, Pa Hi (Ba Hi), Kan Tua**, Tà Uốt**...	Thừa Thiên-Huế, Quảng Trị,...
28	Mạ	Châu Mạ, Chô Mạ**, Chê Mạ**, Mạ Ngăn, Mạ Xốp, Mạ Tô, Mạ Krung...	Lâm Đồng, Đắk Nông, Đồng Nai, Bình Phước,...
29	Gié Triêng	Đgiéh*, Ta Riêng*, Ve(Veh)*, Giang Rẫy Pin, Triêng, Treng*, Ca Tang(7), La Ve, Bnoong (Mnoong)**, Cà Tang*...	Kon Tum, Quảng Nam,...
30	Co	Cor, Col, Cùa, Trầu	Quảng Ngãi, Quảng Nam,...
31	Chơ Ro	Dơ Ro, Châu Ro, Chro**, Thượng**...	Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Thuận,...
32	Xinh Mun	Puộc, Pụa*, Xá**, Pnạ**, Xinh Mun Dạ**, Nghệt**...	Sơn La, Điện Biên,...
33	Hà Nhi	Hà Nhi Già**, U Ni, Xá U Ni, Hà Nhi Cồ Chồ**, Hà Nhi La Mí**, Hà Nhi Đen**...	Lai Châu, Điện Biên, Lào Cai,...
34	Chu Ru	Chơ Ru, Chu*, Kru**, Thượng**	Lâm Đồng, Ninh Thuận,...
35	Lào	Lào Bốc (Lào Cạn**), Lào Nội (Lào Nhỏ**), Phu Thay**, Phu Lào**, Thay Duồn**, Thay**, Thay Nhuồn**...	Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Đắk Lắk,...

36	La Chí	Cù Tê, La Quả*, Thổ Đen**, Mán**, Xá**...	Hà Giang, Lào Cai,...
37	Kháng	Xá Khao*, Xá Súa*, Xá Dón*, Xá Dảng*, Xá Hóc*, Xá Ái*, Xá Bung*, Quảng Lâm*, Mơ Kháng**, Háng**, Brên**, Kháng Dảng**, Kháng Hoặc**, Kháng Dón**, Kháng Súa**, Bủ Háng Cọi**, Ma Háng Bén**...	Sơn La, Điện Biên, Lai Châu,...
38	Phù Lá	Bồ Khô Pạ (Phù Lá Lão**), Mu Di*, Pạ Xá*, Phó, Phỏ*, Vaxơ, Cản Thín**, Phù Lá Đen**, Phù Lá Hán**...	Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Điện Biên,...
39	La Hủ	Lao*, Pu Đang Khù Xung, Cò Xung, Khả Quy, Cọ Sọ**, Nê Thú**, La Hủ Na (Đen), La Hủ Sủ (Vàng), La Hủ Phung (Trắng), Xá Lá Vàng**...	Lai Châu,...
40	La Ha	Xá Khao*, Khlá Phlạo (La Ha Cạn), La Ha Nước (La Ha Ủng), Xá Cha**, Xá Bung**, Xá Khao**, Xá Tấu Nha**, Xá Poọng**, Xá Uống**, Bủ Há**, Pạ**...	Sơn La, Lai Châu,...
41	Pà Thên	Pà Hung, Tống*, Mèo Lài**, Mèo Hoa**, Mèo Đỏ**, Bát Tiên Tộc**...	Hà Giang, Tuyên Quang,...
42	Lự	Lừ, Nhuôn (Duôn), Mùn Di*, Thay**, Thay Lừ**, Phù Lừ**, Lự Đen (Lự Đăm)**, Lự Trắng**...	Lai Châu, Lâm Đồng,...
43	Ngái	Xín, Lê, Đản, Khách Gia*, Ngái Hắc Cá**, Ngái Lầu Mản**, Hẹ**, Xuyên**, Sán Ngái**...	An Giang, Thái Nguyên, Thái Bình, Tp Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu, Trà Vinh, Đồng Tháp, Bình Thuận, Hà Nam,...
44	Chút	Mã Liêng*, A Rem, Tu Vang*, Pa Leng*, Xơ Lang*, Tơ Hung*, Chà Cùi*, Tắc Cùi*, U Mo*, Xá Lá Vàng*, Rục**, Sách**, Mây**, Mã Liêng**...	Quảng Bình, Hà Tĩnh, Đắk Lắk,...
45	Lô Lô	Sách*, Mây*, Rục*, Mun Di**, Di**, Mản Di**, Qua La**, Ô Man**, Lu Lộc Mản**, Lô Lô Hoa**, Lô Lô Đen**...	Cao Bằng, Hà Giang, Lai Châu,...
46	Mảng	Mảng Ư, Xá Lá Vàng*, Xá Mảng**, Niêng O**, Xá Bá O**, Mảng Gứng**, Mảng Lệ**...	Lai Châu, Điện Biên,...

47	Cơ Lao	Tổng*, Tứ Đư**, Ho Ki**, Voa Đê**, Cờ Lao Xanh**, Cờ Lao Trắng**, Cờ Lao Đỏ**...	Hà Giang, Tuyên Quang,....
48	Bố Y	Chùng Chá, Trọng Gia, Tu Dí, Tu Đin*...	Lào Cai,...
49	Cống	Xấm Khổng, Mãng Nhé*, Xá Xeng*, Phuy A**...	Lai Châu, Điện Biên,...
50	Si La	Cù Dề Xừ, Khả Pê...	Lai Châu, Điện Biên,...
51	Pu Péo	Ka Pèo, Pen Ti Lô Lô, La Quả**...	Hà Giang, Trà Vinh,...
52	Rơ Măm		Kon Tum,...
53	Brâu	Brao	Kon Tum,...
54	Ó Đu	Tày Hạt, I Đu**,	Nghệ An.
55	Người nước ngoài		Tp Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Hà Nội, Bình Dương, Bà Rịa-Vũng Tàu, Tây Ninh,...

Nguồn : a. Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam (theo Quyết định số 421, ngày 02/3/1979 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê)-(nguồn chính).

b. Miền núi Việt Nam, thành tựu và phát triển những năm đổi mới, 2002, Ủy ban Dân tộc và Miền núi - (nguồn bổ sung)

Chú thích :

(1) là tên người Thái chỉ người Mường.

(2) Mđhur là một nhóm trung gian giữa người Ê-đê và Gia-rai. Có một số làng Mđhur nằm trong địa phận của tỉnh Gia Lai, Kon Tum và Cheo Reo, tiếp cận với người Gia-rai, nay đã tự báo là người Gia-rai.

(3) Chil là một nhóm địa phương của dân tộc Mnông. Một bộ phận lớn người Chil di cư xuống phía Nam, cư trú lẫn với người Cơ-ho, nay đã tự báo là người Cơ-ho. Còn bộ phận ở lại quê hương cũ, gắn với người Mnông, vẫn tự báo là Mnông.

(4) Thỏ đây là tên tự gọi, khác với tên Thỏ trước kia dùng để chỉ nhóm Tày ở Việt Bắc, nhóm Thái ở Đà Bắc và nhóm Khơ-me ở đồng bằng sông Cửu Long.

(5) Xá Lá Vàng : tên chỉ nhiều dân tộc sống du cư ở vùng biên giới.

(6) Cùi Chu (Quý Chân) có bộ phận ở Bảo Lạc (Cao Bằng) sống xen kẽ với người Nùng, được xếp vào người Nùng.

(7) Ca-tang : tên gọi chung nhiều nhóm người ở miền núi Quảng Nam, Đà Nẵng, trong vùng tiếp giáp với Lào. Cần phân biệt tên gọi chung này với tên gọi riêng của từng dân tộc.

* Chỉ xuất hiện trong «Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam...»;

** Chỉ xuất hiện trong «Miền núi Việt Nam,...».

Phụ lục 11: DANH MỤC TÔN GIÁO VIỆT NAM

Tôn giáo trong danh mục này được hiểu là một tổ chức gồm những người có chung niềm tin vào một giáo lý nhất định.

Mã số	Tên tôn giáo	Tên các tổ chức tôn giáo chính
01	Phật giáo	Phật giáo
02	Công giáo	Công giáo
03	Phật giáo Hòa Hảo	Phật giáo Hòa Hảo
04	Hồi giáo	Hồi giáo
05	Cao Đài	Cao đài Tây Ninh
		Cao đài Tiên Thiên
		Cao đài Chơn Lý
		Cao đài Bạch Y
		Cao đài Chiếu minh Long châu
		Cao đài Minh chơn đạo
		Cao đài Ban chinh
		Cao đài Cầu kho tam quan
		Truyền giáo Cao đài
		Các tổ chức Cao đài khác
06	Minh sư đạo	Minh sư đạo
07	Minh Lý đạo	Minh lý đạo
08	Tin Lành	Tổng hội Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc)
		Tổng hội Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam)
		Hội truyền giáo Cơ đốc Việt Nam
		Hội thánh Cơ đốc Phục lâm
		Hội thánh Báp tit VN (Ân điển-Nam phương)
		Hội thánh Mennonite Việt Nam
		Hội thánh Liên hữu Cơ đốc
		Hội thánh Tin lành Trưởng lão
		Hội thánh Báp tit VN (Nam phương)
		Các tổ chức Tin lành khác
09	Tịnh độ cư sĩ Phật hội Việt Nam	Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam
10	Đạo Tứ ứn hiếu nghĩa	Đạo Tứ ứn hiếu nghĩa
11	Bửu sơn Kỳ hương	Bửu sơn Kỳ hương
12	Ba Ha'i	Ba Ha'i

Phụ lục 12:

BAN CHỈ ĐẠO
TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở TRUNG ƯƠNG

Phiếu phỏng vấn lại/kiểm tra điểm

Tỉnh/thành phố: Họ và tên tổ trưởng:
Huyện/quận: Tên địa bàn điều tra:
Xã/phường: Địa bàn điều tra số:
(Tờ số: /)¹

--	--	--

(1)	Hộ số ²	Phỏng vấn lại ²	Quan sát phỏng vấn ³	Số nhân khẩu	Số nam	Số nữ	Tóm tắt những sai sót chính của điều tra viên ⁴		Đã góp ý cho điều tra viên chưa ⁵	
							Đã	Chưa	Đã	Chưa

Tổ trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

1. Viết theo dạng phân số. Ví dụ: "1/2" nghĩa là tờ thứ nhất trong tổng số 2 tờ.
2. Ghi theo bảng kê mới đã được cập nhật. Tổ trưởng và điều tra viên cùng sử dụng một bảng kê.
3. Nếu là phỏng vấn lại, đánh dấu "x" vào cột "Phỏng vấn lại". Nếu là quan sát phỏng vấn, đánh dấu "x" vào cột "Quan sát phỏng vấn".
4. Ghi tóm tắt câu hỏi số mấy, cột thứ mấy (người thứ mấy) điều tra viên ghi sai. Ví dụ: 12 (3): Sót không ghi. Có nghĩa là, Câu hỏi số 12 của người thứ 3 trong hộ bị bỏ sót.
5. Ghi "x" vào cột tương ứng.

Phụ lục 13: QUY TRÌNH PHÒNG VẤN XÁC ĐỊNH NHÂN KHẨU TTTT TẠI HỘ

1. Xin ông/bà cho biết, trong hộ ta có những ai thường xuyên ăn ở tại hộ được 6 tháng trở lên? (ghi họ tên của từng người vào giấy nháp);

Trong số này, **loại ra**:

- Làm trong quân đội, công an;
- Học sinh phổ thông trọ học, đến thăm/đến chơi;
- Người nước ngoài chưa nhập quốc tịch Việt Nam, Việt kiều về thăm gia đình.

Nhưng, vẫn **được tính**:

- Làm hợp đồng (ngắn và dài hạn) cho quân đội hiện đang cư trú tại hộ;
- Làm hợp đồng ngắn hạn, tạm tuyển, thời vụ cho ngành công an hiện đang cư trú tại hộ.

2. Trong hộ ta có ai mới chuyển đến ăn ở tại hộ chưa được 6 tháng và trẻ em mới sinh trước ngày 1/4/2009 không? (nếu có, ghi bổ sung họ tên của từng người vào giấy nháp)

Trong số này, **loại ra**:

- Trẻ em mới sinh từ ngày 1/4/2009 đến nay;
- Đến thăm, đến chơi, đến trọ học phổ thông;
- Đến làm ăn và đã rời gia đình của họ dưới 6 tháng;

Nhưng, vẫn **được tính**:

- Cả hộ chuyển đến chưa được 6 tháng (“hộ” có thể chỉ có 1-2 người).

3. Trong hộ ta có ai lâu nay vẫn thường xuyên ăn ở tại hộ nhưng hiện đang đi vắng không?

Nếu có, chỉ ghi bổ sung các đối tượng sau:

- Đang nằm điều trị ở bệnh viện; đi thăm bà con, đi trọ học phổ thông, đi du lịch, v.v...;
- Rời gia đình dưới 6 tháng để đi làm ăn ở nơi khác (kể cả những người đi đánh bắt hải sản, đi trên các tàu viễn dương, đi buôn chuyên, đi công tác ... đã rời gia đình từ 6 tháng trở lên);
- Bị quân đội và công an tạm giữ;
- Những người đang công tác, học tập, lao động ...ở nước ngoài trong thời hạn quy định;

4. Trong hộ ta có những ai lâu nay vẫn thường xuyên ăn ở tại hộ nhưng đã chết từ ngày 1/4/2009? (nếu có, ghi bổ sung)

Đọc danh sách các nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ để chủ hộ xác nhận, sau đó ghi vào phiếu điều tra.